BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo**

**Cử nhân Quản trị kinh doanh**

**Tên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Mã ngành: 7340101**

**Trình độ: Đại học**

**NGHỆ AN – 2022**

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cử nhân**

**Quản trị kinh doanh**

**Tên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Mã ngành: 7340101**

**Trình độ: Đại học**

**NGHỆ AN – 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Thông tin chung học phần:**

- Tiếng Việt: Triết học Mác - Lênin

- Tiếng Anh: Philosophy of Marxism and Leninism

Mã số học phần: 3ML007DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 28 tiết; Thảo luận: 14 tiết; Kiểm tra: 3 tiết; Tự học: 90

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Công An

Email: Conganktv@gmail.com

Điện thoại: 0983.383.338

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, ĐHSPKT Vinh

- Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Thế giới quan duy vật biện chứng và Phương pháp luận biện chứng duy vật.

**- Giảng viên 2: ThS. Lưu Thị Thu Hiền**

Email: luuhienskv@gmail.com

Điện thoại: 0945.945.282

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, ĐHSPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Thế giới quan duy vật biện chứng và Phương pháp luận biện chứng duy vật.

## 2.2. Khoa: Lý luận chính trị

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | - Nắm được vấn đề cơ bản của triết học, vận dụng để phân biệt trường phái triết học.  - Hiểu được một số nội dung cơ bản trong Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động thực tiễn. |
| G2 | - Khẳng định giá trị khoa học của triết học Mác - Lênin.  - Thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo cá nhân, thấy được trách nhiệm bản thân với xã hội. |
| G3 | - Làm việc độc lập, nhóm, phân công công việc.  - Rèn luyện kỹ năng thuyết trình vấn đề. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Sơ đồ hóa vấn đề cơ bản của triết học, vận dụng để phân biệt trường phái triết học. | - Thuyết trình  - Phát vấn | Trắc nghiệm |
| Phân tích một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; Vận dụng một số nội dung trong hoạt động thực tiễn. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm. | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Chứng minh giá trị khoa học của triết học MLN; chia sẻ ý kiến khi xử lý một số vấn đề; thấy được trách nhiệm bản thân với xã hội. | - Thảo luận nhóm.  - Thuyết trình. | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Hình thành kịch bản bài thuyết trình với các tình huống tương tác. | - Thảo luận nhóm.   * - Thuyết trình. | Tự luận |
| CLO3.3 | S2 | Làm việc độc lập, làm việc nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.3 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Giới thiệu khái quát về triết học và sự ra đời triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Các nội dung cơ bản của triết học Mác – Lênin: Chủ nghĩa duy vật biện chứng với nội dung về vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử với các nội dung về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Qua đó, xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các môn khoa học khác và giải quyết một số vấn đề thực tiễn, hình thành các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN | 10 |  |
| 1.1 | Triết học và vấn đề cơ bản của triết học | 3 | CLO1.1 |
| 1.2 | Triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. | 3 |
|  | THẢO LUẬN | 4 | CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO3.3. |
| Chương 2 | CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG | 17 |  |
| 2.1 | Vật chất và ý thức | 3 | CLO1.1 |
| 2.2 | Phép biện chứng duy vật | 6 |
| 2.3 | Lý luận nhận thức | 3 |
|  | THẢO LUẬN | 5 | CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO3.3. |
| KIỂM TRA | | 2 | CLO1.1 |
| Chương 3 | CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ | 15 |  |
| 3.1 | Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội | 4 | CLO1.1 |
| 3.2 | Giai cấp và dân tộc | 2 |
| 3.3 | Nhà nước và cách mạng xã hội | 2 |
| 3.4 | Ý thức xã hội | 1 |
| 3.5 | Triết học về con người | 1 |
|  | THẢO LUẬN | 5 | CLO1.1;  CLO2.1; CLO3.1; CLO3.3. |
| KIỂM TRA | | 1 | CLO1.1. |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ nội dung thảo luận nhóm.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết có mặt: tối thiểu 36/45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm tự học, thảo luận | Bài tập thảo luận nhóm  CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO3.3. | 20% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Tự luận  CLO1.1. | 10% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Tham dự tối thiểu 36/45 tiết | 60% |
| Tự luận  CLO1.1. |

## 9.2. Cách tính điểm

## - Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

## - Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1. Tài liệu chính**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin* (dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.

**10.2. Tài liệu tham khảo**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2018.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | - Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan.  - Phân biệt biện chứng với siêu hình.  - Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng triết học do C.Mác, Ph.Ăngghen thực hiện là gì? | 25 | 10 | 15 | - Tài liệu [1]: trang 27 - 33; trang 43 - 46; trang 71 – 78.  - Yêu cầu: Lý giải hạt nhân lý luận thế giới quan của triết học; phân biệt tư duy siêu hình và biện chứng; phân tích ý nghĩa cách mạng trong triết học do C.Mác, Ăngghen thực hiện. |
| **2** | - Ảnh hưởng của cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX tác động đến quan điểm về vật chất như thế nào?  - Vấn đề trí tuệ nhân tạo. | 35 | 15 | 20 | - Tài liệu [1]: trang 122 - 124; trang 169 – 172.  - Yêu cầu:  + Nêu được những phát minh của KHTN cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX và sự tác động làm tan rã các quan điểm siêu hình về vật chất.  + Phân biệt được ý thức con người với máy tính điện tử. |
| **3** | - Vì sao ngày nay, khoa học kỹ thuật dần dần sẽ trở thành LLSX trực tiếp?  - Các yếu tố cấu thành tồn tại xã hội và ý thức xã hội.  - Phân tích quan điểm của Mác: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”. | 30 | 10 | 20 | - Tài liệu [1]: trang 292 - 297; trang 420 - 425; trang 463 - 464.  - Yêu cầu:  + Trình bày được sự phát triển của khoa học kỹ thuật tác động đến sản xuất.  + Nắm được mối quan hệ tồn tại xã hội và ý thức xã hội và sự tác động của từng yếu tố cấu thành.  + Hiểu được bản chất con người, mối quan hệ cá nhân và xã hội. |
|  | **Tổng** | 90 | 35 | 55 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh tế chính trị Mác - Lênin
* Tiếng Anh: Political Economy

Mã số học phần: 3ML008DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60;

# 2. Đơn vị quản lý học phần: Khoa Lý luận chính trị

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Vũ Thị Kim Thanh**

Email: kimthanh1180@gmail.com

Điện thoại: 0978580403

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị

Các hướng nghiên cứu chính: Tự chủ đại học và tự chủ tài chính giáo dục đại học.

## - Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Công An

Email: Conganktv@gmail.com

Điện thoại: 0983.383.338

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị, ĐHSPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tư duy kinh tế và các đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

## 2.2. Khoa: Khoa Lý luận chính trị

# 3. Điều kiện tiên quyết: Học phần Triết học Mác - Lênin (3ML007DC)

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng các phạm trù, nguyên lý và quy luật Kinh tế Chính trị giải thích các hiện tượng, quá trình Kinh tế Chính trị phù hợp với bối cảnh xã hội |
| G2 | Tham gia tích cực vào các hoạt động; sẵn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự chủ và sáng tạo. |
| G3 | Thực hiện thảo luận, làm việc nhóm hiệu quả |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | - Áp dụng các khái niệm, phạm trù về kinh tế chính trị phù hợp với hòan cảnh xã hội | - Thuyết trình  - Phát vấn | Trắc nghiệm |
| G2 | CLO2.1 | A2 | - Tham gia tích cực vào các hoạt động; sãn sàng đương đầu với khó khăn, rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự chủ và sáng tạo. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm |
| G3 | CLO3.3 | S2 | Thành lập nhóm và duy trì hoạt động nhóm hiệu quả | - Tổ chức thảo luận nhóm | Phiếu chấm |
| CLO3.3 | S2 | Phân công công việc và phối hợp tốt để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm | - Tổ chức thảo luận nhóm | Phiếu chấm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.3 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 3.3.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.3 |  |  | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nội dung chương trình gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa thị trường và vai trò của thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 3 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 1.1 | Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị | 1 |  |
| 1.2 | Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin | 1 |  |
| 1.3 | Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 1 |  |
| Chương 2 | Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | 5 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 2.1 | Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa | 3 |  |
| 2.2 | Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | 2 |  |
| Chương 3 | Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | 8 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 3.1 | Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư |  |  |
| 3.2 | Tích lũy tư bản |  |  |
| 3.3 | Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường |  |  |
| Chương 4 | Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | 4 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 4.1 | Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường |  |  |
| 4.2 | Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường |  |  |
| Chương 5 | Kinh tế thị trường định hướng xã hôi chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh ở Việt Nam | 5 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 5.1 | Kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |  |  |
| 5.2 | Hoàn thiện thể chê kinh tế thị trường định xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |  |  |
| 5.3 | Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam |  |  |
|  | Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi lợi ích kinh tế |  |  |
|  | Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích |  |  |
| Chương 6 | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 5 | CLO1.1, CLO2.1,  CLO3.3 |
| 6.1 | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam |  |  |
| 6.2 | Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam |  |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thảo luận nhóm chiếm 20%, CLO2.1, CLO3.3  - Kiểm tra giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm chiếm 10%, CLO2.1, CLO3.3 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi trắc nghiệm: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc Đại học – không chuyên lý luận chính trị), năm 2022

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] Đỗ Thanh Loan, Nguyễn Thị Khuyên, Vũ Thị Kim Thanh, Đặng Hương Giang, Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế Chính trị Mác – Lênin năm 2022 |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị | 6 | 6 | 0 | + Tài liệu [1] C7,C8, C9  + Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII  +Tài liệu [2] trang 9-14, 227-232 |
| - Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII |  |  |  |
| - Giai đoạn thứ hai, từ sau thế kỷ XVIII đến nay |  |  |  |
| 2 | 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt | 5 | 5 | 0 | + Tài liệu [1] C31,C32, C33, C34  + Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt  + Tài liệu [1] C43,C44, C45  + Một số quy luật kinh tế thị trường  +Tài liệu [2] trang 16-60, 233-251 |
| 2.1.5 Một số quy luật kinh tế thị trường | 5 | 5 | 0 |
| 3 | 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1] C64, C65, C66  + Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư  + Tài liệu [1], C67, C8, C69  + Một số hệ quả của tích luỹ tư bản  +Tài liệu [2] trang 9-14, 227-232 |
| 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản | 8 | 8 |  |
| 4 | 4.2.1.3. Những đặc điểm của Độc quyền trong chủ nghĩa tư bản | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1] C85 đến C94  + Những đặc điểm của Độc quyền trong chủ nghĩa tư bản |
| 5 | 5.2.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 5 | 5 | 0 | + Tài liệu [1] C120 đến C123  + Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam  + Tài liệu [1] C134 đến 138  + Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hoà các quan hệ lợi ích |
| 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích | 5 | 5 | 0 |
| 6 | 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1] C172 đến C182  + Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam |
|  | Cộng: | 60 | 60 | 0 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
* Tiếng Anh: Scientific Socialism

Mã số học phần: 3ML005DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết:18 tiết;

Bài tập, thảo luận:12 tiết;

Tự học: 60

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1:ThS.Lê Thị Ngọc Hà**

Email: ngochakt3@gmail.com

Điện thoại: 0977015522

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị

- Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo, vấn đề gia đình.

**- Giảng viên 2: ThS.Lưu Thị Thu Hiền**

Email: hienluu1412@gmail.com

Điện thoại: 0945945282

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị

Các hướng nghiên cứu chính: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử, cách mạng xã hội chủ nghĩa, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

## 2.2. Khoa: Lý luận chính trị

**3. Điều kiện tiên quyết**: Kinh tế chính trị Mác-Lênin (3ML008DC)

# 4. Mục tiêu của học phần:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung của sứ mệnh lịch sử đó trong bối cảnh hiện nay. Những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như: vấn đề dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. |
| G2 | Vận dụng những tri thức đã học vào giải thích những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện nay.  Xây dựng và củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như ở Việt Nam. |
| G3 | Rèn luyện khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày được những quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo và vấn đề gia đình trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. | - Thuyết trình  - Phát vấn | - Tự luận  - Trắc nghiệm |
|  |  |  | Vận dụng những tri thức đã học phân tích những vấn đề thực tiễn ở nước ta hiện nay. | - Thuyết trình  - Phát vấn | - Tự luận  - Bài tập nhóm |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Nhận diện được các quan điểm đúng đắn và bác bỏ các quan điểm sai trái, tiêu cực về chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận  - Bài tập nhóm |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Thuyết trình một vấn đề trước tập thể và hình thành tư duy phản biện. | - Thảo luận nhóm  - Thuyết trình | Bài tập nhóm |
| CLO3.3 | S2 | Hình thành khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các nội dung. | Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.3 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sứ mệnh lịch sứ của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội  và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp  trong thời kỳ quá độ  lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong mỗi chương sau khi nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản đều có phần nghiên cứu thực trạng và các phương hướng, quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với vấn đề đó ở Việt Nam hiện nay.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Nhập môn **chủ nghĩa xã hội khoa học** | 2 |  |
| 1.1 | **1.1 Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học** |  | CLO1.1 |
| 1.2 | **1.2 Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học** |  | CLO1.1 |
| 1.3 | **1.3 Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học** |  | CLO1.1 |
| Chương 2 | Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân | 5 |  |
| **2.1** | **Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân** |  | CLO1.1 |
| **2.2** | **Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay** |  | CLO1.1 |
| **2.3** | **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam** |  | CLO1.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| Chương 3 | Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên **chủ nghĩa xã hội** | 5 |  |
| **3.1** | **Chủ nghĩa xã hội** |  | CLO1.1 |
| **3.2** | **Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  | CLO1.1 |
| **3.3** | **Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |
| Chương 4 | Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa | 5 |  |
| **4.1** | Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa |  | CLO1.1 |
| 4.2 | Nhà nước xã hội chủ nghĩa |  | CLO1.1 |
| 4.3 | Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| Chương 5 | Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 4 |  |
| **5.1** | Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1 |
| **5.2** | Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1 |
| **5.3** | Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 6 | Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 5 |  |
| **6.1** | Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1 |
| **6.2** | Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1 |
| **6.3** | Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.3 |
| Chương 7 | Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội | 4 |  |
| **7.1** | Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình |  | CLO1.1 |
| **7.2** | Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1 |
| **7.3** | Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 11.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm tự học, thảo luận | Bài tập thảo luận nhóm.  CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO3.3 | 20% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Tự luận  CLO1.1 | 10% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Thi viết  CLO1.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

## - Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

## - Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) , Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | -Vai trò của C.Mác và Ph. Ănghen  - Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKH | 4 | 4 | 0 | - Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị củaC.Mác và Ph. Ănghen  - Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph. Ănghen  - C.Mác và Ph. Ănghen phát triển CNXHKH  - V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKH trong điều kiện mới  - Sự vận dụng và phát triển CNXHKH từ sau khi V.I.Lênin từ trần đến nay |
| 2 | - Giai cấp công nhân giai và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.  - Phương hướng và một số giải pháp để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. | 10 | 6 | 4 | - Giai cấp công nhân hiện nay.  - Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay.  - Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.  - Một số giải pháp để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. |
| 3 | Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 10 | 6 | 4 | - Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa  - Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  - Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay |
| 4 | - Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa  - Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 10 | 6 | 4 | - Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa  - Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân  - Sự ra đời và phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  - Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |
| 5 | - Liên minh giai cấp,tầng lớp trong thời kỳquá độ lên chủ nghĩa xã hội  - Liên minh giai cấp,tầng lớp trong thời kỳquá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 8 | 4 | 4 | - Xét từ góc độ chính trị - xã hội  - Xét từ góc độ kinh tế  - Nội dung của liên minh  - Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giaicấp và liên minh giai cấp,tầng lớp trong thời kỳquá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |
| 6 | - Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay  - Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt nam | 10 | 6 | 4 | - Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam  - Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo.  - Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam  - Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt nam hiện nay |
| 7 | - Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  - Phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 8 | 4 | 4 | - Cơ sở kinh tế - xã hội  - Cơ sở chính trị - xã hội  - Cơ sở văn hóa  - Chế độ hôn nhân tiến bộ  - Phương hướng cơ bản để xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |
|  | **Tổng** | **60** | **36** | **24** |  |

*Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Tiếng Anh: History of The Communist Party of Vietnam

Mã số học phần: 3ML006DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian: Lý thuyết: 21 tiết ; Thảo luận: 9 tiết; Tự học: 60

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

**- Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Anh Đào**

Email: Anhdaospkt@gmail.com

Điện thoại: 0985522565

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐH SPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975); Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**- Giảng viên 2: ThS. Phạm Thị Bích Ngọc**

E-mail: [Bngocspktv@gmail.com](mailto:Bngocspktv@gmail.com)

Điện thoại: 0976464079

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐH SPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng; Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-nay).

## 2.2. Khoa: Lý luận chính trị

# 3. Điều kiện tiên quyết: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (3ML005DC)

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Khái quát hoá hệ thống tri thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). |
| G2 | Vận dụng kiến thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng. |
| G3 | Tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với Đảng và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày, diễn giải được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ 1930 đến nay. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm |
| Vận dụng kiến thức về chủ trương, đường lối và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam vào phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới hiện nay. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm  Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A2 | Thảo luận, tranh luận, phản biện trong phân tích, đánh giá tình hình đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; Phê phán quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Hình thành kịch bản bài thuyết trình với các tình huống tương tác. | * - Thảo luận nhóm.   - Thuyết trình. | Tự luận |
|  | CLO3.3 | S2 | Làm việc độc lập, làm việc nhóm | * - Thảo luận nhóm.   - Thuyết trình. | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.3 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng, quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Chương 1 | Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |  |
| 1.1 | Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.3 | Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.4 | Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 0.5 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | 7 |  |
| 2.1 | Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) | 3 | CLO1.1 |
| 2.2 | Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | 4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| Chương 3 | Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) | 9 |  |
| 3.1 | Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945-1954) | 4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| 3.2 | Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) | 5 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| Chương 4 | Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ 1975 đến nay) | 12 |  |
| 4.1 | Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (Từ 1986 đến nay) | 9 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự 80% số tiết học trở lên | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Điểm kiểm tra thường xuyên: Bài tập thảo luận nhóm.  CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3  - Điểm kiểm tra giữa kỳ: Tự luận  CLO1.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Trắc nghiệm  CLO1.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1].Bộ Giáo dục và đào tạo: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị) , Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **TỔNG (tiết)** | **LT**  **(tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1.2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  1.4. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | + Nghiên cứu tài liệu [1]  + Nghiên cứu nội dung: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| 2 | Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)  2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)  2.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | 7 | 5 | 2 | + Nghiên cứu tài liệu [1,2]  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Các phong trào yêu nước tiêu biểu trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.  - Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng   * Chủ trương chiến lược của Đảng trong phong trào giải phóng dân tộc 1939 -1945   + Chuẩn bị nội dung thảo luận |
| 3 | Chương 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)  3.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  3.2. Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1,2]  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Vai trò của Đảng trong quá trình lãnh đạo đấu tranh, bảo vệ chính quyền   * - Đảng lãnh đạo đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt. * - Đảng lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1975   + Chuẩn bị nội dung thảo luận |
| 4 | Chương 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ 1975 đến nay)  4.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986).  4.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay) | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Đường lối đổi mới đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)  - Những thành tựu cơ bản, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới  + Chuẩn bị nội dung thảo luận |
|  | Tổng | 30 | 21 | 9 |  |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

# - Tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh

# - Tiếng Anh: Ho Chi Minh’s Ideology

Mã số học phần: 2ML002DC

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 21 tiết

Thảo luận: 9 tiết

Tự học: 60

**2. Đơn vị quản lý học phần: Khoa Lý luận chính trị**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Anh Đào

Email: anhdaospkt@gmail.com

Điện thoại: 0985522565

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

**- Giảng viên 2: ThS**. **Mai Thị Thanh Châu**

Email: maichauktv@gmail.com

Điện thoại: 0948311279

Địa chỉ liên hệ: Khoa Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

**2.2. Khoa: Lý luận chính trị**

## 3. Điều kiện học học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (3ML006DC)

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Khái quát những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn. |
| G2 | Tham gia tích cực vào các hoạt động thực tiễn; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| G3 | Hình thành khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, làm việc nhóm. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Khái quát những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh. | - Thuyết trình  - Phát vấn | Trắc nghiệm |
| Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm. | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A2 | Tham gia tích cực vào các hoạt động thực tiễn; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. | - Thảo luận nhóm.  - Thuyết trình. | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Hình thành kịch bản bài thuyết trình, tiến hành thuyết trình trước tập thể, rèn luyện tư duy phản biện. | - Thảo luận nhóm.   * - Thuyết trình. | Tự luận |
| CLO3.3 | S2 | Làm việc độc lập, làm việc nhóm. |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.3 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

## Khái quát đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |  |
| 1.1 | Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Đối tượng nghiên cứu |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Phương pháp nghiên cứu |  | CLO1.1 |
| 1.4 | Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO2.1; CLO3.1. |
| Chương 2 | Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | 6 |  |
| 2.1 | Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO1.1;  CLO3.3. |
| 2.2 | Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO1.1;  CLO3.3. |
| 2.3 | Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1 |
| Chương 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội | 6 |  |
| 3.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc |  | CLO1.1 |
| 3.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  | CLO1.1 |
| 3.3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội |  | CLO1.1;  CLO3.1;  CLO3.3; |
| 3.4 | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay |  | CLO2.1; CLO3.1;  CLO3.3. |
| Chương 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân | 6 |  |
| 4.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam |  | CLO1.1 |
| 4.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân |  | CLO1.1 |
| 4.3 | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước |  | CLO2.1; CLO3.1;  CLO3.3. |
| Chương 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế | 3 |  |
| 5.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc |  | CLO1.1 |
| 5.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế |  | CLO1.1 |
| 5.3 | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay |  | CLO2.1; CLO3.1; |
| Chương 6 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người | 7 |  |
| 6.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa |  | CLO1.1 |
| 6.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức |  | CLO1.1 |
| 6.3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người |  | CLO1.1 |
| 6.4 | Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh |  | CLO2.1;  CLO3.1;  CLO3.3. |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành thảo luận.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học 24 tiết /tổng số 30 tiết | 10% |
| 2 | Điểm tự học, thảo luận | Bài tập thảo luận nhóm:  CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 | 20% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Tự luận  CLO1.1 | 10% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | - Trắc nghiệm  CLO1.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

[2].Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo Trung ương.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh  1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận  1.4.2. Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước  1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 1 |
| 2 | 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh  2.3.1. Đối với cách mạng Việt Nam  2.3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại | 12 | 12 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 2 |
| 3 | 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay  3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa  3.4.3. Củng cố, kiên toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 3 |
| 4 | 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước  4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh  4.3.2. Xây dựng Nhà nước | 10 | 10 | 10 | + Tài liệu [1]: Chương 4 |
| 5 | 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay  5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng  5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng  5.3.3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 5 |
| 6 | 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh  6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người  6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 6 |
|  | **Tổng** | **60** | **60** | **0** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Toán cao cấp 1

- Tiếng Anh: Advanced math 1

Mã số học phần: 3DC004DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 22 tiết; Bài tập, thảo luận: 08 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Lê Thị Huệ**

Email: huephong8113@gmail.com

Điện thoại: 0917131542

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, Tp Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các phương pháp giảng dạy Toán

- Ứng dụng xác suất thống kê vào các môn chuyên ngành

- **Giảng viên 2: ThS. Ngô Thị Huyền**

Email: huyenntta@gmail.com

Điện thoại: 0988640486

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các phương pháp giảng dạy Toán

- Ứng dụng các kiến thức Toán trong kỹ thuật

## 2.2. Bộ môn: Khoa học Cơ bản

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)***  *Học phần Toán cao cấp 1 trang bị cho người học:* |
| G1 | - Các kiến thức cơ bản về tích phân hàm một biến, lý thuyết chuỗi, phép tính vi phân hàm nhiều biến và đại số tuyến tính.  - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải các dạng bài toán về tích phân hàm một biến, lý thuyết chuỗi, phép tính vi phân hàm nhiều biến và đại số tuyến tính. |
| G2 | - Khả năng làm việc nhóm, lên ý tưởng, thuyết trình, giải thích các chuyên đề học tập môn Toán cao cấp 1 trước tập thể; vận dụng được cách giải quyết các bài toán trong học phần vào các môn học chuyên ngành. |
| G3 | - Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên; có thái độ tích cực trong quá trình học tập, biết lắng nghe, giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể, chủ động tham gia thảo luận. |

1. **Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá họ phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được các khái niệm cơ bản về tích phân hàm 1 biến, lý thuyết chuỗi; phép tính vi phân hàm nhiều biến, các kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính. | - Thuyết trình  - Giải quyết vấn đề | - Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng được kiến thức đã học để giải các bài toán về tích phân suy rộng, chuỗi số, chuỗi luỹ thừa; tính được đạo hàm riêng cấp 1,2; cực trị của hàm 2 biến; giải được các bài toán về ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Tìm kiếm tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên; ghi nhớ được các kĩ thuật giải các bài toán trong học phần để vận dụng vào các bài toán chuyên ngành. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Bài tập nhóm |
| G3 | CLO3.1 | A3 | Tương tác tích cực trong nhóm học tập; chia sẻ, học hỏi các thành viên khác trong nhóm. | - Thuyết trình.  - Thảo luận nhóm | - Bài tập nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | | PLO3.3 |
| 1.1.2 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.3.1 |
| CLO1.1 |  | - | - | - |  |
| CLO1.2 |  | - | - | - |  |
| CLO2.1 | - | - |  |  |  |
| CLO3.1 | - |  | - | - |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần nàygiới thiệu các kiến thức cơ bản về tích phân suy rộng; chuỗi số, chuỗi hàm, công thức khai triển hàm số thành chuỗi lũy thừa; phép tính đạo hàm, vi phân, cực trị của hàm nhiều biến; ma trận và các phép toán về ma trận, định thức, hạng ma trận; hệ phương trình tuyến tính và các phương pháp giải.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Phép tính tích phân hàm một biến | 6 |  |
| 1.1 | Ôn tập về tích phân xác định | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 1.1.1 | Định nghĩa, tính chất |  |  |
| 1.1.2 | Công thức Newton- Leibnitz |  |  |
| 1.1.3 | Các phương pháp tính |  |  |
| 1.2 | Tích phân suy rộng | 4 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 1.2.1 | Tích phân với cận vô hạn |  |  |
| 1.2.2 | Tích phân của hàm có điểm gián đoạn vô cùng |  |  |
| Chương 2 | Lý thuyết chuỗi | 7 |  |
| 2.1 | Chuỗi số | 1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 |
| 2.1.1 | Định nghĩa |  |  |
| 2.1.2 | Điều kiện cần để chuỗi số hội tụ |  |  |
| 2.2 | Chuỗi số dương | 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 2.2.1 | Định nghĩa |  |  |
| 2.2.2 | Các tiêu chuẩn hội tụ |  |  |
| 2.3 | Chuỗi có dấu bất kì | 1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 2.3.1 | Chuỗi số đan dấu |  |  |
| 2.3.2 | Chuỗi có dấu bất kì |  |  |
| 2.4 | Chuỗi lũy thừa | 3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 2.4.1 | Định nghĩa, tính chất |  |  |
| 2.4.2 | Miền hội tụ |  |  |
| 2.4.3 | Chuỗi Taylor – chuỗi Macloranh – chuỗi Fourier |  |  |
|  | Kiểm tra | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| Chương 3 | Phép tính vi phân hàm nhiều biến | 7 |  |
| 3.1 | Các khái niệm | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.1.1 | Định nghĩa hàm hai biến, hàm nhiều biến |  |  |
| 3.1.2 | Giới hạn kép, giới hạn lặp |  |  |
| 3.1.3 | Tính liên tục của hàm hai biến |  |  |
| 3.2 | Đạo hàm và vi phân | 3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 3.2.1 | Đạo hàm riêng |  |  |
| 3.2.2 | Vi phân toàn phần |  |  |
| 3.2.3 | Đạo hàm và vi phân cấp cao |  |  |
| 3.3 | Cực trị | 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO3.1 |
| 3.3.1 | Định nghĩa |  |  |
| 3.3.2 | Cực trị tự do của hàm 2 biến |  |  |
| Kiểm tra | | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| Chương 4 | Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính | 8 |  |
| 4.1 | Ma trận | 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.1.1 | Định nghĩa, các dạng ma trận đặc biệt |  |  |
| 4.1.2 | Các phép toán ma trận |  |  |
| 4.2 | Định thức | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 4.2.1 | Định nghĩa |  |  |
| 4.2.2 | Công thức khai triển định thức |  |  |
| 4.3 | Hạng của ma trận | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.3.1 | Định nghĩa |  |  |
| 4. 3.2 | Các phép biến đổi sơ cấp |  |  |
| 4.4 | Ma trận nghịch đảo | 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.1.1 | Định nghĩa, điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo |  |  |
| 4.1.2 | Công thức tính |  |  |
| 4.5 | Hệ phương trình tuyến tính | 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.5.1 | Khái niệm chung về hệ phương trình tuyến tính. Điều kiện cần và đủ để tồn tại nghiệm |  |  |
| 4.5.2 | Phương pháp Cramer |  |  |
| 4.5.3 | Phương pháp Gauss |  |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30. | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi viết.  - Thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên qui định: làm bài tập về nhà, phiếu học tập.  CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết.  CLO1.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Toán cao cấp 1- Giáo trình nội bộ Trường ĐHSPKT Vinh - 2022.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Toán học cao cấp tập 1 - NXB Giáo dục, 2007.  [3] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Toán học cao cấp tập 2- NXB Giáo dục, 2007.  [4] Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Toán học cao cấp tập 3- NXB Giáo dục, 2007. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **Tổng**  **(tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Tích phân xác định: định nghĩa, công thức Newton- Leibnitz, các phương pháp tính.  - Tích phân suy rộng: Tích phân với cận vô hạn, tích phân của hàm có điểm gián đoạn vô cùng. | 12 | 10 | 2 | + Tài liệu [1]: C1.  + Tài liệu [3]: C6, C7.  + Ôn tập về tích phân bất định, tích phân xác định và các phương pháp tính. |
| 2 | - Các qui tắc xét sự hội tụ của chuỗi số dương, chuỗi đan dấu, chuỗi có dấu bất kì.  - Qui tắc tìm miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.  - Ví dụ và bài tập. | 16 | 12 | 4 | + Tài liệu [1]: C3.  + Tài liệu [3]: C8. |
| 3 | - Khái niệm hàm nhiều biến  - Giới hạn, tính liên tục của hàm hai biến.  - Đạo hàm riêng cấp 1, cấp 2 của hàm hai biến.  - Vi phân cấp 1, cấp 2 của hàm hai biến.  - Cực trị của hàm hai biến.  - Ví dụ và bài tập.  Kiểm tra. | 16 | 11 | 5 | + Tài liệu [1]: C4.  + Tài liệu [4]: C1.  + Tự học nội dung: “giới hạn, tính liên tục của hàm hai biến”. |
| 4 | - Ma trận và các phép toán về ma trận.  - Định thức của một ma trận vuông.  - Hạng của ma trận.  - Ma trận nghịch đảo.  - Hệ phương trình tuyến tính và các phương pháp giải.  - Ví dụ và bài tập. | 16 | 10 | 6 | + Tài liệu [1]: C6.  + Tài liệu [2]: C3. |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Bùi Danh Hào** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc | | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Toán cao cấp 2

* TiếngAnh: Advanced Math 2

Mã số học phần: 3DC005DC

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 22 tiết; Bài tập, thảo luận: 8 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Thu Nhung**

Email: thunhungkt3@gmail.com

Điện thoại: 0936382573

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 NguyễnViết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phương pháp giảng dạy Toán

- Ứng dụng các kiến thức toán trong kỹ thuật

* **Giảng viên 2: ThS. Ngô Thị Huyền**

Email: huyenntta@gmail.com

Điện thoại: 0988640486

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 NguyễnViết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phương pháp giảng dạy Toán

- Ứng dụng các kiến thức toán trong kỹ thuật

**Giảng viên 3: ThS. Trần Hải Yến**

Email: haiyentvn@gmail.com

Điện thoại: 0976235727

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 NguyễnViết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Phương pháp giảng dạy Toán

- Ứng dụng các kiến thức toán trong kỹ thuật

**2.2. Bộ môn:Khoa học Cơ bản**

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

## 3. Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 1(3DC004DC)

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | - Các kiến thức về tích phân bội hai, tích phân bội ba; tích phân đường; định nghĩa, công thức nghiệm của phương trình biến số phân li, vi phân toàn phần, tuyến tính cấp 1, tuyến tính cấp 2 có hệ số hằng.  - Khả năng ứng dụng được các kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán có liên quan. |
| G2 | - Khả năng làm việc nhóm, lên ý tưởng, thuyết trình, giải thích các chuyên đề học tập môn Toán cao cấp 2 trước tập thể; vận dụng được cách giải quyết các bài toán trong học phần vào thực tiễn và vào các môn học chuyên ngành.  - Kỹ năng tự học; lập luận phân tích và giải quyết vấn đề; nghiên cứu và khám phá tri thức. |
| G3 | - Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, đọc hiểu tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên; có thái độ tích cực trong quá trình học tập,biết lắng nghe, giúp đỡ các thành viên khác trong tập thể, chủ động tham gia thảo luận, đối thoại, đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết được các mâu thuẫn và đưa ra được ý kiến cá nhân. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trìnhđộ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được công thức tính, công thức ứng dụng của tích phân bội hai, tích phân bội ba, tích phân đường.Trình bày được định nghĩa và công thức nghiệm phương trình vi phân biến số phân li, tuyến tính cấp một, vi phân toàn phần, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai có hệ số hằng. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Giải quyết được các bài toán tính tích phân bội hai, tích phân bội ba; các bài toán tính liên quan đến tích phân đường.  Phân biệt và giải được các phương trình trình vi phân biến số phân li, tuyến tính cấp một, vi phân toàn phần, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai có hệ số hằng. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  -Vấn đáp gợi mở | Tự luận  Bài tập nhóm |
| CLO1.3 | K3 | Giải quyết được các bài toán ứng dụng của tích phân bội hai, tích phân bội ba; tích phân đường. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  -Vấn đáp gợi mở | Tự luận  Bài tập nhóm |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện thành thạo, đầy đủ và chính xác việc giải các bài toán liên quan đến kiến thức tích phân bội hai, tích phân bội ba, tích phân đường và phương trình vi phân. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |
| G3 | CLO3.1 | A3 | Thực hiện tích cực quá trình tự học, quá trình thảo luận nhóm, chia sẻ ý kiến nhằm tích cực hóa quá trình học trên lớp. | - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | | | PLO3.3 |
| 1.1.2 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.3.1 | |
| CLO1.1 |  | - | - |  | - | |
| CLO1.2 |  | - | - |  | - | |
| CLO1.3 |  | - | - |  | - | |
| CLO2.1 | - | - |  |  |  | |
| CLO3.1 | - |  | - |  | - | |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về tích phân kép; tích phân bội ba; tích phân đường loại một, tích phân đường loại hai và ứng dụng; phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp hai, nhận dạng và phương pháp giải các phương trình vi phân biến số phân li, tuyến tính cấp một, vi phân toàn phần, vi phân tuyến tính cấp hai có hệ số hằng.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Chương 1 | Tích phân bội hai | 7 |  |
| 1.1 | Định nghĩa và tính chất | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.2 | Cách tính tích phân bội hai | 3 | CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1  CLO3.1 |
| 1.2.1 | Trong hệ tọa độ Descartes |  |  |
| 1.2.2 | Trong hệ tọa độ cực |  |  |
| 1.3 | Ứng dụng của tích phân bội hai | 3 | CLO1.1 CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1 |
| 1.3.1 | Ứng dụng hình học |  |  |
| 1.3.2 | Ứng dụng cơ học |  |  |
| Chương 2 | Tích phân bội ba | 7 |  |
| 2.1 | Định nghĩa và tính chất | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 2.2 | Cách tính tích phân bội ba | 4 | CLO1.1 CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.2.1 | Trong hệ tọa độ Descartes |  |  |
| 2.2.2 | Trong hệ tọa độ trụ |  |  |
| 2.2.3 | Trong hệ tọa độ cầu |  |  |
| 2.3 | Ứng dụng của tích phân bội ba | 2 | CLO1.2 CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1 |
|  | Kiểm tra một tiết |  | CLO1.2 CLO1.3  CLO2.1 |
| Chương 3 | Tích phân đường | 7 |  |
| 3.1 | Tích phân đường loại một | 2 | CLO1.1 CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.1.1 | Định nghĩa |  |  |
| 3.1.2 | Cách tính |  |  |
| 3.2 | Tích phân đường loại hai | 3 | CLO1.1 CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.2.1 | Định nghĩa |  |  |
| 3.2.2 | Cách tính |  |  |
| 3.3 | Ứng dụng của tích phân đường | 2 | CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 4 | Phương trình vi phân | 9 |  |
| 4.1 | Phương trình vi phân cấp một | 5 | CLO1.1 CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.1.1 | Phương trình vi phân biến số phân li |  |  |
| 4.1.2 | Phương trình tuyến tính cấp một |  |  |
| 4.1.3 | Phương trình vi phân toàn phần |  |  |
| 4.2 | Phương trình vi phân cấp hai | 4 | CLO1.1 CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.2.1 | Các khái niệm cơ bản về phương trình vi phân cấp 2 |  |  |
| 4.2.2 | Phương trình vi phân cấp hai có hệ số hằng |  |  |
|  | Kiểm tra một tiết |  | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30. | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra tự luận, vấn đáp.  - Thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên quy định: bài tập về nhà, phiếu bài tập.  CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1  CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết  - Thi tự luận  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1 | 60% |

## 9.2.Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Giáo trình Toán cao cấp 2- Giáo trình nội bộ Trường ĐHSPKT Vinh– 2022.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011.  [3] Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011.  [4] Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Định nghĩa và tính chất tích phân bội hai.  - Cách tính tích phân bội hai trong hệ tọa độ Descartes.  - Cách tính tích phân bội hai trong hệ tọa độ cực.  - Ứng dụng. | 10 | 4 | 0 | + Tài liệu [3,4] C2.  + Bài toán dẫn tới khái niệm tích phân bội hai.  + Làm bài tập. |
| 2 | - Định nghĩa và tính chất tích phân bội ba.  - Cách tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ Descartes.  - Cách tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ trụ.  - Cách tính tích phân bội ba trong hệ tọa độ cầu.  - Ứng dụng. | 11 | 3 | 0 | + Tài liệu [3, 4] C2.  + Đọc các ví dụ.  + Làm bài tập. |
| 3 | - Định nghĩa, tính chất và cách tính tích phân đường loại một.  - Định nghĩa, tính chất và cách tính tích phân đường loại hai.  - Công thức Green.  - Ứng dụng tích phân đường loại hai. | 11 | 3 | 0 | + Tài liệu [1, 3]: C3.  + Làm bài tập. |
| 4 | - Định nghĩa và công thức nghiệm của phương trình vi phân biến số phân li.  - Định nghĩa và công thức nghiệm của phương trình vi phân tuyến tính cấp một.  - Định nghĩa và công thức nghiệm của phương trình vi phân toàn phần.  - Định nghĩa và cách giải nghiệm của phương trình vi phân tuyến tính cấp hai có hệ số hằng. | 12 | 6 | 0 | + Tài liệu [1,3,4]: C4.  + Định nghĩa và công thức nghiệm của phương trình đẳng cấp, phương trình Bernoulli.  + Xem lại các ví dụ  + Làm bài tập. |
|  | **Tổng** | 44 | 16 |  |  |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Bùi Danh Hào** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Xác suất thống kê Toán
* Tiếng Anh: Probability and Mathematical Statistics

Mã số học phần: 4DC101DH

Số tín chỉ học phần: 3

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 33 tiết; Bài tập: 12 tiết.

Tự học: 90 giờ.

# 2. Đơn vị quản lý học phần: Khoa Giáo dục Đại cương

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: TS. Lê Hồng Sơn

Email: [lhsondhv@gmail.com](mailto:lhsondhv@gmail.com)

Điện thoại: 0902205129

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, Tp. Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các phương pháp giảng dạy lý thuyết xác suất và thống kê toán học

- Các định lý giới hạn trong lý thuyết xác suất

- Ước lượng tham số thống kê.

## - Giảng viên 2: ThS. Lê Thị Huệ

Email: huephong8113@gmail.com

Điện thoại: 0917131542

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, Tp. Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các phương pháp giảng dạy Toán.

- Ứng dụng xác suất thống kê vào các môn chuyên ngành.

## - Giảng viên 3: TS. Ngô Tất Hoạt

Email: vtttu120680@gmail.com

Điện thoại: 0383037037

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, Tp. Vinh, Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính:

- Các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy toán cho Sinh viên

- Mô hình hóa toán học

- Ứng dụng CNTT trong dạy học toán

## 2.2. Bộ môn: Khoa học Cơ bản

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện học học phần (mã số học phần):

## 3.1. Môn học tiên quyết: không.

## 3.2. Môn học học trước: Toán Cao cấp 1 (3DC004DC)

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)***  *(Học phần Xác suất Thống kê Toán trang bị cho người học:)* |
| G1 | Có kiến thức cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi quy và tương quan tuyến tính; Vận dụng các kiến thức về Xác suất, Thống kê Toán giải quyết các bài toán phát sinh trong đời sống cũng như trong lĩnh vực kinh tế, tài chính. |
| G2 | Kỹ năng tự học; lập luận phân tích và giải quyết vấn đề; nghiên cứu và khám phá tri thức; Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình vấn đề trước tập thể. |
| G3 | Tích cực trong quá trình học tập, biết lắng nghe, đối thoại, đàm phán, thoả hiệp và giải quyết được các mâu thuẫn. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Hiểu và giải thích được các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất: khái niệm, các công thức xác suất, biến ngẫu nhiên, véctơ ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp. | - Thuyết trình.  - Giải quyết vấn đề. | - Vấn đáp  - Tự luận. |
| CLO1.2 | K3 | Xác định, mô tả được không gian mẫu và tính toán được các số liệu của thống kê mô tả. Giải được các bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết, phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính. | - Thuyết trình.  - Giải quyết vấn đề. | - Vấn đáp  - Tự luận. |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán xác suất thống kê và khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên. | * - Thảo luận nhóm. * - Giải quyết vấn đề. | - Vấn đáp,  - Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Chủ động giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. | - Thảo luận nhóm. | - Phiếu bài tập. |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | | PLO3.1 | PLO3.4 |
| 1.1.2 | 2.1.1 | 2.1.3 | 3.1.3 | 3.4.2 |
| CLO1.1 | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ | ✓ |  |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  | ✓ | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi quy và tương quan tuyến tính.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Các khái niệm cơ bản về xác suất | 8 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 1.1 | Giải tích tổ hợp | 1 | CLO1.1 |
| 1.1.1. | Hoán vị |  |  |
| 1.1.2. | Tổ hợp |  |  |
| 1.1.3. | Chỉnh hợp |  |  |
| 1.1.4. | Chỉnh hợp lặp |  |  |
| 1.2 | Phép thử và biến cố | 1 | CLO1.1 |
| 1.2.1. | Định nghĩa |  |  |
| 1.2.2. | Quan hệ giữa các biến cố |  |  |
| 1.3 | Các định nghĩa xác suất | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.3.1. | Định nghĩa theo quan điểm cổ điển |  |  |
| 1.3.2. | Định nghĩa theo quan điểm hình học |  |  |
| 1.3.3. | Định nghĩa theo quan điểm thống kê |  |  |
| 1.3.4. | Định nghĩa theo quan điểm tiên đề (tự học) |  |  |
| 1.4 | Các công thức xác suất | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.4.1. | Công thức cộng xác suất |  |  |
| 1.4.2. | Công thức nhân xác suất |  |  |
| 1.4.3. | Công thức xác suất đầy đủ và công thức Bayes |  |  |
| 1.5 | Dãy phép thử Bernoulli | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.5.1. | Định nghĩa |  |  |
| 1.5.2. | Số lần xuất hiện có khả năng nhất |  |  |
| 1.6 | Bài tập Chương 1. | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 2 | Biến ngẫu nhiên, Hàm phân phối | 10 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.1 | Biến ngẫu nhiên | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.1.1. | Định nghĩa |  |  |
| 2.1.2. | Biến ngẫu nhiên rời rạc |  |  |
| 2.1.3. | Biến ngẫu nhiên liên tục |  |  |
| 2.2 | Hàm phân phối | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2.1. | Định nghĩa |  |  |
| 2.2.2. | Các tính chất |  |  |
| 2.3 | Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3.1. | Kỳ vọng |  |  |
| 2.3.2. | Phương sai |  |  |
| 2.3.3. | Phân vị, trung vị |  |  |
| 2.3.4. | Mode |  |  |
| 2.3.5. | Mô men, hệ số bất đối xứng, hệ số nhọn |  |  |
| 2.4 | Một số phân phối thường gặp | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4.1. | Phân phối Bernoulli |  |  |
| 2.4.2. | Phân phối nhị thức |  |  |
| 2.4.3. | Phân phối Poisson |  |  |
| 2.4.4. | Phân phối đều |  |  |
| 2.4.5. | Phân phối chuẩn |  |  |
| 2.4.6. | Phân phối “Khi bình phương” |  |  |
| 2.4.7. | Phân phối Student |  |  |
| 2.5 | Luật số lớn, Định lý giới hạn trung tâm ( tự đọc) |  | CLO2.1 |
| 2.5.1. | Các bất đẳng thức cơ bản |  |  |
| 2.5.2. | Hội tụ theo xác suất |  |  |
| 2.5.3. | Luật số lớn Chebyshev |  |  |
| 2.5.4. | Luật số lớn Bernoulli |  |  |
| 2.5.5. | Định lý giới hạn trung tâm |  |  |
| 2.6 | Bài tập Chương 2 | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 3 | Véctơ ngẫu nhiên | 4 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.1 | Các khái niệm cơ bản | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.1.1. | Định nghĩa và phân loại véctơ ngẫu nhiên |  |  |
| 3.1.2. | Bảng phân phối xác suất đồng thời |  |  |
| 3.1.3. | Quy luật phân phối xác suất có điều kiện |  |  |
| 3.1.4. | Tính độc lập của các biến ngẫu nhiên |  |  |
| 3.2 | Các số đặc trưng của véctơ ngẫu nhiên | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2.1. | Véctơ kỳ vọng |  |  |
| 3.2.2. | Hiệp phương sai |  |  |
| 3.2.3. | Hệ số tương quan |  |  |
| 3.2.4. | Kỳ vọng có điều kiện, hàm hồi quy |  |  |
| 3.3 | Bài tập Chương 3 | 1 | CLO2.1 |
|  | Kiểm tra 1 tiết | 1 |  |
| Chương 4 | Lý thuyết mẫu | 5 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.1 | Mẫu, phép lấy mẫu | 1 | CLO1.2 |
| 4.1.1. | Tổng thể và mẫu |  |  |
| 4.1.2. | Mẫu ngẫu nhiên |  |  |
| 4.1.3. | Các phương pháp lấy mẫu |  |  |
| 4.1.4 | Trình bày kết quả điều tra |  |  |
| 4.2 | Các đặc trưng mẫu | 2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 4.2.1. | Kỳ vọng mẫu |  |  |
| 4.2.2. | Phương sai mẫu |  |  |
| 4.2.3. | Tính các đặc trưng mẫu qua số liệu điều tra |  |  |
| 4.3 | Bài tập Chương 4 | 2 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 5 | Ước lượng tham số của biến ngẫu nhiên | 5 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.1 | Ước lượng điểm | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 5.1.1. | Khái niệm ước lượng điểm |  |  |
| 5.1.2. | Ước lượng không chệch |  |  |
| 5.1.3. | Ước lượng hiệu quả |  |  |
| 5.1.4. | Ước lượng vững |  |  |
| 5.2 | Ước lượng bằng khoảng tin cậy | 2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 5.2.1. | Khái niệm khoảng tin cậy |  |  |
| 5.2.2. | Ước lượng khoảng cho kỳ vọng |  |  |
| 5.2.3. | Ước lượng khoảng cho tỷ lệ |  |  |
| 5.2.4. | Ước lượng khoảng cho phương sai |  |  |
| 5.3 | Bài tập Chương 5 | 2 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 6 | Kiểm định giả thuyết thống kê | 6 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 6.1 | Khái niệm về kiểm định giả thuyết | 1 | CLO1.2 |
| 6.1.1. | Đặt vấn đề |  |  |
| 6.1.2. | Các loại sai lầm trong bài toán kiểm định |  |  |
| 6.1.3. | Giải quyết vấn đề |  |  |
| 6.2 | Kiểm định giả thuyết về giá trị trung bình | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 6.2.1. | Trường hợp đã biết phương sai |  |  |
| 6.2.2. | Trường hợp chưa biết phương sai |  |  |
| 6.3 | Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 6.4 | Kiểm định giả thuyết về phương sai | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 6.5 | Bài tập Chương 6 | 2 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
|  | Kiểm tra 1 tiết | 1 |  |
| Chương 7 | Tương quan và hồi quy tuyến tính | 5 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 7.1 | Phân tích tương quan | 2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 7.1.1 | Đặt vấn đề |  |  |
| 7.1.2 | Hệ số tương quan tuyến tính |  |  |
| 7.1.3 | Hệ số tương quan mẫu |  |  |
| 7.2 | Phân tích hồi quy tuyến tính | 2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 7.2.1 | Hàm hồi quy tuyến tính |  |  |
| 7.2.2 | Ước lượng các hệ số hồi quy tuyến tính |  |  |
| 7.2.3 | Tính giá trị của hệ số tương quan mẫu, các hệ số hồi quy tuyến tính bằng máy tính bỏ túi. |  |  |
| 7.3 | Bài tập chương 7 | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các phiếu bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 11.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 31/45 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra tự luận, vấn đáp, thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên quy định (bài tập về nhà, phiếu bài tập)  CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết  - Thi tự luận  CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] TS. Lê Hồng Sơn (chủ biên), Lê Thị Huệ, Ngô Tất Hoạt – Giáo trình Xác suất Thống kê toán – Giáo trình nội bộ Trường ĐHSPKT Vinh – 2021.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[2] Phạm Văn Chững, Bùi Dương Hải, Trần Trọng Nguyên – Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán– NXB Giao thông vận tải – 2008.

|  |
| --- |
| [3] Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh – Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán – NXB Giáo dục – 2005. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Các khái niệm cơ bản về xác suất  - Khái niệm phép thử, biến cố, quan hệ giữa các biến cố.  - Định nghĩa xác suất theo quan điểm cổ điển, quan điểm hình học, quan điểm thống kê, quan điểm tiên đề.  - Các công thức xác suất gồm: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ và công thức Bayes.  - Các ví dụ về áp dụng quan điểm cổ điển, quan điểm hình học, các công thức xác suất để tính xác suất của các biến cố.  - Khái niệm dãy phép thử Bernoulli, tính xác suất xuất hiện *m* lần biến cố *A* và số lần xuất hiện *A* có khả năng nhất. | 11 | 7 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C1  + Tìm hiểu lịch sử phát triển của lý thuyết xác suất giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. |
| 2 | Chương 2: Biến ngẫu nhiên, hàm phân phối  - Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.  - Các bài toán về lập bảng phân phối, tìm tham số có trong hàm mật độ.  - Khái niệm hàm phân phối, các bài toán tìm hàm phân phối khi biết hàm mật độ và ngược lại.  - Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các bài toán tính các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên.  - Các phân phối thường gặp, giải quyết một số ví dụ thuộc lĩnh vực kinh tế có áp dụng các phân phối thường gặp này. | 12 | 8 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C2. |
| 3 | Chương 3: Véctơ ngẫu nhiên  - Khái niệm và phân loại véctơ ngẫu nhiên.  - Khái niệm bảng phân phối xác suất của véctơ ngẫu nhiên rời rạc, các số đặc trưng của véc tơ ngẫu nhiên, kỳ vọng có điều kiện và hàm hồi quy.  - Các bài toán lập bảng phân phối của véctơ ngẫu nhiên rời rạc, tính các số đặc trưng như: mô-men tương quan, hệ số tương quan, tính kỳ vọng có điều kiện. | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C2, C3. |
| 4 | Chương 4. Lý thuyết mẫu  - Khái niệm mẫu, mẫu ngẫu nhiên và các mô tả.  - Các bài toán xác định được không gian mẫu và tính toán các số liệu của thống kê mô tả. | 10 | 2 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C4.  + Tìm hiểu cách xác định không gian mẫu, mô tả bằng bảng tần suất và suy diễn thống kê. |
| 5 | Chương 5. Ước lượng tham số của biến ngẫu nhiên  - Khái niệm về bài toán ước lượng tham số, các khái niệm liên quan đến ước lượng điểm.  - Khái niệm khoảng tin cậy của tham số thống kê.  - Các bài toàn về ước lượng giá trị trung bình, tỷ lệ và phương sai. | 5 | 5 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C4, C5. |
| 6 | Chương 6. Kiểm định giả thuyết thống kê  - Khái niệm về bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, miền bác bỏ.  - Các bài toàn về kiểm định giá trị trung bình, tỷ lệ và phương sai. | 6 | 6 | 0 | + Tài liệu [1, 2]: C4, C6.  + Tìm hiểu quy luật phân phối xác suất của một số thống kê. |
| 7 | Chương 7: Tương quan và hồi quy tuyến tính  - Đặt vấn đề cho bài toán tương quan và bài toán hồi quy.  - Bài toán về phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính. | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [3]: C10;  + Xem lại các ví dụ. |

*Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Bùi Danh Hào** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Pháp luật đại cương
* Tiếng Anh: General Law

Mã số học phần: 2ML004DC

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 21; Thảo luận: 9; Tự học: 60

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: Th.S Đinh Thị Nga Phượng

## Email: dinhngaphuong@gmail.com

## Điện thoại: 0975214347

## Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị

## Các hướng nghiên cứu chính: luật kinh tế, lao động, nhà nước pháp quyền…

## - Giảng viên 2: Th.S Lê Việt Hà

Email: levietha0402@gmail.com

Điện thoại: 0983166589

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị

Các hướng nghiên cứu chính: luật kinh tế, hình sự, lao động…

## 2.2. Bộ môn: Đường lối – Tư tưởng

## 2.3. Khoa: Lý luận chính trị

# 3. Điều kiện học học phần (mã số học phần): không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức cơ bản một số vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật, một số ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam vào tình huống pháp lý và thực tiễn đời sống |
| G2 | Nâng cao ý thức pháp luật cá nhân từ đó tôn trọng, tuân thủ pháp luật |
| G3 | Sử dụng kiến thức pháp luật cơ bản, phổ biến để giải quyết tình huống pháp lý |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày một số vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất của nhà nước, pháp luật; quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và nội dung cơ bản một số ngành luật của hệ thống pháp luật Việt Nam (Luật hiến pháp, Luật lao động, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật hôn nhân và gia đình và Luật phòng chống tham nhũng). Phân tích, lựa chọn kiến thức vào giải quyết tình huống pháp lý và thực tiễn đời sống | Thuyết trình  Phát vấn  Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm |
| G2 | CLO2.1 | A2 | Nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng và tuân thủ pháp luật | Thuyết trình  Thảo luận nhóm  Phát vấn | Trắc nghiệm |
| G3 | CLO3.3 | S2 | Làm việc nhóm, vận dụng kiến thức cơ bản của Luật hiến pháp, Luật lao động, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật hôn nhân và gia đình và Luật phòng chống tham nhũng  để giải quyết tình huống pháp lý | Thảo luận nhóm  Tình huống  Phát vấn | Trắc nghiệm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.3 |
| 1.1.1 | 2.1.3 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ | ✓ | ✓ |
| CLO2.1 | ✓ | ✓ | ✓ |
| CLO3.3 | ✓ | ✓ | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

- Phần I: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật bao gồm các chương cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, về đơn vị nhỏ nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam là quy phạm pháp luật và hình thức chứa đựng là văn bản quy phạm pháp luật, về quan hệ pháp luật và vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý.

- Phần II: Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các chương cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về các ngành luật như Luật hiến pháp, Luật lao động, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật hôn nhân và gia đình và cung cấp kiến thức về Luật phòng chống tham nhũng.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật | 4 |  |
| 1.1 | Những vấn đề cơ bản về nhà nước |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Những vấn đề cơ bản về pháp luật |  | CLO1.1 |
| Chương 2 | Quy phạm pháp luật. Văn bản quy phạm pháp luật | 2 |  |
| 2.1 | Quy phạm pháp luật |  | CLO1.1 |
| 2.2 | Văn bản quy phạm pháp luật |  | CLO1.1 |
| Chương 3 | Quan hệ pháp luật | 1 |  |
| 3.1 | Khái niệm quan hệ pháp luật |  | CLO1.1 |
| 3.2 | Thành phần quan hệ pháp luật |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 4 | Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý | 3 |  |
| 4.1 | Vi phạm pháp luật |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Trách nhiệm pháp lý |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 5 | Luật hiến pháp | 3 |  |
| 5.1 | Khái niệm Luật hiến pháp |  | CLO1.1 |
| 5.2 | Một số chế định của Luật hiến pháp |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 6 | Luật hành chính | 2 |  |
| 6.1 | Khái niệm Luật hành chính |  | CLO1.1 |
| 6.2 | Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 6.3 | Cán bộ, công chức, viên chức |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 7 | Luật lao động | 3 |  |
| 7.1 | Khái niệm Luật lao động |  | CLO1.1 |
| 7.2 | Các chế định cơ bản của Luật lao động |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 8 | Luật Dân sự | 3 |  |
| 8.1 | Khái niệm Luật dân sự |  | CLO1.1 |
| 8.2 | Các chế định cơ bản của Luật dân sự |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 9 | Luật hôn nhân và gia đình | 2 |  |
| 9.1 | Khái niệm Luật hôn nhân và gia đình |  | CLO1.1 |
| 9.2 | Các chế định cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 10 | Luật hình sự | 3 |  |
| 10.1 | Khái niệm Luật hình sự |  | CLO1.1 |
| 10.2 | Tội phạm |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 10.3 | Hình phạt và các biện pháp tư pháp |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 11 | Luật Phòng chống tham nhũng | 3 |  |
| 11.1 | Khái niệm tham nhũng |  | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 11.2 | Nguyên nhân của tham nhũng |  | CLO1.1 |
| 11.3 | Tác hại của tham nhũng |  | CLO1.1 |
| 11.4 | Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng |  | CLO1.1  CLO3.1 |
| 11.5 | Nghĩa vụ của công dân trong phòng chống tham nhũng |  | CLO1.1  CLO3.1 |

# 7. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình

- Phát vấn

- Tình huống

- Thảo luận nhóm

# 8. Nhiệm vụ của sinh viên

# Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Thực hiện thảo luận và tự học.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Tham dự học 24 tiết/tổng số 30 tiết | 10% |
| 2 | Điểm thảo luận, tự học | Tự luận  CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 20% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận  CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 10% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Thi trắc nghiệm khách quan  CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1. Tài liệu chính**

|  |
| --- |
| [1] Th.S Đinh Thị Nga Phượng và Th.S Lê Việt Hà, Giáo trình nội bộ Pháp luật đại cương của trường Đại học SPKT Vinh, 2021. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.1.3. Kiểu nhà nước, hình thức nhà nước  1.1.4. Chức năng của nhà nước  1.2.4. Kiểu pháp luật  1.2.5. Vai trò của pháp luật | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 1 |
| 2 | 2.2.4. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật | 4 |  | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 2 |
| 3 | 3.2.4. Sự kiện pháp lý | 2 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 3 |
| 4 | 4.1.3. Các loại vi phạm pháp luật | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 4 |
| 5 | 5.2.2. Chế độ kinh tế  5.2.3. Chính sách văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, môi trường | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 5 |
| 6 | 6.2.3. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức, viên chức | 4 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 6 |
| 7 | 7.2.1. Việc làm và học nghề  7.2.3. Thoả ước lao động  7.2.6. Kỷ luật lao động  7.2.8. Giải quyết tranh chấp lao động | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 7 |
| 8 | 8.2.3. Hợp đồng | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 8 |
| 9 | 9.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng  9.2.3. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con | 4 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 9 |
| 10 | 10.3.3. Các biện pháp tư pháp | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 10 |
| 11 | 11.4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng | 6 | 0 | 0 | + Tài liệu [1]: Chương 11 |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc | | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Nhập môn logic học
* Tiếng Anh: Introduction to logic

Mã số học phần: 1SP521DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 24 tiết; Bài tập, thảo luận: 6 tiết.

Tự học: 60.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Lê Trọng Phong**

Email: lephongspk@gmail.com

Điện thoại: 0912034459

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học dạy học nghề nghiệp

* **Giảng viên 2: ThS. Phan Cẩm Tú**

Email: phancamtu09@gmail.com

Điện thoại: 00946320746

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học dạy học nghề nghiệp

## 2.2. Bộ môn: Sư phạm kỹ thuật – Công nghệ

## 2.3. Khoa: Sư phạm kỹ thuật

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được khái niệm, cấu trúc của phán đoán, suy luận; các quy luật cơ bản của logic học; phép chứng minh, bác bỏ và xây dựng giả thuyết |
| G2 | Thực hành giải được các bài tập về khái niệm, phán đoán, suy luận. Xây dựng được phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn. |
| G3 | Thể hiện năng lực làm việc cá nhân, làm việc nhóm; năng lực giao tiếp, ứng xử |
| G4 | Phát triển các kỹ năng tư duy, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được khái niệm, cấu trúc của phán đoán, suy luận, phép chứng minh, bác bỏ và xây dựng giả thuyết | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K2 | Giải thích được các loại suy luận | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Vận dụng các quy tắc suy luận, các phép chứng minh, bác bỏ vào các môn khoa học khác và trong quá trình làm việc, giao tiếp. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm để giải quyết các tình huống hiệu quả | - Dạy học nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C2 | Hình thành được kỹ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO1.2** | **PLO2.4** | **PLO2.5** | **PLO3.3** | | **PLO4.1** | |
| 1.1.1 | 1.2.1 | 2.4.1 | 2.5.1 | 3.3.1 | 3.3.3 | 4.1.1 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ | - | - | - | - | - | - |  |
| CLO1.2 | - | ✓ | - | - | - | - | - |  |
| CLO2.1 | - | - | ✓ | ✓ |  |  | - |  |
| CLO3.1 | - | - | - | - | ✓ | ✓ | - | - |
| CLO4.1 | - | - | - | - | - | - | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về logic học; Các hình thức logic cơ bản; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Khái quát về logic học | 2 |  |
| 1.1 | Đối tượng của logic học | 0.5 | CLO1.1; |
| 1.2 | Các đặc điểm của logic học hình thức | 0.5 | CLO1.1; |
| 1.3 | Sự hình thành và phát triển của logic học | 0.5 | CLO1.1; |
| 1.4 | Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học | 0.5 | CLO1.1; |
| Chương 2 | Các hình thức lôgic cơ bản. | 18 |  |
| 2.1  2.1.1  2.1.2  2.1.3  2.1.4  2.1.5 | Khái niệm  Khái niệm chung  Cấu trúc logic của khái niệm  Phân loại khái niệm  Quan hệ giữa các khái niệm  Các thao tác logic đối với khái niệm | 6 | CLO1.1;  CLO1.2;  CLO2.1;  CLO3.1 |
| 2.2  2.2.1  2.2.2  2.2.3  2.2.3.1  2.2.3.2 | Phán đoán  Khái niệm chung  Cấu trúc logic của phán đoán  Phân loại phán đoán  Phán đoán đơn  Phán đoán phức | 4 | CLO1.1;  CLO1.2;  CLO2.1;  CLO3.1 |
| 2.3  2.3.1  2.3.2  2.3.2.1  2.3.2.2 | Suy luận  Khái niệm chung  Các loại suy luận  Suy luận diễn dịch  Suy luận quy nạp | 8 | CLO1.1; CLO1.2;  CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 3 | Các quy luật cơ bản của lôgic hình thức | 4 |  |
| 3.1 | Khái niệm chung về các quy luật lôgic | 1.0 | CLO1.1; |
| 3.2  3.2.1  3.2.2  3.2.3  3.2.4 | Các quy luật của logic hình thức  Quy luật đồng nhất  Quy luật (cấm) mâu thuẫn  Quy luật bài trung  Quy luật lý do đầy đủ | 3.0 | CLO1.1;  CLO1.2;  CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 4 | Giả thuyết, chứng minh, bác bỏ | 6 |  |
| 4.1  4.1.1  1.1.2 | Giả thuyết  Khái niệm  Các giai đoạn xây dựng giả thuyết | 2 | CLO1.1 |
| 4.2  4.2.1  4.2.2  4.2.3 | Chứng minh  Khái niệm chung  Cấu trúc lôgíc của chứng minh  Các hình thức chứng minh | 2 | CLO1.1 |
| 4.3  4.3.1  4.3.2 | Bác bỏ  Định nghĩa  Các phương pháp bác bỏ | 2 | CLO1.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24 tiết/30 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết tự luận tại lớp, bài tập về nhà.  CĐR: CLO1.1; CLO3.1; CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết tự luận:  CĐR: CLO1.2; CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Vương Tất Đạt, (2004), *Lôgic học đại cương,* NXB ĐHQG Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Trần Hoàng (2022), *Lôgic học Nhập môn*, Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh

[2]. Vũ Ngọc Pha (2004), Lôgic học, NXB Thống kê Hà Nội

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khái quát về logic học  - Đối tượng của logic học  - Các đặc điểm của logic học  - Sự hình thành và phát triển của logic học  - Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C1  + Tìm hiểu khái niệm chung về tri thức suy diễn và tư duy đúng đắn.  + Tìm hiểu về sự hình thành và phát triển của logic học  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận: Logic học là gì? Mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ? Phân tích ý nghĩa của logic học? |
| 2 | Các hình thức lôgic cơ bản.  - Khái niệm  + Cấu trúc logic của khái niệm  + Quan hệ giữa các khái niệm  + Các thao tác logic đối với  - Phán đoán  + Đặc trưng của phán đoán  + Cấu trúc logic của phán đoán  + Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn đặc tính  - Suy luận  + Các loại suy luận | 36 | 36 | 4 | + Tài liệu [1]: C2; C3; C5; C6  + Tìm hiểu cấu trúc lôgic của khái niệm; Quan hệ giữa các khái niệm; Các thao tác logic của khái niệm  + Tìm hiểu về đặc trưng, cấu trúc logic của các phán đoán; Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn đặc tính  + Tìm hiểu các loại suy luận  + Làm các bài tập trong phần khái niệm, phán đoán, suy luận. |
| 3 | Các quy luật cơ bản của lôgic hình thức  - Các quy luật của logic hình thức  + Quy luật đồng nhất  + Quy luật (cấm) mâu thuẫn  + Quy luật bài trung  + Quy luật lý do đầy đủ | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu về nội dung, ý nghĩa của các quy luật cơ bản của logic hình thức  + Chuẩn bị các câu hỏi và tình huống để thảo luận |
| 4 | Giả thuyết, chứng minh, bác bỏ  + Các giai đoạn xây dựng giả thuyết  + Các hình thức chứng minh  + Các phương pháp bác bỏ | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C7; C8  + Tìm hiểu các giai đoạn xây dựng giả thuyết; các phương pháp chứng minh và bác bỏ  + Làm bài tập về giả thuyết, chứng minh, bác bỏ |
|  | Tổng | 60 | 48 | 12 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Phan Thị Tâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phan Thị Tâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Lịch sử kinh tế quốc dân
* Tiếng Anh: Nation Economy history

Mã số học phần: 3KT112CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Các chính sách kinh tế

**- Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrang88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075.032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng kiến thức kinh tế để phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển kinh tế của quốc gia. |
| G2 | Phân tích các vấn đề kinh tế quốc gia hiện nay, từ đó có thể đề xuất các giải pháp phù hợp để phát triển nền kinh tế. |
| G3 | Áp dụng các mô hình phát triển kinh tế để nhận diện sự phát triển của nền kinh tế quốc dân; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và trình bày ý tưởng kinh tế một cách hệ thống và logic. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức lịch sử kinh tế để phân tích các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của quốc gia. | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Đề xuất các giải pháp phù hợp để phát triển nền kinh tế. | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Áp dụng các mô hình phát triển kinh tế để có cái nhìn toàn diện về sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO3.2 | S3 | Làm việc nhóm hiệu quả, trình bày được các luận điểm kinh tế có tính hệ thống và logic. | Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.3 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.2.1 | 3.3.2 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát tổng quan về lịch sử kinh tế quốc dân; Kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa; Kinh tế Mỹ; kinh tế Nhật Bản; Kinh tế Trung Quốc và kinh tế Việt Nam.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu** | **2** |  |
| 1.1 | Khái niệm, vị trí của môn học | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Đối tượng, nhiệm vụ môn học | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.3 | Phương pháp nghiên cứu môn học | 0.5 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa** | **6** |  |
| 2.1 | Sự ra đời của CNTB | 2 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 2.2 | Kinh tế TBCN thời kỳ trước độc quyền (1640 – 1870) | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 2.3 | Kinh tế TBCN thời kỳ độc quyền (1871 đến nay | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 2.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| **Chương 3** | **Kinh tế Mỹ** | **6** |  |
| 3.1 | Đặc điểm KT-XH Bắc Mỹ dưới thời cai trị của thực dân Anh (trước 1776) | 2 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.2 | Kinh tế Mỹ thời kỳ trước độc quyền (1776 –1865) | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.3 | Kinh tế Mỹ TK độc quyền (1865 đến nay) | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| **Chương 4** | **Kinh tế Nhật Bản** | **4** |  |
| 4.1 | Đặc điểm KT-XH Nhật Bản trước cách mạng Minh Trị (trước 1868) | 0.5 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.2 | Kinh tế Nhật Bản từ cách mạng Minh Trị đến hết Thế chiến II (1868-1945) | 0.5 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.3 | Kinh tế Nhật Bản từ sau Thế chiến II (từ 1945 đến nay) | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| **Chương 5** | **Kinh tế Trung Quốc** | **6** |  |
| 5.1 | Đặc điểm kinh tế Trung Quốc trước 01/10/1949 | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 5.2 | Đặc điểm kinh tế Trung Quốc trước cải cách và mở cửa (1949 – 1978) | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 5.3 | Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế (sau 1978) | 2 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 |
| 5.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| **Chương 6** | **Kinh tế Việt Nam** | **6** |  |
| 6.1 | Kinh tế Việt Nam từ năm 1945 đến 1975 | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 6.2 | Kinh tế Việt Nam giai đoạn 1975-1985 | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 6.3 | Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986 đến nay) | 2 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 6.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài thảo luận; thực hành... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tập nhóm: CLO2.1; CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | -Tự luận: CLO1.1; CLO3.1; CLO3.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1] GS.TS Nguyễn Trí Dĩnh, PGS.TS. Phạm Thị Quý (chủ biên) - Giáo trình Lịch sử

kinh tế -Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2012 ( và các lần tái bản).

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [1]. PGS.TS Nguyễn Đăng Bằng (chủ biên) - Giáo trình Lịch sử kinh tế -Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2011. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu  - Các giai đoạn hình thành và phát triển của Lịch sử kinh tế quốc dân  - Các mối quan hệ giữa lịch sử kinh tế quốc dân với các môn học khác  - Ý nghĩa lý luận và thực tiễn từ nghiên cứu lịch sử kinh tế quốc dân | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1, 11]: C1  + Tìm hiểu các giai đoạn hình thành và phát triển của Lịch sử kinh tế quốc dân |
| 2 | Kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa  - Tìm hiểu vấn đề ứng phó với những biến động của đời sống kinh tế - chính trị trong nước và quốc tế để tồn tại của chủ nghĩa tư bản  - Mâu thuẫn, giới hạn trong phát triển kinh tế của các nước tư bản  - So sánh đặc điểm cách mạng công nghiệp ở các nước Anh, Pháp từ đó rút ra những đặc điểm chung của cách mạng công nghiệp.  - Câu hỏi thảo luận và ôn tập | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu quá trình tự ứng phó và điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản trước sự biến động của đời sống kinh tế - chính trị trong nước và quốc tế để tồn tại và phát triển. |
| 3 | Kinh tế Mỹ  - Đặc điểm kinh tế Mỹ trong hai cuộc chiến tranh thế giới  - So sánh các cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ giai đoạn 1929-1933 và giai đoạn 2007-2008  - Vấn đề nợ công ở Mỹ thời gian gần đây  - Câu hỏi thảo luận và ôn tập | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1, 111; 113; 134]: C3  + Tìm hiểu đặc điểm kinh tế Mỹ trong hai cuộc chiến tranh thế giới  + So sánh các cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ giai đoạn 1929-1933 và giai đoạn 2007-2008  + Vấn đề nợ công ở Mỹ thời gian gần đây. |
| 4 | Kinh tế Nhật Bản  - Những chuyển biến của nền kinh tế Nhật Bản trong hai cuộc chiến tranh thế giới  - Về hình thức và bước đi trong phát triển khoa học – kỹ thuật và công nghệ của Nhật Bản  - Vai trò của nhà nước đối với sự phát triển “thần kỳ” của kinh tế Nhật Bản.  - Những khó khăn của nền kinh tế Nhât Bản trong quá trình phục hồi kinh tế những năm gần đây. | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 165]: C4  + Tìm hiểu: Tình hình kinh tế Nhật Bản trong thời gian diễn ra 2 cuộc chiến tranh thế giới (1914-1945)  + Vai trò của nhà nước đối với sự phát triển “thần kỳ” của kinh tế Nhật Bản. |
| 5 | Kinh tế Trung Quốc  - Kinh tế Trung Quốc thời kỳ 1949-1957  - Câu hỏi thảo luận và ôn tập | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1, 283]: C7,  + Tìm hiểu: Những đặc điểm của mô hình kinh tế Trung Quốc thời kỳ (1949-1957) |
| 6 | Kinh tế Việt Nam  - Kinh tế Việt Nam thời kỳ phong kiến  - Kinh tế Việt Nam trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị (1958-1945)  - Câu hỏi thảo luận và ôn tập | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,423]: C10, C12, C13, C14, C15  + Tìm hiểu: Những đặc điểm kinh tế Việt Nam thời kỳ nguyên thủy và những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời đại Hùng Vương  + Nội dung và bản chất các chính sách kinh tế của thực dân Pháp, chính sách kinh tế chỉ huy của Nhật – Pháp trong thời gian cai trị Việt Nam. |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC  SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA NGOẠI NGỮ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh cơ bản 1
* Tiếng Anh: General English 1

Mã số học phần: 4NN001DC

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30;

Bài tập: 15

# 2. Đơn vị quản lý học phần:

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Đinh Thị Thu**

Email: dinhthithuktv@gmail.com

Điện thoại: 0948115857

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: LL&PPGD tiếng Anh

* **Giảng viên 2: ThS. Lê Thị Thúy**

Email: lethuyktv0482@gmail.com

Điện thoại: 0988832282

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: LL&PPGD tiếng Anh

## 2.2. Bộ môn:

## 2.3. Khoa: Ngoại ngữ

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức tiếng Anh ở bậc 2 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. |
| G2 | Có kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với bậc 2 theo Khung NLNN. |
| G3 | Có khả năng sử dụng được tiếng Anh trong công việc hàng ngày. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc của Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm  - Thực hành | Tự luận/Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc của Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm  - Thực hành | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần | Hoạt động cá nhân (tự học) | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G3 | CLO3.2 | S2 | Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng tiếng Anh trong các hoạt động nghề nghiệp. | Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận/Trắc nghiệm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO**  **1.1** | **PLO**  **3.1** | **PLO**  **3.2** | **PLO**  **3.3** |
| **1.1.1** | **3.1.1** | **3.2.2** | **3.3.3** |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần gồm các bài học về các chủ đề: cuộc sống thành phố, cuộc sống hoang giã, thế giới kỹ thuật số, thể thao giải trí và gia đình; ... Học phần còn bao gồm các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cơ bản (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) như: cách sử dụng đúng các thì ngữ pháp: thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc be going to; cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất... Đồng thời học phần rèn luyện 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong các ngữ cảnh, tình huống cuộc sống hàng ngày như: cách hỏi và chỉ đường, miêu tả, so sánh tranh; cách đàm phán, thương lượng, cách viết thư thân mật, bưu thiếp,...

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | In the city | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2 |
| 1.1 | Vocabulary: Places in towns and cities, Prepositions of place, Town and country, Words that go together | 2 |
| 1.2 | Grammar: Comparatives  Superlatives | 2 |
| 1.3 | Listening: Town or country? | 1 |
| 1.4 | Reading: Unusual cities | 1 |
| 1.5 | Speaking: Asking for and giving directions | 1 |
| 1.6 | Writing: An article | 2 |
| Bài 2 | Going wild | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2 |
| 2.1 | Vocabulary: Wild animals, Parts of an animal, Past time expressions | 2 |
| 2.2 | Grammar: Past simple: be and can , Past simple affirmative (regular) | 2 |
| 2.3 | Listening: Missing sounds | 1 |
| 2.4 | Reading: Stranger than fiction? | 1 |
| 2.5 | Speaking: Photo description | 1 |
| 2.6 | Writing: A postcard | 2 |
| Bài 3 | Digital world | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2 |
| 3.1 | Vocabulary: Computing (nouns), Computing (verbs), Phrasal verbs: computers | 2 |
| 3.2 | Grammar: Past simple affirmative (irregular), Past simple (negative and interrogative) | 2 |
| 3.3 | Listening: Listening to instructions | 1 |
| 3.4 | Reading: Dancing Man | 1 |
| 3.5 | Speaking: In a shop | 1 |
| 3.6 | Writing: A narrative | 2 |
| Bài 4 | Be active! | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2 |
| 4.1 | Vocabulary: Sports and hobbies, Future time expressions, nationalities, | 2 |
| 4.2 | Grammar: Going to, will | 2 |
| 4.3 | Listening: Prediction | 1 |
| 4.4 | Reading: Against the odds | 1 |
| 4.5 | Speaking: Negotiating | 1 |
| 4.6 | Writing: An Informal letter | 2 |
| Bài 5 | Home sweet home | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2 |
| 5.1 | Vocabulary: Furniture and household items, Parts of a home, Adjectives to describe rooms | 2 |
| 5.2 | Grammar: Present perfect (affirmative), Present perfect (negative and interrogative) | 2 |
| 5.3 | Listening: University accommodation | 1 |
| 5.4 | Reading: In the middle of nowhere | 1 |
| 5.5 | Speaking: Photo comparison | 1 |
| 5.6 | Writing: A description | 2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học tối thiểu 36/45 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết tự luận giữa kỳ tại lớp, bài tập về nhà, hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV), hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của GV, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà,)  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết trở lên.  - Thi viết tự luận (90 phút).  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10

(từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

|  |  |
| --- | --- |
| **10.1 Tài liệu chính**  [1] Tim Falla, Paul A Davies – Solutions, Elementary, the third edition – Oxford, 2018. (Unit 5,6,7,8,9)  **10.2 Tài liệu tham khảo**   |  | | --- | | [2]. Grammar in Use - Oxford, 2010 | |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Bài** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | + Homework Unit 1  + Grammar | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]: Workbook Unit 5  + Tài liệu [2]: Unit 26, Review 9 |
| 2 | + Homework Unit 2  + Grammar | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]: Workbook Unit 6  + Tài liệu [2]: Unit 2,19, Review 1,8 |
| 3 | + Homework Unit 3  + Grammar | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]: Workbook Unit 7  + Tài liệu [2]: Unit 2, Review 1 |
| 4 | + Homework Unit 4  + Grammar | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]: Workbook Unit 8  + Tài liệu [2]: Unit 7, Review 3 |
| 5 | + Homework Unit 5  + Grammar | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]:Workbook Unit 9  +Tài liệu [2]: Unit 4, Review 2 |
|  | **Tổng** | **45** | **30** | **15** |  |

*Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Trần Khắc Hoàn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Trần Khắc Hoàn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  KHOA NGOẠI NGỮ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh cơ bản 2
* Tiếng Anh: General English 2

Mã số học phần: 3NN010DC

Số tín chỉ: 03

Phân bố thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Bài tập:15 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

# Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## Giảng viên 1: ThS. Phạm Hải Yến

Email: chichbong30102006@gmail.com

Điện thoại: 0904326222

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

**- Giảng viên 2: ThS. Bùi Thị Xuân Linh**

Email: xuanlinhvuted@gmail.com

Điện thoại: 0946080018

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

## 2.2. Bộ môn:

## 2.3. Khoa: Ngoại ngữ

# 3. Điều kiện tiên quyết: Học phần Tiếng Anh cơ bản 2 (3NN002DC)

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức Tiếng Anh về các chủ đề Feelings, adventure, On screen, Our planet |
| G2 | Có kỹ năng tự học ở bậc học đại học, xử lý các thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng đại cương, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn ngữ và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp vê các chủ đề/ vấn đề trong học phần ở mức độ trung cấp |
| G3 | Có khả năng sử dụng được tiếng Anh liên quan đến các chủ đề Cảm xúc, sự phiêu lưu, phim ảnh và các chương trình truyền hình, hành tinh của chúng ta. |
| G4 | Có năng lực làm việc độc lập như viết bài miêu tả các sự kiện, viết lời mời bằng thư điện tử, viết thư thân mật hay viết lời nhn… |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

**5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Vận dụng kỹ năng tự học (thể hiện tính chủ động, độc lập và sự yêu thích học tập) thông qua việc chuẩn bị bài học và thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần. | - Hoạt động cá nhân (tự học) | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Thảo luận về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng và kết nối với kinh nghiệm và kiến thức học thuật. | - Hoạt động nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** |  | | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | |
| PLO1.1 | | | PLO3.1 | | PLO3.2 | | PLO3.3 | | |
| 1.1.1 | 1.1.2. | | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 3.2.2 | 3.3.1 | 3.3.2 | 3.3.3 |
| CLO1.1 |  | ✓ | |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  | |  | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | | ✓ |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  | |  |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ |
| CLO4.1 | ✓ | ✓ | |  |  | ✓ |  | ✓ |  |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

# Các chủ điểm về Từ vựng, Ngữ pháp; các hoạt động Nghe, Nói, Đọc, Viết. Các chủ điểm trong đời sống hàng ngày về Feelings, adventure, On screen, Our planet. Các thì của động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn. Các mẫu câu: there is/ are, so sánh hơn, so sánh hơn nhất, so sánh bằng. Các từ chỉ số lượng như some, any, a few, a little, a lot of, (not) much / many, How much / many. must, mustn't and needn't/ don't have to. Viết về các sự kiện, thư mời, thư xin việc, các bài báo.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Chuẩn đầu ra học phần** |
| Unit 1 | INTRODUCTION | 9 |  |
| 1.1 | Vocabulary: Sport and hobbies (basketball, drawing, etc.) School subjects (drama, maths, etc.)  Speaking: Discussing school subjects, sports and hobbies | 3 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 1.2 | Grammar: Present tense contrast: simple and present continuous | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 1.3 | Vocabulary: In school (canteen, classroom, etc) | 3 | CLO1.2 |
| 1.4 | Grammar: There is/ are | CLO1.1 |
| 1.5 | Vocabulary: Everyday activities (go shopping, have a picnic, etc) | CLO1.2 |
| 1.6 | Reading: Painless | 3 | CLO1.1;  CLO3.1 |
| 1.7 | Speaking: narrating events | CLO1.2 |
| 1.8 | Writing: A description of events | CLO 3.1 |
| Unit 2 | FEELINGS | 9 |  |
| 2.1 | Vocabulary: Adjectives to describe feelings (anxious, delighted, etc.) Modifying adverds (a bit, extremely, etc.)  Accidents and injuries (to bleed, to burn, etc.) | 3 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 2.2 | Grammar: Past simple (affirmative) | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.3 | Listening: Problems, problems!  Strategy: Listening for gist | 3 | CLO1.2 |
| 2.4 | Grammar: Past simple (negative and interrogative) Question words | CLO1.1 |
| 2.5 | Word skills: Adjectives to describe feelings (anxious, delighted, etc.) Modifying adverbs (a bit, extremely, etc.) | CLO1.2 |
| 2.6 | Reading: Painless A life without pain  Strategy: Matching tasks | 3 | CLO1.1;  CLO3.1 |
| 2.7 | Speaking: Narrating events  Strategy: A structure for narrating events  Key phrases: Reacting and showing interest  Summer activities | CLO1.2 |
| 2.8 | Writing: A description of an event Strategy: Describing people's reactions to an event  Phrasal verbs and register | CLO 3.1 |
| Unit 3 | ADVENTURE | 9 |  |
| 3.1 | Vocabulary:  Landscapes  Features (cave, waterfall, etc.)  Adjectives (narrow, steep, etc.)  Prepositions of movement and position  Recycle: There is and There are for countable and uncountable nouns  Adverts for adventure holidays  Extreme adjectives (delicious, filthy, etc.) | 3 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.2 | Grammar: Past continuous | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Listening: Adrenaline junkies  Strategy: Listening for key words and antonyms  Interview with a BASE jumper | 3 | CLO1.2 |
| 3.4 | Grammar: Contrast: past simple and past continuous while / as and when | CLO1.1 |
| 3.5 | Word skills: Word building related verbs and nouns | CLO1.2 |
| 3.6 | Reading: Lost at sea Strategy: Gapped sentence tasks Vocabulary: Extreme adjectives (delicious, filthy, etc.) | 3 | CLO1.1;  CLO3.1 |
| 3.7 | Speaking: Photo descriptions  Strategy: A structure for a photo description  Key phrases: Describing a photo; Speculating about feelings | CLO1.2;  CLO3.1 |
| 3.8 | Writing: An invitation  Strategy: Using abbreviations and short forms  Vocabulary: Outdoor activities (abseiling, etc.)  Key phrases: Making suggestions  • Writing An email invitation | CLO 3.1 |
| Unit 4 | ON SCREEN | 9 |  |
| 4.1 | Vocabulary: Films and TV programs  - Films and TV programs (animation, musical, etc.)  Adjectives to describe films and TV programs(confusing, gripping, etc.)  Aspects of a film (acting, characters, etc.)  - Social activities (go shopping, have a coffee, etc.)  - Verb + noun collocations (cause concern, do research, etc.) | 3 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.2 | Grammar: Quantity some and any a few, a little, a lot of, (not) much / many, How much / many? | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.3 | Listening: Advertising Strategy: Using the task to predict what you will hear | 3 | CLO1.2 |
| 4.4 | Grammar: must, mustn't and needn't/ don't have to | CLO1.1 |
| 4.5 | Word skills: Negative adjective prefixes | CLO1.2 |
| 4.6 | Reading: Video games and health  Why video games are good for your health  Strategy: Deciding whether multiple-choice questions are asking for gist or specific information | 3 | CLO1.1;  CLO3.1 |
| 4.7 | Speaking:  Reaching an agreement  Strategy: Thinking of key words and phrases in English Key phrases: Expressing likes and dislikes; Expressing a preference; Reaching an agreement  Planning holiday activities | CLO1.2 |
| 4.8 | Writing: An informal letter  Making invitations (Would you like to...?, How about...?, etc.)  Strategy: Writing an informal letter | CLO 3.1 |
| Unit 5 | OUR PLANET | 9 |  |
| 5.1 | Vocabulary:  Weather  - Weather nouns, verbs and adjectives (cloudy, frost, etc.) Describing temperature (It's minus ten, It's below zero, etc.) Speaking: Preparing and presenting a weather report  Recycle: a few, a little, (not) much / many, a lot of  - Environment: compound nouns (climate change, sea levels, etc.) | 3 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 5.2 | Grammar: Comparison Comparative adjectives (not) as ... as, far / much + comparative forms | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.3 | Listening: Eyewitness  Strategy: Identifying the context  Interview with a survivor of a natural disaster | 3 | CLO1.2 |
| 5.4 | Grammar: Superlative adjectives too and enough Superlative adjectives with of and in | CLO1.1 |
| 5.5 | Word skills: Phrasal verbs  Key phrases: Expressing opinions (I think / don't think that ... , As I see it..., etc.), Agreeing and disagreeing | CLO1.2 |
| 5.6 | Reading: Gliders in the storm A bumpy ride | 3 | CLO1.1;  CLO3.1 |
| 5.7 | Speaking: Photo descriptions, Photo comparison  Strategy: A structure for a photo comparison  must and can't for making deductions  Vocabulary: In the street (bus stop, pavement, etc.)  Key phrases: Comparing and contrasting | CLO1.2 |
| 5.8 | Writing: An article  Strategy: Using paragraphs to structure your writing  Key phrases: Presenting opinions and counter-arguments; Making an additional point (e.g. Furthermore ..., Moreover ..., etc.)  Writing A message | CLO 3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học tối thiểu 24/30, Tinh thần thái độ học tốt. | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Làm bài kiểm tra viết  CLO1.1, CLO 1.2, CLO 2.1, CLO 3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi tự luận, Phòng KT&ĐBCL phối hợp Khoa Ngoại ngữ tổ chức thi  CLO1.1, CLO 1.2, CLO 2.1, CLO 3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Tim Falla, Paul A Davies, *Solutions*, Pre-Intermediate - the third edition, Oxford, 2017.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Liz and John Soar, New Headway, Pre-Intermediate, the fourth edition, Oxford, 2018  [3]. Mark Foley, Diane Hall, Total English, Pre-Intermediate, Longman, 2018. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Bài** | **Nội dung** | **Tổng (tiết)** | **LT**  **(tiết)** | **BT (tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 1: INTRODUCTION | 1. Vocabulary: - Sport and hobbies (basketball, drawing, etc.) School subjects (drama, maths, etc.)  - Everyday activities (go shopping, have a picnic,etc)  2. Speaking: - Discussing school subjects, sports and hobbies  - Descibing people  3. Grammar: - Present tense contrast: simple and present continuous: Listen to markers and signs.  - There is/ are | 18 | 9 | 9 | - Bài giảng [1]  - Unit 1  + Tài liệu [1,3]  1. Make a mind map about sports and hobbies.  2. Make notes about your hobbies.  - Talk about your favourite sports. |
| Bài 2  FEELINGS | 1. Vocabulary: Vocabulary: Adjectives to describe feelings (anxious, delighted, etc.) Modifying adverds (a bit, extremely, etc.)  2.Grammar: Past simple.  3. Reading: Painless A life without pain  Strategy: Matching tasks  4. Speaking: Narrating events  Strategy: A structure for narrating events  5. Writing: A description of an event Strategy: Describing people's reactions to an event  Phrasal verbs and register | 18 | 9 | 9 | - Bài giảng [1]  - Unit 2  + Tài liệu [1,2,3] |
| Bài 3  ADVENTURE | 1. Vocabulary:  Landscapes  2. Grammar: Past continuous  3. Grammar: Contrast: past simple and past continuous while / as and when  4. Listening: Adrenaline junkies  Strategy: Listening for key words and antonyms  Interview with a BASE jumper  5. Reading: Lost at sea Strategy: Gapped sentence tasks Vocabulary: Extreme adjectives (delicious, filthy, etc.)  6. Speaking: Photo descriptions  Strategy: A structure for a photo description  7. Writing: An invitation | 18 | 9 | 9 | - Bài giảng [1]  - Unit 3  + Tài liệu [1,3] |
| Bài 4  ON SCREEN | 1. Vocabulary: Films and TV programs  2. Grammar: Quantity some and any a few, a little, a lot of, (not) much / many, How much / many?  3. Word skills: Negative adjective prefixes  4. Reading: Video games and health  Why video games are good for your health  5. Speaking:  Reaching an agreement  Planning holiday activities  6. Writing: An informal letter  Making invitations (Would you like to...?, How about...?, etc.)  Strategy: Writing an informal letter | 18 | 9 | 9 | - Bài giảng [1]  - Unit 4  + Tài liệu [1,2] |
| Bài 5  SCIENCE | 11. Vocabulary:  Weather  2. Grammar: Comparison Comparative adjectives (not) as ... as, far / much + comparative forms  - Superlative adjectives too and enough Superlative adjectives with of and in  3. Listening: Eyewitness  4. Word skills: Phrasal verbs  Key phrases: Expressing opinions (I think / don't think that ... , As I see it..., etc.), Agreeing and disagreeing  5. Speaking: Photo descriptions, Photo comparison  6. Writing: An article  Strategy: Using paragraphs to structure your writing  Key phrases: Presenting opinions and counter-arguments; Making an additional point (e.g. Furthermore ..., Moreover ..., etc.)  • Writing A message | 18 | 9 | 9 | - Bài giảng [1]  - Unit 5  + Tài liệu [1,3] |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Trần Khắc Hoàn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Trần Khắc Hoàn** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC  SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA NGOẠI NGỮ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh cơ bản 3
* Tiếng Anh: General English 3

Mã số học phần: 4NN001DC

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30; Bài tập: 15; Tự học: 90;

# 2. Đơn vị quản lý học phần:

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Bùi Thị Xuân Linh**

Email: xuanlinhvuted@gmail.com

Điện thoại: 0946080018

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, thiết kế chương trình

* **Giảng viên 2: ThS. Lê Minh Sao**

Email: leminhsao@gmail.com

Điện thoại: 0396367789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, thiết kế chương trình

## 2.2. Bộ môn:

## 2.3. Khoa: Ngoại ngữ

# 3. Điều kiện tiên quyết: Học phần Tiếng Anh cơ bản 2 (4NN002DC)

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức tiếng Anh ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. |
| G2 | Có kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về văn hóa-xã hội, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần tương ứng với cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN. |
| G3 | Có khả năng sử dụng được tiếng Anh trong công việc hàng ngày. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc của Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm  - Thực hành | Tự luận/Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo khung NLNN 6 bậc của Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm  - Thực hành | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G2 | CLO2.1 | S3 | Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần | Hoạt động cá nhân (tự học) | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G3 | CLO3.2 | S3 | Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng tiếng Anh trong các hoạt động nghề nghiệp. | Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận/Trắc nghiệm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |  |
| **PLO 1.1** | **PLO 3.1** | **PLO 3.2** | **PLO 3.3** |
| **1.1.1** | **3.1.1** | **3.2.2** | **3.3.3** |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày như: các từ loại trạng từ, tính từ, các thì ngữ pháp, câu điều kiện, lời nói gián tiếp, thể bị động; ... Các nội dung Nghe, Nói, Đọc, Viết về kỳ nghỉ, nghề nghiệp, phát minh và các kỹ năng hiểu ngôn ngữ thông qua ngữ cảnh, các loại từ, các nghĩa khác nhau của từ, các cấu trúc ngữ pháp, gồm các chủ đề bài học: AMBITIONS, TOURISIM, MONEY CRIME,SCIENCE.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | AMBITIONS | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 1.1 | Vocabulary: Job Description (low paying, creative, etc.) Work Activity (travels a lot, works alone, etc.) : Speaking: A questionnaire; Recycle: Simple affirmative and negative past Teenagers talk about summer jobs | 3 |
| 1.2 | Grammar: will and going to Use adverbs to make certain or more predictions . Change jobs Strategy: Listen to markers and signs |
| 1.3 | Vocabulary: Jobs (2) (builder, locksmith, etc.) | 3 |
| 1.4 | Grammar: first conditional |
| 1.5 | Word skills: Single words versus hyphenated words |
| 1.6 | Reading: Dream jobs The best jobs in the world... probably Strategy: Completing a gap-fill text Vocabulary: Work-related collocations (look for a job, take the day off, etc.) | 3 |
| 1.7 | Speaking: Choosing a job Vocabulary: Personal qualities ( flexible, honest, etc.) |
| 1.8 | Writing: An application letter Strategy: Structuring a formal letter |
| Bài 2 | TOURISM | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 2.1 | 2.1. Vocabulary: Visitor attractions (aquarium, castle, etc.) Describing visitor attractions (cheap, touristy, etc.) Speaking: Discussing visitor attractions Recycle: will and going to A guided tour | 3 |
| 2.2 | 2.2. Grammar: Present perfect been and gone |
| 2.3 | 2.3. Vocabulary: Check your ticket! Strategy: Emphatic stress A misunderstanding | 3 |
| 2.4 | 2.4. Grammar: Contrast: past simple and present perfect contrast Finished-time expressions (yesterday, last week, etc.) |
| 2.5 | 2.5. Word skills: Compounds Compound nouns: noun + noun and adjective + noun Vocabulary: At an airport: compound nouns (hand luggage, seat belt, etc.) |
| 2.6 | 2.6. Reading: Holidays without parents Free at last? Strategy: Multiple-choice questions Vocabulary: Holidays: compound nouns (campsite, suncream, etc.) | 3 |
| 2.7 | 2.7. Speaking: Planning a holiday Strategy: Asking for clarification Vocabulary: Tourist attractions (carnival, square, etc.) Key phrases: Making, accepting and declining suggestions ; Expressing no preference |
| 2.8 | 2.8. Writing: A holiday blog Strategy: Informal omission of sentence subjects Vocabulary: Holiday activities (go kayaking, hire a bike, etc.) |
| Bài 3 | MONEY | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2,  CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 3.1 | 3.1. Vocabulary: Spending power Numbers and currencies Shops and services (bank, florist's, etc.) Shopping (bargain, discount, etc.) Recycle: Present perfect with ever for asking about experiences Dialogues in shops | 3 |
| 3.2 | 3.2. Grammar: Second conditional |
| 3.3 | 3.3. Vocabulary: Honesty pays Strategy: Reading the task to identify what to listen for Vocabulary: Verbs to do with money (afford, borrow, etc.) A story about honesty Talking about money | 3 |
| 3.4 | 3.4. Grammar: Past perfect Use of English |
| 3.5 | 3.5. Word skills: Verb + infinitive or –ing form |
| 3.6 | 3.6. Reading: Aaron Levie Box clever Strategy: Gapped sentence tasks Vocabulary: Business (contract, funding, etc.) | 3 |
| 3.7 | 3.7. Speaking: Photo comparison and presentation Strategy: Using set phrases to structure a presentation Key phrases: comparing similarities and differences; Structuring your speech |
| 3.8 | 3.8. Writing: An opinion essay Strategy: Varying your sentence structure; Verb patterns Dictionary work |
| Bài 4 | CRIME | 9 |
| 4.1 | 4.1. Vocabulary: Crimes police and criminals Crimes and criminals (arson, smuggler, etc.) | 3 |
| 4.2 | 4.2. Grammar: Reported speech (1) Pronouns and time Collocations: work (arrest a suspect, search an area, etc.) expressions in reported Recycle: Comparatives and superlatives News reports speech |
| 4.3 | 4.3. Vocabulary: A life of crime Strategy: Listening for paraphrase Bonnie and Clyde | 3 |
| 4.4 | 4.4. Grammar: Reported speech (2) tell and say |
| 4.5 | 4.5. Word skills: Adjective suffixes Dictionary work Use of English |
| 4.6 | 4.6. Reading: An Australian murder mystery Who was the Somerton Man? Strategy: Predicting the answers to multiple choice questions Key phrases: Expressing an opinion; Giving a tentative opinion; Making an additional point Describing photos of crimes | 3 |
| 4.7 | 4.7. Speaking: An email Strategy: Using sequencing words to move a narrative forward Key phrases: Sequencing phrases (just then, etc.) Use of English Vocabulary: Everyday items (comb, matches, etc.); Compound nouns (a train ticket, chewing gum, etc.) |
| 4.8 | 4.8. Writing: Photo description and comparison Strategy: Using a variety of phrases to introduce your opinions |
| Bài 5 | SCIENCE | 9 | CLO1.1; CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 5.1 | 5.1. Vocabulary: Gadgets Materials (concrete, steel, etc.) Describing technology (curved, battery, etc.) Recycle: Zero conditional Gadget shop dialogues | 3 |
| 5.2 | 5.2. Grammar: The passive (present simple and past simple) Adverbs with the passive |
| 5.3 | 5.3. Vocabulary: Intentions of the speaker Strategy: Identifying speaker intention Vocabulary: Intentions (apologise, recommend, etc.) Five monologues | 3 |
| 5.4 | 5.4. Grammar: The passive (present perfect and future) |
| 5.5 | 5.5. Word skills: Verb + preposition Verbs which take more than one preposition Dictionary work Inventions the world forgot Strategy: True/false/doesn't say tasks Vocabulary: Noun endings (invention, recording, etc.) |
| 5.6 | 5.6. Reading: Great inventions? | 3 |
| 5.7 | 5.7. Speaking: Making a complaint Strategy: Covering all points in the task and responding to the examiner Vocabulary: Gadgets (e-book reader, tablet, etc.); Parts of gadgets (case, dial, etc.) Key phrases: Making and dealing with complaints (There's a problem with ..., Can you fix it?, etc.) Complaints |
| 5.8 | 5.8. Writing: A formal letter Strategy: Using conjunctions to make complex sentences Key phrases: Summing up (On balance, I think..., Overall, ... in my opinion, etc.) Writing A formal letter |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học tối thiểu 36/45 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết tự luận giữa kỳ tại lớp, bài tập về nhà, hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV), hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của GV, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà)  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết trở lên.  - Thi viết tự luận (90 phút).  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Tim Falla, Paul A Davies: *Solution.* Pre-Intermediate. Oxford, 2017

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [1] Raymond Murphy: *English Grammar in Use*. Oxford, 2010 [2] Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles: *Destination B1.* CUP 2010 [3] Liz and John Soar: *New Headway.*  Pre-Intermediate, the fourth edition – Oxford, 2018 11. Hướng dẫn tự học của học phần  | **Bài** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | + Homework Unit 1  + Grammar | 18 | 18 | 0 | + Tài liệu chính [1]: Workbook Unit 5  + Tài liệu tham khảo [2]: Unit 1-3, Review 1 | | 2 | + Homework Unit 2  + Grammar | 18 | 18 | 0 | + Tài liệu chính [1]: Workbook Unit 6  + Tài liệu tham khảo [2]: Unit 1-3, Review 2 | | 3 | + Homework Unit 3  + Grammar | 18 | 18 | 0 | + Tài liệu chính [1]: Workbook Unit 7  + Tài liệu tham khảo [2]: Unit 1-3, Review 3 | | 4 | + Homework Unit 4  + Grammar | 18 | 18 | 0 | + Tài liệu chính [1]: Workbook Unit 8  + Tài liệu tham khảo [2]: Unit 1-3, Review 4 | | 5 | + Homework Unit 5  + Grammar | 18 | 18 | 0 | + Tài liệu chính [1]: Workbook Unit 9  + Tài liệu tham khảo [2]: Unit 1-3, Review 5 | |  | **Tổng** | **90** | **45** | **45** |  | |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Trần Khắc Hoàn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Trần Khắc Hoàn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC  SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA NGOẠI NGỮ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế
* Tiếng Anh: English for Economics

Mã số học phần: 2NN007DC

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20; Bài tập: 10; Tự học: 60;

# 2. Đơn vị quản lý học phần:

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Bùi Thị Xuân Linh**

Email: xuanlinhvuted@gmail.com

Điện thoại: 0946080018

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, thiết kế chương trình

* **Giảng viên 2: TS. Trần Khắc Hoàn**

Email: hoanktv115@gmail.com

Điện thoại: 0912448636

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Anh

## 2.2. Bộ môn:

## 2.3. Khoa: Ngoại ngữ

# 3. Điều kiện tiên quyết: Học phần Tiếng Anh cơ bản 3 (2NN001DC)

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức tiếng Anh về các chủ đề kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường, tiền tệ, nghiên cứu thị trường, tài chính, thuế, đấu giá, kinh doanh, ... |
| G2 | Có kỹ năng tự học ở bậc đại học, xử lý thông tin về các chủ đề trong học phần để nâng cao kiến thức nền tảng về chuyên ngành kinh tế, sử dụng các phương thức giao tiếp phi ngôn và hữu ngôn trong các hoạt động giao tiếp về các chủ đề/vấn đề trong học phần ở mức độ trung cấp |
| G3 | Có khả năng sử dụng được tiếng anh liên quan đến chuyên ngành kinh tế tại nơi làm việc. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ) ở trình độ trung cấp đối với chuyên ngành kinh tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận/Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp đối với chuyên ngành kinh tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G2 | CLO 2.1 | S3 | Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao trong học phần | Hoạt động cá nhân (tự học) | Tự luận/Trắc nghiệm |
| G3 | CLO3.2 | S3 | Thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm với cá nhân, tổ chức và ứng dụng tiếng Anh trong các hoạt động nghề nghiệp. | Thảo luận theo cặp, nhóm | Tự luận/Trắc nghiệm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |  |
| **PLO 1.1** | **PLO 3.1** | **PLO 3.2** | **PLO 3.3** |
| **1.1.1** | **3.1.1** | **3.2.1** | **3.3.3** |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cơ bản (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) về tiếng Anh; sử dụng đúng các từ loại trạng từ, tính từ, các thì ngữ pháp, câu điều kiện, lời nói gián tiếp, thể bị động; nắm vững các từ ngữ về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường, tiền tệ, nghiên cứu thị trường, tài chính, thuế, đấu giá, kinh doanh, ... đồng thời rèn luyện 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần gồm các bài học về các chủ đề: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường, tiền tệ, nghiên cứu thị trường, tài chính, thuế, đấu giá, kinh doanh.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| UNIT 1 | MICROECONOMICS | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 1.1. | Vocabulary: Macroeconomics |  |
| 1.2. | Reading: Macroeconomics |  |
| 1.3. | Grammar: Get + Vpp |  |
| UNIT 2 | MACROECONOMICS | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 2.1. | Vocabulary: Microeconomics |  |
| 2.2. | Reading: Microeconomics |  |
| 2.3. | Grammar: That Clause |  |
| UNIT 3 | MARKETING ECONOMY | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 3.1. | Vocabulary: Marketing economy |  |
| 3.2. | Reading: Marketing economy |  |
| 3.3. | Grammar: Prefixes |  |
| UNIT 4 | MONEY AND ITS FUNCTIONS | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 4.1. | Vocabulary: Money and its functions |  |
| 4.2. | Reading: Money and its functions |  |
| 4.3. | Grammar: Relative clause |  |
| UNIT 5 | MARKETING, ANALYSIS OF MARKETING OPPORTUNITIES | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 5.1. | Vocabulary: Marketing |  |
| 5.2. | Reading: Marketing |  |
| 5.3. | Grammar: Pronouns |  |
| UNIT 6 | FINANCE | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 6.1. | Vocabulary: Finance |  |
| 6.2. | Reading: Finance |  |
| 6.3. | Grammar: Word formation |  |
| UNIT 7 | TAXATION | 4 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |
| 7.1. | Vocabulary: Taxation |  |
| 7.2. | Reading: Taxation |  |
| 7.3. | Grammar: Present Participle |  |
| Review |  | 2 | CLO1.1;  CLO1.2  CLO2.1, CLO3.2, |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học tối thiểu 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết tự luận tại lớp, bài tập về nhà.  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết trở lên.  - Thi viết tự luận (90 phút).  - CĐR: CLO1.1; CLO1.2, CLO2.1, CLO3.2, | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] TS. Trần Khắc Hoàn, Bùi Thị Xuân Linh: *English for Economics.* Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 2016

**10.2 Tài liệu tham khảo**

# [2] Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles. *Destination B1.* CUP 2010

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Bài** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| UNIT 1 | MICROECONOMICS | 8 | 8 | 0 | -Tài liệu chính [1] - UNIT 1  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 2 | MACROECONOMICS | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 2  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 3 | MARKETING ECONOMY | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 3  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 4 | MONEY AND ITS FUNCTIONS | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 4  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 5 | MARKETING, ANALYSIS OF MARKETING OPPORTUNITIES | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 5  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 6 | FINANCE | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 6  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| UNIT 7 | TAXATION | 8 | 8 | 0 | - Tài liệu chính [1] - UNIT 7  - Tài liệu tham khảo[1], [2] |
| REVIEW |  | 4 | 4 | 0 | - Tài liệu tham khảo[1], [2] |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Trần Khắc Hoàn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Trần Khắc Hoàn** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng cộng sản Việt Nam
* Tiếng Anh: Defense and security policies of the Communist Party of Vietnam

Mã số học phần: 3TQ001DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 37 tiết; bài tập, thảo luận: 08 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện**

Email: [nvluyen76@gmail.com](mailto:nvluyen76@gmail.com)

Sdt: 0976302888

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

* **Giảng viên 2: ThS. Pham Văn Thám**

Email: [thamkt3@gmail.com](mailto:thamkt3@gmail.com)

Sdt: 0813127882

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Nghệ thuật quân sự Việt Nam

## 2.2. Bộ môn: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức về quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghệ thuật quân sự trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Có kiến thức về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân An ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. |
| G2 | Vận dụng quan điểm của Đảng về quân sự quốc phòng địa phương để giải thích được những vấn đề về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. |
| Vận dụng đường lối nghệ thuật quân sự của Đảng để phân tích được những vấn đề liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. |
| G3 | Thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân trước cộng đồng, có ý thức tổ chức, kỷ luật trước tập thể. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Chấp hành nghiêm túc đường lối quân sự của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh của Nhà nước. | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Xác định được Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Giải thích được hiện tượng, bản chất các yêu sách về chủ quyền biển đảo của các thế lực bành trướng. | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| CLO2.2 | S2 | Xác định được những vấn đề liên quan đến hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm đối với hoạt động quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Có tác phong kỷ luật trước tập thể | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Thông qua đó giúp người học phân tích được những vấn đề cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học | 2 |  |
| 1.1 | Mục đích, yêu cầu | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.2.1 | Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng |  |  |
| 1.2.2 | Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh |  |  |
| 1.2.3 | Nghiên cứu về quân sự và kĩ năng quân sự cần thiết |  |  |
| 1.3 | Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu. | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.3.1 | Cơ sở phương pháp luận |  |  |
| 1.3.2 | Các phương pháp nghiên cứu |  |  |
| 1.4 | Giới thiệu về môn học Giáo dục quốc phòng an ninh | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.4.1 | Đặc điểm môn học |  |  |
| 1.4.2 | Chương trình |  |  |
| 1.4.3 | Cơ sở vật chất thiết bị dạy học |  |  |
| 1.4.4 | Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập |  |  |
| Bài 2 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc | 4 |  |
| 2.1 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 2.1.1 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh |  |  |
| 2.1.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh |  |  |
| 2.2 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 2.2.1 | Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội |  |  |
| 2.2.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội |  |  |
| 2.3 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa | 1 | CLO1.1 |
| 2.3.1 | Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan |  |  |
| 2.3.2 | Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động |  |  |
| 2.3.3 | Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội |  |  |
| 2.3.4 | Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa |  |  |
| 2.4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa | 1 | CLO3.1 |
| 2.4.1 | Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan |  |  |
| 2.4.2 | Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân |  |  |
| 2.4.3 | Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại |  |  |
| 2.4.4 | Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa |  |  |
| Bài 3 | Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân An ninh nhân dân | 4 |  |
| 3.1 | Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.1.1 | Vị trí |  |  |
| 3.1.2 | Đặc trưng |  |  |
| 3.2 | Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | 1.5 | CLO3.1 |
| 3.2.1 | Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay |  |  |
| 3.2.2 | Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay |  |  |
| 3.2.3 | Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh |  |  |
| 3.2.4 | Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc |  |  |
| 3.3 | Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay | 1.5 | CLO3.1 |
| 3.3.1 | Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng - an ninh |  |  |
| 3.3.2 | Tăng cư­ờng sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |  |  |
| 3.3.3 | Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |  |  |
| Bài 4 | Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | 4 |  |
| 4.1 | Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | 1 | CLO3.1 |
| 4.1.1 | Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc |  |  |
| 4.1.2 | Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc |  |  |
| 4.2 | Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | 1.5 | CLO3.1  CLO2.1 |
| 4.2.1 | Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực |  |  |
| 4.2.2 | Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh |  |  |
| 4.2.3 | Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt |  |  |
| 4.2.4 | Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh |  |  |
| 4.2.5 | Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn |  |  |
| 4.2.6 | Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới |  |  |
| 4.3 | Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc | 1.5 | CLO2.2  CLO2.1 |
| 4.3.1 | Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân |  |  |
| 4.3.2 | Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân |  |  |
| 4.3.3 | Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong |  |  |
| Bài 5 | Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | 4 |  |
| 5.1 | Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | 1 | CLO1.1 |
| 5.1.1 | Khái niệm |  |  |
| 5.1.2 | Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân |  |  |
| 5.1.3 | Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kì mới |  |  |
| 5.2 | Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới | 1.5 | CLO3.1  CLO2.1 |
| 5.2.1 | Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại |  |  |
| 5.2.2 | Xây dựng lực lượng dự bị động viên |  |  |
| 5.2.3 | Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ |  |  |
| 5.3 | Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | 1.5 | CLO3.1  CLO2.1 |
| Bài 6 | Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng An ninh và đối ngoại | 4 |  |
| 6.1 | Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam | 1 | CLO1.1 |
| 6.1.1 | Cơ sở lí luận của sự kết hợp |  |  |
| 6.1.2 | Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp |  |  |
| 6.2 | Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay | 1.5 | CLO3.1 |
| 6.2.1 | Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội |  |  |
| 6.2.2 | Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ |  |  |
| 6.2.3 | Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu |  |  |
| 6.2.4 | Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc |  |  |
| 6.2.5 | Kết hợp trong hoạt động đối ngoại |  |  |
| 6.3 | Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế − xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam hiện nay | 1.5 | CLO3.1  CLO2.1 |
| 6.3.1 | Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lí nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh |  |  |
| 6.3.2 | Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh cho các đối tượng |  |  |
| 6.3.3 | Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong thời kì mới |  |  |
| 6.3.4 | Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới |  |  |
| 6.3.5 | Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp |  |  |
| Bài 7 | Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam | 6 |  |
| 7.1 | Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta | 2 | CLO1.1 |
| 7.1.1 | Đất nước trong buổi đầu lịch sử |  |  |
| 7.1.2 | Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc |  |  |
| 7.1.3 | Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược |  |  |
| 7.1.4 | Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta |  |  |
| 7.2 | Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo | 2 | CLO1.1 |
| 7.2.1 | Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam |  |  |
| 7.2.2 | Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo |  |  |
| 7.3 | Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới và trách nhiệm của sinh viên | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.3.1 | Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công |  |  |
| 7.3.2 | Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc |  |  |
| 7.3.3 | Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế |  |  |
| 7.3.4 | Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch |  |  |
| 7.3.5 | Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu |  |  |
| 7.3.6 | Trách nhiệm của sinh viên |  |  |
| Bài 8 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới | 4 |  |
| 8.1 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia | 1.5 | CLO2.1 |
| 8.1.1 | Chủ quyền biển đảo quốc gia |  |  |
| 8.1.2 | Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia |  |  |
| 8.2 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia | 1.5 | CLO2.1 |
| 8.2.1 | Biên giới quốc gia |  |  |
| 8.2.2 | Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia |  |  |
| 8.3 | Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới | 1 | CLO3.1 CLO2.1 |
| 8.3.1 | Quan điểm |  |  |
| 8.3.2 | Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, biên giới quốc gia trong tình hình mới |  |  |
| Bài 9 | Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng | 6 |  |
| 9.1 | Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ | 2 | CLO1.1 |
| 9.1.1 | Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ |  |  |
| 9.1.2 | Nội dung xây dựng dân quân tự vệ |  |  |
| 9.1.3 | Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay |  |  |
| 9.2 | Xây dựng lực lượng dự bị động viên | 2 | CLO1.1 |
| 9.2.1 | Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc |  |  |
| 9.2.2 | Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên |  |  |
| 9.2.3 | Nội dung xây dựng lực lư­ợng dự bị động viên |  |  |
| 9.2.4 | Một số biện pháp xây dựng lực lư­ợng dự bị động viên |  |  |
| 9.3 | Động viên quốc phòng | 2 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 9.3.1 | Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên quốc phòng |  |  |
| 9.3.2 | Một số nội dung động viên quốc phòng |  |  |
| 9.3.3 | Thực hành động viên quốc phòng |  |  |
| 9.3.4 | Một số biện pháp chính thực hiện động viên quốc phòng |  |  |
| Bài 10 | Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc | 4 |  |
| 10.1 | Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc | 1.5 | CLO1.1 |
| 10.1.1 | Quan điển về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc. |  |  |
| 10.1.2 | Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ |  |  |
| 10.2 | Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc | 1.5 | CLO3.1 CLO2.2 |
| 10.2.1 | Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc |  |  |
| 10.2.2 | Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc |  |  |
| 10.3 | Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc | 1 | CLO3.1 CLO2.2 |
| 10.3.1 | Mọi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước |  |  |
| 10.3.2 | Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trư­­ờng và của địa phư­­ơng nơi cư­ trú. |  |  |
| 10.3.3 | Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương |  |  |
| 10.3.4 | Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa ph­­ương, phát hiện những hiện t­ượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xẩy ra trong Học viện và nơi cư­­ trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết |  |  |
| Bài 11 | Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội | 3 |  |
| 11.1 | Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội | 0.5 | CLO1.1 |
| 11.1.1 | Các khái niệm cơ bản |  |  |
| 11.1.2 | Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.2 | Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội | 0.5 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 11.2.1 | Một số nét về tình hình an ninh quốc gia |  |  |
| 11.2.2 | Tình hình về trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.3 | Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới | 0.5 | CLO1.1 |
| 11.3.1 | Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn |  |  |
| 11.3.2 | Tình hình khu vực Đông Nam á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định |  |  |
| 11.3.3 | Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới |  |  |
| 11.4 | Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội | 0.5 | CLO2.2 |
| 11.4.1 | Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia |  |  |
| 11.4.2 | Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.4.3 | Các tai nạn, tệ nạn xã hội |  |  |
| 11.5 | Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội | 0.5 | CLO2.2 |
| 11.5.1 | Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.5.2 | Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc |  |  |
| 11.5.3 | Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.6 | Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội | 0.5 | CLO2.2 |
| 11.6.1 | Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội |  |  |
| 11.6.2 | Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ kiểm tra.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Chủ động chuẩn bị các nội dung bài mới trước khi lên lớp.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36/45 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi tự luận  CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi tự luận  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1] Luật Quốc phòng Việt Nam, năm 2018. |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Công tác quốc phòng an ninh
* Tiếng Anh: Defense and security work

Mã số học phần: 3TQ002DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 22 tiết; bài tập, thảo luận: 08 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Đình Tuấn**

Email: [nguyendinhtuan79ktv@gmail.com](mailto:nguyendinhtuan79ktv@gmail.com)

Sdt: 0982728288

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: chiến lược “diến biến hòa bình” của thế lực thù địch.

* **Giảng viên 2: ThS. Lê Anh Thơ**

Email: [anhtho8486@gmail.com](mailto:anhtho8486@gmail.com)

Sdt: 0965658500

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: an ninh mạng.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: 2TQ001DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức về chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Kiến thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác, an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. |
| G2 | Thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác, an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. |
| Đấu tranh,  phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN. |
| G3 | Vận dụng những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực phòng chống tội phạm, bảo vệ an ninh Tổ quốc.  Thường xuyên, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, phòng chống vi phạm pháp luật. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Lựa chọn kiến thức về công tác quốc phòng và an ninh áp dụng trong quá trình giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia. | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của một người công dân với Tổ quốc, lên án và ngăn chặn các hành động vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống. | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| CLO2.2 | S2 | Xác định được nguy cơ “diễn biến hòa bình”, bạo loạn của các thế lực thù địch đối với Việt Nam | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Vận dụng kiến thức về quốc phòng và an ninh để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO2.2 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần giúp cho sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Thông qua đó giúp người học phân tích được những vấn đề cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam | 4 |  |
| 1.1 | Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 1.1.1 | Khái niệm |  |  |
| 1.1.2 | Sự hình thành và phát triển của chiến lược "Diễn biến hoà bình" |  |  |
| 1.1.3 | Bạo loạn lật đổ |  |  |
| 1.2 | Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 1.2.1 | Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam |  |  |
| 1.2.2 | Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam |  |  |
| 1.3 | Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 1.3.1 | Mục tiêu |  |  |
| 1.3.2 | Nhiệm vụ |  |  |
| 1.3.3 | Quan điểm chỉ đạo |  |  |
| 1.3.4 | Phương châm tiến hành |  |  |
| 1.4 | Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 1.4.1 | Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế |  |  |
| 1.4.2 | Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ |  |  |
| 1.4.3 | Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân |  |  |
| 1.4.4 | Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt |  |  |
| 1.4.5 | Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh |  |  |
| 1.4.6 | Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch |  |  |
| 1.4.7 | Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động |  |  |
| Bài 2 | Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | 6 |  |
| 2.1 | Một số vấn đề cơ bản về dân tộc | 2 | CLO1.1 |
| 2.1.1 | Một số vấn đề chung về dân tộc |  |  |
| 2.1.2 | Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay |  |  |
| 2.2 | Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo | 2 | CLO1.1 |
| 2.2.1 | Một số vấn đề chung về tôn giáo |  |  |
| 2.2.2 | Nguồn gốc của tôn giáo |  |  |
| 2.2.3 | Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa |  |  |
| 2.2.4 | Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay |  |  |
| 2.3 | Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | 2 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 2.3.1 | Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |
| 2.3.2 | Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |
| 2.3.3 | Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |
| Bài 3 | Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | 4 |  |
| 3.1 | Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | 2 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 3.1.1 | Khái niệm, vai trò và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường |  |  |
| 3.1.2 | Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường |  |  |
| 3.1.3 | Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường |  |  |
| 3.2 | Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | 2 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 3.2.1 | Khái niệm, đặc điểm |  |  |
| 3.2.2 | Nội dung, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường |  |  |
| 3.2.3 | Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường |  |  |
| 3.2.4 | Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các nhà trường |  |  |
| Bài 4 | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông | 4 |  |
| 4.1 | Những vấn đề chung về bảo đảm trật tự an toàn giao thông | 2 | CLO2.1 |
| 4.1.1 | Một số khái niệm cơ bản |  |  |
| 4.1.2 | Thực trạng bảo đảm trật tự an toàn giao thông ở Việt Nam gần đây |  |  |
| 4.1.3 | Nguyên nhân vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông |  |  |
| 4.2 | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông | 2 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 4.2.1 | Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông |  |  |
| 4.2.2 | Chủ thể phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông |  |  |
| 4.2.3 | Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông |  |  |
| Bài 5 | Phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác | 4 |  |
| 5.1 | Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác | 2 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 5.1.1 | Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác |  |  |
| 5.1.2 | Phân loại các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm |  |  |
| 5.1.3 | Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội danh dự, nhân phẩm |  |  |
| 5.2 | Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác | 2 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 5.2.1 | Khái niệm phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác |  |  |
| 5.2.2 | Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác |  |  |
| 5.2.3 | Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm |  |  |
| 5.2.4 | Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm |  |  |
| 5.2.5 | Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường |  |  |
| Bài 6 | An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | 4 |  |
| 6.1 | Thực trạng an toàn thông tin hiện nay | 1 | CLO2.1 |
| 6.1.1 | Khái niệm an toàn thông tin |  |  |
| 6.1.2 | Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới |  |  |
| 6.1.3 | Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam |  |  |
| 6.2 | Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng | 1 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 6.2.1 | Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử |  |  |
| 6.2.2 | Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội |  |  |
| 6.2.3 | Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội |  |  |
| 6.2.4 | Chiếm quyền giám sát Camera IP |  |  |
| 6.2.5 | Lừa đảo chiếm đoạt tài sản |  |  |
| 6.2.6 | Deep web và Dark web |  |  |
| 6.3 | Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | 1 | CLO2.2 CLO3.1 |
| 6.3.1 | Cơ sở pháp lý |  |  |
| 6.3.2 | Các biện pháp |  |  |
| 6.4 | Đường dây nóng của bộ công an tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm | 1 | CLO2.1 CLO3.1 |
| Bài 7 | An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam | 4 |  |
| 7.1 | Các khái niệm cơ bản | 1 | CLO1.1 |
| 7.1.1 | An ninh truyền thống |  |  |
| 7.1.2 | An ninh phi truyền thống |  |  |
| 7.1.3 | Nhận diện An ninh phi truyền thống |  |  |
| 7.2 | Những thách thức và đe dọa của an ninh phi truyền thống | 1.5 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 7.2.1 | Những mối nguy của an ninh phi truyền thống |  |  |
| 7.2.2 | Tác động của an ninh phi truyền thống |  |  |
| 7.3 | Quan điểm và giải pháp cơ bản phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa từ các vấn đề anptt ở việt nam hiện nay | 1.5 | CLO2.1 CLO3.1 |
| 7.3.1 | Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong giải quyết các vấn đề về an ninh phi truyền thống |  |  |
| 7.3.2 | Giải pháp cơ bản phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa từ các vấn đề ANPTT ở Việt Nam hiện nay |  |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ kiểm tra.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Chủ động chuẩn bị các nội dung bài mới trước khi lên lớp.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi tự luận  CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi tự luận  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB. Giáo dục Việt Nam.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1]. Luật Quốc phòng Việt Nam năm 2018. |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quân sự chung
* Tiếng Anh: General Military

Mã số học phần: 3TQ203DC

Số tín chỉ: 1

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 14 tiết; thực hành: 16 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: Hoàng Công Minh**

Email: [hcminhktv@gmail.com](mailto:hcminhktv@gmail.com)

Sdt: 0989695678

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính:điều lệnh đội ngũ từng người có súng

* **Giảng viên 2: Nguyễn Xuân Trường**

Email: [Truongxuan181089@gmail.com](mailto:Truongxuan181089@gmail.com)

Sdt: 0982815015

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh, số 117 Nguyễn Viết Xuân, TP Vinh, Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính**:** điều lệnh đội ngũ đơn vị

## 2.2. Bộ môn: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức: chung về quân sự phổ thông,các quân binh chủng trong quân đội, các chế độ sinh hoạt, nề nếp trong doanh trại. |
| G2 | Thực hiện một số kỹ năng, động tác cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu; Thực hiện thành thạo điều lệnh đội ngũ. |
| G3 | Rèn luyện tính kỷ luật trong sinh hoạt, quá trình học tập và công tác. Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được kiến thức về các quân, binh chủng. Các chế độ sinh hoạt, học tập trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp trong doanh trại | - Thuyết trình  - Vấn đáp | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện được các động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, điều lệnh đội ngũ đơn vị | - Thuyết trình  - Làm mẫu  - Luyện tập | Thực hành |
| CLO2.2 | S3 | Sử dụng cơ bản bản đồ. Thực hiện các biện pháp phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | - Thuyết trình  - Làm mẫu  - Luyện tập | Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Rèn luyện tính kỷ luật, tác phong nghiêm túc trong quá trình học tập, sinh hoạt và trong công tác sau này. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc. | - Thuyết trình  - Luyện tập | Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; thực hiện Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần | 2 |  |
| 1.1 | Phân phối thời gian | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.1.1 | Thời gian làm việc trong tuần, trong ngày |  |  |
| 1.1.2 | Sử dụng các buổi tối trong tuần |  |  |
| 1.1.3 | Thời gian làm việc của từng mùa |  |  |
| 1.2 | Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày | 0.75 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 1.3 | Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong tuần | 0.75 | CLO1.1 CLO3.1 |
| Bài 2 | Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại | 2 |  |
| 2.1 | Các chế độ nền nếp chính quy | 1 | CLO1.1 |
| 2.1.1 | Chấp hành lễ tiết tác phong quân nhân |  |  |
| 2.1.2 | Thời gian biểu |  |  |
| 2.1.3 | Bố trí hệ thống biển bảng, dây, giá trong doanh trại |  |  |
| 2.2 | Bố trí trật tự nội vụ, vệ sinh trong doanh trại | 1 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 2.2.1 | Gấp xếp, đặt chăn, gối, ba lô, mũ |  |  |
| 2.2.2 | Treo quần áo thường dùng, xếp đặt giá giày, dép |  |  |
| 2.2.3 | Sách, vở, tài liệu và các vật chất khác |  |  |
| Bài 3 | Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội | 4 |  |
| 3.1 | Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng | 2 | CLO1.1 |
| 3.1.1 | Tổ chức và hệ thống tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |
| 3.1.2 | Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |
| 3.2 | Lịch sử, truyền thống các quân, binh chủng | 2 | CLO1.1 |
| 3.2.1 | Quân chủng Lục Quân |  |  |
| 3.2.2 | Quân chủng Hải quân |  |  |
| 3.2.3 | Quân chủng Phòng không - Không quân |  |  |
| Bài 4 | Điều lệnh đội ngũ từng người có súng | 4 |  |
| 4.1 | Động tác khám súng và khám súng xong của súng tiểu liên ak | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Nghiêm, nghỉ quay tại chỗ có súng | 0.75 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.3 | Sửa dây súng và sửa xong dây súng | 0.75 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.4 | Đặt súng, trao súng | 0.75 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.5 | Đeo súng, xuống súng tiểu liên | 0.75 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 5 | Điều lệnh đội ngũ đơn vị | 4 |  |
| 5.1 | Đội ngũ tiểu đội | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.1.1 | Đội ngũ tiểu đội một hàng ngang |  |  |
| 5.1.2 | Đội ngũ tiểu đội hai hàng ngang |  |  |
| 5.1.3 | Đội ngã tiểu đội một hàng dọc |  |  |
| 5.1.4 | Đội ngũ tiểu đội hai hàng dọc |  |  |
| 5.2 | Đội ngũ trung đội | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.2.1 | Đội ngũ trung đội một hàng ngang |  |  |
| 5.2.2 | Đội ngũ trung đội hai hàng ngang |  |  |
| 5.2.3 | Đội ngũ trung đội ba hàng ngang |  |  |
| 5.2.4 | Đội ngũ trung đội một hàng dọc |  |  |
| 5.2.5 | Đội ngũ trung đội hai hàng dọc |  |  |
| 5.2.6 | Đội ngũ trung đội ba hàng dọc |  |  |
| Bài 6 | Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự | 4 |  |
| 6.1 | Bản đồ | 2 | CLO1.1  CLO2.2 |
| 6.1.1 | Khái niệm, ý nghĩa |  |  |
| 6.1.2 | Cơ sở toán học bản đồ địa hình |  |  |
| 6.1.3 | Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình |  |  |
| 6.1.4 | Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ |  |  |
| 6.1.5 | Nội dung bản đồ |  |  |
| 6.1.6 | Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ |  |  |
| 6.2 | Sử dụng bản đồ | 2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| Bài 7 | Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | 4 |  |
| 7.1 | Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh | 2 | CLO1.1 |
| 7.1.1 | Khái niệm về vũ khí công nghệ cao |  |  |
| 7.1.2 | Đặc điểm vũ khí công nghệ cao |  |  |
| 7.1.3 | Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao |  |  |
| 7.2 | Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | 2 | CLO2.2 CLO3.1 |
| 7.2.1 | Biện pháp thụ động |  |  |
| 7.2.2 | Biện pháp chủ động |  |  |
| Bài 8 | Ba môn quân sự phối hợp | 6 |  |
| 8.1 | Điểu lệ | 1 | CLO3.1 |
| 8.1.1 | Đặc điểm và điều kiện thi đấu |  |  |
| 8.1.2 | Trách nhiệm, quyển hạn của người dự thi |  |  |
| 8.1.3 | Trách nhiệm, quyển hạn của đoàn trưỏng (đội trưởng) |  |  |
| 8.1.4 | Thủ tục khiếu nại |  |  |
| 8.1.5 | Xác định thành tích xếp hạng |  |  |
| 8.2 | Quy tắc thi đấu | 1 | CLO3.1 |
| 8.2.1 | Quy tắc chung |  |  |
| 8.2.2 | Quy tắc thỉ đâu các môn |  |  |
| 8.2.3 | Cách tính thành tích |  |  |
| 8.3 | Tổ chức, phương pháp huấn luyện | 4 | CLO3.1 |
| 8.3.1 | Tổ chức |  |  |
| 8.3.2 | Phương pháp |  |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ kiểm tra.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Chủ động chuẩn bị các nội dung bài mới trước khi lên lớp.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi viết  CLO1.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam.

[2] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ (dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh), NXB. Giáo dục Việt Nam.

|  |  |
| --- | --- |
| **10.2 Tài liệu tham khảo**   |  | | --- | | [1] Bộ Tổng Tham mưu, Cục Quân huấn, Huấn luyện điều lệnh đội ngũ, 2011  [2] Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004,  [3] Luật Quốc phòng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005  [4] Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tập 2,  [5] Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997  [6] Quốc phòng Việt Nam, NXB Thế giới, Hà Nội, 2004 | |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kỹ thuật bắn súng bộ binh và chiến thuật
* Tiếng Anh: Infantry and technical tactics

Mã số học phần: 3TQ204DC

Số tín chỉ: 2

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 04 tiết; thực hành: 56 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện**

Email: [nvluyen76@gmail.com](mailto:nvluyen76@gmail.com)

Sdt: 0976302888

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Công Thắng**

Email: [thangkjng@gmail.com](mailto:thangkjng@gmail.com)

Sdt: 0973890169

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: kỹ thuật ném lựu đạn

## 2.2. Bộ môn: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: 3TQ203DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được đặc điểm, nguyên lý tác dụng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh, về khả năng sát thương của vũ khí.  Khái quát được các kỹ thuật đánh chiếm và bảo vệ một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và phòng ngự |
| G2 | Thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kĩ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. |
| G3 | Tích cực, kỷ luật trong học tập và sinh hoạt. Đồng thời có thể ứng dụng các kĩ thuật này khi tham gia dân quân, tự vệ theo quy định của Pháp luật |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Trình bày được đặc điểm, nguyên lý tác dụng, cấu tạo của súng tiểu liên AK và lựu đạn  Khái quát được các kỹ thuật đánh chiếm và bảo vệ một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và phòng ngự | - Thuyết trình  - Trực quan | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện thành thạo cách sử dụng và ném các loại lựu đạn. Thực hành bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng AK đạt kết quả cao | - Thuyết trình  - Làm mẫu  - Luyện tập | Thực hành |
| CLO2.2 | S2 | Thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kĩ thuật, chiến thuật trong chiến đấu | - Thuyết trình  - Làm mẫu  - Luyện tập | Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Rèn luyện tính kỷ luật, tác phong nghiêm túc trong quá trình học tập. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc | - Luyện tập | Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, sử dụng một số loại lựu đạn thông thường; thực hiện chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, từng người làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Kỹ thuật bắn sung tiểu liên AK | 24 |  |
| 1.1 | Ngắm bắn | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK | 5 | CLO2.1 |
| 1.3 | Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK | 17 | CLO2.1 CLO3.1 |
| Bài 2 | Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 | 8 |  |
| 2.1 | Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam | 1 | CLO1.1 |
| 2.1.1 | Lựu đạn cần 97 |  |  |
| 2.1.2 | Lựu đạn Φ-1 |  |  |
| 2.2 | Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn | 1 | CLO1.1 |
| 2.2.1 | Sử dụng, giữ gìn lựu đạn thật |  |  |
| 2.2.2 | Sử dụng lựu đạn trong huấn luyện |  |  |
| 2.3 | Tư thế, động tác đứng ném lựu đạn | 6 | CLO2.1 CLO3.1 |
| Bài 3 | Từng người trong chiến đấu tiến công | 16 |  |
| 3.1 | Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
|  | Nhiệm vụ |  |  |
|  | Yêu cầu chiến thuật |  |  |
| 3.2 | Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ | 2 | CLO1.1 CLO2.2 |
|  | Hiểu rõ nhiệm vụ |  |  |
|  | Làm công tác chuẩn bị |  |  |
| 3.3 | Thực hành chiến đấu | 10 | CLO2.2  CLO3.1 |
|  | Vận động đến gần địch |  |  |
|  | Cách đánh từng loại mục tiêu |  |  |
| 3.4 | Hành động của từng ngưòi khỉ chiếm được mục tiêu | 3 | CLO2.2  CLO3.1 |
| Bài 4 | Từng người trong chiến đấu phòng ngự | 8 |  |
| 4.1 | Đặc điểm tiến công của địch | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 4.2 | Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật | 1 | CLO1.1 CLO2.2 |
| 4.2.1 | Nhiệm vụ |  |  |
| 4.2.2 | Yêu cầu chiến thuật |  |  |
| 4.3 | Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ | 1 | CLO2.2  CLO3.1 |
| 4.3.1 | Hiểu rõ nhiệm vụ |  |  |
| 4.3.2 | Làm công tác chuẩn bị |  |  |
| 4.4 | Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu | 5 | CLO2.2  CLO3.1 |
| 4.4.1 | Khi địch chuẩn bị tiến công |  |  |
| 4.4.2 | Khi địch tiến công |  |  |
| 4.4.3 | Sau mỗi lần đánh bại địch tiến công |  |  |
| Bài 5 | Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) | 4 |  |
| 5.1 | Vị trí tầm quan trọng, yêu cầu quản lý chế độ canh gác (cảnh giới) | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Nội dung, cách thực hiện nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) | 1 | CLO1.1  CLO2.2 |
| 5.3 | Yêu cầu người chỉ huy phân đội trong công tác quản lý canh gác (cảnh giới) | 2 | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ kiểm tra.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Chủ động chuẩn bị các nội dung bài mới trước khi lên lớp.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết 48/60 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi thực hành  - CLO1.1  - CLO2.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  - CLO2.1  - CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB. Giáo dục Việt Nam.

[2] – Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Giáo trình Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ (dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh), NXB. Giáo dục Việt Nam.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1] Luật quốc phòng Việt Nam năm 2018

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 1 (Điền kinh 1).
* Tiếng Anh: Physical education 1 (Athletics 1)

Mã số học phần: 4TQ009DC

Số tín chỉ học phần: 1

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 6 tiết; thực hành: 24 tiết; tự học: 60 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện.

Email: nvluyen76@gmail.com

Điện thoại: 0912516517

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Chạy cự ly ngắn 100m

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Xuân Trường**

Email: truongxuan181089@gmail.com

Điện thoại: 0982.815.015

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Chạy cự ly trung bình 1500m.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương.

# 3. Điều kiện tiên quyết: không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn chạy đối với bản thân trong quá trình sống, học tập và làm việc. |
| G2 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp, cách thức tập luyện và rèn luyện các loại sức nhanh, sức mạnh, sức bền…trong tập luyện môn chạy. |
| G3 | Thông qua môn học rèn luyện các phẩm chất ý chí, kiên trì, bền bỉ, quyết đoán, bản lĩnh cá nhân…. cải thiện, nâng cao sức khỏe của sinh viên, đáp ứng tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của sinh viên đối với môn học. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Trình bày được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển, ý nghĩa, tác dụng, vị trí của môn chạy trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn chạy ở Việt Nam. | - Thuyết trình | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản: Xuất phát, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quãng, chạy về đích, đánh đích trong ác môn chạy.  Hình thành kỹ năng động tác có thể tự tập hoặc tập luyện theo nhóm | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành  - Trò chơi vận động | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện vể thể lực và trí lực. | - Thuyết trình, giảng giải, luyện tập | - Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung chạy ngắn, chạy cự ly trung bình. Kỹ năng vận động môn chạy ngắn, chạy cự ly trung bình; Bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật chạy ngắn, chạy cự ly trung bình, phát triển thể lực chung và chuyên môn.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | - Lịch sử ra đời và phát triển các môn chạy | 3 | CLO1.1 |
| 1.1 | Nguồn gốc hình thành và phát triển các môn chạy |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Sự phát triển về kỹ thuật các môn chạy |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Sơ lược phát triển các môn chạy ở Việt Nam |  | CLO1.1 |
| Bài 2 | - Vị trí, ý nghĩa, tác dụng tập luyện các môn chạy  - Nguyên lý kỹ thuật chạy | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Bài 3 | - Học kỹ thuật chạy giữa quãng của các cự ly 100m, 1.500m | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập các kỹ thuật chạy giữa quãng  - Học kỹ thuật xuất phát thấp, xuất phát cao | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn tập kỹ thuật xuất phát, giữa quãng.  - Học kỹ thuật chạy về đích | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 6 | - Ôn tập kỹ thuật xuất phát, chạy giữa quãng, về đích.  - Học kỹ thuật đánh đích | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 7 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn 100m | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly trung bình 1.500m | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 9 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Kiểm tra kỹ thuật chạy cự ly ngắn 100m | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 10 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Kiểm tra kỹ thuật chạy cự ly trung bình 1.500m | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.

Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…

Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.

Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi thực hành  CLO1.1  CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO2.1  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] ThS. Nguyễn Văn Luyện (2020) – Giáo trình Giáo dục Thể chất giảng dạy nội bộ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

1. Bộ GD&ĐT (2008), Quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 *Ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*

2. Bộ môn Điền kinh (2004), *Giáo trình giảng dạy phổ tu điền kinh*, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Kỹ thuật các môn chạy.  + Kỹ thuật chạy giữa Quãng  + Kỹ thuật xuất phát  + Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát  + Kỹ thuật về đích, đánh đích  + Hoàn thiện kỹ thuật chạy 100m và 1.500m |  |  | 12  12  12  12  12 | + Tài liệu [1]......  Đọc trước tài liệu, làm thực hành. |
|  | **Tổng** |  |  | 60 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Lê Hồng Sơn** | **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 2).
* Tiếng Anh: Physical education 2 (Athletics 2)

Mã số học phần: 4TQ0010DC

Số tín chỉ học phần: 1

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 6 tiết; thực hành: 24 tiết; tự học: 60 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện.

Email: nvluyen76@gmail.com

Điện thoại: 0912516517

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Nhảy xa kiểu ngồi

* **Giảng viên 2: ThS. Pham Văn Thám**

Email: [thamkt3@gmail.com](mailto:thamkt3@gmail.com)

Sdt: 0813127882

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Nhảy xa kiểu ưỡn thân.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương.

**3. Điều kiện tiên quyết**: 4TQ009DC

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn nhảy xa đối với bản thân trong quá trình sống, học tập và làm việc. |
| G2 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp, cách thức tập luyện và rèn luyện các loại sức nhanh, sức mạnh, sức bền…trong tập luyện môn nhảy xa. |
| G3 | Thông qua môn học rèn luyện các phẩm chất ý chí, kiên trì, bền bỉ, quyết đoán, bản lĩnh cá nhân…. cải thiện, nâng cao sức khỏe của sinh viên, đáp ứng tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của sinh viên đối với môn học. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Trình bày được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển, lợi ích, tác dụng, vị trí của môn nhảy xa trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn nhảy xa ở Việt Nam. | - Thuyết trình | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản: Chạy đà, dậm nhảy, trên không, tiếp đất môn nhảy xa.  Hình thành kỹ năng động tác có thể tự tập hoặc tập luyện theo nhóm | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành  - Trò chơi vận động | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện vể thể lực và trí lực. | - Thuyết trình, giảng giải, luyện tập | - Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung nhảy xa. Kỹ năng vận động môn nhảy xa; Bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật nhảy xa, phát triển thể lực chung và chuyên môn.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | - Lịch sử ra đời và phát triển môn nhảy xa | 3 | CLO1.1 |
| 1.1 | Nguồn gốc hình thành và phát triển môn nhảy xa |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Sự phát triển về kỹ thuật môn nhảy xa |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Sơ lược phát triển môn nhảy xa ở Việt Nam |  | CLO1.1 |
| Bài 2 | - Vị trí, lợi ích, tác dụng tập luyện môn nhảy xa  - Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa. | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Bài 3 | - Học kỹ thuật chạy lấy đà và chuẩn bị dậm nhảy | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập kỹ thuật chạy lấy đà và chuẩn bị dậm nhảy  - Học kỹ thuật dậm nhảy | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn tập kỹ thuật chạy lấy đà, dậm nhảy.  - Học kỹ thuật bay trên không | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 6 | - Ôn tập kỹ thuật chạy lấy đà, dậm nhảy, bay trên không.  - Học kỹ thuật tiếp đất | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 7 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 9 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 10 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Kiểm tra kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.

Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…

Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.

Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi thực hành  CLO1.1  CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO2.1  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] ThS. Nguyễn Văn Luyện (2020) – Giáo trình Giáo dục Thể chất giảng dạy nội bộ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

1. Bộ GD&ĐT (2008), Quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 *Ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*

2. Bộ môn Điền kinh (2004), *Giáo trình giảng dạy phổ tu điền kinh*, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Kỹ thuật Nhảy xa kiểu ngồi.  + Kỹ thuật chạy lấy đà  + Kỹ thuật dậm nhảy  + Kỹ thuật bay trên không  + Kỹ thuật tiếp đất.  + Hoàn thiện kỹ thuật |  |  | 12  12  12  12  12 | + Tài liệu [1]......  Đọc trước tài liệu, làm thực hành. |
|  | **Tổng** |  |  | 60 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Lê Hồng Sơn** | **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 3).
* Tiếng Anh: Physical education 3 (Athletics 3)

Mã số học phần: 4TQ0011DC

Số tín chỉ học phần: 1

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 6 tiết; thực hành: 24 tiết; tự học: 60 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## - Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện.

Email: nvluyen76@gmail.com

Điện thoại: 0912516517

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Nhảy cao kiểu bước qua

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Đình Tuấn**

Email: [nguyendinhtuan79ktv@gmail.com](mailto:nguyendinhtuan79ktv@gmail.com)

Sdt: 0982728288

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Nhảy cao kiểu nằm nghiêng.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương.

**3. Điều kiện tiên quyết**: 4TQ0010DC

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về tác dụng lợi ích của môn nhảy cao đối với bản thân trong quá trình sống, học tập và làm việc. |
| G2 | Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp, cách thức tập luyện và rèn luyện các loại sức nhanh, sức mạnh, sức bền…trong tập luyện môn nhảy cao. |
| G3 | Thông qua môn học rèn luyện các phẩm chất ý chí, kiên trì, bền bỉ, quyết đoán, bản lĩnh cá nhân…. cải thiện, nâng cao sức khỏe của sinh viên, đáp ứng tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của sinh viên đối với môn học. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Thảo luận các nội dung từ môn Điền kinh để áp dụng vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe, thể chất cho người học | - Thuyết trình | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hành thành thạo các động tác kỹ thuật cơ bản: Chạy đà, dậm nhảy, trên không, tiếp đất môn nhảy cao.  Hình thành kỹ năng động tác có thể tự tập hoặc tập luyện theo nhóm | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành  - Trò chơi vận động | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện vể thể lực và trí lực. | - Thuyết trình, giảng giải, luyện tập | - Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử hình thành và phát triển môn điền kinh; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý chấn thương trong thể thao. Phương pháp, nguyên tắc tập luyện nội dung nhảy cao. Kỹ năng vận động môn nhảy cao; Bài tập bổ trợ tiếp thu kỹ thuật nhảy cao, phát triển thể lực chung và chuyên môn.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | - Lịch sử ra đời và phát triển môn nhảy cao | 3 | CLO1.1 |
| 1.1 | Nguồn gốc hình thành và phát triển môn nhảy cao |  | CLO1.1 |
| 1.2 | Sự phát triển về kỹ thuật môn nhảy cao |  | CLO1.1 |
| 1.3 | Sơ lược phát triển môn nhảy cao ở Việt Nam |  | CLO1.1 |
| Bài 2 | - Vị trí, lợi ích, tác dụng tập luyện môn nhảy cao  - Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy cao. | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Bài 3 | - Học kỹ thuật chạy đà | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập kỹ thuật chạy đà  - Học kỹ thuật dậm nhảy | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn tập kỹ thuật chạy đà, dậm nhảy.  - Học kỹ thuật bay trên không | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 6 | - Ôn tập kỹ thuật chạy đà, dậm nhảy, bay trên không.  - Học kỹ thuật tiếp đất | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 7 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 9 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 10 | - Ôn tập các kỹ thuật đã học  - Kiểm tra kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.

Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…

Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.

Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi thực hành  CLO1.1  CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO2.1  CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] ThS. Nguyễn Văn Luyện (2020) – Giáo trình Giáo dục Thể chất giảng dạy nội bộ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

1. Bộ GD&ĐT (2008), Quyết định Số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 *Ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*

2. Bộ môn Điền kinh (2004), *Giáo trình giảng dạy phổ tu điền kinh*, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Kỹ thuật Nhảy cao kiểu bước qua.  + Kỹ thuật chạy lấy đà  + Kỹ thuật dậm nhảy  + Kỹ thuật bay trên không  + Kỹ thuật tiếp đất.  + Hoàn thiện kỹ thuật |  |  | 12  12  12  12  12 | + Tài liệu [1]......  Đọc trước tài liệu, làm thực hành. |
|  | **Tổng** |  |  | 60 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Lê Hồng Sơn** | **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)
* Tiếng Anh: Physical Education 2 (Volleyball 1)

Mã số học phần: 4TQ012DC

Số tín chỉ học phần: 1 (30 tiết)

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 6 tiết

Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Văn Luyện

Email: nvluyen76@gmail.com

Điện thoại: 0912516517

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật cơ bản Bóng chuyền

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Xuân Trường**

Email: truongxuan181089@gmail.com

Điện thoại: 0982815015

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất - Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: 4TQ009DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Biết được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển, tác dụng, vị trí của môn Bóng chuyền trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn Bóng chuyền ở Việt Nam. Nắm được các quy định về kích thước sân bãi, bóng, lưới, các phụ kiện kèm theo. |
| G2 | Thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, phát bóng thấp tay, các động tác di chuyển cơ bản.  Hình thành kỹ năng động tác để tự tập luyện hoặc tập theo nhóm. |
| G3 | Xây dựng ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và rèn luyện. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Trình bày được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển, tác dụng, vị trí của môn Bóng chuyền trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn Bóng chuyền ở Việt Nam. | - Thuyết trình, giảng giải | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản: di chuyển, kỹ thuật đệm bóng- phát bóng thấp tay.  Hình thành kỹ năng động tác có thể tự tập hoặc tập luyện theo nhóm | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành  - Trò chơi vận động | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện vể thể lực và trí lực. | - Thuyết trình, giảng giải | - Vấn đáp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

# Lịch sử phát triển môn Bóng chuyền trên Thế giới và Việt Nam. Vị trí, tác dụng tập luyện môn Bóng chuyền. Kích thước sân bãi, dụng cụ học tập môn Bóng chuyền. Hình thành kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, phát bóng thấp tay, các kỹ thuật di chuyển.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Lý thuyết | | 6 |  |
| Bài 1 | - Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền. | 3 | CLO1.1 |
| Bài 2 | - Vị trí, tác dụng tập luyện môn Bóng chuyền  - Kích thước sân bãi, bóng, các phụ kiện kèm theo. | 3 | CLO1.1 |
| Thực hành | | 24 |  |
| Bài 3 | - Học kỹ các kỹ thuật di chuyển: tiến, lùi , qua phải qua trái, chạy, lăn, ngã đỡ bóng  - Học kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9 | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập các kỹ thuật di chuyển: tiến, lùi , qua phải qua trái, chạy, lăn, ngã đỡ bóng  - Ôn tập kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9  - Học kỹ thuật Phát bóng Thấp tay. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn tập kỹ thuật Phát bóng Thấp tay.  - Học kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay.  - Ôn kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9 | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 6 | - Ôn tập kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay.  - Trò chơi vận động với bóng | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 7 | - Ôn tập kỹ thuật di chuyển  - Ôn tập kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay  - Ôn tập kỹ thuật Phát bóng Thấp tay. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập kỹ thuật di chuyển  - Ôn tập kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay  - Ôn tập kỹ thuật Phát bóng Thấp tay. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 9 | - Ôn tập kỹ thuật di chuyển  - Ôn tập kỹ thuật Chuyền bóng Thấp tay  - Ôn tập kỹ thuật Phát bóng Thấp tay. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 10 | Kiểm tra kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9 | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

1. **Yêu cầu đối với sinh viên**

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.
* Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

## 9.1. Cách đánh giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thực hành  CLO1.1  CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thực hành  CLO2.1  CLO3.1 | 60% |

**9. 2. Cách tính điểm:**

**9.2.1. Điểm chuyên cần:** 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học chính khóa

- Đầy đủ trang phục tập luyện

- Nghiêm túc, tích cực luyện tập trong giờ học chính khóa.

**9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 30%**

- Nội dung: kiểm tra kỹ thuật di chuyển 9-3-6-3-9(giây).

- Hình thức kiểm tra: Thực hành.

**9.2.3. Thi kết thúc môn: 60%**

- Hình thức thi: Thực hành

- Nội dung: Kỹ thuật cơ bản .

\* Kỹ thuật phát bóng thấp tay , Chuyền bóng thấp tay, thực hiện 10 quả : (5 quả phát; 5 quả chuyền bóng).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỨC ĐIỂM** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Thực hiện được 1 quả | Mỗi quả thực hiện đúng luật, đúng kỹ thuật được tính 1 điểm.  Thực hiện sai luật (phạm lỗi) không được tính điểm.  - Tư thế chuẩn bị sai trừ 0,25 điểm, tiếp xúc bóng sai trừ 0,25 điểm,  - Đường bóng thấp, điểm rơi gần (dưới 3m), không đến đúng vị trí người tung bóng trừ 0,5 điểm. |
| 2 | Thực hiện được 2 quả |
| 3 | Thực hiện được 3 quả |
| 4 | Thực hiện được 4 quả |
| 5 | Thực hiện được 5 quả |
| 6 | Thực hiện được 6 quả |
| 7 | Thực hiện được 7 quả |
| 8 | Thực hiện được 8 quả |
| 9 | Thực hiện được 9 quả |
| 10 | Thực hiện được 10 quả |

**10.Tài liệu học tập**

**10.1. Tài liệu chính**

[1]. ThS. Nguyễn Văn Luyện (2020). Giáo trình Giáo dục Thể chất giảng dạy nội bộ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

**10.2.Tài liệu tham khảo**

[2]. Giáo trình Bóng chuyền, Nguyễn Viết Minh, NXB Đại học Sư phạm TPHCM 2010.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Tập luyện các động tác di chuyển: tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngã, lăn đỡ bóng:  + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
| 2 | - Tập luyện phát bóng Thấp tay  + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng.  + Phát bóng vào tường hoặc các vật chuẩn xác định trước. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
| 3 | - Tập luyện chuyền bóng Thấp tay  + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng.  + Chuyền bóng vào tường. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
|  | Tổng | 3 | 0 | 57 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Lê Hồng Sơn** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)
* Tiếng Anh: Physical Education 3 (Volleyball 2)

Mã số học phần: 4TQ013DC

Số tín chỉ học phần: 1 (30 tiết)

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 6 tiết

Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Đình Tuấn**

Email: Nguyendinhtuan79ktv@gmail.com

Điện thoại: 098 27 28 288

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật tấn công môn Bóng chuyền

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Xuân Trường**

Email: truongxuan181089@gmail.com

Điện thoại: 0982 815 015

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng chuyền

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất - Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết học phần: 4TQ012DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. |
| G2 | Kỹ năng thực hành các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, kỹ thuật chuyền, kỹ thuật phát bóng, chắn bóng, đập bóng. Khả năng áp dụng kỹ, chiến thuật cơ bản vào thi đấu. |
| G3 | Xây dựng lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động Thể dục thể thao nói chung, môn Bóng chuyền nói riêng nhằm phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực. Rèn luyện tính tự giác và khả năng tự học, tự rèn luyện.. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày được luật Bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. | - Thuyết trình, giảng giải  - Thực hành | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Kỹ năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản: di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng- đệm bóng- phát bóng, chắn bóng, đập bóng. Có khả năng áp dụng kỹ, chiến thuật cơ bản vào thi đấu. | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành  - Trò chơi vận động | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | - Xây dựng tính tự giác và khả năng tự học, tự rèn luyện. Xây dựng lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao nói chung, môn Bóng chuyền nói riêng nhằm phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực. | - Thực hành  - Thuyết trình, giảng giải | - Thực hành  - Vấn đáp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Kỹ thuật Chuyền bóng cao tay, kỹ thuật Phát bóng cao tay, kỹ thuật Chắn bóng, kỹ thuật Đập bóng.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Lý thuyết | | 6 |  |
| Bài 1 | - Luật bóng Chuyền | 3 | CLO1.1 |
| Bài 2 | - Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. | 3 | CLO1.1 |
| Thực hành | | 24 |  |
| Bài 3 | - Ôn tập các kỹ thuật di chuyển, Đệm bóng, Phát bóng  - Học kỹ thuật chuyền bóng Cao tay | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập kỹ thuật phát bóng Cao tay  - Học kỹ thuật bật xa tại chỗ | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng Cao tay, phát bóng Cao tay  - Học kỹ thuật Chắn bóng  - Luyện tập bật xa tại chỗ | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 6 | - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng Cao tay, phát bóng Cao tay, Chắn bóng.  - Học kỹ thuật đập bóng  - Luyện tập bật xa tại chỗ | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 7 | - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng Cao tay, phát bóng Cao tay, Chắn bóng, Đập bóng.  - Các bài tập phối hợp di chuyển chuyền bóng | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng Cao tay, phát bóng Cao tay, Chắn bóng, Đập bóng.  - Bài tập chống đẩy. | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 9 | - Kỹ chiến thuật thi đấu  - Tổ chức thi đấu và trọng tài | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |
| Bài 10 | - Kiểm tra Bật xa tại chỗ (cm) | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

**8.Yêu cầu đối với sinh viên**

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.
* Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên**

## 9.1. Cách đánh giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thực hành  CLO1.1  CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thực hành  CLO2.1  CLO3.1 | 60% |

**9. 2. Cách tính điểm:**

**9.2.1. Điểm chuyên cần:** 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học chính khóa

- Đầy đủ trang phục tập luyện

- Nghiêm túc, tích cực luyện tập trong giờ học chính khóa.

**9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 30%**

- Nội dung: Bật xa tại chỗ (cm)

- Hình thức kiểm tra: Thực hành.

**9.2.3. Thi kết thúc môn: 60%**

- Hình thức thi: Thực hành

- Nội dung: Kỹ thuật cơ bản .

\* Kỹ thuật phát bóng Cao tay- chuyền bóng Cao tay: Thực hiện 10 quả (5 quả phát; 5 quả chuyền).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỨC ĐIỂM** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Thực hiện được 1 quả | Mỗi quả thực hiện đúng luật, đúng kỹ thuật được tính 1 điểm.  Thực hiện sai luật (phạm lỗi) không được tính điểm.  - Tư thế chuẩn bị sai trừ 0,25 điểm, tiếp xúc bóng sai trừ 0,25 điểm,  - Đường bóng thấp, điểm rơi gần (dưới 3m), không đến đúng vị trí người tung bóng trừ 0,5 điểm. |
| 2 | Thực hiện được 2 quả |
| 3 | Thực hiện được 3 quả |
| 4 | Thực hiện được 4 quả |
| 5 | Thực hiện được 5 quả |
| 6 | Thực hiện được 6 quả |
| 7 | Thực hiện được 7 quả |
| 8 | Thực hiện được 8 quả |
| 9 | Thực hiện được 9 quả |
| 10 | Thực hiện được 10 quả |

**10.Tài liệu học tập**

**10.1. Tài liệu chính**

[1]. ThS. Nguyễn Văn Luyện (2020). Giáo trình Giáo dục Thể chất giảng dạy nội bộ Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

**10.2.Tài liệu tham khảo**

[2]. Giáo trình Bóng chuyền, Nguyễn Viết Minh, NXB Đại học Sư phạm TPHCM 2010.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Tập luyện động tác phát bóng Cao Tay  + Luyện tập không có bóng.  + Phát bóng vào tường hoặc các vật chuẩn xác định trước. | 1 | 0 | 14 | + Tài liệu [1]: |
| 2 | - Tập luyện chuyền bóng Cao tay  + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng.  + Chuyền bóng vào tường. | 1 | 0 | 14 | + Tài liệu [1]: |
| 3 | - Tập Luyện Chắn bóng  + Tại chỗ thực hiện bật nhảy làm động tác chắn bóng.  + Bật chắn bóng với vật chuẩn xác định tương đương chiều cao lưới. | 1 | 0 | 14 | + Tài liệu [1]: |
| 4 | - Tập luyện Đập bóng  + Bật với vật chuẩn xác định trước  + Chạy đà 3 bước bật nhảy không có bóng  + Chạy đà 3 bước bật nhảy có bóng. | 1 | 0 | 14 | + Tài liệu [1]: |
|  | Tổng | 4 | 0 | 56 |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*   |  |  | | --- | --- | | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | |  |  |   **Lê Hồng Sơn ThS. Nguyễn Văn Luyện** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)
* Tiếng Anh: Physical Education 2 (Foolball 1)

Mã số học phần: 4TQ014DC

Số tín chỉ học phần: 01

Phân bổ thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 06 tiết

- Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Lê Anh Thơ**

Email: anhtho8486@gmail.com

Điện thoại: 0984 821113

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử phát triển môn bóng đávà Luật thi đấu

**Giảng viên 2: Ths. Phan Văn Thám**

Email: thamktv3@gmail.com

Điện thoại: 0913127882

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ thuật cơ bản trong Bóng đá

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

**3. Điều kiện tiên quyết**: 4TQ009DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức khái quát lịch sử phát triển môn bóng đá, đặc điểm, tác dụng của tập luyện bóng đá. Luật thi đấu môn bóng đá, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài |
| G2 | Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật giữ bóng, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng, kỹ thuật ném biên |
| G3 | Xây dựng lối sống lành mạnh, ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỹ luật trong tập luyện và thi đấu**,** yêu thích học tập môn bóng đá, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | - Trình bày được nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển và vị trí của môn bóng đá trên thế giới, sự hình thành phát triển của môn bóng đá ở Việt Nam. | - Thuyết trình | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện các động tác kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật giữ bóng, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật ném biên- kỹ thuật đá bóng. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Luyện tập | - Thực hành |
| CLO2.2 | S2 | Phối hợp làm việc nhóm, giao tiếp và hướng dẫn mọi người luyện tập | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Luyện tập | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập môn bóng đá, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Luyện tập | - Vấn đáp  - Bài tập cá nhân và nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐRhọc phần | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO2.2 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Bóng đá là một môn thể thao hoạt động phát triển toàn diện nâng cao các tố chất của cơ thể, vì vậy hiện nay người ta tập luyện Bóng đá để làm cơ sở phát triển con người toàn diện.

Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ trên thế giới và Việt Nam. Những vấn đề cơ bản về kỹ thuật bóng đá, ném biên, luật thi đấu, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài**.**

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Kỹ thuật Bóng đá cơ bản | | 30 |  |
| Bài 1 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Giới thiệu môn học: Mục tiêu, yêu cầu, nội dung môn học  +. Khái quát về nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của bóng đá thế giới và Việt Nam | 3 | CLO1.1 |
| Bài 2 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Giới thiệu các điều luật cơ bản của bóng đá.  +. Giới thiệu và phân tích kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, bằng đùi, tâng bóng bằng mu giữa, lòng bàn chân, bằng đùi, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân.  +. Phương pháp trọng tài, thi đấu. | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Bài 3 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Học kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân  +. Học kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân.  +. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân.  +. Trò chơi vận động với bóng. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 4 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân.  +. Học kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân  +. Học kỹ thuật giữ bóng bằng má trong bàn chân. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 5 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Ôn tập kỹ đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân.  +. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân kết hợp giữ bóng bằng má trong bàn chân.  +. Trò chơi vận động với bóng. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 6 | +. Học kỹ thuật ném biên  +. Học kỹ thuật giữ bóng bằng đùi.  +. Ôn tập kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân kết hợp giữ bóng bằng má trong bàn chân.  +. Bài tập thi đấu bóng đá. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 7 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Học kỹ thuật tâng bóng bằng mu giữa bàn chân.  +. Học kỹ thuật tâng bóng bằng đùi.  +. Luyện tập kỹ thuật ném biên kết hợp giữ bóng bằng đùi.  +. Bài tập thi đấu bóng đá. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 8 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Học kỹ thuật tâng bóng bằng lòng bàn chân.  +. Luyện tập kỹ thuật tâng bóng bằng mu giữa bàn chân, bằng đùi, kỹ thuật tâng bóng bằng lòng bàn chân.  +. Ôn tập kỹ thuật ném biên kết hợp giữ bóng bằng đùi | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 9 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  +. Ôn tập kỹ thuật đá bóng, giữ bóng, tâng bóng và ném biên.  +. Bài tập thi đấu bóng đá. | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |
| Bài 10 | Kỹ thuật Bóng đá cơ bản:  Kiểm tra:  +. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân.  +. Kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân | 3 | CLO2.1, CLO2.2,  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm, bài tập đơn.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Chuẩn bị dụng cụ phục vụ tập luyện.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra giữa kỳ:  CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | Thi kết thúc học phần:  CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

**9.2.1. Điểm chuyên cần:** 10%

- Tham gia đầy đủ các buổi học chính khóa

- Đầy đủ trang phục tập luyện

- Nghiêm túc, tích cực luyện tập trong giờ học chính khóa.

**9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 30%**

Hình thức: Thực hành

Nội dung kiểm tra:

- Kỹ thuật ném biên.

- Kỹ thuật tâng bóng kết hợp bằng lòng bàn chân, mu giữa bàn chân, bằng đùi.

**9.2.3. Thi kết thúc môn: 60%**

Hình thức: Thực hành

Nội dung thi:

- Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân vào khung thành bóng đá sân 5 người.

(Thực hiện đá 5 quả; khoảng cách: Nam 20m, Nữ 15m).

- Kỹ thuật đá bóng má trong bàn chân vào khung thành bóng đá sân 5 người.

(Thực hiện đá 5 quả; khoảng cách: Nam 20m, Nữ 15m).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỨC ĐIỂM** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Thực hiện được 1 quả | - Mỗi lần thực hiện đúng luật, đúng kỹ thuật vào khung thành được tính bằng 1 điểm  - Thực hiện sai luật (phạm lỗi) không được tính điểm.  - Tư thế chuẩn bị sai trừ 0,25 điểm, tiếp xúc bóng sai trừ 0,25 điểm, |
| 2 | Thực hiện được 2 quả |
| 3 | Thực hiện được 3 quả |
| 4 | Thực hiện được 4 quả |
| 5 | Thực hiện được 5 quả |
| 6 | Thực hiện được 6 quả |
| 7 | Thực hiện được 7 quả |
| 8 | Thực hiện được 8 quả |
| 9 | Thực hiện được 9 quả |
| 10 | Thực hiện được 10 quả |

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] ThS. Phan Văn Thám – Lê Anh Thơ Đề cương chi tiết bài giảng Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1). Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh năm 2023

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| . [2] Luật bóng đá – NXB Thể dục thể thao Hà Nội 2013  . [3] Nguyễn Thiệt Tình (1997), Huấn luyện và giảng dạy bóng đá, Nxb.TDTT. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
| 2 | + Tập luyện đá bóng bằng lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân.  + Tập động tác ném biên, đông tác giữ bóng bằng đùi. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
| 3 | + Luyện tập đá bóng bằng má trong bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng mu bàn chân.  + Tập tâng bóng kết hợp các vị trí bằng mu bàn chân, bằng đùi, bằng má trong bàn chân. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: |
|  | Tổng | 3 | 0 | 57 |  |

*Nghệ An, ngày tháng năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**Lê Hồng Sơn ThS. Nguyễn Văn Luyện**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Bóng đá 2
* Tiếng Anh: Foolball 2

Mã số học phần: 4TQ015DC

Số tín chỉ học phần: 01

Phân bổ thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 06 tiết

- Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: Nguyễn Đình Tuấn**

Email: Nguyendinhtuan79ktv@gmail.com

Điện thoại: 098 27 28 288

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính:

- Những vấn đề cơ bản về chiến thuật, trọng tài và tổ chức thi đấu.

- Kỹ thuật đá bóng và Luật thi đấu

* **Giảng viên 2: Lê Anh Thơ**

Email: anhtho8486@gmail.com

Điện thoại: 0984 821113

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính:

- Những vấn đề cơ bản về chiến thuật, trọng tài và tổ chức thi đấu.

- Kỹ thuật đá bóng và Luật thi đấu

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: 4TQ014DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | - Nắm được kiến thức cơ bản của đội hình chiến thuật thi đấu, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài. |
| G2 | - Thực hiện được các kỹ thuật ném biên, giữ bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân. |
| G3 | - Xây dựng tính tự giác, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong tập luyện, thi đấu và khả năng tự học, tự rèn luyện bản thân. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | - Trình bày được những vấn đề cơ bản về chiến thuật, trọng tài và tổ chức thi đấu. | - Thuyết trình | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | - Thực hiện được các kỹ thuật ném biên, giữ bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân. | - Làm mẫu, phân tích, giảng giải  - Thực hành | - Quan sát cá nhân thực hiện kỹ thuật  - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | - Thái độ tích cực, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, ý chí và đoàn kết tập thể, tích cực tập luyện ngoại khóa, phát triển toàn diện về thể lực và trí lực. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Vấn đáp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và các nguyên lý kỹ thuật của môn bóng đá, thực hiện những kỹ thuật cơ bản như kỹ thuật ném biên, đá lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân, đánh đầu trán giữa và kỹ năng vận động của môn bóng đá.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Chiến thuật bóng đá | 3 | CLO1.1 |
| Bài 2 | Phương pháp trọng tài, thi đấu | 3 | CLO1.1 |
| Bài 3 | - Học kỹ thuật đá lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân  - Ôn tập kỹ thuật ném biên, ôn động tác di chuyển trong môn bóng đá | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 4 | - Ôn tập kỹ thuật đá lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân  - Học kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 5 | - Ôn kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân  - Trò chơi vận động với bóng | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 6 | - Học kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân  - Ôn kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 7 | - Học kỹ thuật đánh đầu trán giữa  - Bài tập thi đấu bóng đá | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 8 | - Ôn tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân, đánh đầu trán giữa | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 9 | - Ôn tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân, đánh đầu trán giữa | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Bài 10 | Kiểm tra kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân. | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm, bài tập đơn.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Chuẩn bị dụng cụ phục vụ tập luyện.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thi thực hành  CLO1.1; CLO2.1. | 30% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO2.1; CLO3.1. | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học/tổng số tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra giữa kỳ:  - Thực hành kỹ thuật ném biên (5 lần) (Nam 15m, Nữ 8m).  - Thực hành đá bóng bằng lòng bàn chân (5 lần) vào khung thành 1m2 (Nam 11m, Nữ 9m).  *(Tổng 10 lần, mỗi lần được tính bằng 1 điểm, theo thang điểm 10)* | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | Thi kết thúc học phần:  - Thực hành đá bóng bằng lòng bàn chân (3 lần), vào khung thành 1m2 . (Nam 11m, Nữ 9m).  - Thực hành đá bóng mu trong bàn chân (3 lần), vào khung thành 1m2 . (Nam 11m, Nữ 9m).  - Thực hành đá bóng mu giữa bàn chân (4 lần), vào khung thành 1m2 . (Nam 11m, Nữ 9m).  *(Tổng 10 lần, mỗi lần được tính bằng 1 điểm, theo thang điểm 10)* | 60% |

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Ma Tuyết Điền (2003), *Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện,* Nxb.TDTT.  
**10.2 Tài liệu tham khảo**

[2] Mạnh Dương (2007), *Kỹ chiến thuật và phương pháp giảng dạy bóng đá*, Nxb.TDTT.  
[3] Nguyễn Thiệt Tình (1997), *Huấn luyện và giảng dạy bóng đá*, Nxb.TDTT.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Luyện tập kỹ thuật ném biên, ôn động tác di chuyển trong môn bóng đá  - Luyện tập kỹ thuật đá lòng bàn chân kết hợp kỹ thuật giữ bóng bằng lòng bàn chân | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]:  - Đọc tài liệu trước.  - Luyện tập thực hành. |
| 2 | - Tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân  - Tập luyện kỹ thuật đánh đầu trán giữa | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]:  - Đọc tài liệu trước.  - Luyện tập thực hành. |
| 3 | - Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, mu giữa bàn chân, đánh đầu trán giữa | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]:  - Đọc tài liệu trước.  - Luyện tập thực hành. |
|  | **Tổng** | **3** | **0** | **57** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Lê Hồng Sơn** | *Nghệ An, ngày tháng năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)

- Tiếng Anh: Physique education 2 (Basketball 1)

Mã số học phần: 4TQ016DC

Số tín chỉ: 01

Phân bổ thời gian: 30 tiết

- Lý thuyết: 06 tiết

- Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## Giảng viên 1: ThS. Hoàng Công Minh.

Email: hcminhktv@gmai.com

Điện thoại: 098 969 5678

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh;

Các hướng nghiên cứu chính: Những vấn đề cơ bản về chiến thuật, luật thi đấu, công tác tổ chức thi thi đấu, trọng tài**.**

**Giảng viên 2: ThS. Lê Anh Thơ**

Email: anhtho8486@gmail.com

Điện thoại: 0984 821113

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương – Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh;

Các hướng nghiên cứu chính: Các kỹ thuật cơ bản nhồi bóng, di chuyển, chuyền bóng, bắt bóng, dẫn bóng, ném rổ.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. Điều kiện tiên quyết: 4TQ009DC

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Khái quát lịch sử phát triển môn bóng rổ, đặc điểm, tác dụng của tập luyện môn bóng rổ, luật thi đấu, công tác tổ chức thi thi đấu, trọng tài. Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản và chiến thuật. |
| G2 | Các kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật nhồi bóng, di chuyển, chuyền bóng, bắt bóng, dẫn bóng, ném rổ. |
| G3 | Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Khái quát lịch sử phát triển môn bóng rổ, đặc điểm, tác dụng của tập luyện môn bóng rổ đối với người tập. | - Thuyết trình, giảng giải | Vấn đáp |
| CLO1.2 | K2 | Trình bày được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện và thi đấu, các điều luật cơ bản trong thi đấu bóng rổ. | - Thuyết trình  giảng giải  - Thảo luận nhóm | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện các kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật nhồi bóng, di chuyển, chuyền bóng, bắt bóng, dẫn bóng, ném rổ. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | - Thực hành |
| CLO2.2 | S2 | Xây dựng khả năng làm việc nhóm để thảo luận và tập luyện các vấn đề liên quan đến môn học. khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được nội dung của các tài liệu. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | - Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Nhận biết được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | - Thực hành |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO2.2 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Lịch sử phát triển môn bóng rổ trên thế giới và Việt Nam. Những vấn đề cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, sân bãi, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài**.**

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng môn bóng rổ | 3 |  |
| 1.1. Sơ lược lịch sử phát triển bóng rổ. |  | CLO1.1 |
| 1.2. Sự phát triển bóng rổ ở Việt Nam. |  | CLO1.1 |
| 1.3. Đặc điểm và tác dụng bóng rổ. |  | CLO1.1 |
| Bài 2 | Giới thiệu luật thi đấu bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng rổ | 3 |  |
| 2.1. Luật thi đấu bóng rổ |  | CLO1.1; CLO1.2 |
| 2.2. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng rổ |  | CLO1.1; CLO1.2 |
| Bài 3 | Kỹ thuật nhồi bóng rổ cơ bản đến nâng cao | 3 |  |
| 3.1. Khái niệm, nguyên tắc nhồi bóng rổ |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 3.2. Hướng dẫn kỹ thuật nhồi bóng cơ bản |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 3.3. Hướng dẫn kỹ thuật nhồi bóng nâng cao |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 3.4. Lỗi nhồi bóng và luật nhồi bóng |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 4 | Kỹ thuật di chuyển trong bóng rổ | 3 |  |
| 4.1. Kỹ thuật di chuyển đi |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 4.2. Kỹ thuật di chuyển chạy |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 4.3. Kỹ thuật di chuyển nhảy |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 4.4. Kỹ thuật di chuyển dừng |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 4.5. Kỹ thuật di chuyển quay người |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 5 | Kỹ thuật dẫn bóng rổ | 3 |  |
|  | 5.1. Kỹ thuật dẫn bóng thấp tay nhìn bóng, không nhìn bóng |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
|  | 5.2. Kỹ thuật dẫn bóng cao tay nhìn bóng, không nhìn bóng. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 6 | Kỹ thuật chuyền bóng rổ | 3 |  |
| 6.1. Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trên cao, ngang vai, trước ngực, dưới thấp |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 6.2. Kỹ thuật chuyền bóng rổ bằng một tay trên cao, ngang đầu, ngang vai, bên mình, dưới thấp, sau lưng. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 7 | Kỹ thuật bắt bóng rổ | 3 |  |
| 7.1. Kỹ thuật bắt bóng bằng 2 tay trước ngực, dưới thấp, đang lăn, bóng bật đất. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 7.2. Kỹ thuật bắt bóng bằng 1 tay trên cao, trước ngực, dưới thấp, đang lăn, bóng bật đất. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 8 | Kỹ thuật ném rổ | 3 |  |
| 8.1. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trên cao, trước ngực, dưới thấp. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 8.2. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên cao, trước ngực, dưới thấp.. |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 9 | Kỹ thuật, chiến thuật tấn công, phòng thủ trong bóng rổ | 3 |  |
| 9.1. Kỹ thuật tấn công trong bóng rổ |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 9.2. Kỹ thuật phòng thủ trong bóng rổ |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 9.3. Chiến thuật tấn công trong bóng rổ |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| 9.4. Chiến thuật phòng thủ trong bóng rổ |  | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 10 | Kiểm tra kỹ thuật ném rổ. | 3 | CLO1.2; CLO2.1;  CLO2.2; CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm, bài tập đơn.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Chuẩn bị dụng cụ phục vụ tập luyện.

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra thực hành  - Thực hiện các nhiệm vụ do giảng viên quy định  CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi thực hành  CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2. | 60% |

**9. 2. Cách tính điểm:**

**9.2.1. Điểm chuyên cần:** **10 %**

- Tham gia đầy đủ các buổi học chính khóa

- Đầy đủ trang phục tập luyện

- Nghiêm túc, tích cực luyện tập trong giờ học chính khóa.

**9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 30%**

- Nội dung: Kiểm tra kỹ thuật dẫn bóng qua cọc lên rổ, ném rổ 5 lần.

- Hình thức: Kiểm tra thực hành.

**9.2.3. Thi kết thúc môn: 60%**

- Nội dung: Thực hiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ (5 lần)

- Hình thức thi: Thực hành

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỨC ĐIỂM** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 2 | Thực hiện được 1 quả | - Mỗi quả thực hiện đúng luật, đúng kỹ thuật vào rổ được tính 2 điểm.  - Thực hiện sai luật (phạm lỗi), không vào rổ không được tính điểm.  - Tư thế chuẩn bị sai trừ 0,5 điểm, tiếp xúc bóng sai trừ 0,5 điểm, |
| 4 | Thực hiện được 2 quả |
| 6 | Thực hiện được 3 quả |
| 8 | Thực hiện được 4 quả |
| 10 | Thực hiện được 5 quả |

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] ThS. Hoàng Công Minh; ThS. Lê Anh Thơ. Đề cương chi tiết bài giảng môn Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh năm 2023.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| [2]. TS Nguyễn Ngọc Hải; Giáo trình bóng rổ, NXB Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2016. 11. Hướng dẫn tự học của học phần  | **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | - Tập luyện các kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật nhồi bóng, di chuyển, chuyền bóng, bắt bóng, dẫn bóng, ném rổ.  + Luyện tập không có bóng.  + Luyện tập theo nhóm có bóng. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: | | 2 | - Tập luyện các bài chuyên môn để phát triển các tố chất thể lực:  + Sức nhanh  + Sức mạnh  + Sức bền  + Mềm dẻo  + Khéo léo | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1;2] | | 3 | - Tập luyện các bài tập nâng cao:  Tổ chức thi đấu để thực hiện thuần thục các kỹ thuật cơ bản và nắm vững luật thi đấu bóng rổ. | 1 | 0 | 19 | + Tài liệu [1]: | | 4 | Tổng | 3 | 0 | 57 |  | | |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Lê Hồng Sơn** | *Nghệ An, ngày tháng năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** | |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)

- Tiếng Anh: Physical Education 2 (Basketball 2)

Mã số học phần: 4TQ017DC

Số tín chỉ học phần: 1

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 06 tiết; Thực hành: 24 tiết

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

## Giảng viên 1: Ths. Lê Anh Thơ

Email: anhtho8486@gmail.com

Điện thoại: 0984821113

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Đại cương - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính:

- Những vấn đề cơ bản về các kỹ thuật di chuyển,chuyền, bắt và ném bóng

- Tổ chức thi đấu, trọng tài, luật thi đấu.

**Giảng viên 2: Ths. Hoàng Công Minh**

Email: hcminhktv@gmail.com

Điện thoại: 0989695678

Địa chỉ liên hệ: : Khoa Giáo dục Đại cương - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính:

- Những vấn đề cơ bản về các kỹ thuật di chuyển,chuyền, bắt và ném bóng

- Tổ chức thi đấu, trọng tài, luật thi đấu.

## 2.2. Bộ môn: Giáo dục Thể chất - Quốc phòng an ninh

## 2.3. Khoa: Giáo dục Đại cương

# 3. 3. Điều kiện tiên quyết: 4TQ016DC

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** |
| G1 | Có kiến thức**:**  - Trình bày được kiến thức cơ bản về: quá trình hình thành và phát triển môn Bóng rổ, kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, dẫn bóng, bắt bóng, ném bóng tại chỗ, hai bước ném bóng và các điều luật trong bóng rổ  - Thảo luận các nội dung từ môn Bóng rổ để áp dụng vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe, thể chất cho người học |
| G2 | Kỹ năng tự học;  - Thực hiện thuần thục các kỹ thuật  - Phối hợp làm việc nhóm và hướng dẫn mọi người luyện tập |
| G3 | Thảo luận xây dựng lối sống lành mạnh, yêu thích học tập môn bóng rổ, phát triển nhân cách toàn diện về thể lực và trí lực |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được kiến thức cơ bản về Quá trình hình thành và phát triển môn Bóng rổ, kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, dẫn bóng, bắt bóng, ném bóng tại chỗ, hai bước ném bóng và các điều luật trong bóng rổ | Thuyết trình, giảng giải | Vấn đáp |
| CLO1.2 | K3 | Thảo luận các nội dung từ môn Bóng rổ để áp dụng vào trong đời sống nhằm nâng cao sức khỏe, thể chất cho người học | Thảo luận nhóm | Vấn đáp |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện các kỹ thuật | - Phân tích, thị phạm.  - Thực hành | Thực hành |
| CLO2.2 | S2 | Phối hợp làm việc nhóm và hướng dẫn mọi người luyện tập | Trò chơi vận động | Thực hành |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Thảo luận xây dựng lối sống lành mạnh, yêu thích học tập môn bóng rổ, phát triển nhân cách toàn diện về thể lực và trí lực | - Thảo luận nhóm  - Dạy học giải quyết vấn đề | Vấn đáp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| 1.1.3 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO2.2 | ✓ |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 | ✓ | ✓ |  |  |

**6.Tóm tắt nội dung học phần**

Lịch sử phát triển môn Bóng rổ trên Thế giới và Việt Nam; Một số điều luật cơ bản bóng rổ; Hình thành kỹ thuật và chiến thuật cơ bản của môn bóng rổ; Tác dụng của môn Bóng rổ đối với cơ thể người tập.

# 7.Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG** | **Số Tiết ( 30 tiết)** | |
|  | Bóng rổ cơ bản | Tiết | CĐR học phần |
| 1 | Lý thuyết môn học | 6 |  |
| Bài 1 | * 1. Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ.   2. Luật thi đấu bóng rổ | 3 | CLO1.1 |
| Bài 2 | Kỹ - chiến thuật cơ bản Bóng rổ | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.2 |
| 2 | Thực hành môn học | 24 |  |
| Bài 3 | Kỹ thuật di chuyển không bóng: | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
|  | 3.1. Xuất phát nhanh, dừng nhanh, quay người |  |  |
| 3.2. Trượt ngang, tiến, lùi |  |
| 3.3. Chạy nghiêng, chạy biến hướng. |  |
| Bài 4 | Kỹ thuật dẫn bóng: | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2 |
|  | 4.1. Dẫn bóng tại chỗ cao tay và  thấp tay |  |
| 4.2. Dẫn bóng di chuyển |  |
| 4.3. Dẫn bóng  biến hướng, vượt chướng ngại vật. |  |
| Bài 5 | Kỹ thuật chuyền và bắt bóng: | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2. |
|  | 5.1. Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay tại chỗ và di chuyển. |  |
| 5.2. Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay tại  chỗ và di chuyển |  |
| Bài 6 | Kỹ thuật tại chỗ ném rổ: | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2. |
|  | 6.1.  Bằng 1 tay trên vai |  |
| 6.2. Bằng 2 tay trước ngực |  |
| Bài 7 | Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ 1 tay trên vai | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2. |
| Bài 8 | Chiến thuật phòng thủ khu vực | 3 | CLO2.1; CLO2.2 |
| Bài 9 | Thể lực chuyên môn | 3 | CLO2.2; CLO3.1. |
| Bài 10 | Thi đấu ứng dụng | 3 | CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1. |

**8.Yêu cầu đối với sinh viên**

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học.
* Nghiêm túc chuẩn bị các yêu cầu sinh viên phải làm như: đọc tài liệu, tự tập luyện ngoại khóa,…
* Sinh viên mặc đồng phục thể thao theo quy định.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | Thực hành:  - Tại chỗ chuyền và bắt bóng:  CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1.  - Tại chỗ ném rổ 1 tay trên vai :  CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1. | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | Thực hành:  2 bước ném rổ bẳng 1 tay trên vai:  CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2. | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

**9.2.1. Điểm chuyên cần: 10%**

- Tham gia đầy đủ các buổi học chính khóa

- Đầy đủ trang phục tập luyện

- Nghiêm túc, tích cực luyện tập trong giờ học chính khóa.

**9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 30%**

- Nội dung: Kiểm tra kỹ thuật

+ Tại chỗ chuyền và bắt bóng (5 quả)

+ Tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên vai ( 5 quả)

- Hình thức kiểm tra: Thực hành.

**9.2.3. Thi kết thúc môn: 60%**

- Nội dung: Kỹ thuật 2 bước ném rổ 1 tay trên vai (5 quả.)

- Hình thức thi: Thực hành

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỨC ĐIỂM** | **KẾT QUẢ THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 2 | Thực hiện được 1 quả | - Mỗi quả thực hiện đúng luật, đúng kỹ thuật vào rổ được tính 2 điểm.  -Thực hiện sai luật (phạm lỗi), không vào rổ không được tính điểm.  - Tư thế chuẩn bị sai trừ 0,5 điểm, tiếp xúc bóng sai trừ 0,5 điểm, |
| 4 | Thực hiện được 2 quả |
| 6 | Thực hiện được 3 quả |
| 8 | Thực hiện được 4 quả |
| 10 | Thực hiện được 5 quả |

**10.Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1] - Ths. Lê Anh Thơ – Đề cương chi tiết học phần môn Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 2)

[2] - Giáo trình Bóng Rổ nội bộ

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[3] - Tài liệu học tập môn Bóng rổ - HVNH, NXB Thể dục thể thao, năm 2019

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **TT** | **Nội dung tự học** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tập luyện các kỹ thuật:  + Di chuyển  + Chuyền bóng  + Bắt bóng  + Dẫn bóng  + Ném rổ | 1 | 0 | 19 | Tài liệu [1;2] |
| 2 | Tập các bài tập phát triển :  + Sức bật  + Sức nhanh  + Sức mạnh  + Sức bền  + Khéo léo | 1 | 0 | 19 | Tài liệu [1;2;3] |
| 3 | Tổ chức thi đấu áp dụng các kỹ thuật đã học để nắm vững luật thi đấu bóng rổ. | 1 | 0 | 19 | Tài liệu [1;2;3] |
|  | Tổng | 3 | 0 | 57 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Lê Hồng Sơn** | *Nghệ An, ngày tháng năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Văn Luyện** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Việt nâng cao 1
* Tiếng Anh: Advanced Vietnamese 1

Mã số học phần: 4SP001DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 39 tiết; Bài tập, thảo luận: 6 tiết;

Tự học: 90;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

**- Giảng viên 1: ThS. Võ An Hải**

Email: anhaiktv@gmail.com

Điện thoại: 0915675558

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy học

**- Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

Email: thuhien75ktv@gmail.com

Điện thoại: 0919371777

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy học, phương pháp dạy học Tiếng Việt

## 2.2. Bộ môn: Sư phạm kỹ thuật – Công nghệ

## 2.3. Khoa: Sư phạm kỹ thuật

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Liệt kê được các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp cơ bản trong giao tiếp, làm quen với cuộc sống ở Việt Nam; làm thủ tục nhập học và đăng ký học; thuê nhà và các dịch vụ khác; thiết lập tình bạn. |
| G2 | Vận dụng các các tình huống vào quá trình sống và học tập tại Việt Nam. vận dụng các cấu trúc ngữ pháp vào giao tiếp và học tập tích cực mở rộng vốn từ. Hiểu được một số nét văn hóa trong sinh hoạt của người Việt Nam. |
| G3 | Khả năng khả năng phản xạ ngôn ngữ và sự tương tác tích cực trong các hoạt động học tập và giao tiếp. |
| G4 | Phát triển khả năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa người Việt Nam. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được việc làm thủ tục nhập học và đăng ký học; thuê nhà và các dịch vụ khác. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | Tự luận |
| CL01.2 | K2 | Giải thích được cách làm quen kết bạn ở Việt Nam. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp vào giao tiếp học tập tích cực mở rộng vốn từ trong quá trình làm việc, giao tiếp. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO 1.2** | **PLO 2,1** | **PLO 3.1** | |
| 1.2.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ | - | - | - |
| CLO1.2 | ✓ | - | ✓ | ✓ |
| CLO2.1 | - | ✓ | - | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Làm quen với cuộc sống ở Việt Nam; Làm thủ tục nhập học và đăng ký học; Thuê nhà và các dịch vụ khác; Sử dụng các dịch vụ Thiết lập tình bạn.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Bài 1 | Làm quen với cuộc sống ở Việt Nam | 9 |  |
| 1.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 1.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; |
| 1.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; |
| 1.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |
| Bài 2 | Làm thủ tục nhập học và đăng ký học. | 9 |  |
| 2.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 2.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.2; |
| 2.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO2.1; |
| 2.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |
| Bài 3 | Thuê nhà và các dịch vụ khác | 9 |  |
| 3.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 3.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.2; |
| 3.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO2.1; |
| 3.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |
| Bài 4 | Sử dụng các dịch vụ | 9 |  |
| 4.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 4.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.2; |
| 4.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO2.1; |
| 4.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |
| Bài 5 | Thiết lập tình bạn | 9 |  |
| 5.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 5.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.2; |
| 5.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO2.1; |
| 5.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36 tiết/45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết (45 phút)  CLO1.1 đánh giá bằng PP tự luận | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90 phút).  CLO1.2 đánh giá bằng PP tự luận  CLO2.1 đánh giá bằng PP tự luận  Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Nguyễn Việt Hương ( 2010))- Tiếng Việt nâng cao 1 - NXB ĐHQG Hà Nội

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Đoàn Thiện Thuật( 2010)- Tiếng Việt 1- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Làm quen với cuộc sống ở Việt Nam  1.1. Các tình huống hội thoại  1.2. Từ vựng  1.3. Ngữ pháp  1.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1]: B8, B10  + Dịch bài khóa và giải nghĩa các từ mới bằng từ điển.  + Tìm hiểu về văn hóa cuộc sống hằng ngày của Việt Nam |
| 2 | Bài 2: Làm thủ tục nhập học và đăng ký học  2.1. Các tình huống hội thoại  2.2. Từ vựng  2.3. Ngữ pháp  2.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1]: B7,B9  + Tìm hiểu các mẫu đơn đăng ký học  + Tìm hiểu thủ tục các bước nhập học |
| 3 | Bài 3: Thuê nhà và các dịch vụ khác  3.1. Các tình huống hội thoại  3.2. Từ vựng  3.3. Ngữ pháp  3.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1,2]: B3,B4,B5  + Tìm hiểu về thủ tục và giá cả thuê nhà ở Việt Nam  + Tìm hiểu nét văn hóa của Việt nam thể hiện qua các dịch vụ khác |
| 4 | Bài 4: Sử dụng các dịch vụ  4.1. Các tình huống hội thoại  4.2. Từ vựng  4.3. Ngữ pháp  4.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1,]: B4,B9  + Tìm hiểu các sử dụng các dịch vụ ở Việt Nam: sửa chữa, kinh doanh, du lịch |
| 5 | Bài 5: Thiết lập tình bạn  5.1. Các tình huống hội thoại  5.2. Từ vựng  5.3. Ngữ pháp  5.4. Luyện tập | 7 | 2 | 0 | + Tài liệu [1]: B10  + Tài liệu [2]: B9  + Tìm hiểu nét đặc trưng văn hóa ứng xử ở Việt Nam  + Đóng vai giả định là sinh viên Việt nam để nói chuyện với sinh viên nước ngoài |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Phan Thị Tâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phan Thị Tâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Việt nâng cao 2
* Tiếng Anh: Advanced Vietnamese 2

Mã số học phần: 4SP002DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 39 tiết; Bài tập, thảo luận: 6 tiết;

Tự học: 90;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Võ An Hải**

Email: anhaiktv@gmail.com

Điện thoại: 0915675558

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học; Kỹ năng dạy học

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

Email: thuhien75ktv@gmail.com

Điện thoại: 0919371777

Địa chỉ liên hệ: Khoa sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học; Kỹ năng dạy học, phương pháp giảng dạy Tiếng Viêt

## 2.2. Bộ môn: Sư phạm kỹ thuật – Công nghệ

## 2.3. Khoa: Sư phạm kỹ thuật

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Nêu được các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp thường sử dụng trong các tình huống và nội dung bài thuyết trình. Mở rộng vốn từ để chuẩn bị được1 bài thuyết trình về vấn đề sinh viên quan tâm với bố cục nội dung bài thuyết trình chính xác chặt chẽ |
| G2 | Vận dụng các tình huống vào trong ứng xử giao tiếp và trong học tập Thuyết trình được nội dung 1 bài thuyết trình về vấn đề sinh viên quan tâm |
| G3 | Khả năng phản xạ ngôn ngữ thuần thục, và sự tương tác tích cực trong các hoạt động học tập và giao tiếp |
| G4 | Phát triển tư duy sử dụng từ ngữ logic để trình bày một vấn đề hay 1 chủ đề |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Nêu các tình huống giao tiếp và trong học tập . | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | Tự luận |
| CL01.2 | K2 | Phân tích bố cục nội dung phù hợp bài thuyết trình về chủ đề quan tâm | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp và mở rộng vốn từ để chuẩn bị được1 bài thuyết trình từ vựng vào giao tiếp, học tập | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO 1.2** | **PLO 2.1** | **PLO 3.1** | |
| 1.2.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ | - | - | - |
| CLO1.2 | ✓ | - | ✓ | ✓ |
| CLO2.1 | - | ✓ | - | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Học tập và nghiên cứu tại thư viện; Học ngoại ngữ; Hoạt động giải trí; Chăm sóc sức khoẻ và tiếp khách.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Bài 1 | Học tập và nghiên cứu tại thư viện | 9 |  |
| 1.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; |
| 1.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.2; |
| 1.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO2.1; |
| 1.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; |
| Bài 2 | Học ngoại ngữ | 9 |  |
| 2.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 2.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 2.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 2.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| Bài 3 | Hoạt động giải trí | 9 |  |
| 3.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 3.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 3.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| 3.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1;CLO1.2;CLO2.1; |
| Bài 4 | Chăm sóc sức khoẻ | 9 |  |
| 4.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2 CL2.1; |
| 4.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 4.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.4 | Luyện tập | 3 | CLO2.1; CLO2.3 |
| Bài 5 | Tiếp khách | 9 |  |
| 5.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO3.1 |
| 5.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO2.2 |
| 5.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; |
| 5.4 | Luyện tập | 3 | CL01.2; CLO2.1; |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36 tiết/45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết (45 phút)  CLO1.1 đánh giá bằng PP tự luận | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90 phút).  CLO1.2 đánh giá bằng PP tự luận  CLO2.1 đánh giá bằng PP tự luận  Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[2]. Nguyễn Việt Hương (2010) Tiếng Việt nâng cao 2- NXB ĐHQG Hà Nội -

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1]. Đoàn Thiện Thuật (2014) - Tiếng Việt 1- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội  [2]. Đoàn Thiện Thuật (2015)- Tiếng Việt 2- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Học tập và nghiên cứu tại thư viện  1.1. Các tình huống hội thoại  1.2. Từ vựng  1.3. Ngữ pháp  1.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1]: B10  + Dịch bài khóa và giải nghĩa các từ mới bằng từ điển. |
| 2 | Bài 2: Học ngoại ngữ  2.1. Các tình huống hội thoại  2.2. Từ vựng  2.3. Ngữ pháp  2.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [2]: B11  + Tìm hiểu các phương pháp học ngoại ngữ và chuẩn bị nội dung để thuyết trình  + Tập thuyết trình |
| 3 | Bài 3: Hoạt động giải trí 3.1. Các tình huống hội thoại  3.2. Từ vựng  3.3. Ngữ pháp  3.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1]: B4,B5  + Tài liệu [2]: B5  + Tìm hiểu về hoạt động giải trí ở Việt Nam  + chuẩn bị nội dung liên quan đến giải trí để thuyết trình |
| 4 | Bài 4: Chăm sóc sức khoẻ  4.1. Các tình huống hội thoại  4.2. Từ vựng  4.3. Ngữ pháp  4.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [2]: B1  + Tìm hiểu các sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ở Việt Nam |
| 5 | Bài 5: Tiếp khách  5.1. Các tình huống hội thoại  5.2. Từ vựng  5.3. Ngữ pháp  5.4. Luyện tập | 7 | 2 | 0 | + Tài liệu [1]: B10  + Tài liệu [2]: B9  + Tìm hiểu nét đặc trưng của con người Việt Nam thông qua văn hóa giao tiếp.  + Đóng vai giả định là sinh viên Việt nam để nói chuyện với sinh viên nước ngoài về 1 vấn đề quan tâm |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Phan Thị Tâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phan Thị Tâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Tiếng Việt nâng cao 3
* Tiếng Anh: Advanced Vietnamese 3

Mã số học phần: 4SP003DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 39 tiết; Bài tập, thảo luận: 6 tiết;

Tự học: 90;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Võ An Hải**

Email: anhaiktv@gmail.com

Điện thoại: 0915675558

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học; Kỹ năng dạy học

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền**

Email: thuhien75ktv@gmail.com

Điện thoại: 0919371777

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học; Kỹ năng dạy học, phương pháp giảng dạy Tiếng Việt.

**2.2. Bộ môn: Sư phạm kỹ thuật – Công nghệ**

## 2.3. Khoa: Sư phạm kỹ thuật

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức về từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp kiến thức và kỹ năng sử dụng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến trong giáo dục, kinh tế và hoạt động lao động nghề nghiệp cũng như các địa danh nổi tiếng trong lĩnh vực du lịch. |
| G2 | Vận dụng các từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp liên quan đến trong giáo dục, kinh tế và hoạt động lao động nghề nghiệp cũng như các địa danh nổi tiếng trong lĩnh vực du lịch. |
| G3 | Khả năng phản xạ ngôn ngữ thuần thục, và sự tương tác tích cực trong các hoạt động giáo dục, kinh tế và hoạt động lao động nghề nghiệp cũng như các địa danh nổi tiếng trong lĩnh vực du lịch. |
| G4 | Phát triển tư duy sử dụng ngôn ngữ đa dạng sử dụng một số từ ngữ chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục, kinh tế, hoạt động lao động nghề nghiệp và du lịch. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Ghi nhớ được từ vựng, các cấu trúc ngữ pháp mở rộng vốn từ trừu tượng và những kết cấu ngữ pháp đặc biệt trong giáo dục, kinh tế và hoạt động lao động nghề nghiệp. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CL01.2 | K2 | Phân tích nội dung của một số thành ngữ thường sử dụng trong khoa học, giáo dục, kinh tế và hoạt động lao động và việc làm | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm  - Thực hành | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S3 | Vận dụng các từ đồng nghĩa, một số thành ngữ và từ thông tục trong các hoạt động nghề nghiệp. | - Thuyết trình  - Thực hành | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| **PLO 1.2** | **PLO 2.1** | **PLO 3.1** | |
| 1.2.1 | 2.1.1 | 3.1.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ | - | - | - |
| CLO1.2 | ✓ | - | ✓ | ✓ |
| CLO2.1 | - | ✓ | - | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Các tình huống, từ vựng, ngữ pháp và thực hành về các chủ đề: Giáo dục; Khoa học; Kinh tế; Lao động và việc làm; Danh lam thắng cảnh.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Bài 1 | Giáo dục | 9 |  |
| 1.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 1.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 1.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 1.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| Bài 2 | Khoa học | 9 |  |
| 2.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 2.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 2.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 2.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| Bài 3 | Kinh tế | 9 |  |
| 3.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 3.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 3.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 3.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| Bài 4 | Lao động và việc làm | 9 |  |
| 4.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 4.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 4.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 4.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| Bài 5 | Danh lam thắng cảnh | 9 |  |
| 5.1 | Các tình huống hội thoại | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 5.2 | Từ vựng | 1 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 5.3 | Ngữ pháp | 2 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |
| 5.4 | Luyện tập | 3 | CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36 tiết/ 45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết (45 phút)  CLO1.1 đánh giá bằng PP tự luận | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết (90 phút).  CLO1.2 đánh giá bằng PP tự luận  CLO2.1 đánh giá bằng PP tự luận  Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Nguyễn Việt Hương (2010) - Tiếng Việt nâng cao 2 - NXB ĐHQG Hà Nội

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Đoàn Thiện Thuật (2014)- Tiếng Việt 1- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội

[2]. Đoàn Thiện Thuật ( 2015)- Tiếng Việt 2- Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **TH**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Giáo dục  1.1. Các tình huống hội thoại  1.2. Từ vựng  1.3. Ngữ pháp  1.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [1]: B1,B7  + Dịch bài khóa và giải nghĩa các từ mới bằng từ điển. |
| 2 | Bài 2: Khoa học  2.1. Các tình huống hội thoại  2.2. Từ vựng  2.3. Ngữ pháp  2.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [2]: B9  + Tìm hiểu các từ đồng nghĩa, một số thành ngữ và từ thông tục  + Tập sử dụng trong tình huống giao tiếp và học tập nghề nghiệp |
| 3 | Bài 3: Kinh tế  3.1. Các tình huống hội thoại  3.2. Từ vựng  3.3. Ngữ pháp  3.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [2]: B8  + Dịch bài khóa và giải nghĩa các từ mới bằng từ điển. |
| 4 | Bài 4: Lao động và việc làm  4.1. Các tình huống hội thoại  4.2. Từ vựng  4.3. Ngữ pháp  4.4. Luyện tập | 8 | 1 | 0 | + Tài liệu [2]: B13  + Tìm hiểu cách sử dụng các dịch vụ lao động và việc làm |
| 5 | Bài 5: Danh lam thắng cảnh  5.1. Các tình huống hội thoại  5.2. Từ vựng  5.3. Ngữ pháp  5.4. Luyện tập | 7 | 2 | 0 | + Tài liệu [1]: B10  + Tài liệu [2]: B2, B4, B17  + Tìm hiểu đất nước Việt Nam thông qua danh lam thắng cảnh |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Phan Thị Tâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phan Thị Tâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Văn hoá Việt Nam
* Tiếng Anh: Vietnamese Culture

Mã số học phần: 3ML002DC

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 21 tiết

Thảo luận: 9 tiết

Tự học: 60 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

**- Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Anh Đào**

Email: Anhdaospkt@gmail.com

Điện thoại: 0985522565

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Giao lưu và tiếp biến của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa; đặc trưng bản sắc văn hóa Trung bộ; Nghệ thuật truyền thống văn hóa Việt Nam; Văn hoá xứ Nghệ.

**- Giảng viên 2: ThS. Mai Thị Thanh Châu**

E-mail: Maichauktv@gmail.com

Điện thoại: 0948311279

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Giao lưu và tiếp biến với văn hóa Phương Tây; Đặc trưng bản sắc văn hóa Bắc bộ; Tín ngưỡng và phong tục văn hóa truyền thống Việt Nam.

**2.2. Khoa: Lý luận chính trị**

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được những đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống và văn hóa vùng miền Việt Nam. |
| G2 | Rèn luyện kỹ năng nhận biết, đánh giá một số vấn đề văn hóa cụ thể. |
| G3 | Yêu mến, trân trọng những giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K1 | Trình bày được một số nét đặc trưng của các vùng văn hoá Việt Nam | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Đánh giá một số vấn đề văn hóa cụ thể | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Tôn trọng văn hoá Việt Nam | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 |  | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Văn hóa Việt Nam là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm:

- Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam.

- Cơ sở hình thành văn hóa truyền thống Việt Nam.

- Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam.

- Các vùng văn hóa Việt Nam

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Chương 1 | Cơ sở hình thành nền văn hóa Việt Nam | 3 |  |
| 1.1 | Khái niệm về văn hóa | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Những cơ sở hình thành nền văn hóa Việt Nam | 2 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam | 5 | CLO1.1 |
| 2.1 | Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên | 1 | CLO1.1 |
| 2.3 | Văn hóa Việt Nam thời tự chủ | 1 | CLO1.1 |
| 2.4 | Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 | 1 | CLO1.1 |
| 2.5 | Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay | 1 | CLO1.1 |
| Chương 3 | Đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam | 6 |  |
| 3.1 | Đặc trưng văn hóa vật chất | 3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.2 | Đặc trưng văn hóa tinh thần | 3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 4 | Không gian văn hóa Việt Nam | 7 |  |
| 4.1 | Vùng văn hóa Việt Bắc | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Vùng văn hóa Tây Bắc | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.3 | Vùng văn hóa Bắc Bộ | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.4 | Vùng văn hóa Trung Bộ | 2 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.5 | Vùng văn hóa Tây Nguyên | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 4.6 | Vùng văn hóa Nam Bộ | 1 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ bài tập thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự 80% số tiết học trở lên | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Điểm kiểm tra thường xuyên: Tự luận  CLO1.1  CLO2.1  - Điểm kiểm tra giữa kỳ: Tự luận  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận  CLO1.1  CLO1.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. ThS. Nguyễn Công An, Th.S Mai Thị Thanh Châu, Th.S Nguyễn Thị Lan Anh, Giáo trình nội bộ Văn hoá Việt Nam của trường Đại học SPKT Vinh, 2019.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb. Giáo dục, 1997. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **TỔNG (tiết)** | **LT**  **(tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1. Cơ sở hình thành nền văn hóa Việt Nam  1.1. Khái niệm về văn hóa  1.2. Những cơ sở hình thành nền văn hóa Việt Nam | 3 | 0 | 0 | + Tài liệu [1,2]  + Tìm hiểu các nội dung:  - Giao lưu và tiếp biến với văn hóa Ấn Độ  - Giao lưu và tiếp biến với văn hóa hiện nay |
| 2 | Chương 2. Tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam  2.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử.  2.2. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên  2.3. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ  2.4. Văn hóa Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945  2.5. Văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay | 7 | 5 | 2 | + Tài liệu [1,2]  + Tìm hiểu các nội dung: Bối cảnh văn hóa lịch sử qua các thời kỳ  + Chuẩn bị nội dung thảo luận |
| 3 | Chương 3. Đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam  3.1. Đặc trưng văn hóa vật chất  3.2. Đặc trưng văn hóa tinh thần | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1,2]  + Tìm hiểu các nội dung:  - Văn hóa ẩm thực Việt Nam  - Lễ tết và lễ hội Việt Nam  + Chuẩn bị nội dung thảo luận |
| 4 | Chương 4. Không gian văn hóa Việt Nam  4.1. Vùng văn hóa Việt Bắc  4.2. Vùng văn hóa Tây Bắc  4.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ  4.4. Vùng văn hóa Trung Bộ  4.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên  4.6. Vùng văn hóa Nam Bộ | 11 | 7 | 4 | + Tài liệu [1,2]  + Tìm hiểu nội dung:  - Đặc điểm tự nhiên xã hội của các vùng văn hoá  - Đặc trưng bản sắc của các vùng văn hoá.  + Chuẩn bị nội dung thảo luận |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Lịch sử Việt Nam
* Tiếng Anh: Viet Nam history

Mã số học phần: 3ML003DC

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 21 tiết

Bài tập, thảo luận: 9 tiết

Tự học: 60;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

**- Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Anh Đào**

Email: Anhdaospkt@gmail.com

Điện thoại: 0985522565

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐH SPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1930. Thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945). Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 -1954)

**- Giảng viên 2: ThS. Mai Thị Thanh Châu**

E-mail: Maichauktv@gmail.com

Điện thoại: 0948311279

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐH SPKT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975). Những thành tựu của công cuộc đổi mới đât nước (1986 - nay).

## 2.2. Khoa: Lý luận chính trị

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được những kiến thức cơ bản Lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến ngày nay. |
| G2 | Rèn luyện kỹ năng nhận biết, đánh giá sự kiện lịch sử. |
| G3 | Tôn trọng, yêu mến và khâm phục lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K1 | Trình bày được những kiến thức cơ bản Lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho đến ngày nay. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Rèn luyện kỹ năng nhận biết, đánh giá sự kiện lịch sử. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | A2 | Tôn trọng, yêu mến và khâm phục lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam. | - Thuyết trình, phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |
| CLO3.1 |  | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Lịch sử Việt Nam là môn học nghiên cứu khái quát:

- Quá trình dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc Việt Nam (thế kỷ VII TCN đến năm 938).

- Quá trình xây dựng và phát triển nhà nước phong kiến (thế kỷ X đến thế kỷ XIX).

- Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945); Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

-Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống Mỹ và những thành tựu của nhân dân miền Bắc xây dựng CNXH (1954 - 1975)

- Những thành tựu của Việt Nam đạt được từ năm 1986 đến nay.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| Chương 1 | Lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược | 7 |  |
| 1.1 | Nền văn minh sông Hồng và nhà nước Văn Lang – Âu Lạc | 1.5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Thời kỳ đấu tranh giành độc lập | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 1.3 | Đại Việt thế kỷ X – XV | 1.5 | CLO1.1 |
| 1.4 | Đại Việt từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XIX | 2 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954 | 7 |  |
| 2.1 | Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Việt Nam từ 1930 đến 1945 | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.4 | Việt Nam từ 1945 đến 1954 | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 3 | Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay | 7 |  |
| 3.1 | Công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và cuộc đấu tranh chống Mỹ - Ngụy ở miền Nam (1954 – 1965) | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Cả nước trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 – 1973) | 1.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975) | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.4 | Công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay) | 1.5 | CLO1.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ | - Điểm kiểm tra thường xuyên: tự luận  CLO1.1  CLO2.1  - Điểm kiểm tra giữa kỳ: Tự luận  CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận  CLO1.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1].Th.S Nguyễn Thị Anh Đào, Th.S Phạm Thị Bích Ngọc, Nguyễn Thị An, Giáo trình nội bộ Văn hoá Việt Nam của trường Đại học SPKT Vinh, 2019.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Nội dung ôn tập, tài liệu lưu hành nội bộ. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **TỔNG (tiết)** | **LT**  **(tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1. Lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược | 10 | 7 | 3 | + Tài liệu [1], [2].  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Nền văn minh sông Hồng và nước Văn Lang - Âu Lạc.  - Thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc  - Đại Việt thế kỷ X - XV  - Đại Việt từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XIX |
| 2 | Chương 2. Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954. | 10 | 7 | 3 | + Tài liệu [1], [2].  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX  - Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.  - Việt Nam từ 1930 đến 1954 |
| 3 | Chương 3. Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay | 10 | 7 | 3 | + Tài liệu [1], [2].  + Nghiên cứu các vấn đề:  - Công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và công cuộc đấu tranh chống Mỹ ngụy ở miền Nam (1954 - 1965).  - Cả nước kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 - 1975)  - Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975)  - Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nayhội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) |
|  | **Tổng** | **30** | **21** | **9** |  |

*Nghệ An, ngày ...... tháng .... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **ThS. Nguyễn Công An** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **ThS. Nguyễn Công An** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  KỸ THUẬT VINH  KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Thông tin chung học phần**

* Tiếng Việt: Tin học cơ bản

- Tiếng Anh: Philosophy of Marxism and Leninism

Mã số học phần: 4TN305DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết;

Bài tập: 15 tiết; Tự học: 75 tiết;

**2. Đơn vị quản lý học phần**

***2.1. Giảng viên giảng dạy:***

**- Giảng viên 1: ThS. Vũ Thị Thu Hiền**

Email: thuhienktv@gmail.com

Điện thoại: 0904 315 557

Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin – Trường Đại học SP KT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Khoa học máy tính

**- Giảng viên 2: ThS. Phạm Thị Đào**

Email: phamthidaoskv@gmail.com

Điện thoại: 0399162789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ thông tin – Trường Đại học SP KT Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin

***2.2. Khoa: Công nghệ thông tin***

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày kiến thức căn bản về tin học, các thành phần và chức năng cơ bản của máy tính, về xử lý thông tin, hệ điều hành; Tạo được các văn bản, bảng tính, bài trình chiếu cơ bản theo yêu cầu. |
| G2 | Sử dụng thành thạo máy tính, các ứng dụng thông dụng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, Internet & dịch vụ. |
| G3 | Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu; kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Trình bày và nhận biết được các đối tượng trong văn bản, bảng tính, trình chiếu. | - Thuyết trình | Kiểm tra viết |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Suy luận và lựa chọn các đối tượng đưa vào văn bản; lập hàm để tính toán; phương pháp, kỹ thuật để soạn thảo thuyết trình. | - Thuyết trình | Kiểm tra viết |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Thảo luận, khai thác trên Internet để tạo được bài thuyết trình theo chủ đề | * - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO3.1 | |
|  | 1.1.2 | 2.1.3 | 3.1.1 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành máy tính và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng; Các thao tác xử lý văn bản trên Microsoft Word, các hàm cơ bản trên Microsoft Excel; tạo các bài trình chiếu và khai thác các dịch vụ trên Internet.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản | 6 |  |
| 1.1 | Thông tin và tin học | 1 | CLO1.1 |
| 1.1.1 | Khái niệm về thông tin |  |  |
| 1.1.2 | Khái niệm về tin học |  |  |
| 1.1.3 | Khái niệm Công nghệ thông tin |  |  |
| 1.2 | Cấu trúc tổng quan phần cứng máy tính | 1,5 | CLO1.1; CLO3.1 |
| 1.3 | Biểu diễn thông tin trong máy tính | 1,5 | CLO1.1 |
| 1.3.1 | Các hệ đếm và biểu diễn số |  |  |
| 1.3.2 | Chuyển đổi qua lại giữa các hệ đếm |  |  |
| 1.3.3 | Đơn vị đo thông tin |  |  |
| 1.3.4 | Mã hóa và bảng mã |  |  |
| 1.4 | Tổng quan về phần mềm, mạng máy tính | 1 | CLO1.1 |
| 1.4.1 | Tổng quan về phần mềm |  |  |
| 1.4.2 | Mạng máy tính |  |  |
| 1.5 | Một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin | 1 | CLO1.1 |
| 1.5.1 | Bản quyền/Sở hữu trí tuệ |  |  |
| 1.5.2 | Bảo vệ dữ liệu |  |  |
| Chương 2 | Hệ điều hành | 3 |  |
| 2.1 | Khái niệm và phân loại hệ điều hành | 0,5 | CLO1.1 |
| 2.2 | Hệ điều hành Windows | 1,5 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 2.2.1 | Khởi động và thoát khỏi Windows |  |  |
| 2.2.2 | Thao tác trên màn hình Desktop |  |  |
| 2.2.3 | Quản lý thư mục và tập tin |  |  |
| 2.2.4 | Sử dụng Control Panel |  |  |
| 2.3 | Sử dụng Tiếng Việt | 1 | CLO1.1 |
| 2.3.1 | Các bộ mã Tiếng Việt |  |  |
| 2.3.2 | Cách thức nhập Tiếng Việt |  | CLO1.1 |
| 2.3.3 | Chọn phần mềm nhập Tiếng Việt |  | CLO1.1 |
| Chương 3 | Xử lý văn bản cơ bản | 12 |  |
| 3.1 | Khái niệm về văn bản và xử lý văn bản | 0,5 | CLO1.1 |
| 3.2 | Soạn thảo văn bản | 1,5 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 3.2.1 | Giới thiệu phần mềm soạn thảo MicroSoft Word |  |  |
| 3.2.2 | Thao tác với tập tin trong MicroSoft Word |  |  |
| 3.2.3 | Định dạng văn bản |  |  |
| 3.2.4 | Thiết lập Bullets và Numbering |  |  |
| 3.2.5 | Tìm kiếm và thay thế văn bản |  |  |
| 3.2.6 | Thiết lập Tab |  |  |
| 3.3 | Chèn các đối tượng vào văn bản | 2 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 3.3.1 | Bảng biểu (Table) |  |  |
| 3.3.2 | Hình ảnh (Picture) |  |  |
| 3.3.3 | Chữ nghệ thuật (WordArt) |  |  |
| 3.3.4 | Công thức toán học, ký tự đặc biệt |  |  |
| 3.3.5 | Đối tượng Shapes |  |  |
| 3.4 | In ấn, trộn tài liệu, tạo mục lục tự động | 2 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 3.4.1 | In văn bản |  | CLO1.1 |
| 3.4.2 | Trộn tài liệu |  | CLO1.1; CLO2.1 |
| 3.4.3 | Tạo mục lục tự động |  | CLO1.1; CLO2.1 |
| 3.4.4 | Định dạng văn bản (hướng dẫn ở phòng TH) | 3 | CLO2.1 |
| 3.4.5 | Chèn các đối tượng mutimedia vào văn bản (hướng dẫn ở phòng TH) | 3 | CLO2.1 |
| Chương 4 | Sử dụng bảng tính cơ bản | 15 |  |
| 4.1 | Các thao tác với bảng tính | 0,5 | CLO1.1 |
| 4.1.1 | Giới thiệu phần mềm MicroSoft Excel |  |  |
| 4.1.2 | Các thao tác cơ bản với bảng tính |  |  |
| 4.2 | Xử lý dữ liệu trong bảng tính | 1,5 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 4.2.1 | Các kiểu dữ liệu, các toán tử trong công thức |  |  |
| 4.2.2 | Xử lý ô, cột, hàng trong bảng tính |  |  |
| 4.2.3 | Định dạng dữ liệu, các thao tác với ô (đặt tên ô, ghi chú ô, bảo vệ ô) |  |  |
| 4.3 | Hàm trong Excel | 4 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 4.3.1 | Địa chỉ tương đối, tuyệt đối |  |  |
| 4.3.2 | Quy tắc sử dụng hàm |  |  |
| 4.3.3 | Các hàm cơ bản |  |  |
| 4.3.4 | Các hàm điều kiện |  |  |
| 4.3.5 | Các hàm Logic |  |  |
| 4.3.6 | Các hàm ngày tháng |  |  |
| 4.3.7 | Các hàm chuỗi |  |  |
| 4.3.8 | Các hàm tìm kiếm |  |  |
|  | Bài tập về hàm trong Excel cơ bản (hướng dẫn ở phòng TH) | 3 | CLO2.1 |
| 4.4 | Biểu đồ | 3 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 4.4.1 | Giới thiệu các dạng biểu đồ |  |  |
| 4.4.2 | Các bước tạo biểu đồ và hiệu chỉnh biểu đồ |  |  |
|  | Bài tập về hàm trong Excel nâng cao và biểu đồ (hướng dẫn ở phòng TH) | 3 | CLO2.1 |
| Chương 5 | Sử dụng trình chiếu cơ bản | 3 |  |
| 5.1 | Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình | 1 | CLO1.1 |
| 5.1.1 | Khái niệm bài thuyết trình |  |  |
| 5.1.2 | Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình |  |  |
| 5.1.3 | Giới thiệu phần mềm MicroSoft PowerPoint |  |  |
| 5.2 | Tạo bài thuyết trình cơ bản |  | CLO1.1; CLO2.1 |
| 5.3 | Chèn các đối tượng vào Slide | 1 |  |
| 5.4 | Tạo các hiệu ứng cho bài thuyết trình | 1 |  |
| 5.5 | Trình chiếu bài thuyết trình |  |  |
| Chương 6 | Sử dụng Internet cơ bản | 6 |  |
| 6.1 | Kiến thức cơ bản về Internet | 1 | CLO1.1 |
| 6.1.1 | Tổng quan về Internet |  |  |
| 6.1.2 | Dịch vụ WWW (World Wide Web) |  |  |
| 6.1.3 | Bảo mật khi làm việc với Internet |  |  |
| 6.2 | Khai thác và sử dụng Internet | 2 | CLO1.1; CLO2.1 |
| 6.2.1 | Sử dụng trình duyệt Web |  |  |
| 6.2.2 | Sử dụng Web |  |  |
| 6.2.3 | Thư điện tử |  |  |
|  | Bài tập về tạo bài trình chiều và khai thác sử dụng Internet (hướng dẫn ở phòng TH) | 3 | CLO2.1; CLO3.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***9.1. Cách đánh giá***

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36 tiết/45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi tự luận CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1. Tài liệu chính***

[1]. Vũ Thị Thu Hiền, *Đề cương bài giảng môn nhập môn tin học*, Tài liệu học tập Trường ĐHSPKT Vinh.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[1]. Tô Văn Nam, *Giáo trình nhập môn tin học*, NXB Giáo dục, năm 2005.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Truyền dữ liệu trên mạng: Download, Upload.  - Các ứng dụng của công nghệ thông tin - truyền thông.  - An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.  - Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính. | 6 | 6 | 0 | + Tài liệu [1]: C1  + Tìm hiểu các phần lý thuyết trong nội dung tự học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm |
| 2 | - Một số phần mềm tiện ích  + Phần mềm nén, giải nén tập tin.  + Phần mềm diệt virus.  - Chuyển đổi định dạng tập tin.  - Sử dụng máy in. | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu các phần lý thuyết trong nội dung tự học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm |
| 3 | - Chia văn bản thành nhiều cột.  - Tạo chữ cái lớn đầu đoạn văn bản.  - Tạo và quản lý các Style.  - Tính năng AutoCorrect.  - Chèn công thức toán học vào bảng. | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu các phần lý thuyết trong nội dung tự học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm  + Thực hiện các bài tập theo yêu cầu |
| 4 | - Sắp xếp (Sort) và lọc dữ liệu (Filter).  - Luyện tập các hàm trong Excel. | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1]: C4  + Thực hiện các bài tập theo yêu cầu |
| 5 | - Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình.  - Làm việc với các hiệu ứng, hoạt cảnh. | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C5  + Thực hiện các bài tập theo yêu cầu |
| 6 | - Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử.  - Một số dạng truyền thông thông dụng.  - An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên Internet.  - An toàn khi sử dụng mạng xã hội. | 5 | 4 | 1 | + Tài liệu [1]: C6  + Thực hiện các bài tập theo yêu cầu |
|  | **Tổng** | **75** | **60** | **15** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Hồ Ngọc Vinh** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Hồ Ngọc Vinh** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kỹ năng mềm
* Tiếng Anh: Soft skills

Mã số học phần: 4SP103DC

Số tín chỉ: 3

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 39 tiết; Thực hành: 6 tiết;

Tự học: 90 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

**- Giảng viên 1: ThS. Võ An Hải**

Email: anhaiktv@gmail.com

Điện thoại: 0915675558

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng mềm; Giao tiếp sư phạm;

**- Giảng viên 2: ThS. Phan Cẩm Tú**

Email: phancamtu09@gmail.com

Điện thoại: 00946320746

Địa chỉ liên hệ: Khoa sư phạm kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

Các hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng mềm; Giao tiếp sư phạm.

## 2.2. Bộ môn: Sư phạm kỹ thuật – Công nghệ

## 2.3. Khoa: Sư phạm kỹ thuật

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được những vấn đề chung về kỹ năng mềm; Diễn giải được khái niệm, đặc điểm và quy trình thực hiện các kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập bậc đại học; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tìm kiếm việc làm. |
| G2 | Thực hiện được các kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập bậc đại học; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong các tình huống cụ thể. |
| G3 | Thể hiện thái độ tích cực, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G))** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Tóm tắt được khái niệm, đặc điểm, vai trò và phân loại kỹ năng mềm. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | K2 | Giải thích được khái niệm, đặc điểm, quy trình thực hiện kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập bậc đại học; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tìm kiếm việc làm. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Thực hiện được các kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập bậc đại học; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tìm kiếm việc làm. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Giao tiếp tốt, có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xảy ra trong hoạt động thực tiễn. | - Thuyết trình  - Phát vấn  - Thảo luận nhóm | Quan sát |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO2.4** | **PLO2.5** | **PLO3.1** | | **PLO3.3** | |
| 1.1.1 | 2.4.1 |  | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.3.1 | 3.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ | ✓ |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

# Khái quát về kỹ năng mềm; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng học tập ở đại học; Kỹ năng quản lý bản thân; Kỹ năng ứng phó với căng thẳng; Kỹ năng tìm kiếm việc làm

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Những vấn đề chung về kỹ năng mềm | 2,0 |  |
| 1.1 | Khái niệm kỹ năng mềm | 0,5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Đặc điểm kỹ năng mềm | 0,5 | CLO1.1 |
| 1.3 | Vai trò kỹ năng mềm | 0,5 | CLO1.1 |
| 1.4 | Phân loại kỹ năng mềm | 0,5 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Các kỹ năng mềm | 43 |  |
| 2.1  2.1.1  2.1.2  2.1.3  2.1.4  2.1.5 | Kỹ năng thuyết trình  Khái niệm kỹ năng thuyết trình  Cấu trúc bài thuyết trình  Quy trình thực hiện thuyết trình  Yếu tố để thuyết trình có hiệu quả  Thực hành kỹ năng thuyết trình | 7,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.2  2.2.1  2.2.2  2.2.3  2.2.4  2.2.5 | Kỹ năng giao tiếp  Khái niệm kỹ năng giao tiếp  Đặc điểm giao tiếp  Nguyên tắc giao tiếp  Quy trình thực hiện giao tiếp  Thực hành kỹ năng giao tiếp | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.3  2.3.1  2.3.2  2.3.3  2.3.4  2.3.5 | Kỹ năng làm việc nhóm  Khái niệm kỹ năng làm việc nhóm  Nguyên tắc làm việc nhóm  Quy trình làm việc nhóm  Các kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả  Thực hành kỹ năng làm việc nhóm | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.4  2.4.1  2.4.2  2.4.3  2.4.4  2.4.5 | Kỹ năng học tập ở đại học  Khái niệm kỹ năng học tập ở đại học  Kỹ năng nghe giảng trên lớp  Kỹ năng tự học  Kỹ năng tư duy sáng tạo  Thực hành kỹ năng học tập đại học | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.5  2.5.1  2.5.2  2.5.3  2.5.4  2.5.5  2.5.6 | Kỹ năng quản lý bản thân  Khái niệm kỹ năng quản lý bản thân  Nguyên tắc quản lý bản thân  Tự nhận thức bản thân  Quản lý thời gian bản thân  Quản lý cảm xúc bản thân  Thực hành kỹ năng quản lý bản thân | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.6  2.6.1  2.6.2  2.6.3  2.6.4 | Kỹ năng ứng phó với căng thẳng  Khái niệm căng thẳng, ứng phó với căng thẳng  Biểu hiện và nguyên nhân căng thẳng  Quy trình ứng phó với căng thẳng  Thực hành kỹ năng ứng phó với căng thẳng | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.7  2.7.1  2.7.2  2.7.3  2.7.4  2.7.5 | Kỹ năng tìm kiếm việc làm  Khái niệm kỹ năng tìm kiếm việc làm  Nguyên tắc tìm kiếm việc làm  Quy trình tìm kiếm việc làm  Các kỹ năng cần có khi tìm kiếm việc làm  Thực hành kỹ năng tìm kiếm việc làm | 6,0 | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/bài thực hành và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 36 tiết/45 tiết | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Kiểm tra viết: CLO1.1 đánh giá bằng PP tự luận  - CLO3.1 đánh giá bằng PP quan sát | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Thi viết  CLO1.2; CLO2.1 đánh giá bằng PP tự luận | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. Phan Thị Tâm (2022), *Giáo trình Kỹ năng mềm*, Khoa Sư phạm kỹ thuật, Trường ĐHSPKT Vinh.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[1]. Lại Thế Luyện, (2011), *Kỹ năng tìm việc làm,* NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Đông Triều**,** (2017), *Kỹ năng học tập bậc đại học,*Viện Doanh trí Văn hiến.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Những vấn đề chung về kỹ năng mềm  - Khái niệm kỹ năng mềm.  - Đặc điểm kỹ năng mềm.  - Vai trò kỹ năng mềm.  - Phân loại kỹ năng mềm. | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C1  + Thiết kế bảng mô tả các 4 nội dung: khái niệm, đặc điểm, vai trò và phân loại kỹ năng mềm. |
| 2 | Các kỹ năng mềm  2.1. Kỹ năng thuyết trình  - Cấu trúc bài thuyết trình.  - Quy trình thực hiện thuyết trình.  - Yếu tố để thuyết trình có hiệu quả.  - Thực hành kỹ năng thuyết trình. | 86  14 | 74  12 | 12  2 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Lập bảng cấu trúc và quy trình thực hiện bài thuyết.  + Lựa chọn 2-3 chủ đề thuyết trình.  + Thiết kế bài thuyết trình theo chủ đề đã chọn.  + Tập luyện bài thuyết trình. |
| 2.2. Kỹ năng giao tiếp  - Nguyên tắc giao tiếp.  - Quy trình thực hiện giao tiếp  - Thực hành kỹ năng giao tiếp. | 12 | 10 | 2 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Thiết kế bảng mô tả nguyên tắc giao tiếp.  + Lập bảng quy trình giao tiếp.  + Lựa chọn 2-3 tình huống giao tiếp.  + Thiết kế nội dung giao tiếp theo tình huống.  + Tập luyện phần giao tiếp theo tình huống (hoạt động nhóm). |
|  | 2.3. Kỹ năng làm việc nhóm  - Nguyên tắc làm việc nhóm.  - Quy trình làm việc nhóm.  - Các kỹ năng cần có để làm việc nhóm hiệu quả.  - Thực hành kỹ năng làm việc nhóm. | 12 | 10 | 2 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Xây dựng các phản ví dụ về nguyên tắc làm việc nhóm.  + Lập bảng quy trình làm việc nhóm.  + Thành lập nhóm.  + Lựa chọn chủ đề làm việc nhóm.  + Phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân.  + Tiến hành công việc nhóm.  + Đánh giá kết quả làm việc nhóm. |
| 2.4. Kỹ năng học tập ở đại học  - Kỹ năng nghe giảng trên lớp.  - Kỹ năng tự học.  - Kỹ năng tư duy sáng tạo.  - Thực hành kỹ năng học tập đại học. | 12 | 10 | 2 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Thiết kế bảng mô tả đặc trưng kỹ năng nghe giảng trên lớ; Kỹ năng tự học; Kỹ năng tư duy sáng tạo.  + Lựa chọn 2-3 chủ đề tự học.  - Lập kế hoạch tự học cho chủ đề đã chọn.  - Tập luyện phần thuyết trình kế hoạch tự học. |
| 2.5. Kỹ năng quản lý bản thân  - Nguyên tắc quản lý bản thân  - Tự nhận thức bản thân  - Quản lý thời gian bản thân.  - Quản lý cảm xúc bản thân.  - Thực hành kỹ năng quản lý bản thân | 12 | 11 | 1 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Xây dựng các mục tiêu của cá nhân cần phải đạt khi kết thúc 4 năm học đại học.  *- Quản lý thời gian:*  + Lập kế hoạch cá nhân để thực hiện trong 1 tuần, 1 tháng và 1 năm.  *- Quản lý cảm xúc của bản thân:*  - Xây dựng 2-3 tình huống làm phát sinh cảm xúc tiêu cực.  - Đề xuất cách thức ứng phó với các cảm xúc tiêu cực trong tình huống trên. |
| 2.6. Kỹ năng ứng phó với căng thẳng  - Biểu hiện và nguyên nhân căng thẳng  - Quy trình ứng phó với căng thẳng  - Thực hành kỹ năng ứng phó với căng thẳng | 12 | 11 | 1 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Liệt kê biểu hiện và nguyên nhân căng thẳng  - Xây dựng quy trình ứng phó với căng thẳng  - Đề xuất cách thức ứng phó với với căng thẳng |
| 2.7. Kỹ năng tìm kiếm việc làm  - Nguyên tắc tìm kiếm việc làm.  - Quy trình tìm kiếm việc làm.  - Thực hành kỹ năng tìm kiếm việc làm | 12 | 10 | 2 | + Tài liệu [1]: C1,C2  + Mô tả các nguyên tắc tìm kiếm việc làm.  + Xây dựng quy trình tìm kiếm việc làm.  + Lựa chọn 1-2 kênh thông tin tìm kiếm việc làm và thiết lập các thông tin mà cá nhân thu nhận được.  + Chuẩn bị (giả định) 1 bộ hồ sơ xin việc.  + Xây dựng 8-10 câu hỏi mà nhà tuyển dụng thường sử dụng, SV trả lời các câu hỏi trên. |
|  | Tổng | 90 | 78 | 12 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Phan Thị Tâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Phan Thị Tâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh
* Tiếng Anh: School of management

Mã số học phần: 4KT101DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Thảo luận: 15 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: [tram.mln.dhspktvinh@gmail](mailto:tram.mln.dhspktvinh@gmail).com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Phương pháp quản trị hiện đại

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: [oanh.nguyenkimts@gmail](mailto:oanh.nguyenkimts@gmail).com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức cơ bản và tổng quan về quản trị kinh doanh, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát giúp sinh viên hiểu rõ vai trò và các yếu tố quan trọng trong việc điều hành và quản lý một doanh nghiệp. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích và đánh giá các yếu tố trong môi trường kinh doanh như kinh tế, chính trị, xã hội, và công nghệ có ảnh hưởng đến doanh nghiệp. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy chiến lược, ra quyết định hiệu quả trong các tình huống kinh doanh; có trách nhiệm với cộng đồng trong hoạt động kinh doanh. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị để tiếp thu các học phần chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. | Thuyết trình, Thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | C2 | Phân tích và đánh giá tác động của các yếu tố bên ngoài đối với các quyết định quản trị trong doanh nghiệp. | Thảo luận, tình huống, | Bài tập tình huống,  Bài thuyết trình nhóm |
| G3 | CLO3.1 | S2,A3 | Làm việc nhóm, tư duy chiến lược, ra quyết định hiệu quả trong các tình huống kinh doanh; có trách nhiệm với cộng đồng trong hoạt động kinh doanh. | Làm việc nhóm,  Thảo luận nhóm, phản biện | Thảo luận,  Bài tập nhóm  nhóm |

* 1. ***So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.2.1 | 2.1.3 | 3.3.1 | 4.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những vấn đề tổng quan về quản trị học; Sự phát triển của lý thuyết quản trị; Vận dụng quy luật và các nguyên tắc quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định và thông tin trong quản trị; Lập kế hoạch; Chức năng tổ chức; Lãnh đạo; Kiểm tra.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về quản trị học | 3 |  |
| 1.1 | Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của quản trị | 0.25 | CLO1.1; |
| 1.2 | Các chức năng quản trị | 0.5 | CLO1.1; |
| 1.3 | Quản trị là một khoa học, một nghệ thuật, một nghề | 0.5 | CLO1.1; |
| 1.4 | Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của quản trị học | 0.75 | CLO1.1; |
| 1.5 | Thảo luận | 1 | CLO2.1 |
| Chương 2 | Sự phát triển của lý thuyết quản trị | 5 |  |
| 2.1 | Bối cảnh lịch sử | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.2 | Trường phái quản trị cổ điển | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.3 | Trường phái tâm lý xã hội | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.4 | Trường phái quản trị hệ thống | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.5 | Trường phái quản trị định lượng | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.6 | Trường phái quản trị hiện đại | 0.5 | CLO1.1; |
| 2.7 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 3 | Vận dụng quy luật và các nguyên tắc quản trị | 4 |  |
| 3.1 | Quy luật trong quản trị | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.2 | Nguyên tắc cơ bản của quản trị | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 3.3 | Vận dụng các quy luật và các nguyên tắc trong quản trị | 1 | CLO2.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1 |
| Chương 4 | Môi trường quản trị | 3 |  |
| 4.1 | Khái niệm, phân loại | 0.5 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.2 | Các yếu tố môi trường | 0.75 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.3 | Phân tích swot | 0.75 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 4.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1 |
| Chương 5 | Quyết đinh và thông tin trong quản trị | 6 |  |
| 5.1 | Khái niệm và phân loại quyết định quản trị | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 5.2 | Quá trình đề ra và tổ chức thực hiện các quyết định quản trị | 1.5 | CLO2.1 |
| 5.3 | Các phương pháp ra quyết định | 1.5 | CLO2.1 |
| 5.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 6 | Lập kế hoạch | 6 |  |
| 6.1 | Khái niệm và yêu cầu của lập kế hoạch | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 6.2 | Hệ thống kế hoạch của tổ chức | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 6.3 | Quá trình lập kế hoạch | 2 | CLO2.1 |
| 6.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 7 | Chức năng tổ chức | 6 |  |
| 7.1 | Tổ chức và chức năng tổ chức | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 7.2 | Các thuộc tính của cơ cấu tổ chức | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 7.3 | Cơ cấu tổ chức | 2 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 7.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 8 | Lãnh đạo | 6 |  |
| 8.1 | Lãnh đạo và những nội dung để lãnh đạo trong quản trị | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 8.2 | Các phương pháp lãnh đạo | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 8.3 | Nhóm và lãnh đạo theo nhóm | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 8.4 | Dự kiến các tình huống trong lãnh đạo | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 8.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 9 | Kiểm tra | 6 |  |
| 9.1 | Khái niệm và bản chất của kiểm tra | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 9.2 | Vai trò và nội dung của kiểm tra | 1 | CLO2.1 |
| 9.3 | Yêu cầu đối với hệ thống kiểm tra và các chủ thể kiểm tra | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 9.4 | Các hình thức và kỹ thuật kiểm tra | 1 | CLO1.1; CLO1.2 |
| 9.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà – PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền, Giáo trình Quản trị học, NXB tài chính, 2009.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [1]. TS. Phạm Thị Minh Châu - Giáo trình Quản trị học – Khoa Quản trị kinh doanh – ĐH Kinh tế . TP.HCM 2007 . |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về quản trị tổ chức  - Các hoạt động cơ bản của quản trị  - Các dạng quản trị  - Câu hỏi thảo luận | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1,9,11,13]: C1  + Tìm hiểu một vài nhà quản trị nổi tiếng tại Việt Nam |
| 2 | Sự phát triển của lý thuyết quản trị  - Mục tiêu hướng đến giữa các trường phái quản trị  - Sự giống nhau và khác nhau giữa các trường phái quản trị  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 24, 27]: C1  + Tài liệu [2, 33]: C1  + Tìm hiểu các tư tưởng quản trị, tìm ra mục tiêu chung giữa các trường phái quản trị |
| 3 | Vận dụng quy luật và các  nguyên tắc quản trị  - Vai trò của quy luật kinh tế và tâm lý trong quản trị  - Điều kiện vận dụng các quy luật khách quan trong quản trị  - Cơ sở khoa học của các nguyên tắc quản trị  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1, 49]: C2  + Tìm hiểu vai trò của quy luật kinh tế và tâm lý trong quản trị  + Tìm hiểu điều kiện vận dụng các quy luật khách quan trong quản trị; Cơ sở khoa học của các nguyên tắc quản trị |
| 4 | Môi trường quản trị  - Sự cần thiết phải nghiên cứu môi trường quản trị  - Ý nghĩa của Kỹ thuật SWOT trong phân tích môi trường.  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [2,79 ]: C3  + Tìm hiểu sự cần thiết phải nghiên cứu môi trường quản trị |
| 5 | Quyết đinh và thông tin trong quản trị  - Các loai hệ thống thông tin  - Mạng internet và thương mại điện tử  - Intranet, extranet và sự cộng tác trng tổ chức  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1, 85]: C3  + Đọc nội dung ở giáo trình từ trang 128-147 |
| 6 | Lập kế hoạch  - Lập kế hoạch chiến lược  - Lập kế hoạch tác nghiệp  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,160 -187: C4  + Tìm hiểu nội dung của lập kế hoạch chiến lược và tác nghiệp |
| 7 | Chức năng tổ chức  - Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức  - Quản lý sự thay đổi của tổ chức  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,229,254]: C5  + Tìm hiểu mối quan hệ giữa yếu tố chiến lược, môi trường với cơ cấu tổ chức  + Tìm hiểu vì sao tổ chức cần phải thay đổi |
| 8 | Lãnh đạo  - Nhu cầu và động cơ làm việc của con người  - Giao tiếp và đàm phán trong lãnh đạo  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,280; 307]: C6  + Tìm hiểu vai trò của giao tiếp trong lãnh đạo; giao tiếp đáp ứng các yêu cầu nào trong lãnh đạo |
| 9 | Kiểm tra  - Quy trình kiểm tra của doanh nghiệp  - Công cụ kiểm tra, kiểm soát của các doanh nghiệp  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,339-349]: C7  + Tìm hiểu quy trình kiểm tra của 1 doanh nghiệp cụ thể  + Các công cụ doanh nghiệp sử dụng kiểm tra, kiểm soát |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh tế vi mô
* Tiếng Anh: Microeconomics

Mã số học phần: 3KT102CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 18 tiết; Bài tập, thảo luận: 12 tiết; Tự học: 60 tiết.

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrang88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường chứng khoán

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947.080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| **G1** | Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô để phân tích các vấn đề kinh tế thực tiễn. |
| **G2** | Phân tích và đề xuất được các giải pháp kinh tế phù hợp với từng loại thị trường và doanh nghiệp. |
| **G3** | Áp dụng mô hình kinh tế vi mô để giải thích hành vi của người tiêu dùng, nhà sản xuất và thị trường. |
| **G4** | Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và trình bày ý tưởng kinh tế một cách logic, có trách nhiệm. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về cung – cầu, chi phí, lợi nhuận, thị trường để phân tích các tình huống kinh tế cụ thể. | Giảng dạy lý thuyết kết hợp ví dụ tình huống thực tế, thảo luận lớp | Bài kiểm tra viết, câu hỏi tình huống, tiểu luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Đề xuất được giải pháp kinh tế phù hợp với điều kiện thị trường và doanh nghiệp cụ thể. | Bài tập tình huống, phân tích nhóm | Thuyết trình nhóm, bài tập nhóm |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Áp dụng các mô hình vi mô để giải thích hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp. | Học theo dự án nhỏ, minh họa mô hình bằng biểu đồ | Bài tập cá nhân, tiểu luận ngắn |
| G4 | CLO3.2 | S3 | Làm việc nhóm hiệu quả, trình bày được các luận điểm kinh tế mạch lạc, có trách nhiệm. | Làm việc nhóm, phản biện lớp học, hướng dẫn kỹ năng mềm | Đánh giá hoạt động nhóm, chấm điểm phản biện, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.3 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.2.2 | 3.3.1 | 4.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường như: lý thuyết cung cầu, hành vi của người tiêu dùng, hành vi của người sản xuất, lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về kinh tế học** | **4** | CLO1.1 |
| 1.1 | Giới thiệu tổng quan về kinh tế học | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Nội dung và phương pháp nghiên cứu | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 2 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Cung – Cầu** | **8** | CLO1.1 |
| 2.1 | Cầu | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Cung | 1 | CLO1.1 |
| 2.3 | Cân bằng thị trường | 1 | CLO1.1 |
| 2.4 | Độ co giãn | 1 | CLO1.1 |
| 2.5 | Ví dụ và bài tập | 4 | CLO1.1 |
| **Chương 3** | **Lý thuyết lợi ích** | **6** | CLO3.1 |
| 3.1 | Những vấn đề chung | 1 | CLO3.1 |
| 3.2 | Lý thuyết lợi ích | 1 | CLO3.1 |
| 3.3 | Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | 1 | CLO3.1 |
| 3.4 | Ví dụ và bài tập | 3 | CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Sản xuất – Chi phí - Lợi nhuận** | **6** | CLO1.1, CLO2.1 |
| 4.1 | Lý thuyết sản xuất | 1 | CLO1.1 |
| 4.2 | Lý thuyết chi phí | 1 | CLO1.1 |
| 4.3 | Lợi nhuận | 1 | CLO1.1 |
| 4.4 | Ví dụ và bài tập | 3 | CLO2.1 |
| **Chương 5** | **Cấu trúc thị trường** | **6** | CLO2.1, CLO3.2 |
| 5.1 | Cạnh tranh hoàn hảo | 1 | CLO2.1 |
| 5.2 | Độc quyền | 1 | CLO2.1 |
| 5.3 | Cạnh tranh độc quyền | 1 | CLO2.1 |
| 5.4 | Độc quyền tập đoàn | 1 | CLO2.1 |
| 5.5 | Ví dụ và bài tập | 2 | CLO3.2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO1.2, CLO3.1, CLO3.2 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1] TS. Vũ Kim Dũng (2011), Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [1]. TS. Vũ Kim Dũng (2010), Bài tập Kinh tế vi mô, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về kinh tế học  1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học  1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu  1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C1 |
| 2 | Cung – Cầu  2.1. Cầu  2.2. Cung  2.3. Cân bằng thị trường  2.4. Độ co giãn  2.5. Ví dụ và bài tập | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C2 |
| 3 | Lý thuyết lợi ích  3.1. Những vấn đề chung  3.2. Lý thuyết lợi ích  3.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu  3.4. Ví dụ và bài tập | 6 | 3 | 3 | + Tài liệu [1, 2]: C3 |
| 4 | Sản xuất – Chi phí- Lợi nhuận  4.1. Lý thuyết sản xuất  4.2. Lý thuyết chi phí  4.3. Lợi nhuận  4.4. Ví dụ và bài tập | 6 | 3 | 3 | + Tài liệu [1,2]: C4 |
| 5 | Cấu trúc thị trường  5.1. Cạnh tranh hoàn hảo  5.2. Độc quyền  5.3. Cạnh tranh độc quyền  5.4. Độc quyền tập đoàn  5.5. Ví dụ và bài tập | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1,2]: C5 |
|  | **Tổng** | **30** | **18** | **12** |  |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | | | | | | |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô
* Tiếng Anh: Macroeconomics

**Mã số học phần:** 3KT101DH

**Số tín chỉ: 02**

**Phân bổ thời gian:**

Lý thuyết: 22 tiết; Bài tập, thảo luận: 08 tiết; Tự học: 60 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0986 088 897

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế.

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày và giải thích được các khái niệm, chỉ tiêu và mối quan hệ cơ bản trong kinh tế học vĩ mô. |
| G2 | Phân tích được các vấn đề kinh tế vĩ mô trọng yếu và tác động của các chính sách tài khóa, tiền tệ đến tăng trưởng và ổn định kinh tế quốc gia. |
| G3 | Vận dụng mô hình kinh tế vĩ mô để đánh giá tình huống thực tiễn; phát triển kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm và đề xuất giải pháp chính sách phù hợp. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | Trình bày được các khái niệm cơ bản, chỉ tiêu đo lường (GDP, CPI, thất nghiệp, lạm phát) và vai trò của các biến số kinh tế vĩ mô. | Thuyết trình | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K4 | Phân tích được tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đến các chỉ số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm, lạm phát và thất nghiệp. | Thảo luận | Bài tiểu luận |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Vận dụng được các mô hình tổng cung – tổng cầu để đánh giá các tình huống thực tiễn trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô. | Dạy học theo dự án  Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.2 | S3 | Thảo luận nhóm, phản biện và đề xuất chính sách kinh tế dựa trên tình huống giả định | Bài tập nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.3 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.2.1 | 3.3.2 | 4.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về Kinh tế học vĩ mô | 4 |  |
| 1.1 | Kinh tế học là gì? | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Một số vấn đề Kinh tế vĩ mô then chốt | 2 | CLO1.1, CLO3.2 |
| 1.3 | Mục tiêu và chính sách Kinh tế vĩ mô | 1 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Đo lường Tổng sản phẩm quốc dân | 6 |  |
| 2.1 | Tổng sản phẩm trong nước | 2 | CLO1.1 |
| 2.2 | Chỉ số giá tiêu dùng | 2 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 2.3 | Bài tập | 2 | CLO3.1 |
| Chương 3 | Tổng cầu và chính sách tài khoá | 6 |  |
| 3.1 | Tổng cầu | 2 | CLO1.1, CLO3.1 |
| 3.2 | Chính sách tài khoá | 2 | CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận chính sách tài khoá | 2 | CLO3.2 |
| Chương 4 | Tổng cung và chính sách tiền tệ | 6 |  |
| 4.1 | Tổng cung | 2 | CLO3.1 |
| 4.2 | Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ | 2 | CLO2.1 |
| 4.3 | Thảo luận chính sách tiền tệ | 2 | CLO3.2 |
| Chương 5 | Thất nghiệp và Lạm phát | 8 |  |
| 5.1 | Thất nghiệp | 2 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 5.2 | Lạm phát | 2 | CLO2.1 |
| 5.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.2 |
|  | Ôn tập và kiểm tra | 2 | CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tập nhóm, tiểu luận: CLO2.1; CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | -Tự luận: CLO1.1; CLO3.1; CLO3.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. PGS. TS. Nguyễn Văn Dần (2010), *Giáo trình kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. PGS. TS. Nguyễn Văn Dần (2010), *Bài tập và trắc nghiệm kinh tế học vĩ mô,* Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về Kinh tế học vĩ mô   * 1. Kinh tế học là gì?   2. Một số vấn đề Kinh tế vĩ mô then chốt   3. Mục tiêu và chính sách Kinh tế vĩ mô | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1]: C1 |
| 2 | Đo lường Tổng sản phẩm quốc dân  2.1 Tổng sản phẩm trong nước  2.2. Chỉ số giá tiêu dùng | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C2  + Tìm hiểu GDP, CPI của một số quốc gia trên thế giới |
| 3 | Tổng cầu và chính sách tài khoá  3.1. Tổng cầu  3.2. Chính sách tài khoá | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C3; C5  + Tìm hiểu chính sách tài khoá chính phủ Việt Nam đang sử dụng trong giai đoạn hiện nay |
| 4 | Tổng cung và chính sách tiền tệ  4.1. Tổng cung  4.2. Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C4  + Tìm hiểu chính sách tiền tệ chính phủ Việt Nam đang sử dụng trong giai đoạn hiện nay. |
| 5 | Thất nghiệp và Lạm phát  5.1. Thất nghiệp  5.2. Lạm phát | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C9  + Tìm hiểu tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát hiện nay của Việt Nam và so sánh với một số quốc gia trên thế giới |
|  | Ôn tập và Kiểm tra | 4 | 4 | 0 | Hệ thống toàn bộ kiên thức học phần Kinh tế vĩ mô |
|  | **Tổng** | **60** | **44** | **16** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu kinh doanh
* Tiếng Anh: Business Research Methods

Mã số học phần: 3KT108CD

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 20; Bài tập: 10

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

## 2.2. Bộ môn: Kế toán và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

## 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản, quy trình và phương pháp nghiên cứu kinh doanh, bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, cũng như trình bày báo cáo. |
| G2 | Xây dựng và hoàn thiện được bản đề xuất nghiên cứu kinh doanh cụ thể. |
| G3 | Thực hiện các bước nghiên cứu và hoàn thiện được một báo cáo nghiên cứu kinh doanh nhỏ hoàn chỉnh. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | - Trình bày được các khái niệm cơ bản, quy trình và phương pháp nghiên cứu kinh doanh, bao gồm xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu. | - Thuyết trình | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | Xây dựng và hoàn thiện được bản đề xuất nghiên cứu kinh doanh cụ thể. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Thực hiện các bước nghiên cứu và hoàn thiện được một báo cáo nghiên cứu kinh doanh nhỏ hoàn chỉnh. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.5 | PLO4.3 |
| 1.2.2 | 2.5.1 | 4.3.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hiện một nghiên cứu kinh doanh đơn giản, từ xác định vấn đề, thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu đến viết báo cáo và bảo vệ kết quả trước hội đồng giả định. Học phần đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và sử dụng công nghệ hỗ trợ nghiên cứu.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về phương pháp nghiên cứu kinh doanh** | **4** |  |
| 1.1 | Bản chất của nghiên cứu khoa học | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Bản chất của nghiên cứu kinh doanh | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Quá trình nghiên cứu | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Ý nghĩa môn học | 1 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Đề xuất nghiên cứu kinh doanh** | **2** |  |
| 2.1 | Khái niệm và phân loại, kết cấu đề xuất nghiên cứu kinh doanh | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Bài tập vận dụng | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 3** | **Thiết kế nghiên cứu kinh doanh** | **4** |  |
| 3.1 | Phân loại và thiết kế nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Mục đích, chiến lược, phương pháp và thời gian nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.5 | Bài tập vận dụng | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 4** | **Thiết kế mẫu nghiên cứu** | **4** |  |
| 4.1 | Bản chất của chọn mẫu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Chọn mẫu xác suất | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.3 | Chọn mẫu phi xác suất | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.4 | Bài tập vận dụng | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| **Chương 5** | **Thu thập dữ liệu** | **4** |  |
| 5.1 | Phân loại dữ liệu sơ cấp và thứ cấp | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Thu thập dữ liệu thứ cấp | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.3 | Thu thập dữ liệu sơ cấp | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.4 | Bài tập vận dụng | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| **Chương 6** | **Phân tích dữ liệu** | **4** |  |
| 6.1 | Hiệu chỉnh dữ liệu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6.2 | Mã hóa và phân tích dữ liệu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6.3 | Mô tả một sổ phần mềm xử lý dữ liệu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6.4 | Bài tập vận dụng | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| **Chương 7** | **Báo cáo kết quả nghiên cứu** | **6** |  |
| 7.1 | Quá trình viết báo cáo nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.2 | Nội dung của báo cáo nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.3 | Trình bày báo cáo nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.4 | Trình bày kết quả nghiên cứu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.5 | Bài tập vận dụng | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
|  | **Kiểm tra** | **2** |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1. | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1. | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] GS.TS. Lê Công Hoa, TS. Nguyễn Thành Hiếu (2013), Giáo trình Nghiên cứu kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill (2008), Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, dịch giả MBA. Nguyễn Văn Dung. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung** | | **Tổng** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tổng quan về phương pháp nghiên cứu kinh doanh**  - Bản chất của nghiên cứu  - Bản chất của nghiên cứu kinh doanh  - Quá trình nghiên cứu  - Ý nghĩa môn học | | 8 | 8 |  | + Tài liệu [1]: C1  + Hoàn thiện các câu hỏi ở Phiếu bài tập số 1. |
| 2 | **Đề xuất nghiên cứu kinh doanh**  - Khái niệm và phân loại đề xuất nghiên cứu kinh doanh  - Kết cấu nội dung đề xuất nghiên cứu  - Đánh giá đề xuất nghiên cứu | | 4 | 2 | 2 | + Tài liệu [1]: C2  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện đề xuất cho 01 nghiên cứu cụ thể. (Phiếu bải tập số 1). |
| 3 | **Thiết kế nghiên cứu kinh doanh**  - Thiết kế nghiên cứu  - Phân loại nghiên cứu  - Mục đích nghiên cứu  - Chiến lược nghiên cứu  - Phương pháp nghiên cứu  - Thời gian nghiên cứu | | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C3  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện thiết kế nghiên cứu cho 01 nghiên cứu cụ thể. (Phiếu bải tập số 2). |
| 4 | **Thiết kế mẫu nghiên cứu**  - Bản chất của chọn mẫu  - Chọn mẫu xác suất  - Chọn mẫu phi xác suất | | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C4  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện chọn mẫu cho 01 nghiên cứu cụ thể (Phiếu bải tập số 2). |
| 5 | **Thu thập dữ liệu**  - Phân loại dữ liệu sơ cấp và thứ cấp  - Thu thập dữ liệu thứ cấp  - Thu thập dữ liệu sơ cấp | | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C5,6  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện thu thập dữ liệu cho 01 nghiên cứu cụ thể (Phiếu bải tập số 2). |
| 6 | **Phân tích dữ liệu**  - Hiệu chỉnh dữ liệu  - Mã hóa dữ liệu  - Phân tích dữ liệu  - Mô tả một sổ phần mềm xử lý dữ liệu | | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C7  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện phân tích dữ liệu cho 01 nghiên cứu cụ thể (Phiếu bải tập số 2). |
| 7 | **Báo cáo kết quả nghiên cứu**  - Quá trình viết báo cáo nghiên cứu  - Nội dung của báo cáo nghiên cứu  - Trình bày báo cáo nghiên cứu  - Trình bày kết quả nghiên cứu | | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C8  + Vận dụng kiến thức, tiến hành thực hiện viết báo cáo và trình bày cho 01 nghiên cứu cụ thể (Phiếu bải tập số 2). |
|  | **Kiểm tra** | | 4 |  | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | | **60** | **40** | **20** |  |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Lịch sử các học thuyết kinh tế
* Tiếng Anh: History of economic theories

Mã số học phần: 3KT116CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrangnt88@gmail.com

Điện thoại: 0984075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức nền tảng về các học thuyết kinh tế, sự hình thành, phát triển và đặc điểm của các trường phái tư tưởng kinh tế qua từng thời kỳ lịch sử (từ cổ đại đến hiện đại) nhằm làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích, đánh giá và phản biện các luận điểm trong từng học thuyết kinh tế, nhận diện được ưu điểm, hạn chế và sự kế thừa của các học thuyết kinh tế trong quá trình phát triển của kinh tế học. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ sở về lịch sử các học thuyết kinh tế để tiếp thu các học phần chuyên ngành Quản trị kinh doanh. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Phân tích, đánh giá và phản biện các luận điểm trong từng học thuyết kinh tế, nhận diện được ưu điểm, hạn chế và sự kế thừa của các học thuyết kinh tế trong quá trình phát triển của kinh tế học. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO2.5 | K3 | Xây dựng nền tảng tư duy lý luận vững chắc cho việc học các môn kinh tế học hiện đại và nghiên cứu chuyên sâu sau này. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.3 | S2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.3 | PLO2.5 | PLO3.3 |
| 1.2.1 | 2.3.1 | 2.5.3 | 3.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.5 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.3 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về lịch sử các học thuyết kinh tế; Học thuyết kinh tế trọng thương; Học thuyết kinh tế trọng nông; Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh; Học thuyết kinh tế hậu cổ điển; Hoc thuyết kinh tế tân cổ điển; Học thuyết kinh tế trường phái Keynes; Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới; Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Nhập môn lịch sử các học thuyết kinh tế** | **2** |  |
| 1.1 | Sự ra đời và phát triển của lịch sử các học thuyết kinh tế | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Mục đích, đối tượng, phương pháp nghiên cứu | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.3 | Ý nghĩa lý luận, thực tiễn | 0.5 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Học thuyết kinh tế trọng thương** | **3** |  |
| 2.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.5 | CLO1.1 |
| 2.2 | Các giai đoạn hình thành và phát triển của học thuyết trọng thương | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Học thuyết trọng thương một số nước | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4 | Quá trình tan rã của học thuyết trọng thương | 0.5 | CLO1.1 |
| 2.5 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 3** | **Học thuyết kinh tế trọng nông** | **3** |  |
| 3.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.75 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Nội dung học thuyết trọng nông | 1.0 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Đánh giá học thuyết kinh tế trọng nông | 0.25 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 4** | **Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh** | **4** |  |
| 4.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.6 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Học thuyết kinh tế của Wiliam Petty | 0.6 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.3 | Học thuyết kinh tế của Wiliam Petty | 0.6 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.4 | Học thuyết kinh tế của David Ricardo | 0.6 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.5 | Sự suy thoái của kinh tế học tư sản cổ điển | 0.6 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.6 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 5** | **Các học thuyết kinh tế hậu cổ điển** | **3** |  |
| 5.1 | Học thuyết kinh tế tầm thường | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 5.2 | Học thuyết Thomas Robert Malthus | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 5.3 | Học thuyết kinh tế Jean Baptiste Say | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 5.4 | Học thuyết kinh tế tiểu tư sản | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 5.5 | Thảo luận | 1 | CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 6** | **Hoc thuyết kinh tế tân cổ điển** | **4** |  |
| 6.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.2 | Hermann Heirich | 0.25 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.3 | Lý thuyết “ Giới hạn” ở Áo | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.4 | Lý thuyết trường phái Cambidge ( Anh) | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.5 | Lý thuyết trường phái thành Lausanne ở Thụy sĩ | 0.25 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.7 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 7** | **Học thuyết kinh tế trường phái Keynes** | **3** |  |
| 7.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 7.2 | Nội dung học thuyết kinh tế trường phái Keynes | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 7.3 | Trường phái Keynes mới | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 7.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 8** | **Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới** | **4** |  |
| 8.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 8.2 | Học thuyết kinh tế thị trường xã hội ở CHLB Đức | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 8.3 | Chủ nghĩa trọng tiền hiện đại | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 8.4 | Chủ nghĩa trọng cung ở Mỹ | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 8.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |
| **Chương 9** | **Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại** | **4** |  |
| 9.1 | Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm | 0.4 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.2 | Lý thuyết sự lựa chọn tối ưu | 0.3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.3 | Sản xuất hàng hóa, hàng hóa và giá cả | 0.3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.4 | Lý thuyết thất nghiệp, lạm phát | 0.3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.5 | Lý thuyết kinh tế học môi trường | 0.3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.6 | Lý thuyết về nền kinh tế thị trường | 0.4 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 9.7 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO2.5  CLO3.3 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1] TS. Nguyễn Thị Trâm - PGS.TS Nguyễn Đăng Bằng (Đồng chủ biên) -Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2016.

[2]. GS.TS Phạm Quang Phan – PGS.TS An Như Hải, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2011.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [1]. PGS.TS Trần Bình Trọng, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2011. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nhập môn lịch sử các học thuyết kinh tế  - Quá trình hình thành và phát triển của Lịch sử các họ thuyết kinh tế  - Các mối quan hệ giữa lịch sử các học thuyết kinh tế với các môn học khác. | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1, 4,6]: C1 |
| 2 | Học thuyết kinh tế trọng thương  - Giai đoạn khởi đầu  - Đánh giá chung về chủ nghĩa trọng thương  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1, 22, 27]: C3 |
| 3 | Học thuyết kinh tế trọng nông  - Phân biệt sản phẩm ròng và giá trị thặng dư, lợi nhuận  - Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1, 29, 31]: C4 |
| 4 | Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh  - Những đóng góp rất quan trọng của Wiliam Petty trong thế kỷ XVII, khiến K. Marx coi ông là cha đẻ của kinh tế chính trị học.  - Vận dụng lý luận “bàn tay vô hình” để nghiên cứu kinh tế thị trường Việt Nam  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận. | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1,38,41,42,43 ]: C5, |
| 5 | Các học thuyết kinh tế hậu cổ điển  - Những sai lầm của Proudon trong quan niệm về giá trị, tiền tệ và lợi tức?  - Mặt tích cực và hạn chế của HTKT hậu cổ điển.  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận. | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1, 86,87,88]: C6 |
| 6 | Học thuyết kinh tế tân cổ điển  - Áp dụng quy luật cung cầu giá cả để nghiên cứu thị trường.  - Mặt tích cực và hạn chế của HTKT tân cổ điển.  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận. | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 117,130]: C9 |
| 7 | Học thuyết kinh tế trường phái Keynes  -Vận dụng học thuyết Keynes.  - Phân tích bức tranh việc làm, vấn đề thất nghiệp hiện nay.  - Ý nghĩa thực tiễn của học thuyết Keynes.  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận. | 6 | 4 | 2 | +Tài liệu [1, 142,155,156 ]: C10 |
| 8 | Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới  - Học thuyết trọng cung với vai trò nhà nước  - Ý nghĩa thực tiễn của kinh tế thị trường xã hội  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 165, 179]: C11 |
| 9 | Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại  -Vai trò chính phủ trong nền kinh tế thị trường  - So sánh cơ chế thị trường và cơ chế tập trung bao cấp  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 218,234, 239]: C12 |
|  | **Tổng** | **60** | **38** | **22** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

- Tiếng Việt: Lý thuyết tài chính tiền tệ

- Tiếng Anh: Monetary Financial

Mã số học phần: 3KT126DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Bài tập, thảo luận: 15 tiết; Tự học: 90 tiết.

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrang88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường chứng khoán

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947.080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường chứng khoán

**2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức nền tảng về tiền tệ, tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính nhằm làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích, đánh giá các biến động kinh tế – tài chính và tác động của chính sách tiền tệ, tài khóa đến doanh nghiệp và xã hội. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ sở về tài chính – tiền tệ để tiếp thu các học phần chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. | Giảng dạy lý thuyết, phân tích tình huống | Trắc nghiệm, tự luận, kiểm tra giữa kỳ – cuối kỳ |
| G2 | CLO2.1 | C2 | Phân tích và đánh giá tác động của các biến động tài chính – tiền tệ đến doanh nghiệp và xã hội. | Thảo luận, tình huống, nghiên cứu tình huống | Bài tập tình huống, tiểu luận, bài thuyết trình nhóm |
| G3 | CLO3.1 | S2, A3 | Làm việc nhóm, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng khi tiếp cận các vấn đề tài chính tiền tệ. | Làm việc nhóm, thảo luận nhóm, phản biện | Quan sát quá trình, đánh giá đồng đẳng, chấm thuyết trình nhóm |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.2.1 | 2.1.3 | 3.3.1 | 4.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  | ✓ |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết Tài chính – Tiền tệ, bao gồm: Tiền tệ trong nền kinh tế thị trường; Tín dụng - Bảo hiểm - Ngân hàng; Thanh toán trong nền kinh tế thị trường; Những vấn đề cơ bản về tài chính; Ngân sách nhà nước; Thị trường tài chính.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ | 6 | CLO1.1 |
| 1.1 | Nguồn gốc ra đời, Bản chất, Chức năng và vai trò của tiền tệ | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Các chế độ lưu thông tiền tệ | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Quy luật lưu thông tiền tệ | 1 | CLO2.1 |
| 1.4 | Lạm phát và các biện pháp ổn định tiền tệ | 1 | CLO2.1, CLO3.1 |
| 1.5 | Thảo luận | 2 | CLO1.1, CLO2.1 |
| Chương 2 | Tín dụng – Bảo hiểm - Ngân hàng | 9 | CLO1.1 |
| 2.1 | Tín dụng | 2 | CLO1.1 |
| 2.2 | Bảo hiểm | 2 | CLO1.1 |
| 2.3 | Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia | 1 | CLO2.1 |
| 2.4 | Ngân hàng thương mại | 1 | CLO2.1, CLO3.1 |
| 2.5 | Bài tập và Thảo luận | 3 | CLO1.1 |
| Chương 3 | Thanh toán trong nền kinh tế thị trường | 6 | CLO1.1 |
| 3.1 | Thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế thị trường | 1 | CLO1.1 |
| 3.2 | Thanh toán không dùng tiền mặt | 2 | CLO2.1 |
| 3.3 | Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt Thanh toán quốc tế | 1 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 2 | CLO1.1 |
| Chương 4 | Tổng quan về hệ thống tài chính | 6 | CLO2.1 |
| 4.1 | Tiền đề ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính | 1 | CLO2.1, CLO3.1 |
| 4.2 | Bản chất của tài chính | 1 | CLO1.1 |
| 4.3 | Hệ thống tài chính của Việt Nam | 1 | CLO1.1 |
| 4.4 | Chính sách tài chính quốc gia | 1 | CLO1.1 |
| 4.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 5 | Ngân sách Nhà nước | 6 | CLO2.1, CLO3.1 |
| 5.1 | Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước | 1 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 5.2 | Nội dung hoạt động chủ yếu của ngân sách nhà nước | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam | 1 | CLO1.1 |
| 5.4 | Chu trình quản lý ngân sách nhà nước | 1 | CLO1.1 |
| 5.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 6 | Tài chính doanh nghiệp | 6 | CLO2.1, CLO3.1 |
| 6.1 | Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp | 2 | CLO1.1 |
| 6.2 | Những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp | 2 | CLO1.1 |
| 6.3 | Quản lý nhà nước đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp | 2 | CLO1.1 |
| Chương 7 | Thị trường tài chính | 6 | CLO2.1 |
| 7.1 | Những vấn đề chung về thị trường tài chính | 2 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 7.2 | Vai trò của nhà nước trong việc hình thành và phát triển thị trường tài chính | 2 | CLO1.1 |
| 7.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO2.2 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1] PGS.TS Nguyễn Hữu Tài (2010), Giáo trình Lý thuyết tài chính - tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1] ThS. Đồng Thị Vân Hồng (2009), Giáo trình lý thuyết Tiền tệ tín dụng, Nhà xuất bản Lao động. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ  1.1. Nguồn gốc ra đời, Bản chất, Chức năng và vai trò của tiền tệ  1.2. Các chế độ lưu thông tiền tệ  1.3. Quy luật lưu thông tiền tệ  1.4. Lạm phát và các biện pháp ổn định tiền tệ | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C1  + Tìm hiểu về lạm phát ở Việt Nam và các biện pháp mà Chính phủ đã sử dụng để kiềm chế lạm phát. |
| 2 | Tín dụng – Bảo hiểm - Ngân hàng   * 1. Tín dụng   2. Bảo hiểm   3. Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia   4. Ngân hàng thương mại | 9 | 6 | 3 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển Ngân hàng Nhà nước và hệ thống các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam. |
| 3 | Thanh toán trong nền kinh tế thị trường   * 1. Thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế thị trường   2. Thanh toán không dùng tiền mặt   3. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C3  + Cập nhật các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đang được triển khai hiện nay trong Hệ thống ngân hàng và các biện pháp bảo đảm an toàn trong thanh toán không dùng tiền mặt. |
| 4 | Tổng quan về hệ thống tài chính   * 1. Tiền đề ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính   2. Bản chất của tài chính   3. Chức năng của tài chính   4. Hệ thống tài chính của Việt Nam   5. Chính sách tài chính quốc gia | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu vai trò của hệ thống tài chính đối với sự vận hành và phát triển nền kinh tế. |
| 5 | Ngân sách Nhà nước   * 1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước   2. Nội dung hoạt động chủ yếu của ngân sách nhà nước   3. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam   4. Chu trình quản lý ngân sách nhà nước | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C5  + Tìm hiểu về tổ chức hệ thống Ngân sách Nhà nước Việt Nam. |
| 6 | Tài chính doanh nghiệp  1.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp  1.2. Những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp  1.3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp | 6 | 6 | 0 | + Tài liệu [1]: C6  + Tìm hiểu về các nội dung của tài chính doanh nghiệp và ý nghĩa của việc quản lý tài chính doanh nghiệp. |
| 7 | Thị trường tài chính   * 1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính   2. Vai trò của nhà nước trong việc hình thành và phát triển thị trường tài chính | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1]: C7  + Tìm hiểu về vai trò của thị trường tài chính đối với sự vận hành và phát triển nền kinh tế. . |
|  | **Tổng** | **45** | **32** | **13** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh tế phát triển
* Tiếng Anh: Economic development

Mã số học phần: 3KT109CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Mô hình kinh tế

**Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0986 088 897

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế quốc tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức nền tảng về và công cụ phân tích để hiểu, đánh giá và vận dụng vào các vấn đề phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia và khu vực, đặc biệt là ở các nước đang phát triển như Việt Nam. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách kinh tế, góp phần phát triển đất nước một cách hiệu quả và bền vững. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phát triển và năng lực hoạch định chính sách, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực kinh tế. |
| G4 | Nghiên cứu hoặc xây dựng kế hoạch, giải pháp cho các vấn đề phát triển kinh tế cụ thể. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K3 | .Vận dụng kiến thức cơ bản  cơ sở về kinh tế phát triển để tiếp thu các học phần chuyên ngành Quản trị kinh doanh. | * Thuyết trình   Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Phân tích và đánh giá chính sách phát triển kinh tế trên cơ sở vận dụng các lý thuyết và mô hình phát triển phù hợp với bối cảnh quốc gia. | * Thuyết trình   Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phát triển và năng lực hoạch định chính sách, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội trong lĩnh vực kinh tế. | * Thuyết trình   Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C2 | Nghiên cứu hoặc xây dựng kế hoạch, giải pháp cho các vấn đề phát triển kinh tế cụ thể. | * Thuyết trình   Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.2.1 | 2.2.1 | 3.3.1. | 4.3.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về kinh tế phát triển; Tăng trưởng kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế; Lao động - việc làm với phát triển kinh tế; Tiết kiệm đầu tư với phát triển kinh tế.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về phát triển kinh tế** | **4** |  |
| 1.1 | Bản chất và nội dung của phát triển kinh tế | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Các giai đoạn phát triển kinh tế (lý thuyết phân kỳ của  Rostow) | 2 | CLO1.1 |
| 1.3 | Lựa chọn con đường phát triển theo quan điểm tăng  trưởng và phát triển kinh tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 2** | **Tăng trưởng kinh tế** | **6** |  |
| 2.1 | Các thước đo và nhân tố ảnh hưởng | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | [C](#_Toc362442099)ác mô hình tăng trưởng kinh tế | 3 | CLO1.1 |
| 2.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Chương 3** | **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế** | **6** |  |
| 3.1 | Cơ cấu kinh tế | 1 | CLO1.1 |
| 3.2 | [Chuyển dịch cơ cấu ngành trong phát triển kinh tế](#_Toc362442113) | 1 | CLO1.1 |
| 3.3 | Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Chương 4** | **Tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế** | **4** |  |
| 4.1 | Nâng cao mức sống dân cư | 0.5 | CLO1.1 |
| 4.2 | Phát triển con người | 1 | CLO1.1 |
| 4.3 | Bất bình đẳng xã hội trong phát triển kinh tế | 0.5 | CLO1.1 |
| 4.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Chương 5** | **Lao động – việc làm với phát triển kinh tế** | **4** |  |
| 5.1 | Tổng quan về lao động – việc làm và thất nghiệp | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Thị trường lao động ở các nước đang phát triển | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Chương 6** | **Tiết kiệm đầu tư với phát triển kinh tế** | **6** |  |
| 6.1 | Tiết kiệm | 1 | CLO1.1 |
| 6.2 | Đầu tư phát triển | 1 | CLO1.1 |
| 6.3 | Thị trường vốn đầu tư ở các nước đang phát triển | 1 | CLO1.1 |
| 6.4 | Chính sách thu hút vốn đầu tư ở các nước đang phát triển | 1 | CLO1.1 |
| 6.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

* Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn - TS Bùi Đức Tuân (2012), *Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản tài chính.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [1]. Kinh tế phát triển (2001) Phân viện HN, Nhà xuất bản Thống kê |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về phát triển kinh tế  - Điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế và địa lý ra đời các nước đang phát triển  - Sự giống và khác nhau giữa các nước đang phát triển và chậm phát triển  - Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1,3,4-6 ]: C1  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 2 | Tăng trưởng kinh tế  - So sánh các mô hình tăng trưởng kinh tế  - Lý do Solow cho rằng đầu tư vốn nhân lực dẫn đến tăng trưởng vĩnh viễn. Vận dụng mô hình trong hoạch định chính sách tăng trưởng  - Câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1; 39-67; 51-60]: C3  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 3 | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế  - Cơ cấu khu vực thể chế  - Cơ cấu tái sản xuất  - Cơ cấu thương mại quốc tế  - Câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1, 70-71]: C4  + Tìm hiểutrên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 4 | Tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế  - Mối quan hệ giữa tăng trưởng với phát triển con người  - Các phương pháp đánh giá tác động của tăng trưởng đối với phát triển con người  - Tiêu chí đánh giá tác động của tăng trưởng đối với giảm nghèo  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 95-97;102-104 ]: C5  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 5 | Lao động – việc làm với phát triển kinh tế  - Thất nghiệp ở các nước đang phát triển  - Đặc điểm của thị trường lao động khu vực nông thôn  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1,123-124; 130]: C6  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 6 | Tiết kiệm đầu tư với phát triển kinh tế  - Mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư  - Chính sách thu hút vốn đầu tư trong nước  - Phân biệt giữa viện trọ song phương và viện trợ đa phương?  - Câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1,137;151-153; 157-160]: C7,  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Marketing căn bản
* Tiếng Anh: Principles of Marketing

Mã số học phần: 4KT111DC

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Thảo luận: 15 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Thơ**

## Email: thonguyen.skv@gmail.com

## Điện thoại: 0986 088 897

## Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế.

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng kiến thức marketing căn bản để phát triển năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch các dự án marketing |
| G2 | Phân tích và phản biện các vấn đề liên quan đến marketing. |
| G3 | Đề xuất các dự án khởi nghiệp marketing phù hợp bối cảnh nghề nghiệp thông qua ứng dụng công nghệ. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách Marketing. | * Thuyết trình | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Đo lường được các chỉ tiêu về Marketing; Phân đoạn được thị trường của doanh nghiệp | - Thuyết trình | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Đề xuất được những dự án Marketing cho doanh nghiệp trước sự biến động của nền kinh tế thị trường | * Thuyết trình   - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO3.2 | S3 | Sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu | * Thuyết trình * Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.4 | PLO3.4 | PLO4.5 |
| 1.2.2 | 2.4.2 | 3.4.1 | 4.5.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Marketing, bao gồm: Những vấn đề cơ bản về Marketing, Thị trường trong hoạt động Marketing, giới thiệu về các chính sách Marketing mix như: Chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách xúc tiến.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Những vấn đề cơ bản về Marketing | 6 | CLO1.1 |
| 1.1 | Quá trình ra đời và phát triển của hoạt động Marketing | 1 |
| 1.2 | Các khái niệm và các quan điểm Marketing | 4 |
| 1.3 | Vai trò và chức năng của hoạt động Marketing | 1 |
| Chương 2 | Thị trường trong hoạt động Marketing | 6 |  |
| 2.1 | Khái quát chung về thị trường | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Nghiên cứu thị trường | 2 | CLO1.1 |
| 2.3 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |
| Chương 3 | Chính sách sản phẩm | 9 |  |
| 3.1 | Khái niệm và vị trí của chính sách sản phẩm | 1 | CLO1.1 |
| 3.2 | Lý thuyết chu kỳ sống của sản phẩm | 2 | CLO1.1 |
| 3.3 | Các chính sách về sản phẩm | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |
| Chương 4 | Chính sách giá | 9 |  |
| 4.1 | Giá và các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá | 1 | CLO1.1 |
| 4.2 | Phương pháp xác định giá | 3 | CLO1.1 |
| 4.3 | Các chính sách giá | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.5 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |
| Chương 5 | Chính sách phân phối | 6 |  |
| 5.1 | Khái quát chung về kênh phân phối | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Các thành viên của kênh phân phối | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Các loại kênh phân phối | 2 | CLO1.1 |
| 5.4 | Chính sách phân phối | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 5.5 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |
| Chương 6 | Chính sách xúc tiến hỗn hợp | 9 |  |
| 6.1 | Bản chất, vai trò của xúc tiến hỗn hợp | 1 | CLO1.1 |
| 6.2 | Các công cụ của xúc tiến hỗn hợp | 2 | CLO1.1 |
| 6.3 | Chính sách phối hợp các công cụ xúc tiến hỗn hợp | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 6.4 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.
* Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. GS.TS. Trần Minh Đạo (2013), Marketing căn bản, NXB Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. TS. Nguyễn Thượng Thái (2010), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Marketing  1.1. Quá trình ra đời và phát triển của hoạt động Marketing  1.2 Các khái niệm và các quan điểm Marketing  1.3. Vai trò và chức năng của hoạt động Marketing | 12 | 12 | 0 | + Tài liệu [1,2]: C1  + Tìm hiểu các doanh nghiệp Việt Nam thời bao cấp có cần dùng đến Marketing không? |
| 2 | Chương 2: Thị trường trong hoạt động Marketing  2.1 Khái quát chung về thị trường  2.2 Nghiên cứu thị trường | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1,2]: C3,C4,C5  + Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình mua hàng của khách hàng cá nhân |
| 3 | Chương 3: Chính sách sản phẩm  3.1 Khái niệm và vị trí của chính sách sản phẩm  3.2 Lý thuyết chu kỳ sống của sản phẩm  3.3 Các chính sách về sản phẩm | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1]: C7  + Tài liệu [2]: C6  + Tìm hiểu các chiến lược để phát triển sản phẩm mới của các doanh nghiệp |
| 4 | Chương 4: Chính sách giá  4.1 Giá và các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá  4.2 Phương pháp xác định giá  4.2.1 Phương pháp tính giá theo chi phí  4.2.2 Phương pháp định giá theo cảm nhận khách hàng  4.2.3 Phương pháp định giá theo mức hiện hành  4.3 Các chính sách giá | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1]: C8  + Tài liệu [2]: C7  + Tìm hiểu các yếu tố chi phối đến mức giá bán của doanh nghiệp |
| 5 | Chương 5: Chính sách phân phối  5.1 Khái quát chung về kênh phân phối  5.2 Các thành viên của kênh phân phối  5.3 Các loại kênh phân phối  5.4 Chính sách phân phối | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1]: C9  + Tài liệu [2]: C8  + Tìm hiểu các tiêu chuẩn chọn nhà phân phối của các doanh nghiệp |
|  | Chương 6: Chính sách xúc tiến hỗn hợp  6.1 Bản chất, vai trò của xúc tiến hỗn hợp  6.2 Các công cụ của xúc tiến hỗn hợp  6.3 Chính sách phối hợp các công cụ xúc tiến hỗn hợp | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1]: C10  + Tài liệu [2]: C9  + Đánh giá các kênh quảng cáo, truyền thông hiện nay của các doanh nghiệp |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Bài tập lớn Thương mại điện tử

Tiếng Anh: E-commerce term paper

**Mã số học phần:** 4KT319DH

**Số tín chỉ: 01**

**Phân bổ thời gian:**

Lên lớp: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 15 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

**Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng kiến thức ngành để hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các hoạt động thương mại điện tử. |
| G2 | Đề xuất các ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh số và thương mại điện tử. |
| G3 | Vận dụng thành thạo các công cụ tin học cơ bản và môi trường mạng để thực hiện dự án và xây dựng mô hình kinh doanh thương mại điện tử. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Áp dụng kiến thức ngành để hình thành, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá một dự án thương mại điện tử thực tiễn | Dạy học theo dự án, thảo luận | Quan sát, bài tập lớn |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Đề xuất các ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh doanh số | Dạy học theo dự án, thảo luận | Quan sát, bài tập lớn |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Vận dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và internet để phục vụ triển khai dự án thương mại điện tử | Dạy học theo dự án | Quan sát, bài tập lớn |
|  | CLO3.2 | C4 | Xây dựng mô hình kinh doanh thương mại điện tử phù hợp với tình huống thực tế | Dạy học theo dự án | Quan sát, bài tập lớn |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.5.2 | 3.4.1 | 4.4.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Vận dụng những kiến thức cơ bản của thương mại điện tử thực hành các phần hành cụ thể sau: Quy trình thực hiện giao dịch điện tử, Phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử và Ứng dụng Luật trong Thương mại điện tử

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| 1 | Quy trình thực hiện giao dịch điện tử | 5 | CLO1.1 CLO3.1 |
| 2 | Phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử | 5 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 3 | Ứng dụng Luật trong Thương mại điện tử | 5 | CLO1.1  CLO3.2 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt trong 80% các buổi giảng viên hướng dẫn.

Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

Hoàn thiện các phần được giảng viên chỉnh sửa và được đánh giá kết quả thực hiện.

Nộp bài thu hoạch cuối kỳ.

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Tham gia tối thiếu 80% các buổi hướng dẫn. | 10% |
| 2 | Điểm đánh giá quá trình | Quan sát: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm bài thu hoạch cuối kỳ | Bài tập lớn: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

Điểm đánh giá thành phần và điểm bài thu hoạch cuối kỳ được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. TS. Trần Văn Hòe (2015), *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản,* NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. TS. Nguyễn Hoài Anh (2011), Thương mại điện tử, NXB Giáo dục, Hà Nội. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Quy trình thực hiện giao dịch điện tử | 10 | 2 | 8 | + Tài liệu [1,2]: C1 |
| 2 | **Phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử** | 10 | 2 | 8 | + Tài liệu [1]: C3 |
| 3 | Ứng dụng Luật trong Thương mại điện tử | 10 | 1 | 9 | + Tài liệu [1]: C4 |
|  | **Tổng** | **30** | **5** | **25** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế
* Tiếng Anh: International Bussiness

Mã số học phần: 3KT110CD

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 20; Thảo luận: 2; Bài tập: 8

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế môi trường, phát triển bền vững

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần marMả

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản trong kinh doanh quốc tế; môi trường kinh doanh quốc gia; môi trường kinh doanh quốc tế; phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; chiến lược kinh doanh quốc tế. |
| G2 | Xác định được lợi ích và các vấn đề cần quan tâm khi một doanh nghiệp tiến hành kinh doanh quốc tế. |
| G3 | Xác định được phương thức thâm nhập thị trường quốc tế và thiết kế được chiến lược kinh doanh quốc tế cho một doanh nghiệp giả định cho trước. |
| G4 | Phân tích được bối cảnh, các vấn đề cần lưu ý và các rủi ro gặp phải khi một doanh nghiệp tiến kinh doanh quốc tế trên thực tế. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | - Trình bày được các khái niệm cơ bản trong kinh doanh quốc tế; môi trường kinh doanh quốc gia; môi trường kinh doanh quốc tế; phương thức thâm nhập thị trường quốc tế; chiến lược kinh doanh quốc tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | * Tự luận * Thảo luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | - Xác định được lợi ích và các vấn đề cần quan tâm khi doanh nghiệp cụ thể tiến hành kinh doanh quốc tế. | - Thuyết trình  - Bài tập | * Tự luận |
| G4 | CLO3.1 | C3 | - Phân tích được bối cảnh, các vấn đề cần lưu ý và các rủi ro gặp phải khi một doanh nghiệp tiến kinh doanh quốc tế trên thực tế. Đồng thời, xác định được phương thức thâm nhập thị trường | - Thuyết trình  - Bài tập | * Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.4 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.4.1 | 4.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Kinh doanh quốc tế cung cấp nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn về các khái niệm cơ bản của kinh doanh quốc tế, sự khác biệt giữa các quốc gia và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Sinh viên sẽ được trang bị khả năng xác định lợi ích, phân tích các vấn đề cần lưu ý và đánh giá rủi ro khi doanh nghiệp thâm nhập thị trường quốc tế. Đồng thời, học phần hướng dẫn thiết kế chiến lược kinh doanh quốc tế và xây dựng cơ cấu tổ chức hiệu quả để nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và thị trường biến động.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề mục | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu |
| Chương 1 | **Kinh doanh quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa** | **4** |  |
| 1.1 | Một số vấn đề chung về kinh doanh quốc tế | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Toàn cầu hóa | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Kinh doanh quốc tế: Viễn cảnh toàn cầu | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học | 1 | CLO1.1 |
| Chương 2 | **Môi trường kinh doanh quốc gia** | **8** |  |
| 2.1 | Môi trường về văn hóa | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Môi trường về chính trị | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Môi trường luật pháp | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4 | Môi trường kinh tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Chương 3 | **Môi trường kinh doanh quốc tế** | **6** |  |
| 3.1 | Tổng quan về thương mại quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Các lý thuyết thương mại quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Can thiệp của Chính phủ vào thương mại quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Chương 4 | **Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế** | **6** |  |
| 4.1 | Lựa chọn thời điểm thâm nhập thị trường quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Phương thức thâm nhập thông qua xuất khẩu và buôn bán đối lưu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.3 | Phương thức thâm nhập qua hợp đồng | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.4 | Phương thức thâm nhập thông qua đầu tư | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.5 | Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.6 | Cách thức và quy trình lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| Chương 5 | **Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các công ty kinh doanh quốc tế** | 4 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.1 | Chiến lược quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Cấu trúc tổ chức quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
|  | **Kiểm tra** | **2** |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.  - Thảo luân: CLO1.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1. | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] PGS.TS. Tạ Lợi, PGS.TS. Nguyễn Thị Hường (2016), Giáo trình Kinh doanh quốc tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] Charles W. L. Hill (2014), Kinh doanh quốc tế hiện đại, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng (tiết)** | **LT**  **(tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Kinh doanh quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa**  - Một số vấn đề chung về kinh doanh quốc tế  - Toàn cầu hóa  - Kinh doanh quốc tế: Viễn cảnh toàn cầu  - Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học | 8 | 4 | 4 |  | + Tài liệu [1]: Chương mở đầu  + Chuẩn bị bài thảo luận |
| 2 | **Môi trường kinh doanh quốc gia**  - Môi trường về văn hóa  - Môi trường về chính trị  - Môi trường luật pháp  - Môi trường kinh tế | 16 | 12 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3.  + Hoàn thiện Phiếu Bài tập số 1 |
| 3 | **Môi trường kinh doanh quốc tế**  - Tổng quan về thương mại quốc tế  - Các lý thuyết thương mại quốc tế  - Can thiệp của Chính phủ vào thương mại quốc tế | 12 | 10 |  | 2 | + Tài liệu [1]: C4, C5, C6.  + Hoàn thiện Phiếu Bài tập số 2 |
| 4 | **Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế**  - Lựa chọn thời điểm thâm nhập thị trường quốc tế  - Phương thức thâm nhập thông qua xuất khẩu và buôn bán đối lưu  - Phương thức thâm nhập qua hợp đồng  - Phương thức thâm nhập thông qua đầu tư  - Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế  - Cách thức và quy trình lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế | 12 | 8 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C8, C9.  + Hoàn thiện Phiếu Bài tập số 3 |
| 5 | **Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các công ty kinh doanh quốc tế**  - Chiến lược quốc tế  - Cấu trúc tổ chức quốc tế | 8 | 6 |  | 2 | + Tài liệu [1]: C10  + Tài liệu [2]: C12  + Hoàn thiện Phiếu Bài tập số 4 |
|  | **Kiểm tra** | 4 |  |  | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **4** | **16** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
* Tiếng Anh: International Economics

Mã số học phần: 3KT102DH

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 20; Thảo luận: 6; Bài tập: 4

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

## 2.2. Bộ môn: Kinh tế và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện học học phần: Không

# 4.Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế quốc tế, bao gồm lý thuyết thương mại quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái. |
| G2 | Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, chính sách thương mại quốc tế đối với nền kinh tế các quốc gia và các doanh nghiệp tham gia vào thương mại quốc tế. Tính toán được tỷ giá hối đoái theo các phương pháp và phân tích rủi ro về tỷ giá khi tham gia vào thị trường quốc tế. |
| G3 | Phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, và sử dụng công nghệ phân tích dữ liệu để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K2 | - Trình bày được các khái niệm cơ bản về kinh tế quốc tế, bao gồm lý thuyết thương mại quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận  - Thảo luận |
| G2 | CLO2.1 | S2 | * Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến thương mại quốc tế, chính sách kinh tế quốc tế và tác động của hội nhập kinh tế đối với quốc gia và doanh nghiệp. Tính toán được tỷ giá hối đoái theo các phương pháp và phân tích rủi ro về tỷ giá khi tham gia vào thị trường quốc tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận  - Thảo luận |
| G3 | CLO3.1 | S2 | Phát triển được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, giao tiếp, sử dụng công nghệ, tranh biện trong giải quyết các vấn đề trong kinh tế quốc tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận  - Thảo luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.3 | PLO3.4 |
| 1.2.2 | 2.2.1 | 3.3.1 | 3.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Kinh tế quốc tế cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn về các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Nội dung bao gồm lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách kinh tế quốc tế, thị trường ngoại hối, và tỷ giá hối đoái. Sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố kinh tế quốc tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn như đánh giá, dự đoán bối cảnh, quản lý rủi ro tỷ giá và tối ưu hóa các hoạt động thương mại quốc tế.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề mục | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu |
| Chương 1 | **Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan về nền kinh tế thế giới** | **4** |  |
| 1.1 | Giới thiệu kinh tế quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.2 | Quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.3 | Những vấn đề có tính chất toàn cầu | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.4 | Nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| Chương 2 | **Lý thuyết thương mại quốc tế** | **4** |  |
| 2.1 | Lý thuyết có điền về thương mại quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.2 | Mở rộng lý thuyết cổ điển về thương mại | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.3 | Lý thuyết tân cổ điển về thương mại quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.4 | Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 3 | **Chính sách thương mại quốc tế** | **8** |  |
| 3.1 | Khái niệm và vai trò của chính sách thương mại quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.2 | Các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế. | 4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.3 | Những xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.4 | Những dạng chính sách thương mại quốc tế điển hình | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 3.5 | Đàm phán thương mại đa phương và việc điều chỉnh chính sách thương mại quốc tế. | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 4 | **Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái** | **6** |  |
| 4.1 | Thị trường ngoại hối | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Tỷ giá hối đoái | 4 | CLO1.1  CLO3.1 |
| Chương 5 | **Hội nhập kinh tế quốc tế** | **6** |  |
| 5.1 | Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.3 | Một số liên kết kinh tế khu vực tiêu biểu | 2 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
|  | **Kiểm tra** | **2** |  |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.  - Thảo luân: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1. | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1. | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1] Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, 2012, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2] PGS.TS. Tạ Lợi, PGS.TS. Nguyễn Thị Hường (2016), Giáo trình Kinh doanh quốc tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **CHƯƠNG** | **Nội dung** | **Tổng** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Giới thiệu kinh tế quốc tế và tổng quan về nền kinh tế thế giới**  - Giới thiệu kinh tế quốc tế  - Quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới  - Những vấn đề có tính chất toàn cầu  - Nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế | 8 | 6 | 2 |  | + Tài liệu [1]: C1  + Chuẩn bị bài thảo luận 1 |
| 2 | **Lý thuyết thương mại quốc tế**  - Lý thuyết có điền về thương mại quốc tế  - Mở rộng lý thuyết cổ điển về thương mại  - Lý thuyết tân cổ điển về thương mại quốc tế  - Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế | 8 | 6 | 2 |  | + Tài liệu [1]: C2  + Chuẩn bị bài thảo luận 2 |
| 3 | **Chính sách thương mại quốc tế**  - Khái niệm và vai trò của chính sách thương mại quốc tế  - Các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế.  - Những xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế  - Những dạng chính sách thương mại quốc tế điển hình  - Đàm phán thương mại đa phương và việc điều chỉnh chính sách thương mại quốc tế. | 16 | 12 | 4 |  | + Tài liệu [1]: C4  + Chuẩn bị bài thảo luận 3 |
| 4 | **Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái**  - Thị trường ngoại hối  - Tỷ giá hối đoái | 12 | 8 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C5,6,7  + Hoàn thiện bài tập ở Phiếu Bài tập số 1 |
| 5 | **Hội nhập kinh tế quốc tế**  - Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế  - Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế  - Một số liên kết kinh tế khu vực tiêu biểu | 12 | 8 | 4 |  | + Tài liệu [1]: C8  + Chuẩn bị bài thảo luận 4 |
|  | **Kiểm tra** | 4 |  |  | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **12** | **8** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Kinh tế lao động

Tiếng Anh: Labor Economics

Mã số học phần: 3KT158DH

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 20 tiết; Bài tập: 10 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

**2.2. Bộ môn**: Kế toán và Quản trị kinh doanh

**2.3. Khoa**: Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết: Không**

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức nền tảng lý thuyết và thực tiễn về thị trường lao động, hành vi của người lao động và người sử dụng lao động, cũng như các chính sách và thể chế liên quan đến lao động. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động và các vấn đề thực tiễn như thất nghiệp, bất bình đẳng, v.v...tác động đến các chính sách lao động. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy nhân văn, công bằng và trách nhiệm xã hội trong các vấn đề liên quan đến lao động và việc làm. |
| G4 | Phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế lao động thực tiễn. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức cơ sở về kinh tế lao động để tiếp thu các học phần chuyên ngành Quản trị kinh doanh. | T Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A2 | Phân tích đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động và các vấn đề thực tiễn như thất nghiệp, bất bình đẳng, v.v...tác động đến các chính sách lao động. | T Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Làm việc nhóm, tư duy nhân văn, công bằng và trách nhiệm xã hội trong các vấn đề liên quan đến lao động và việc làm. | T Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C4 | **P**hân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế lao động thực tiễn. |  |  |

# 5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.2 | 4.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Kinh tế lao động cung cấp nền tảng lý thuyết và thực tiễn về các vấn đề liên quan đến lao động và thị trường lao động. Nội dung bao gồm cung – cầu lao động, tiền lương, thất nghiệp, bất bình đẳng thu nhập và các chính sách lao động. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích dữ liệu, giải quyết vấn đề thực tiễn về kinh tế lao động.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về Kinh tế lao động** | **4** |  |
| 1.1 | Khái niệm và vai trò của kinh tế lao động. | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Thị trường lao động và các yếu tố cấu thành. | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Các vấn đề nổi bật trong kinh tế lao động: Thất bại thị trường, thất nghiệp, bất bình đẳng. | 2 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Cung và cầu lao động** | **8** |  |
| 2.1 | Phân tích cung lao động: Khuynh hướng tham gia lao động và quyết định làm việc. | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Phân tích cầu lao động: Bản chất, co dãn theo tiền lương, chính sách lương tối thiểu. | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Chính sách liên quan đến cung và cầu lao động. | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4 | Bài tập vận dụng | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 3** | **Đầu tư cho vốn nhân lực** | **6** |  |
| 3.1 | Khái niệm và vai trò của vốn nhân lực: Giáo dục và đào tạo. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Cầu về giáo dục và đào tạo: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư giáo dục. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Đánh giá hiệu quả đầu tư vào vốn nhân lực. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.4 | Bài tập vận dụng | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 4** | **Năng suất lao động và hợp đồng lao động** | **4** |  |
| 4.1 | Năng suất lao động và các yếu tố ảnh hưởng. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Hợp đồng lao động và các hình thức trả công. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.3 | Tiền lương hiệu quả và các vấn đề liên quan. | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.4 | Bài tập vận dụng | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 5** | **Các vấn đề đặc biệt trong kinh tế lao động** | **6** |  |
| 5.1 | Thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp: tự nhiên, cơ cấu, chu kỳ. | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Lưu chuyển lao động và nhập cư: Nguyên nhân, chính sách quản lý. | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.3 | Bất bình đẳng trong thị trường lao động: Nguyên nhân và giải pháp. | 1 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
| 5.4 | Bài tập vận dụng | 3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 |
|  | **Kiểm tra** | **2** |  |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1  - Thảo luận: CLO1.1, CLO2.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. Tạ Đức Khánh, Giáo trình kinh tế lao động, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2009.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [2]. TS.Phạm Đức Chính, Kinh tế lao động, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM, 2009. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tổng quan về Kinh tế lao động**  - Khái niệm và vai trò của kinh tế lao động.  - Thị trường lao động và các yếu tố cấu thành.  - Các vấn đề nổi bật trong kinh tế lao động: Thất bại thị trường, thất nghiệp, bất bình đẳng. | 8 | 6 | 2 |  | + Tài liệu [1]: C1, C2.  + Chuẩn bị bài thảo luận số 1.  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bài tập số 1. |
| 2 | **Cung và cầu lao động**  - Phân tích cung lao động: Khuynh hướng tham gia lao động và quyết định làm việc.  - Phân tích cầu lao động: Bản chất, co dãn theo tiền lương, chính sách lương tối thiểu.  - Chính sách liên quan đến cung và cầu lao động. | 16 | 12 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C3, C4, C5, C6, C7.  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bài tập số 2. |
| 3 | **Đầu tư cho vốn nhân lực**  - Khái niệm và vai trò của vốn nhân lực: Giáo dục và đào tạo.  - Cầu về giáo dục và đào tạo: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư giáo dục.  - Đánh giá hiệu quả đầu tư vào vốn nhân lực. | 12 | 10 | 2 |  | + Tài liệu [1]: C9, C10  + Chuẩn bị bài thảo luận số 2.  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bài tập số 3. |
| 4 | **Năng suất lao động và hợp đồng lao động**  - Năng suất lao động và các yếu tố ảnh hưởng.  - Hợp đồng lao động và các hình thức trả công.  - Tiền lương hiệu quả và các vấn đề liên quan. | 8 | 4 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C11  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bài tập số 4. |
| 5 | **Các vấn đề đặc biệt trong kinh tế lao động**  - Thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp: tự nhiên, cơ cấu, chu kỳ.  - Lưu chuyển lao động và nhập cư: Nguyên nhân, chính sách quản lý.  - Bất bình đẳng trong thị trường lao động: Nguyên nhân và giải pháp. | 12 | 8 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C12  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bài tập số 5. |
|  | Kiểm tra | 4 |  |  | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **4** | **16** |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*   |  |  | | --- | --- | | **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |     **TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Kinh tế môi trường

Tiếng Anh: Environmental Economics

Mã số học phần: 3KT147DH

Số tín chỉ học phần: 2

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 2; Bài tập: 8 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Quản trị nhân lực, Phát triển bền vững, Thương mại quốc tế

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý và Đạo đức kinh doanh, Hành vi tổ chức

## 2.2. Bộ môn: Kế toán và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết: Không**

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và kỹ năng phân tích kinh tế liên quan đến các vấn đề môi trường, từ đó giúp người học có thể đánh giá, hoạch định và đề xuất các chính sách, giải pháp kinh tế nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. |
| G2 | Hình thành năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề môi trường từ góc độ kinh tế như ô nhiễm, suy thoái tài nguyên, và biến đổi khí hậu, cũng như tác động của chúng đến nền kinh tế và xã hội. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, có tư duy phát triển bền vững và tinh thần trách nhiệm với môi trường và xã hội. |
| G4 | Ứng dụng các công cụ để phân tích, quả lý, định giá và đề xuất các giải pháp cho các vấn đề môi trường cụ thể. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Hiểu được các lý thuyết và công cụ phân tích trong kinh tế môi trường. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A2 | Phân tích được các vấn đề môi trường từ góc độ kinh tế và đánh giá tác động của chúng đến kinh tế và xã hội. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Làm việc nhóm, có tư duy phát triển bền vững và tinh thần trách nhiệm với môi trường và xã hội. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Ứng dụng được các công cụ kinh tế để phân tích, quản lý, định giá tài nguyên và đề xuất giải pháp cho các vấn đề môi trường trong thực tiễn. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.2 | 4.1.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Học phần Kinh tế môi trường cung cấp kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, các lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế để giải quyết các vấn đề môi trường. Nội dung bao gồm: định giá tài nguyên, phân tích chi phí - lợi ích, và các chính sách quản lý môi trường. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp cho các vấn đề môi trường thực tiễn.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** |
| **Bài mở đầu** | **Đối tượng, nhiệm vụ môn học & phương pháp nghiên cứu** | **2** |  |
| 1 | Sự ra đời và phát triển của kinh tế môi trường | 1 | CLO1.1 |
| 2 | Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học | 1 | CLO1.1 |
| **Chương 1** | **Môi trường và phát triển** | **4** |  |
| 1.1 | Mối liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.2 | Một số vấn đề về kinh tế môi trường trên thế giới | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.3 | Một số khái niệm về kinh tế phúc lợi | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.4 | Ảnh hưởng của ngoại ứng và thất bại của thị trường | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 2** | **Kinh tế ô nhiễm môi trường** | **6** |  |
| 2.1 | Mô hình tối ưu | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.2 | Cơ chế thị trường và mô hình thoả thuận ô nhiễm tối ưu | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Định lý Ronald Coase | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4 | Bài tập vận dụng | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| **Chương 3** | **Các công cụ quản lý môi trường** | **8** |  |
| 3.1 | Tăng cường quyền tài sản | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.2 | Mệnh lệnh và điều khiển | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.3 | Các công cụ kinh tế | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.4 | Các công cụ kỹ thuật | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.5 | Lựa chọn công cụ quản lý môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.6 | Mô hình quản lý môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 3.7 | Bài tập | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Định giá môi trường** | **8** |  |
| 4.1 | Định giá môi trường và phân tích kinh tế dự án | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.2 | Hành động môi trường và các bước định giá ảnh hưởng của môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.3 | Các lợi ích thị trường và phi thị trường của tài nguyên môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.4 | Các phương pháp định giá môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.5 | Một số vấn đề trong định giá môi trường | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 4.6 | Bài tập | 3 | CLO1.1  CLO3.1 |
|  | **Kiểm tra** | **2** |  |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Hoàn thành bản báo cáo môn học và được đánh giá kết quả.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.  - Thảo luận: CLO1.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Tài liệu chính***

[1] *Ngô Văn Mẫn (2014), Bài giảng Kinh tế môi trường, Đại học Kinh tế Huế.*

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [2] PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh (2000), Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng**  **(tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Đối tượng, nhiệm vụ môn học & phương pháp nghiên cứu**  - Sự ra đời và phát triển của kinh tế môi trường  - Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học | 4 | 4 |  |  | + Tài liệu [1]: Bài mở đầu  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bải tập số 1. |
| 2 | **Môi trường và phát triển**  - Mối liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế  - Một số vấn đề về kinh tế môi trường trên thế giới  - Một số khái niệm về kinh tế phúc lợi  - Ảnh hưởng của ngoại ứng và thất bại của thị trường | 8 | 4 | 4 |  | + Tài liệu [1]: C2  + Chuẩn bị bài thảo luận 1.  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bải tập số 2. |
| 3 | **Kinh tế ô nhiễm môi trường**  - Mô hình tối ưu  - Cơ chế thị trường và mô hình thoả thuận ô nhiễm tối ưu  - Định lý Ronald Coase | 12 | 8 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C2  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bải tập số 3. |
| 4 | **Các công cụ quản lý môi trường**  - Tăng cường quyền tài sản  - Mệnh lệnh và điều khiển  - Các công cụ kinh tế  - Các công cụ kỹ thuật  - Lựa chọn công cụ quản lý môi trường  - Mô hình quản lý môi trường | 16 | 12 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C5  + Tài liệu [2]: C3  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bải tập số 4. |
|  | **Định giá môi trường**  - Định giá môi trường và phân tích kinh tế dự án  - Hành động môi trường và các bước định giá ảnh hưởng của môi trường  - Các lợi ích thị trường và phi thị trường của tài nguyên môi trường  - Các phương pháp định giá môi trường  - Một số vấn đề trong định giá môi trường | 16 | 12 |  | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Hoàn thiện Phiếu câu hỏi ôn tập và bải tập số 5. |
|  | **Kiểm tra** | 4 |  |  | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **4** | **16** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Thị trường chứng khoán

Tiếng Anh: Stock Market

Mã số học phần: 3KT103DH

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Bài tập, thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết.

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrang88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Thị trường chứng khoán

**Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947.080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

**2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết: Không**

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Phân tích được cấu trúc, chức năng, chủ thể và nguyên tắc vận hành của thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán. |
| G2 | Vận dụng công cụ công nghệ thông tin và kiến thức tài chính để phân tích và đánh giá chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu). |
| G3 | Đề xuất ý tưởng đầu tư và mô phỏng hoạt động giao dịch, quản lý danh mục đầu tư trong thị trường chứng khoán. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| **G1** | CLO1.1 | K4 | Phân tích được cấu trúc, chức năng, và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán cũng như các loại chứng khoán cơ bản. | Giảng dạy lý thuyết, thảo luận tình huống | Bài kiểm tra viết, tiểu luận phân tích |
| **G2** | CLO2.1 | S3 | Sử dụng thành thạo các công cụ CNTT (Excel, phần mềm mô phỏng) để xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu chứng khoán. | Thực hành mô phỏng, hướng dẫn sử dụng công cụ | Bài tập thực hành, bài trình bày nhóm |
| **G3** | CLO3.1 | S3 | Trình bày được ý tưởng đầu tư, phân tích rủi ro và mô phỏng được hoạt động đầu tư chứng khoán. | Làm việc nhóm, phân tích tình huống, dự án nhỏ | Thuyết trình dự án, đánh giá nhóm |
| CLO3.2 | C3 | Vận dụng kiến thức để đề xuất chiến lược đầu tư và quản lý danh mục cơ bản phù hợp với thị trường. | Học theo dự án, phản biện nhóm | Bài tập tình huống, đánh giá phản biện |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.5 | |
| 1.3.2 | 2.5.1 | 3.4.1 | 4.5.2 | |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, bao gồm: Tổng quan về thị trường tài chính; Chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về thị trường tài chính | 4 | CLO1.1 |
| 1.1 | Giới thiệu về thị trường tài chính | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán. | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Cơ cấu và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán. | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 1 | CLO1.1 |
| Chương 2 | Chứng khoán | 6 | CLO1.1, CLO2.1 |
| 2.1 | Khái niệm và đặc trưng của chứng khoán | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Một số loại chứng khoán cơ bản | 3 | CLO1.1 |
| 2.2.1 | Cổ phiếu |  | CLO1.1 |
| 2.2.2 | Trái phiếu |  | CLO1.1 |
| 2.2.3 | Chứng khoán phái sinh |  | CLO1.1 |
| 2.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1 |
| Chương 3 | Thị trường chứng khoán sơ cấp | 4 | CLO1.1, CLO3.1 |
| 3.1 | Khái niệm thị trường sơ cấp | 0.5 | CLO1.1 |
| 3.2 | Các chủ thể phát hành chứng khoán | 0.5 | CLO1.1 |
| 3.3 | Các phương thức phát hành chứng khoán và quản lý nhà nước đối với việc phát hành chứng khoán | 0.5 | CLO1.1 |
| 3.4 | Phát hành chứng khoán lần đâu ra công chúng (IPO) | 0.5 | CLO1.1 |
| 3.5 | Thảo luận | 2 | CLO3.1 |
| Chương 4 | Thị trường chứng khoán thứ cấp | 8 | CLO1.1, CLO2.1, CLO3.2 |
| 4.1 | Đặc điểm và cơ cấu của thị trường chứng khoán thứ cấp | 2 | CLO1.1 |
| 4.2 | Sở giao dịch chứng khoán | 2 | CLO1.1 |
| 4.3 | Thị trường phi tập trung OTC | 1 | CLO1.1 |
| 4.4 | Ví dụ và bài tập | 2 | CLO3.2 |
| Chương 5 | Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán | 8 | CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 |
| 5.1 | Lãi suất và các vấn đề liên quan đến lãi suất | 2 | CLO2.1 |
| 5.2 | Phân tích trái phiếu | 1 | CLO3.1 |
| 5.3 | Phân tích cổ phiếu | 1 | CLO3.1 |
| 5.4 | Ví dụ và bài tập | 4 | CLO3.2 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1] TS Bạch Đức Hiển (2009), Giáo trình thị trường chứng khoán, NXB Tài chính

[2] TS Bạch Đức Hiển (2009), Bài tập thị trường chứng khoán, NXB Tài chính

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [1]. TS. Nguyễn Văn Tuyến (2011) - Giáo trình Luật chứng khoán - NXB Giáo dục. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về thị trường tài chính  1.1. Giới thiệu về thị trường tài chính  1.2. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán.  1.3. Cơ cấu và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán.  1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C1 |
| 2 | Chứng khoán  2.1. Khái niệm và đặc trưng của chứng khoán  2.2. Một số loại chứng khoán cơ bản | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [1,2]: C2 |
| 3 | Thị trường chứng khoán sơ cấp  3.1. Khái niệm thị trường sơ cấp  3.2. Các chủ thể phát hành chứng khoán  3.3. Các phương thức phát hành chứng khoán và quản lý nhà nước đối với việc phát hành chứng khoán  3.4. Phát hành chứng khoán lần đâu ra công chúng (IPO) | 4 | 2 | 2 | + Tài liệu [1,2]: C3 |
| 4 | Thị trường chứng khoán thứ cấp  4.1. Đặc điểm và cơ cấu của thị trường chứng khoán thứ cấp  4.2 . Sở giao dịch chứng khoán  4.3. Thị trường phi tập trung OTC | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1,2]: C4 |
| 5 | Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán  5.1. Lãi suất và các vấn đề liên quan đến lãi suất  5.2. Phân tích trái phiếu  5.3. Phân tích cổ phiếu | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C5 |
|  | **Tổng** | **30** | **20** | **10** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Điều hành kênh phân phối
* Tiếng Anh: Management in Distribution channels

Mã số học phần: 4KT103DH

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Bài tập, thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

## - Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ

## Email: thonguyen.skv@gmail.com

## Điện thoại: 0913482789

## Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Phân tích được vai trò, chức năng, các dòng lưu chuyển trong kênh phân phối và mối liên hệ với chiến lược marketing tổng thể trong môi trường kinh doanh hiện đại. |
| G2 | Vận dụng kiến thức và công cụ để thiết kế, tổ chức, quản lý và kiểm soát kênh phân phối phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp và thị trường. |
| G3 | Đề xuất được các chiến lược và mô hình kênh phân phối hiệu quả; sử dụng thành thạo các công cụ tin học và kỹ năng mềm để xử lý tình huống thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động phân phối. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích được vai trò, chức năng và dòng lưu chuyển trong kênh phân phối. | Thuyết trình | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S3 | Thiết kế và triển khai cấu trúc kênh phân phối phù hợp với mô hình kinh doanh. | Dạy học theo dự án | Bài tiểu luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Sử dụng được công cụ tin học để trình bày, mô phỏng hệ thống phân phối. | Bài tập nhóm | Quan sát |
| CLO3.2 | C3 | Đề xuất các giải pháp cải tiến hoạt động điều hành và kiểm soát kênh phân phối. | Thảo luận | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.5 |
| 1.3.2 | 2.5.2 | 3.4.1 | 4.5.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

# Những vấn đề chung về kênh phân phối và quản trị kênh phân phối; Chiến lược kênh phân phối; Thiết kế kênh phân phối; Tổ chức phân phối hàng hóa vật chất; Quản lý điều hành và kiểm soát kênh phân phối.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | TỔNG QUAN VỀ KÊNH PHÂN PHỐI VÀ QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI | 6 |  |
| 1.1 | Các khái niệm cơ bản trong phân phối | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Vai trò của phân phối trong hoạt động Marketing |
| 1.3 | Chức năng của kênh phân phối |
| 1.4 | Dòng lưu chuyển trong kênh phân phối | 2 | CLO1.1 |
| 1.5 | Quá trình phát triển của phân phối |
| 1.6 | Quản trị kênh phân phối |
| Thảo luận: mô tả dòng lưu chuyển | | 2 | CLO3.1 |
| Chương 2 | CHIẾN LƯỢC KÊNH PHÂN PHỐI | 6 |  |
| 2.1 | Khái quát về chiến lược kênh phân phối | 2 | CLO3.2 |
| 2.2 | Các chiến lược kênh phân phối |
| 2.3 | Chiến lược kênh theo vị thế cạnh tranh | 2 | CLO3.2 |
| Thảo luận: mô hình chiến lược | | 2 | CLO3.1 |
| Chương 3 | THIẾT KẾ KÊNH PHÂN PHỐI | 6 |  |
| 3.1 | Khái quát về thiết kế kênh phân phối | 2 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 3.2 | Xác định dạng quan hệ trong kênh phân phối |
| 3.3 | Chọn mô hình tổ chức kênh |
| 3.4 | Chọn cấu trúc kênh tối ưu | 2 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 3.5 | Lựa chọn thành viên kênh |
| Thảo luận: cải tiến mô hình kênh | | 2 | CLO3.2 |
| Chương 4 | TỔ CHỨC PHÂN PHỐI HÀNG HÓA VẬT CHẤT | 6 |  |
| 4.1 | Tổng quan về phân phối hàng hóa vật chất | 2 | CLO2.1 |
| 4.2 | Tổ chức hệ thống phân phối vật chất | 2 | CLO2.1  CLO3.2 |
| Thảo luận: sơ đồ dòng phân phối | | 2 | CLO3.1 |
| Chương 5 | QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT KÊNH PHÂN PHỐI | 6 |  |
| 5.1 | Khái niệm | 2 | CLO3.2 |
| 5.2 | Nội dung quản lý điều hành kênh |
| 5.3 | Kiểm soát và điều chỉnh thành viên | 2 | CLO3.2 |
| Thảo luận | | 2 | CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tiểu luận, bài tập nhóm: CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO3.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. PGS.TS. Đào Thị Minh Thanh, Ths. Nguyễn Quang Tuấn (2018), Giáo trình Quản trị kênh phân phối, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. GS.TS. Trần Minh Đạo (2012),Marketing căn bản, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KÊNH PHÂN PHỐI VÀ QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI**   * 1. Các khái niệm cơ bản trong phân phối   2. Vai trò của phân phối trong hoạt động Marketing   3. Chức năng của kênh phân phối   4. Dòng lưu chuyển trong kênh phân phối   5. Quá trình phát triển của phân phối   6. Quản trị kênh phân phối | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C1  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu quá trình phát triển của phân phối |
| 2 | **CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC KÊNH PHÂN PHỐI**  2.1 Khái quát về chiến lược kênh phân phối  2.2 Các chiến lược kênh phân phối  2.3 Chiến lược kênh phân phối của các doanh nghiệp theo vị thế cạnh tranh | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu các mục tiêu phân phối của các doanh nghiệp trên thị trường |
| 3 | **CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ KÊNH PHÂN PHỐI**   3.1 Khái quát về thiết kế kênh phân phối  3.2 Xác định các dạng quan hệ trong kênh phân phối  3.3 Chọn mô hình tổ chức kênh  3.4 Chọn cấu trúc kênh tối ưu  3.5 Lựa chọn thành viên kênh | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C5  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu các tiêu chuẩn chọn nhà phân phối của các doanh nghiệp |
| 4 | **CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC PHÂN PHỐI HÀNG HÓA VẬT CHẤT**   4.1 Tổng quan về phân phối hàng hóa vật chất  4.2 Tổ chức hệ thống phân phối vật chất | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C6  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu các phương pháp vận chuyển hàng hóa: ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng. |
| 5 | **CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT KÊNH PHÂN PHỐI**   5.1 Khái niệm  5.2 Nội dung quản lý điều hành kênh  5.3 Kiểm soát và điều chỉnh thành viên | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C7  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu các cách thức để động viên khuyến khích các thành viên kênh phân phối |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Hành vi tổ chức

- Tiếng Anh: Organizing behavior

**Mã số học phần:** 3KT146DH

**Số tín chỉ: 02**

**Phân bổ thời gian:**

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: GVC. TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý và Đạo đức kinh doanh, Văn hóa kinh doanh

* **Giảng viên 2: GV. ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh.

## 2.2. Bộ môn: Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Phân tích được đặc điểm của văn hóa tổ chức và vai trò của nó trong việc định hình hành vi nhân sự. |
| G2 | Vận dụng kiến thức hành vi tổ chức để giải quyết các tình huống thực tiễn trong quản trị nhân sự và lãnh đạo. |
| G3 | Đề xuất được các cách thức quản trị nhân sự phù hợp với tổ chức của mình; thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, xây dựng quan hệ tích cực trong môi trường tổ chức, kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo, ra quyết định và giải quyết xung đột phù hợp với bối cảnh tổ chức. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích được được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi trong tổ chức như động lực, cảm xúc, nhận thức, văn hóa, cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, truyền thông, xung đột và thay đổi tổ chức. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Vận dụng kiến thức hành vi tổ chức để giải quyết các tình huống thực tiễn trong quản trị nhân sự và lãnh đạo. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả, xây dựng quan hệ tích cực trong môi trường tổ chức, kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo, ra quyết định và giải quyết xung đột phù hợp với bối cảnh tổ chức. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| CLO3.2 | C3 | Đề xuất được các cách thức quản trị nhân sự phù hợp với tổ chức. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.2 | 2.3.2 | 3.1.2 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về hành vi tổ chức; Cơ sở hành vi cá nhân, tổ chức; Ra quyết định cá nhân; Nhóm trong tổ chức; Hành vi tổ chức; Thay đổi và phát triển.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về hành vi tổ chức** | **5** |  |
| 1.1 | Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức | 1 | CLO1.1; |
| 1.2 | Chức năng của hành vi tổ chức | 1 | CLO1.1; |
| 1.3 | Cơ hội và thách thức đối với hành vi tổ chức | 2 | CLO1.1; |
| 1.4 | Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học Hành vi tổ chức | 1 | CLO1.1; |
| **Chương 2** | **Cơ sở hành vi cá nhân** | **5** |  |
| 2.1 | Thái độ | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.2 | Tính cách | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.3 | Nhận thức | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.4 | Học hỏi | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |
| **Chương 3** | **Ra quyết định cá nhân** | **5** |  |
| 3.1 | Khái niệm và các mô hình ra quyết định | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.2 | Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định cá nhân | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.4 | Nâng cao hiệu quả trong việc ra quyết định | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |
| **Chương 4** | **Nhóm trong tổ chức** | **5** |  |
| 4.1 | Khái quát về nhóm | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.2 | Xung đột và quản lý xung đột | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.3 | Ra quyết định nhóm | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.4 | Nâng cao hiệu quả nhóm làm việc | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |
| **Chương 5** | **Hành vi tổ chức** | **5** |  |
| 5.1 | Giao tiếp trong tổ chức | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.2 | Lãnh đạo, quyền lực và chính trị | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.3 | Cơ cấu tổ chức | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.4 | Văn hoá tổ chức | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.5. | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |
| **Chương 6** | **Thay đổi và phát triển** | **5** |  |
| 6.1 | Thay đổi trong tổ chức | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.2 | Quản lý căng thẳng trong công việc | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.3 | Thay đổi chính sách nhân sự để phát triển | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.4 | Tạo động lực cho người lao động | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## *9.1. Cách đánh giá*

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1,  - Thảo luận: CL1.1, CLO2.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.2; | 60% |

## *9.2. Cách tính điểm*

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS Phạm Thùy Hương - TS. Phạm Thị Bích Ngọc, Giáo trình Hành vi tổ chức, NXB ĐHKTQD, 2016.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. PGS.TS. Bùi Anh Tuấn - TS. Phạm Thúy Hương, Giáo trình Hành vi tổ chức,

NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2011.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về hành vi tổ chức  - Xu hướng toàn cầu hóa  - Xu hướng làm việc qua mạng  - Cân bằng giữa công việc và cuộc sống | 5 | 5 | 0 | + Tài liệu [1,11,16,16]: C1  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 2 | Cơ sở hành vi cá nhân  - Các thuộc tính tính cách khác  - Lý thuyết quy kết  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 48,55 ]: C2  + Tìm hiểu các đặc điểm tính cách; mối quan hệ giữa thái độ và hành vi của cá nhân trong tổ chức  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 3 | Ra quyết định cá nhân  - Các phương pháp thúc đẩy tính sáng tạo cá nhân  - Các bẫy trong ra quyết định  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 84,86 ]: C3  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học  + Tìm hiểu những hướng nâng cao hiệu quả của việc ra quyết định cá nhân trong tổ chức |
| 4 | Nhóm trong tổ chức  - Xung đột và bản chất  - Quyết định cá nhân và quyết định nhóm  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 207]: C8  + Tài liệu [1, 139]: C5  *+* Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 5 | Hành vi tổ chức  - Hướng giao tiếp  - Các yếu tố tác động đến lựa chọn mô hình cơ cấu tổ chức  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 186,]: C7  + Tài liệu [1, 257]: C9  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 6 | Thay đổi và phát triển  - Các phương pháp quản lý căng thẳng của cá nhân và tổ chức  - Các mô hình quản lý sự thay đỏi tổ chức  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 371 ]: C13  + Tài liệu [1, 342 ]: C12  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Thương mại điện tử
* Tiếng Anh: Electronic commerce

Mã số học phần: 3KT105CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Bài tập, thảo luận: 10 tiết; Tự học: 60 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrangnt88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trang bị kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, bao gồm khái niệm, đặc điểm, mô hình, điều kiện triển khai và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, pháp lý, kỹ thuật liên quan. |
| G2 | Phát triển kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin và mạng internet trong hoạt động thương mại điện tử; biết cách sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thực hiện giao dịch điện tử. |
| G3 | Hình thành tư duy phân tích và đề xuất ý tưởng kinh doanh sáng tạo trong môi trường thương mại điện tử, có khả năng lựa chọn và triển khai mô hình kinh doanh phù hợp. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Trình bày và phân tích được các khái niệm, đặc trưng, mô hình, và điều kiện phát triển thương mại điện tử. | Thuyết trình, thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | S3 | Sử dụng thành thạo internet và các công cụ CNTT cơ bản để tham gia và vận hành hệ thống thương mại điện tử. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Quan sát |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Đề xuất được các ý tưởng kinh doanh mới trong môi trường thương mại điện tử. | Thảo luận, bài tập nhóm | Bài tiểu luận |
| CLO3.2 | C4 | Phân tích và triển khai được mô hình kinh doanh thương mại điện tử phù hợp với điều kiện thực tế. | Bài tập nhóm, thuyết trình | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.5 |
| 1.3.2 | 2.5.2 | 3.4.1 | 4.5.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những vấn đề chung về Thương mại điện tử; Các cơ sở của Thương mại điện tử; Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng; Sàn giao dịch TMĐT; Thanh toán điện tử; Chính phủ điện tử.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | **TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ** | 4 |  |
| 1.1 | Khái niệm và đặc trưng của thương mại điện tử | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống |
| 1.3 | Lợi ích và tác động của thương mại điện tử |
| 1.4 | Các điều kiện phát triển thương mại điện tử | 2 | CLO1.1  CLO3.2 |
| 1.5 | Mô hình thương mại điện tử |
| Chương 2 | **CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ** | 4 |  |
| 2.1 | Khái niệm và vai trò của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử | 2 | CLO1.1 |
| 2.2 | Những yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hướng tới thương mại điện tử |
| 2.3 | Những yêu cầu về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử | 2 | CLO3.2 |
| 2.4 | Tạo lập môi trường kinh tế - xã hội cho thực hiện thương mại điện tử |
| Chương 3 | **CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ** | 4 |  |
| 3.1 | Một số vấn đề pháp lý liên quan tới thương mại điện tử | 1 | CLO1.1 |
| 3.2 | Luật mẫu của UNCITRAL và luật giao dịch điện tử của một số quốc gia trên thế giới |
| 3.3 | Các văn bản pháp quy về giao dịch điện tử tại Việt Nam | 1 | CLO1.1 |
| 3.4 | Thảo luận | 2 | CLO3.2 |
| Chương 4 | CƠ SỞ MẠNG CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ | 2 |  |
| 4.1 | Mạng nội bộ | 1 | CLO2.1 |
| 4.2 | Mạng ngoại bộ |
| 4.3 | Internet | 1 | CLO2.1 |
| Chương 5 | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG | 4 |  |
| 5.1 | Thương mại điện tử B2C | 2 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 5.2 | Các mô hình thương mại điện tử B2C |
| 5.3 | Các công cụ hỗ trợ khách hàng khi mua hàng |
| 5.4 | Dịch vụ khách hàng điện tử và quản trị quan hệ khách hàng điện tử |
| 5.5 | Thảo luận | 2 | CLO3.1 |
| Chương 6 | SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ | 4 |  |
| 6.1 | Khái quát về sàn giao dịch thương mại điện tử | 2 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 6.2 | Các hình thức giao dịch tại sàn giao dịch thương mại điện tử |
| 6.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1 |
| Chương 7 | MARKETING ĐIỆN TỬ | 8 |  |
| 7.1 | Marketing điện tử | 2 | CLO3.1 |
| 7.2 | Thanh toán trong thương mại điện tử | 2 | CLO2.1 |
| 7.3 | Thảo luận | 4 | CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO3.2 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

# - Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

# - Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. TS. Trần Văn Hòe (2015), *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. TS. Nguyễn Hoài Anh (2011), Thương mại điện tử, NXB Giáo dục, Hà Nội. |
|  |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   1.1 Khái niệm và đặc trưng của thương mại điện tử   1.2 Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống   1.3 Lợi ích và tác động của thương mại điện tử   1.4 Các điều kiện phát triển thương mại điện tử   1.5 Mô hình thương mại điện tử | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1]: C1  + Tài liệu [2]: C1  + Tìm hiểu lợi ích khi các doanh nghiệp sử dụng Thương mại điện tử? |
| 2 | **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   2.1 Khái niệm và vai trò của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử   2.2 Những yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hướng tới thương mại điện tử   2.3 Những yêu cầu về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử   2.4 Tạo lập môi trường kinh tế - xã hội cho thực hiện thương mại điện tử | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1]: C2  + Tài liệu [2]: C2  + Tìm hiểu những yêu cầu về hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội để thực hiện Thương mại điện tử |
| 3 | **CHƯƠNG 3: CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   3.1 Một số vấn đề pháp lý liên quan tới thương mại điện tử  3.2 Luật mẫu của UNCITRAL và luật giao dịch điện tử của một số quốc gia trên thế giới   3.3 Các văn bản pháp quy về giao dịch điện tử tại Việt Nam | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C3  + Tài liệu [2]: C2  + Tìm hiểu những yêu cầu về hạ tầng cơ sở pháp lý để thực hiện Thương mại điện tử |
| 4 | **CHƯƠNG 4: CƠ SỞ MẠNG CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   4.1 Mạng nội bộ   4.2 Mạng ngoại bộ   4.3 Internet | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C4  + Tài liệu [2]: C2  + Tìm hiểu những yêu cầu về cơ sở mạng để thực hiện Thương mại điện tử |
| 5 | **CHƯƠNG 5: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG**   5.1 Thương mại điện tử B2C   5.2 Các mô hình thương mại điện tử B2C   5.3 Các công cụ hỗ trợ khách hàng khi mua hàng   5.4 Dịch vụ khách hàng điện tử và quản trị quan hệ khách hàng điện tử | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C7  + Tài liệu [2]: C3  + Tìm hiểu các doanh nghiệp đã thành công khi triển khai TMĐT B2C trên thế giới |
| 6 | **CHƯƠNG 6: SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**   6.1 Khái quát về sàn giao dịch thương mại điện tử   6.2. Các hình thức giao dịch tại sàn giao dịch thương mại điện tử | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C9  + Tài liệu [2]: C3  + Tìm hiểu về phương pháp giao dịch của các sàn thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay |
| 7 | **CHƯƠNG 7: MARKETING ĐIỆN TỬ**  7.1 Marketing điện tử  7.2 Thanh toán trong thương mại điện tử | 16 | 8 | 8 | + Tài liệu [1]: C10,C11  + Tài liệu [2]: C5,C6  + Tìm hiểu những rủi ro khi thanh toán điện tử |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Quản trị chiến lược

Tiếng Anh: Strategic Management

**Mã số học phần:** 3KT158DC

**Số tín chỉ: 03**

**Phân bổ thời gian:**

Lý thuyết: 30 tiết; Bài tập, thảo luận: 15 tiết; Tự học: 90 tiết.

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

**Giảng viên 2: GV, TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, Lịch sử các học thuyết kinh tế

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

1. **Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu và vận dụng các vấn đề về Quản trị chiến lược như: Khái niệm về chiến lược, xây dựng chiến lược; thực hiện và đánh giá chiến lược. |
| G2 | Phân tích và đánh giá các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh tác động lên doanh nghiệp; đánh giá nội bộ doanh nghiệp để đưa ra các chiến lược phù hợp. |
| G3 | Vận dụng kiến thức và kỹ năng để đề xuất, giải quyết các vấn đề quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Phân tích vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | - Phân tích môi trường kinh doanh tác động đến doanh nghiệp  - Phân tích nội bộ doanh nghiệp | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống quản trị chiến lược | - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Đề xuất được những giải pháp chiến lược cho doanh nghiệp trước sự biến động của môi trường kinh doanh | - Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.3 | PLO4.5 |
| 1.3.1 | 2.5.2 | 3.3.2 | 4.5.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Tổng quan, nhiệm vụ, mục tiêu của quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Đánh giá môi trường nội bộ doanh nghiệp; Phân tích, lựa chọn, tổ chức thực hiện chiến lược;

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về quản trị chiến lược | 7 |  |
| 1.1 | Khái niệm, đặc trưng và vai trò của chiến lược | 0.5 | CLO1.1 CLO2.1 |
| 1.2 | Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.3 | Các giai đoạn của quản trị chiến lược | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Nhà quản trị chiến lược | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.5 | Ra quyết định chiến lược | 0.5 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.6 | Thông tin trong quản trị chiến lược | 0.5 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.7 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 2 | Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của DN | 5 |  |
| 2.1 | Xác định nhiệm vụ của DN | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 2.2 | Mục tiêu chiến lược của DN | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.3 | Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh | 1 |  |
| 2.4 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 3 | Phân tích môi trường kinh doanh | 7 |  |
| 3.1 | Phân tích môi trường vĩ mô | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Phân tích môi trường vi mô | 2 | CLO1.2  CLO3.1 |
| 3.3 | **Thảo luận** | 3 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 4 | **Phân tích đánh giá nội bộ DN** | 8 |  |
| 4.1 | Phân tích tiềm năng của các nguồn lực của DN | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Phân tích nội bộ DN theo các chức năng quản trị | 2 | CLO1.2  CLO3.1 |
| 4.3 | **Phân tích nội bộ DN theo các lĩnh vực quản trị** | 2 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 4.4 | **Thảo luận** | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 5 | **Phân tích và lựa chọn chiến lược** | 6 |  |
| 5.1 | **Các kỹ thuật phân tích định hướng chiến lược DN** | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.2 | Lựa chọn chiến lược kinh doanh của DN | 2 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.3 | **Thảo luận** | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 6 | **Tổ chức thực hiện chiến lược** | 6 |  |
| 6.1 | **Thực chất và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược** | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 6.2 | **Nội dung triển khai thực hiện chiến lược** | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 6.3 | **Hệ thống chính sách và kế hoạch hỗ trợ thực hiện CL** | 1 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 6.4 | **Ý nghĩa của việc lựa chọn cơ cấu tổ chức** | 0.5 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 6.5 | **Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược** | 0.5 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 6.6 | **Thảo luận** | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 7 | **Đánh giá chiến lược** | 6 |  |
| 7.1 | **Mục đích của kiểm tra và đánh giá chiến lược** | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.2 | **Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá** | 1 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 7.3 | **Hệ thống thông tin kiểm tra và đánh giá chiến lược** | 1 | CLO1.1 |
| 7.4 | **Đánh giá chiến lược** | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 7.5 | **Thảo luận** | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 3 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tiểu luận, bài tập nhóm: CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 4 | Điểm thi kết thúc học phần | Tự luận: CLO2.1; CLO4.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Ngô Kim Thanh **–** Giáo trình quản trị chiến lược - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2013.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Đồng Thị Thanh Phương*–* Giáo trình Marketing căn bản *-* NXB Thống kê – 2010. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về quản trị chiến lược  1.6. Thông tin trong quản trị chiến lược | 14 | 8 | 6 | + Tài liệu [1,2]: C1  + Tìm hiểu các doanh nghiệp nếu không có chiến lược thì có thể tồn tại và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện nay hay không. |
| 2 | Chương 2: Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của DN  2.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1,2]: C2  + Tìm hiểu bản tuyên bố sứ mệnh của các doanh nghiệp tại Việt Nam |
| 3 | Chương 3: Phân tích môi trường kinh doanh  3.1 Phân tích môi trường vĩ mô  3.2. Phân tích môi trường vi mô | 14 | 8 | 6 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu COVID19 tác động đến môi trường kinh doanh của các DN như thế nào |
| 4 | Chương 4: Phân tích nội bộ DN  4.3. Phân tích nội bộ DN theo các lĩnh vực quản trị | 16 | 12 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu các lĩnh vực trong một doanh nghiệp cụ thể, phân tích các yếu tố đó trong doanh nghiệp |
| 5 | Chương 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược  5.1. Các kỹ thuật phân tích chiến lược  Kỹ thuật SWOT | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C5  + Tìm hiểu ma trận SWOT tại các doanh nghiệp ở Việt Nam |
| 6 | Chương 6: Tổ chức thực hiện chiến lược  6.5. Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C6  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu cơ cấu tổ chức tại các doanh nghiệp |
| 7 | Chương 7: Đánh giá chiến lược  7.4. Đánh giá chiến lược | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C7  + Tìm hiểu công tác đánh giá chiến lược tại các doanh nghiệp |
|  | **Tổng** | **90** | **58** | **32** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị công nghệ
* Tiếng Anh: Technology Management

Mã số học phần: 4KT104DH

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

## - Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ

## Email: thonguyen.skv@gmail.com

## Điện thoại: 0913482789

## Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức cơ bản về Quản trị công nghệ; trình bày được đặc trưng của công nghệ, các nội dung về quản lý công nghệ. |
| G2 | Có khả năng phân tích tổng hợp để đưa ra các quyết định công nghệ của một tổ chức kinh tế. |
| G3 | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông và phân tích, đánh giá, tranh luận, thảo luận các vấn đề quản trị công nghệ mang tính thời sự. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích những nội dung của quản trị công nghệ trong việc ra quyết định: đánh giá được một công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp | Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống quản trị công nghệ | Bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO4.1 | C3 | Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề doanh nghiệp gặp phải trong quản trị công nghệ | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.3 | PLO4.5 |
| 1.3.1 | 2.3.2 | 3.3.2 | 4.2.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về công nghệ, quản lý công nghệ, môi trường công nghệ, đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ và chuyển giao công nghệ. Từ đó phát triển kỹ năng quản trị công nghệ trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Khái quát về công nghệ | **3** |  |
| 1.1 | Quan niệm về công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Các đặc trưng của công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 2 | Khái quát về quản lý công nghệ | **3** |  |
| 2.1 | Công nghệ và sự phát triển kinh tế xã hội | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Khái niệm về quản lý công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 2.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 3 | Môi trường công nghệ | **4** |  |
| 3.1 | Khái niệm môi trường công nghệ | 0.5 | CLO1.1 |
| 3.2 | Cơ sở hạ tầng công nghệ | 1 | CLO2.1 |
| 3.3 | Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 3.4 | Phân tích môi trường công nghệ quốc gia | 0.5 | CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 1 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 4 | Đánh giá công nghệ | **4** |  |
| 4.1 | Khái quát về đánh giá công nghệ | 0.5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.2 | Nội dung đánh giá công nghệ | 1 | CLO2.1 |
| 4.3 | Các công cụ và kỹ thuật sử dụng trong đánh giá công nghệ | 0.5 | CLO3.1 |
| 4.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO4.1 |
| Chương 5 | Lựa chọn công nghệ | **4** |  |
| 5.1 | Công nghệ thích hợp | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Một số phương pháp lựa chọn công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 6 | Đổi mới công nghệ | **4** |  |
| 6.1 | Khái niệm về đổi mới công nghệ | 0.5 | CLO1.1 |
| 6.2 | Quá trình đổi mới công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 6.3 | Hiệu quả của đổi mới công nghệ | 0.5 | CLO2.1 |
| 6.4 | Quản lý đổi mới công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 6.6 | Thảo luận | 1 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 7 | Năng lực công nghệ | **4** |  |
| 7.1 | Khái niệm năng lực công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 7.2 | Phân tích năng lực công nghệ | 1 | CLO2.1 |
| 7.3 | Các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 7.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 8 | Chuyển giao công nghệ | **4** |  |
| 8.1 | Khái niệm | 0.5 | CLO1.1 |
| 8.2 | Nguyên nhân chuyển giao công nghệ | 0.5 | CLO2.1 |
| 8.3 | Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận công nghệ | 1 | CLO1.1 |
| 8.4 | Phân loại CGCN và các kênh CGCN | 1 | CLO1.1 |
| 8.5 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tiểu luận, bài tập nhóm: CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO4.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Bộ môn quản trị công nghệ **–** Giáo trình quản trị công nghệ - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội - 2013.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Hoàng Đình Phi*–* Giáo trìnhQuản trị công nghệ *-* NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội – 2020. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Khái quát về công nghệ   * 1. Các đặc trưng của công nghệ | 6 | 2 | 1 | + Tài liệu [1,2]: C1  + Tìm hiểu các đặc trưng về công nghệ ở một doanh nghiệp |
| 2 | Chương 2: Khái quát về quản lý công nghệ  2.2. Khái niệm về quản lý công nghệ | 6 | 2 | 1 | + Tài liệu [1,2]: C2  + Tìm hiểu cách thức quản lý công nghệ tại một doanh nghiệp cụ thể |
| 3 | Chương 3: Môi trường công nghệ  3.1 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ | 8 | 3 | 1 | + Tài liệu [1]: C3  + Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến MTCN của một ngành cụ thể trong nền kinh tế |
| 4 | Chương 4: Đánh giá công nghệ  4.2. Nội dung đánh giá công nghệ | 8 | 2 | 2 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu các nội dung đánh giá công nghệ tại một doanh nghiệp cụ thể |
| 5 | Chương 5: Lựa chọn công nghệ  5.2. Một số phương pháp lựa chọn công nghệ | 8 | 2 | 2 | + Tài liệu [1]: C5  + Tìm hiểu các phương pháp lựa chọn ma trận tại các doanh nghiệp ở Việt Nam |
| 6 | Chương 6: Đối mới công nghệ  6.2. Quá trình đổi mới công nghệ | 8 | 3 | 1 | + Tài liệu [1]: C6  + Tài liệu [2]: C9  + Tìm hiểu quá trình đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp ở Việt Nam |
| 7 | Chương 7: Năng lực công nghệ  7.3. Các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ | 8 | 3 | 1 | + Tài liệu [1]: C7  + Tìm hiểu các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ tại các doanh nghiệp |
| 8 | Chương 8: Chuyển giao công nghệ  8.4. Phân loại CGCN và các kênh CGCN | 8 | 3 | 1 | + Tài liệu [1]: C8  + Tìm hiểu các kênh CGCN ở Việt Nam |
|  | **Tổng** | **60** | **20** | **10** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị chất lượng
* Tiếng Anh: Quality Management

Mã số học phần: 4KT105DH

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Trình bày được bản chất của chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Trình bày được các nội dung cơ bản của quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống QLCL, tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng, đảm bảo cải tiến chất lượng. |
| G2 | Có khả năng thuyết trình, phân tích và đánh giá các vấn đề liên quan đến quản trị chất lượng trong thực |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp doanh nghiệp, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình, chuẩn mực công việc. |
| G4 | Phân tích chi phí chất lượng, kỹ năng đo lường chất lượng. Đề xuất các giải pháp chất lượng trong doanh nghiệp. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.2 | K5 | Vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa, đo lường chất lượng, đảm bảo và cải tiến chất lượng vào thực tế. | * Thảo luận nhóm | * Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Có khả năng thuyết trình, thảo luận các vấn đề liên quan đến chất lượng tại các tổ chức kinh tế. Chủ động, ham học hỏi, thích ứng nhanh với môi trường thực tế. Tôn trọng văn hóa doanh nghiệp, đồng nghiệp, khách hàng; giữ thái độ lịch sự, hợp tác. | - Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hành kỹ năng phân tích, so sánh các vấn đề lý luận, thực tiễn dưới góc độ quản trị chất lượng. Giải quyết vấn đề thực tế. | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Phân tích, đánh giá các hoạt động quản trị chất lượng trong doanh nghiệp | Thảo luận | Bài thu hoạch |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.5 | |
| 1.3.1 | 2.5.2 | 3.4.2 | 4.5.3 | |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những kiến thức chung, tổng quát, mới về QTCL như: chất lượng sản phẩm và dịch vụ, quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống QLCL, tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng, đảm bảo cải tiến chất lượng... Từ đó giúp người học ứng dụng kiến thức được học vào việc giải thích, phân tích và đánh giá hoạt động chất lượng của một doanh nghiệp.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Chất lượng sản phẩm và khách hàng** | **5** |  |
| 1.1 | Sản phẩm và phân loại sản phẩm | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Chất lượng sản phẩm và vai trò | 0.5 | CLO1.2 |
| 1.3 | Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 1.4 | Khách hàng và nhu cầu của KH | 1 | CLO1.2 |
| 1.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 2** | **Quản trị chất lượng** | **4** |  |
| 2.1 | Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.4 | Các chức năng cơ bản của quản trị chất lượng | 1 | CLO1.1 |
| 2.5 | Các phương pháp quản trị chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 3** | **Chi phí chất lượng** | **4** |  |
| 3.2 | Mô hình chi phí chất lượng | 1 | CLO1.1 |
| 3.3 | Một số chỉ tiêu hiệu quả của chi phí chất lượng | 1 | CLO1.1 |
| 3.4 | Quản trị chi phí chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 3.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Hệ thống quản lý chất lượng** | **5** |  |
| 4.1 | Phân loại, vai trò và yêu cầu của hệ thống QTCL | 1 | CLO1.1 |
| 4.3 | Hệ thống quản trị chất lượng ISO9000 | 1 | CLO2.1 |
| 4.4 | Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện TQM | 1 | CLO2.1 |
| 4.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 5** | **Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng** | **4** |  |
| 5.1 | Tiêu chuẩn hóa và vai trò của tiêu chuẩn hóa | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Các loại tiêu chuẩn và cấp tiêu chuẩn | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Đo lường và vai trò của đo lường chất lượng | 0.5 | CLO2.1 |
| 5.4 | Hệ thống đo lường | 0.5 | CLO1.2  CLO2.1 |
| 5.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 6** | **Đảm bảo và cải tiến chất lượng** | **4** |  |
| 6.1 | Đảm bảo chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 6.2 | Cải tiến chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 6.3 | Phương pháp Benchmarking trong cải tiến chất lượng | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 6.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 7** | **Kiểm tra chất lượng sản phẩm** | **4** |  |
| 7.1 | Kiểm tra chất lượng và vai trò | 0.5 | CLO1.1 |
| 7.2 | Phương pháp và các hình thức kiểm tra chất lượng | 1 | CLO2.1 |
| 7.3 | Bản chất và nội dung của kiểm tra chọn mẫu chấp nhận | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 7.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Số tiết tham dự học/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. Nguyễn Đình Phan**,** Giáo trình quản trị chất lượng, NXB ĐH Kinh tế Quốc

Dân, 2013.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

|  |
| --- |
| [2]. Đặng Minh Trang, Quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp, NXB Thống kê, 2010. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Chất lượng sản phẩm và khách hàng  1.4. Khách hàng và nhu cầu của khách hàng | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C1  + Tìm hiểu các doanh nghiệp nếu không tìm hiểu nhu cầu khách hàng thì có tồn tại và phát triển được không. |
| 2 | Chương 2: Quản trị chất lượng  2.2. Các triết lý về quản trị chất lượng  2.3. Những nguyên tắc của QTCL | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu các nguyên tắc quản trị chất lượng được áp dụng nhiều tại các DN hiện nay |
| 3 | Chương 3: Chi phí chất lượng  3.1 Sự ra đời và bản chất của chi phí chất lượng | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu các loại chi phí chất lượng trong doanh nghiệp |
| 4 | Chương 4: Hệ thống quản lý chất lượng  4.2. Yêu cầu của hệ thống QTCL | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu các yêu cầu của hệ thống quản trị chất lượng trong doanh nghiệp |
| 5 | Chương 5: Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng  5.5. Đo lường khả năng vận hành của hệ thống | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C5 |
| 6 | Chương 6: Đảm bảo và cải tiến chất lượng  6.3. Phương pháp Benchmarking trong cải tiến chất lượng | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1]: C6  + Tìm hiểu các doanh nghiệp ứng dụng Benchmarking trong cải tiến chất lượng |
| 7 | Chương 7: Kiểm tra chất lượng sản phẩm  7.3. Bản chất và nội dung của kiểm tra chọn mẫu chấp nhận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1]: C7  + Tìm hiểu phương pháp chọn mẫu chấp nhận |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị tác nghiệp
* Tiếng Anh: Service Product Management

Mã số học phần: 3KT137DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 27 tiết; Bài tập, thảo luận: 18 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Có kiến thức cơ bản về các vấn đề về Quản trị tác nghiệp như: dự báo cầu sản phẩm; hoạch định công suất; định vị và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; điều độ sản xuất. |
| G2 | Có khả năng phân tích tổng hợp để đưa ra các quyết định tác nghiệp của một doanh nghiệp. |
| G3 | Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích, đánh giá, tranh luận, thảo luận các vấn đề quản trị sản xuất tác nghiệp mang tính thời sự. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Phân tích và Dự báo cầu sản phẩm; Hoạch định công suất; Định vị và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Điều độ sản xuất. | * Thảo luận nhóm | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | - Có kỹ năng phân tích đánh giá các bài toán và ra quyết định về những vấn đề cốt yếu trong sản xuất | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống quản trị tác nghiệp | Bài tập nhóm | - Tự luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề doanh nghiệp gặp phải trong quản trị tác nghiệp | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.3.1 | 2.3.2 | 3.3.2 | 4.3.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Những kiến thức cơ bản về dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất. Từ đó phát triển kỹ năng quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp | 5 |  |
| 1.1 | Thực chất quản trị tác nghiệp | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.2 | Nội dung chủ yếu của quản trị tác nghiệp | 2 | CLO1.1 |
| 1.3 | Lịch sử và xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp | 0.5 | CLO1.1 |
| 1.4 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 2 | Dự báo cầu sản phẩm | 7 |  |
| 2.1 | Thực chất và vai trò của dự báo cầu sản phẩm | 0.5 | CLO1.1 |
| 2.2 | Các nhân tố ảnh hưởng đến dự báo cầu | 0.5 | CLO1.1 |
| 2.3 | Các phương pháp dự báo cầu sản phẩm | 2.5 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.4 | Giám sát và kiểm soát dự báo | 0.5 | CLO1.1 |
| 2.5 | Thảo luận, làm bài tập | 3 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 3 | Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất | 5 |  |
| 3.1 | Thiết kế và phát triển sản phẩm | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Lựa chọn quá trình sản xuất | 2 | CLO1.2  CLO3.1 |
| 3.3 | Liên kết thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình SX | 1 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 4 | Hoạch định công suất | 5 |  |
| 4.1 | Khái niệm, phân loại và nhân tố ảnh hưởng tới công suất | 1 | CLO1.1 |
| 4.2 | Các phương pháp hỗ trợ lựa chọn công suất | 2 | CLO1.1 |
| 4.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 5 | Định vị doanh nghiệp | 7 |  |
| 5.1 | Thực chất và vai trò của định vị doanh nghiệp | 0.5 | CLO1.1 |
| 5.2 | Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới định vị doanh nghiệp | 0.5 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 5.3 | Các phương pháp định vị doanh nghiệp | 3 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 6 | Bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp | 5 |  |
| 6.1 | Thực chất và và vai trò của bố trí mặt bằng sản xuất | 1 | CLO1.1 |
| 6.2 | Các hình thức bố trí mặt bằng sản xuất | 1 | CLO1.1 |
| 6.3 | Thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 6.4 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 7 | Hoạch định tổng hợp | 5 |  |
| 7.1 | 7.1. Thực chất và vai trò của hoạch định tổng hợp | 1 | CLO1.1 |
| 7.2 | Các kỹ thuật hoạch định tổng hợp | 1 | CLO2.1 |
| 7.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 8 | Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp | 6 |  |
| 8.1 | Thực chất và vai trò của điều độ sản xuất | 2 | CLO1.1 |
| 8.2 | Các phương pháp điều độ sản xuất | 2 | CLO2.1 |
| 8.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1  CLO4.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận, bài tập nhóm CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO4.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Trương Đức Lực. Nguyễn Đình Trung **–** Giáo trình quản trị tác nghiệp - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội - 2013.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Trương Đoàn Thể*–* Quản trị sản xuất tác nghiệp *-* NXB Thống kê – 2010. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp  1.3. Lịch sử và xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1`]: C1  + Tìm hiểu xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp trong tương lai |
| 2 | Chương 2: Dự báo cầu sản phẩm  2.3. Các phương pháp dự báo cầu sản phẩm | 14 | 8 | 6 | + Tài liệu [1]: C2  + Làm bài tập về dự báo cầu sản phẩm |
| 3 | Chương 3: Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất  3.1 Thiết kế và phát triển sản phẩm | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu thiết kế một sản phẩm cụ thể trên thị trường Việt Nam |
| 4 | Chương 4: Hoạch định công suất  4.2. Các phương pháp hỗ trợ lựa chọn công suất | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Làm bài tập về lựa chọn công suất |
| 5 | Chương 5: Định vị doanh nghiệp  5.3. Các phương pháp định vị DN | 14 | 8 | 6 | + Tài liệu [1]: C5  + Làm bài tập phương pháp vận tải |
| 6 | Chương 6: Bố trí mặt bằng trong sản xuất  6.3. Thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C6  + Tìm hiểu thiết kế mặt bằng tại một doanh nghiệp sản xuất ở khu công nghiệp ở Việt Nam |
| 7 | Chương 7: Hoạch định tổng hợp  7.4. Các kỹ thuật hoạch định tổng hợp | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1]: C7  + Làm bài tập hoạch định tổng hợp |
| 8 | Chương 8: Điều độ sản xuất trong DN  8.2. Các phương pháp điều độ sản xuất | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C8  + Làm bài tập về điều độ sản xuất |
|  | **Tổng** | **90** | **54** | **36** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc | | |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Văn hóa kinh doanh
* Tiếng Anh: Buisiness culture

Mã số học phần: 3KT111CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## *2.1. Giảng viên giảng dạy:*

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa kinh doanh, Tâm lý và đạo đức kinh doanh

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

## *2.2. Bộ môn:* Kế toán - Quản trị kinh doanh

## *2.3. Khoa:* Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Phân tích được đặc trưng, vai trò, cấu trúc, của văn hóa kinh doanh và  mối quan hệ giữa văn hóa và hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế. |
| G2 | Vận dụng kiến thức về văn hóa để xây dựng và phát triển môi trường làm việc phù hợp với giá trị văn hóa của tổ chức và thị trường. |
| G3 | Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thúc đẩy hiệu quả làm việc và tăng cường năng lực cạnh tranh của tổ chức; Phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử, và giải quyết tình huống trong môi trường kinh doanh có sự đa dạng văn hóa, từ đó nâng cao năng lực cá nhân và khả năng hội nhập quốc tế. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần (G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích được đặc trưng, vai trò, cấu trúc, của văn hóa kinh doanh và mối quan hệ giữa văn hóa và hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Vận dụng kiến thức về văn hóa để xây dựng và phát triển môi trường làm việc phù hợp với giá trị văn hóa của tổ chức và thị trường. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử, và giải quyết tình huống trong môi trường kinh doanh có sự đa dạng văn hóa, từ đó nâng cao năng lực cá nhân và khả năng hội nhập quốc tế. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G4 | CLO3.2 | C2 | Xây dựng văn hóa doanh nghiệp  thúc đẩy hiệu quả làm việc và tăng cường năng lực cạnh tranh của tổ chức | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO4.2 |
| 1.3.1 | 2.4.1 | 3.1.2 | 4.2.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về văn hóa kinh doanh; Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh; Văn hóa kinh doanh Việt Nam; Văn hóa kinh doanh quốc tế.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về văn hóa kinh doanh** | **5** |  |
| 1.1 | Khái quát chung về văn hóa kinh doanh | 2 | CLO1.1; |
| 1.2 | Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của | 2 | CLO1.1; |
| 1.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 2** | **Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh** | **9** |  |
| 2.1 | Triết lý kinh doanh | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.2 | Đạo đức kinh doanh | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.3 | Văn hóa doanh nhân | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.4 | Văn hóa doanh nghiệp | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.5 | Văn hóa ứng xử trong kinh doanh | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.6 | Thảo luận | 3 | CLO3.1  CLO3.2 |
| **Chương 3** | **Văn hóa kinh doanh Việt Nam** | **9** |  |
| 3.1 | Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.2 | Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam trong quá trình đổi | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết trong văn hóa kinh doanh ở Việt Nam | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.4 | Một số lưu ý về văn hóa khi kinh doanh ở Việt Nam | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.5 | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Văn hóa kinh doanh quốc tế** | **7** |  |
| 4.1 | Khác biệt văn hóa trong kinh doanh quốc tế | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.2 | Những biểu hiện cơ bản của văn hóa kinh doanh quốc tế | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.3 | Đàm phán đa văn hóa | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.4 | Thảo luận | 3 | CLO 2.1  CLO3.1  CLO3.2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## *9.1. Cách đánh giá*

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1,  - Thảo luận: CLO2.1, CLO 3.1, CLO3.2, | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO 2.1, | 60% |

## *9.2. Cách tính điểm*

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

## *10.1 Tài liệu chính*

[1]. TS. Nguyễn Thị Trâm, Giáo trình Văn hóa kinh doanh, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSPKTVinh, 2016.

## *10.2 Tài liệu tham khảo*

[1] Dương Thị Liễu , Văn hóa kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2009.

[2] Trần Nhoãn - Trần Dũng Hải, Văn hóa doanh nghiệp và doanh nhân, NXB Thanh niên 2009.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về văn hóa kinh doanh  - Các nhân tố ảnh hưởng tới việc hình thành văn hóa kinh doanh của chủ thể kinh doanh  - Toàn cầu hóa kinh tế có thể trở thành rào cản cho những doanh nghiệp muốn hoạt động trên trường quốc tế. | 10 | 8 | 2 | + Tài liệu [1,11,12]: C1 |
| 2 | Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh  - Sứ mệnh của doanh nghiệp.  - Những điều kiện cơ bản cho sự ra đời của triết lý doanh nghiệp.  - Lịch sử hình thành đạo đức kinh doanh.  - Ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân tới văn hóa kinh doanh. | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1, 19,24,36,61 ]: C2 |
| 3 | Văn hóa kinh doanh Việt Nam  - Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ trước đổi mới  - Một số biểu hiện văn hóa kinh doanh của các hội kinh doanh cá thể.  - Định hướng thời gian | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1, 127,128,150,161 ]: C3 |
| 4 | Văn hóa kinh doanh quốc tế  *-* Hiện tượng sốc văn hóa và vượt qua được sốc văn hóa  - Biên dịch tài liệu  *-* Marketing bằng website quốc tế | 14 | 8 | 6 | + Tài liệu [1, 168,181,194]: C4 |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

- Tiếng Việt: Quản trị nhân lực

- Tiếng Anh: Managing human resource

Mã số học phần: 4KT143DC

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Thảo luận: 15 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị thực hiện công việc

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

## 2.2. Bộ môn: Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không.

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng được các phương pháp, công cụ và kỹ thuật trong quản trị nhân lực để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong tổ chức một cách hiệu quả. |
| G2 | Phân tích và đánh giá được các hoạt động chính của quản trị nhân lực, bao gồm: hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá hiệu quả công việc, trả công lao động, và quan hệ lao động. |
| G3 | Phát triển kỹ năng tuyển chọn, đào tạo, giao tiếp, đánh giá hiệu suất và ra quyết định nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc và văn hóa tổ chức. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Vận dụng kiến thức quản trị nhân lực để xây dựng kế hoạch nhân sự, quy trình tuyển dụng, chương trình đào tạo, chính sách lương thưởng và đánh giá nhân sự. | Thuyết trình, thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Phân tích và đánh giá được các hoạt động chính của quản trị nhân lực, bao gồm: hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá hiệu quả công việc, trả công lao động, và quan hệ lao động. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Phát triển kỹ năng tuyển chọn, đào tạo, giao tiếp, đánh giá hiệu suất và ra quyết định nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc và văn hóa tổ chức. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| CLO3.2 | C3 | Lựa chọn và áp dụng phương pháp, công cụ và kỹ thuật trong quản trị nhân lực để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong tổ chức một cách hiệu quả. | Thảo luận, bài tập nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.1 | PLO4.5 |
| 1.3.1 | 2.3.2 | 3.1.2 | 4.5.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về về quản trị nguồn nhân lực; Thiết kế và phân tích công việc; Kế hoạch hóa nguồn nhân lực; Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực; Bố trí nhân lực và thôi việc; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Quản trị tiền lương và tiền công; Các vấn đề về thù lao và phúc lợi cho người lao động; Hợp đồng lao động; kỷ luật lao động.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về quản trị nhân lực trong tổ chức** | **3** |  |
| 1.1 | Đối tượng, nội dung môn học Quản trị nhân lực | 1 | CLO1.1; |
| 1.2 | Thực chất của Quản trị nhân lực | 2 | CLO1.1; |
| **Chương 2** | **Thiết kế và phân tích công việc** | **5** |  |
| 2.1 | Thiết kế công việc | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.2 | Phân tích công việc | 1 | CLO1.1;  CLO21 |
| 2.3 | Vai trò của phòng Nguồn nhân lực và các bước tiến hành phân tích công việc | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 3** | **Kế hoạch hóa nguồn nhân lực** | **4** |  |
| 3.1 | Vai trò của kế hoạch hóa nguồn nhân lực | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.2 | Dự đoán cầu nhân lực | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Dự đoán cung nhân lực | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.4 | Cân đối cung và cầu nhân lực, các giải pháp khắc phục mất cân đối | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực** | **4** |  |
| 4.1 | Quá trình tuyển mộ | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.2 | Quá trình tuyển chọn nhân lực | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.3 | Một số vấn đề cần quan tâm khi thực hiện công tác tuyển chọn trong tổ chức | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 5** | **Đánh giá thực hiện công việc** | **6** |  |
| 5.1 | Khái niệm, mục đích và tầm quan trọng của đánh giá thực hiện công việc | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.2 | Hệ thống đánh giá thực hiện công việc | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.3 | Các phương pháp đánh giá thực hiện công việc | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.4 | Xây dựng và thực hiện chương trình đánh giá | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.5. | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 6** | **Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực** | **4** |  |
| 6.1 | Vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.2 | Các phương pháp đào tạo và phát triển | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.3 | Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo và phát triển | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 7** | **Cơ sở của quản lý thù lao lao động** | **5** |  |
| 7.1 | Thù lao lao động và các mục tiêu của hệ thống thù lao lao động | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 7.2 | Ảnh hưởng của thù lao đến chọn nghề, chọn việc, đến thực hiện công việc của người lao động và hiệu quả của tổ chức | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 7.3 | Các yếu tố ảnh hưởng đến thù lao lao động | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 7.4 | Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao lao động | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 7.5 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 8** | **Quản trị tiền công và tiền lương** | **5** |  |
| 8.1 | Mục đích và ý nghĩa của quản trị tiền công, tiền lương | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 8.2 | Giới thiệu hệ thống thang bảng lương của Nhà nước | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 8.3 | Xây dựng hệ thống trả công của doanh nghiệp | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 8.4 | Quản trị tiền công, tiền lương | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
|  | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 9** | **Các hình thức trả lương** | **2** |  |
| 9.1 | Cơ sở phân định hình thức trả công | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 9.2 | Phân loại trả công | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| **Chương 10** | **Hợp đồng lao động và thảo ước lao động tập thể** | **4** |  |
| 10.1 | Hợp đồng lao động | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 10.2 | Thỏa ước lao động tập thể | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 10.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 11** | **Kỷ luật lao động** | **3** |  |
| 11.1 | Khái niệm, hình thức và nguyên nhân vi phạm kỷ luật lao động | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 11.2 | Nguyên tắc và trách nhiệm kỷ luật | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 11.3 | Quá trình kỷ luật và các hướng dẫn cho việc kỷ luật có kết quả | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 11.4 | Thảo luận | 1 | CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## *9.1. Cách đánh giá*

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1  - Thảo luận: CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO3.2 | 60% |

## *9.2. Cách tính điểm*

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một

chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. TS. Nguyễn Hồng Minh - TS. Nguyễn Thị Trâm, Giáo trình Quản trị Nhân lực , ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vinh, NXB LĐXH, Hà Nội, 2014.

[2]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân - ThS. Nguyễn Vân Điền, Giáo trình Quản trị Nhân lực, NXB ĐH KTQD, Hà Nội, 2013.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. Trần Kim Dung, Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực, NXB Kinh tế TP. HCM, 2015.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng quan về quản trị nhân lực trong tổ chức  - Quá trình hình thành và phát triển quản trị nhân lực  - Các yếu tố môi trường ảnh h­ưởng tới các hoạt động quản trị nhân lực lượng tổ chức | 6 | 6 | 0 | + Tài liệu [1,24, 27]: C1 |
| 2 | Thiết kế và phân tích công việc  - Xây dựng 1 bản mô tả công việc và tiêu chuẩn công việc cho 1 nhân viên tuyển dụng, đào tạo, lương  - Thống kê các vị trí công việc mà sinh viên ngành quản trị nguồn nhân lực có thể làm và ứng tuyển hiện nay  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 37 ]: C2  + Tìm hiểu lập được bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc của một số vị trí, chức danh thông dụng trong doanh nghiệp.  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 3 | Kế hoạch hóa nguồn nhân lực  - Liệt kê các yếu tố môi trường tác động tình hình nhân sự của công ty cụ thể  - Lập các giải pháp để cân đối cung cầu nguồn nhân lực trong trường hợp doanh nghiệp dư thừa và thiếu hụt nguồn nhân lực.  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1, 49-74 ]: C3  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 4 | Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực  - Vẽ và giải thích qui trình tuyển mộ của công ty tương ứng với vị trí công việc  - Lựa chọn 3 kênh đăng thông tin tuyển dụng và chi phí đăng. Phân tích 3 trang web tìm kiếm việc làm hiện nay.  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 75-87]: C4  *+* Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học  *+* Vẽ và giải thích qui trình tuyển mộ của công ty tương ứng với vị trí công việc; Lựa chọn 3 kênh đăng thông tin tuyển dụng và chi phí đăng. Phân tích 3 trang web tìm kiếm việc làm hiện nay. |
| 5 | Đánh giá thực hiện công việc  - Phương pháp đánh giá bằng thang đo dựa trên hành vi  - Các phương pháp so sánh  - Phương pháp bản tường thuật  **-** Câu hỏi thảo luận | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1, 94-95 ]: C5  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 6 | Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  - Tìm hiểu tình huống  - Sự khác biệt giữa đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 6 | 2 | + Tài liệu [1, 99-112 ]: C6  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 7 | Cơ sở của quản lý thù lao lao động  - Các mục tiêu của hệ thống thù lao lao động  - Cơ cấu thù lao  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 4 | + Tài liệu [1, 113-120 ]: C7  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 8 | Quản trị tiền công và tiền lương  - Hệ thống thang bảng lương của Nhà nước hiện hành  - Tiền công trong các thị trường lao động  - Câu hỏi thảo luận | 10 | 6 | 2 | + Tài liệu [1, 135]: C7  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 9 | Các hình thức trả lương  - Các yếu tố ảnh hưởng đến trả lương lao động  - Chế độ trả công theo sản phẩm có thưởng  - Câu hỏi thảo luận | 4 | 4 | 0 | + Tài liệu [1, ]: C7  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học  + Tài liệu [2, 205]: C12 |
| 10 | Hợp đồng lao động và thảo ước lao động tập thể  - Ký và thực hiện hợp đồng lao động trong doanh nghiệp  - Các chiến lược thỏa thuận  - Câu hỏi thảo luận | 8 | 4 | 4 | + Tài liệu [1, 158 ]: C8  + Tài liệu [2, 245 ]: C16  + Tài liệu [2, 254 ]: C16  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 11 | Kỷ luật lao động  - Cách tiếp cận với kỷ luật  - Các hướng dẫn với người phụ trách kỷ luật  - Câu hỏi thảo luận | 6 | 4 | 2 | + Tài liệu [2,269 ]: C18  + Tài liệu [2,274 ]: C18  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị tài chính
* Tiếng Anh: Financial Management

Mã số học phần: 4KT111DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 30 tiết; Bài tập, thảo luận: 15 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

* Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng
* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0986 088 897

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng tổng hợp kiến thức về tài chính doanh nghiệp để lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các quyết định tài chính trong quản trị doanh nghiệp. |
| G2 | Phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính doanh nghiệp như quản lý tài sản, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn và đầu tư dưới nhiều góc độ khác nhau. |
| G3 | Làm việc nhóm hiệu quả và lựa chọn được các phương pháp phân tích tài chính, xác định tiềm năng tài chính và chiến lược tài chính phù hợp trong thực tiễn doanh nghiệp. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Vận dụng kiến thức tài chính doanh nghiệp để lập kế hoạch, triển khai và đánh giá các quyết định tài chính. | Thuyết trình, thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K4 | Phân tích và đánh giá các vấn đề tài chính doanh nghiệp như quản lý tài sản, nguồn vốn và đầu tư. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Làm việc nhóm hiệu quả trong phân tích, đánh giá tài chính doanh nghiệp. | Bài tập nhóm, thảo luận | Quan sát |
| CLO3.2 | C4 | Lựa chọn và áp dụng phương pháp phân tích tài chính để xác định tiềm năng và chiến lược tài chính phù hợp. | Thảo luận, bài tập nhóm | Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.3 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.4.2 | 3.3.1 | 4.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

# Quản trị tài sản cố định; Quản trị tài sản lưu động và vốn lưu động; Quản trị nguồn vốn trên cơ sở cơ cấu vốn hợp lý và chi phí sử dụng vốn tối ưu; Cách xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp; Cách thẩm định dự án đầu tư tối ưu và phân tích tài chính doanh nghiệp.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | **QUẢN LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH** | 6 |  |
| 1.1 | Cơ cấu tài sản cố định | 3 | CLO2.1 |
| 1.2 | Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao |
| 1.3 | Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp | 3 | CLO1.1  CLO3.1 |
| 1.4 | Quản lý Tài sản cố định về mặt hiện vật |
| Chương 2 | **QUẢN LÝ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ VỐN LƯU ĐỘNG** | 6 |  |
| 2.1 | Khả năng chuyển đổi của tài sản | 3 | CLO2.1 |
| 2.2 | Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động |
| 2.3 | Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho | 3 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 2.4 | Phân tích vòng quay của vốn lưu động |
| Chương 3 | **CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỦ YẾU** | 9 |  |
| 3.1 | Bảng cân đối kế toán | 3 | CLO2.1  CLO2.1 |
| 3.2 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 3 |
| 3.3 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 3 |
| Chương 4 | **QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP** | 6 |  |
| 4.1 | Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp | 6 | CLO1.1 |
| 4.2 | Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác |
| Chương 5 | **CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ PHÂN TÍCH VỀ CHI PHÍ ĐẦU TƯ** | 9 |  |
| 5.1 | Các quyết định đầu tư | 3 | CLO1.1  CLO3.2 |
| 5.2 | Quá trình duyệt dự án đầu tư |
| 5.3 | Các công cụ phân tích dự án đầu tư | 3 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 5.4 | Các phân tích sử dụng luồng tiền chiết khấu |
| 5.5 | Các công cụ khác dùng để phân tích luồng tiền | 3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.2 |
| 5.6 | Kiểm toán dự án đầu tư đã hoàn thành |
| 5.7 | Đánh giá sự thực hiện của dự án |
| Chương 6 | **PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP** | 9 |  |
| 6.1 | Khái niệm, vai trò, mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 | CLO2.1  CLO3.2 |
| 6.2 | Cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp |
| 6.3 | Phương pháp phân tích | 3 | CLO3.2 |
| 6.4 | Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 | CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Thảo luận, bài tập nhóm: CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. PGS.TS Phạm Quang Trung (2012), Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm 92010), Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, Hà Nội. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **CHƯƠNG 1: QUẢN LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  1.1 Cơ cấu tài sản cố định  1.2 Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao  1.3 Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp  1.4 Quản lý Tài sản cố định về mặt hiện vật | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1]: C1  + Tài liệu [2]: C3  + Tìm hiểu các nhóm tài sản cố định của doanh nghiệp |
| 2 | **CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ VỐN LƯU ĐỘNG**   2.1 Khả năng chuyển đổi của tài sản   2.2 Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động   2.3 Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho   2.4 Phân tích vòng quay của vốn lưu động | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1]: C2  + Tài liệu [2]: C3  + Tìm hiểu các loại tài sản lưu động |
| 3 | **CHƯƠNG 3:  CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**  3.1 Bảng cân đối kế toán  3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C3  + Thu thập báo cáo tài chính của 1 công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán |
| 4 | **CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP**  4.1 Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp  4.2 Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác | 12 | 12 | 0 | + Tài liệu [1]: C6  + Tài liệu [2]: C6, C8, C9  + Tìm hiểu các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác |
| 5 | **CHƯƠNG 5: CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ PHÂN TÍCH VỀ CHI PHÍ ĐẦU TƯ**  5.1 Các quyết định đầu tư  5.2 Quá trình duyệt dự án đầu tư  5.3 Các công cụ phân tích dự án đầu tư  5.4 Các phân tích sử dụng luồng tiền chiết khấu  5.5 Các công cụ khác dùng để phân tích luồng tiền  5.6 Kiểm toán dự án đầu tư đã hoàn thành  5.7 Đánh giá sự thực hiện của dự án | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1]: C8  + Tài liệu [2]: C4, C5  + Tìm hiểu quá trình duyệt dự án đầu tư |
| 6 | **CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**  6.1. Khái niệm, vai trò, mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp  6.2 Cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp  6.3. Phương pháp phân tích   * 1. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1]: C12  + Tài liệu [2]: C10  + Tìm hiểu các cơ sở dữ liệu phục vụ cho mục tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị văn phòng
* Tiếng Anh: Office administration

**Mã số học phần:** 3KT139DH

**Số tín chỉ: 03**

**Phân bổ thời gian:**

Lý thuyết: 30 tiết; Thảo luận: 15 tiết;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## *2.1. Giảng viên giảng dạy:*

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Hành vi tổ chức, Kỹ năng quản trị

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

## *2.2. Bộ môn:* Kế toán - Quản trị kinh doanh

## *2.3. Khoa:* Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# 4. Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng được các phương pháp và công cụ quản trị văn phòng, đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm văn phòng vào công tác quản lý. |
| G2 | Phân tích, đánh giá các nghiệp vụ cơ bản trong văn phòng hiện đại như  tổ chức công việc hành chính, quản lý văn bản – hồ sơ – tài liệu, tổ chức cuộc họp – hội nghị, quản lý thời gian và điều phối công việc hành chính. |
| G3 | Phát triển kỹ năng làm việc văn phòng chuyên nghiệp, như: giao tiếp hành chính, xử lý văn bản, tổ chức lưu trữ, lập kế hoạch và phối hợp công việc. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức quản trị văn phòng để tổ chức và điều hành các hoạt động hành chính – văn phòng một cách hiệu quả, khoa học và phù hợp với quy định của pháp luật. | Thuyết trình, thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | K3 | Phân tích và đánh giá được các nghiệp vụ văn phòng như: quản lý văn bản – hồ sơ, tổ chức hội họp, điều phối lịch làm việc, quản lý trang thiết bị và không gian văn phòng. | Thuyết trình, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thể hiện được kỹ năng giao tiếp hành chính, phần mềm soạn thảo văn bản, tổ chức sắp xếp hồ sơ, lưu trữ và phối hợp công việc nhóm trong môi trường văn phòng. | Bài tập nhóm, thảo luận | Tự luận |
| CLO4.1 | C4 | Lựa chọn và áp dụng công cụ cải tiến quy trình làm việc để tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động hành chính – văn phòng hiệu quả, thích ứng với công nghệ mới trong hoạt động văn phòng. | Thảo luận, bài tập nhóm | Tự luận |

***5.2. So sánh chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.4.1 | 3.1.2 | 4.4.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về quản trị văn phòng; Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng; Tổ chức công tác lễ tân; Soạn thảo và quản lý văn bản; Công tác lưu trữ.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Một số vấn đề chung về quản trị văn phòng** | **5** |  |
| 1.1 | Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng | 2 | CLO1.1; |
| 1.2 | Quản trị hành chính văn phòng | 2 | CLO1.1; |
| 1.3 | Tổ chức bộ máy văn phòng | 1 | CLO1.1; |
| **Chương 2** | **Quản trị văn phòng** | **6** |  |
| 2.1 | Quản trị thời gian | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.2 | Quản trị thông tin | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.3 | Quản trị hồ sơ | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 2.4 | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 3** | **Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng** | **8** |  |
| 3.1 | Hoạch định, tổ chức các cuộc họp | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 3.2 | Hoạch định, sắp xếp các chuyến đi công tác | 3 | CLO1.1;  CLO1.2 |
| 3.3 | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 4** | **Tổ chức công tác lễ tân** | **9** |  |
| 4.1 | Lễ tân và vai trò của công tác lễ tân | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.2 | Nguyên tắc cơ bản của hoạt động lễ tân | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.3 | Hoạt động đón tiếp khách tại cơ quan | 1.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.4 | Tiếp khách qua điện thoại | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.5 | Lễ tân hội nghị và và tiệc chiêu đãi | 1.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 4.6 | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 5** | **Soạn thảo và quản lý văn bản** | **8** |  |
| 5.1 | Tổ chức công tác văn thư | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.2 | Nguyên tắc soạn thảo văn bản | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.3 | Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính | 2 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.4 | Giải quyết và quản lý văn bản | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 5.5. | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1 |
| **Chương 6** | **Công tác lưu trữ** | **9** |  |
| 6.1 | Khái niệm, vai trò và tính chất của công tác lưu trữ | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.2 | Công tác thu thập bổ sung tài liệu lưu trữ | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.3 | Công tác chỉnh lý tài liệu lưu trữ | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.4 | Xác định giá trị tài liệu | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.5 | Thống kê và kiểm tra tài liệu | 1 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.6 | Bảo quản tài liệu lưu trữ | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.7 | Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ | 0.5 | CLO1.1;  CLO2.1 |
| 6.8 | Thảo luận | 3 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## *9.1. Cách đánh giá*

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1  - Thảo luận: CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

## *9.2. Cách tính điểm*

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang

điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học

phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. GS.TS. Nguyễn Thành Độ - ThS. Nguyễn Ngọc Điệp –ThS. Trần Phương Hiền, Giáo trình Quản trị văn phòng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tê quốc dân, 2013.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. Nguyễn Thành Độ, Giáo trình Quản trị văn phòng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tê quốc dân, 2012.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Một số vấn đề chung về quản trị văn phòng  - Vị trí và mối quan hệ của văn phòng trong cơ quan đơn vị  - Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác văn phòng | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1,13,18]: C1  + Tìm hiểu vị trí và mối quan hệ của văn phòng trong cơ quan đơn vị; Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác văn phòng |
| 2 | Quản trị văn phòng  - Lý do quản trị thời gian  - Nội dung quản trị thời gian  - Những yêu cầu khi tổ chức công tác thông tin  - Câu hỏi thảo luận | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1, 71, 86, ]: C4,C5  + Tìm hiểu lý do quản trị thời gian; nội dung quản trị thời;  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 3 | Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng  - Những vấn đề chung về hội họp, hôi nghị  - Mục đích, phân loại chuyển đi công tác  - Câu hỏi thảo luận | 16 | 10 | 6 | + Tài liệu [1, 148, 163 ]: C7,8  + Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của hội họp, hội nghị; mục đích, phân loại chuyển đi công tác.  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 4 | Tổ chức công tác lễ tân  - Tiếp khách qua điện thoại  - Ngôi thứ và xếp chỗ khách  - Vai trò của các bài phát biểu  - Câu hỏi thảo luận | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1, 116, 129,138]: C6  + Tìm hiểu phát biểu và trình tự phát biểu;  + Tìm hiểu hạn chế số diễn giả |
| 5 | Soạn thảo và quản lý văn bản  - Khái quát chung về công tác văn thư  - Những vấn đề chung về văn bản quản lý nhà nước  - Chức năng của văn bản quản lý  - Câu hỏi thảo luận | 16 | 10 | 6 | + Tài liệu [1, 172, 235, 244 ]: C9,C10, C11,C12  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 6 | Công tác lưu trữ  - Nội dung của công tác lưu trữ hiện hành  - Câu hỏi thảo luận | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1, 210.214 ]: C10  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học. |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

Tiếng Việt: Tâm lý và đạo đức kinh doanh

Tiếng Anh: Business psychology and ethics

Mã số học phần: 3KT142DH

Số tín chỉ: 03

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 27 tiết; Thảo luận: 18 tiết;

Thực tập: 0 ; Tự học: 90;

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

- **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa kinh doanh, Hành vi tổ chức

- **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

* **Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0986 088 897

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng kiến thức tâm lý và đạo đức để xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất lao động và sự gắn kết nội bộ. |
| G2 | Phân tích được tâm lý của khách hàng, nhân viên, đối tác, mối liên hệ giữa yếu tố tâm lý và đạo đức trong việc ra quyết định quản trị, marketing, nhân sự. |
| G3 | Đề xuất giải quyết các tình huống thực tế trong doanh nghiệp như quản lý, tiếp thị, tài chính, nhân sự, quảng cáo sai lệch, ra quyết định thiếu đạo đức... |
| G4 | Phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, đàm phán và ra quyết định dựa trên hiểu biết tâm lý và chuẩn mực đạo đức. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức về tâm lý và đạo đức kinh doanh để phân tích tâm lý của khách hàng, nhân viên, đối tác, mối liên hệ giữa yếu tố tâm lý và đạo đức trong việc ra quyết định quản trị, marketing, nhân sự. | Thuyết trình | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Đề xuất giải quyết các tình huống thực tế trong doanh nghiệp như quảng cáo sai lệch, ra quyết định thiếu đạo đức... | Bài tập tình huống, phân tích nhóm | Thuyết trình nhóm, bài tập nhóm |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Áp dụng các nguyên tắc đạo đức trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu cá nhân/ doanh nghiệp. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |
| G2 | CLO3.2 | S3 | Phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, đàm phán và ra quyết định dựa trên hiểu biết tâm lý và chuẩn mực đạo đức. | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Tự luận |

* 1. ***Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.1 | PLO4.2 |
| 1.3.1 | 2.4.2 | 3.1.2 | 4.2.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO3.2 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về tâm lý và đạo đức kinh doanh; Tâm lý học kinh doanh; Tâm lý người lao động trong doanh nghiệp; Tâm lý khách hàng; Tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Trắc nghiệm tâm lý trong quản trị kinh doanh; Đạo đức kinh doanh.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Chương 1** | **Tổng quan về tâm lý học** | **5** |  |
| 1.1 | Khái quát chung về tâm lý học, tâm lý học kinh doanh | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Lịch sử phát triển của tâm lý học quản lý | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học kinh doanh | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Các hiện tượng tâm lý cá nhân | 1 | CLO1.1 |
| **Chương 2** | **Tâm lý người lao động trong doanh nghiệp** | **9** |  |
| 2.1 | Bản chất và cách phân loại | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.2 | Phân loại con người trong quản lý kinh doanh | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.3 | Các quan điểm nhìn nhận con người trong quản lý kinh doanh dưới giác độ tâm lý | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.4 | Tâm lý người lao động trong quản lý kinh doanh | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 2.5 | Thảo luận | 3 | CLO2.1 |
| **Chương 3** | **Tâm lý khách hàng** | **8** |  |
| 3.1 | Khái niệm và phân loại khách hàng | 0.5 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 3.2 | Nhu cầu của khách hàng | 0.5 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 3.3 | Tâm lý khách hàng theo độ tuổi, giới tính và sách lược tác động tâm lý | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 3.4 | Đặc điểm tâm lý của con người đối với giá cả hàng và sách lược tác động tâm lý | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 3.5 | Thảo luận | 3 | CLO2.1 |
| **Chương 4** | **Tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh** | **9** |  |
| 4.1 | Khái quát chung lãnh đạo trong quản lý kinh doanh | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 4.2 | Uy tín và phong cách lãnh đạo | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 4.3 | Những vấn đề tâm lý của quá trình ra quyết định và thực hiện quyết định | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 4.4 | Stress và công việc đối với nhà quản lý | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 4.5 | Thảo luận | 3 | CLO2.1 |
| **Chương 5** | **Trắc nghiệm tâm lý trong quản trị kinh doanh** | **6** |  |
| 5.1 | Trắc nghiệm tâm lý | 1 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 5.2 | Các tình huống trắc nghiệm tâm lý | 2 | CLO1.1  CLO1.2 |
| 5.3 | Thảo luận | 3 | CLO2.1 |
| **Chương 6** | **Đạo đức kinh doanh** | **8** |  |
| 6.1 | Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh | 2 | CLO1.2 |
| 6.2 | Các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức kinh doanh | 3 | CLO1.2 |
| 6.3 | Thảo luận | 3 | CLO2.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.

Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## *9.1. Cách đánh giá*

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | -Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | -Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, | 60% |

## *9.2. Cách tính điểm*

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. TS Nguyễn Thị Trâm, Đề cương bài giảng tâm lý và đạo đức kinh doanh dùng cho sinh viên Kinh tế trường Đại Sư phạm Kỹ thuật Vinh.

[2]. Nguyễn Võ Huệ Anh, Lê Nữ Diễm Hương, Giáo trình nội bộ Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh, Viện nghiên cứu kinh tế ứng – Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2019.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[1]. Nguyễn Đình Chỉnh, Giáo trình Tâm lý học xã hội , NXB Giáo dục, 2001.

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tâm lý học kinh doanh Lịch sử phát triển của tâm lý học  quản lý  - Mối quan hệ giữa tâm lý và kinh doanh  - Tâm lý sản xuất nhỏ, tâm lý phong kiến, tâm lý tư bản có những đặc điểm gì cần loại bỏ | 10 | 10 | 0 | + Tài liệu [1,9,26,27]: C1  + Tài liệu [2,7,9,10]: C1  + Tìm hiểu mối quan hệ giữa tâm lý và kinh doanh; tâm lý sản xuất nhỏ, tâm lý phong kiến, tâm lý tư bản; |
| 2 | Tâm lý người lao động trong doanh nghiệp  - Quyền con người  - Con người và nhân cách  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1, 48,67]: C2  + Tìm hiểu quyền con người  + Tìm hiểu con người và nhân cách |
| 3 | Tâm lý khách hàng  - Những lưu ý đến tâm lý khách hàng trong kinh doanh  - Tâm lý khách hàng qua hành vi mua hàng  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 16 | 10 | 6 | + Tài liệu [1, 109-115]: C3 |
| 4 | Tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh  - Các loại uy tín giả  - Quá trình ra quyết định quản lý  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 18 | 12 | 6 | + Tài liệu [1,131, 137]: C4  + Tìm hiểu các loại uy tín giả; quá trình ra quyết định quản lý  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 5 | Trắc nghiệm tâm lý trong quản trị kinh doanh  - Nội dung mẫu trắc nghiệm tâm lý bám sát với vị trí công tác của người dự định tuyển chọn  - Minh họa bằng một tình huống cụ thể về trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 12 | 6 | 6 | + Tài liệu [1,]155: C5  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
| 6 | Đạo đức kinh doanh  - “Đạo” và “Đức” trong kinh doanh  - Những thủ đoạn phi đạo đức trong quan hệ với đối thủ cạnh tranh  - Ví dụ và câu hỏi thảo luận | 16 | 10 | 6 | + Tài liệu [1,168, 175]: C6  + Tìm hiểu trên internet về các kiến thức liên quan bài học |
|  | **Tổng** | **90** | **60** | **30** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Bài tập lớn quản trị doanh nghiệp

Tiếng Anh: Great exercise in Corporate Governance

**Mã số học phần:** 4KT318DH

**Số tín chỉ: 01**

**Phân bổ thời gian:**

Lên lớp: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 15 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

**Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, Lịch sử các học thuyết kinh tế

**2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa: Kinh tế**

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của quản trị doanh nghiệp như: Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp, các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp, hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình và quản trị theo kết quả. |
| G2 | Phân tích và đánh giá các tình huống cơ bản trong quản trị doanh nghiệp |
| G3 | Vận dụng kiến thức và kỹ năng để đề xuất, giải quyết các tình huống quản trị doanh nghiệp |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Phân tích vai trò của quản trị doanh nghiệp | - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm  Bài tập lớn |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Phân tích, đánh giá các mô hình tổ chức quản trị doanh nghiệp phù hợp với khách hàng và doanh nghiệp | * Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm  Bài tập lớn |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống quản trị doanh nghiệp | - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm  Bài tập lớn |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Đề xuất được những giải pháp Quản trị doanh nghiệp trước sự biến động của nền kinh tế thị trường | - Thảo luận nhóm | Bài tập nhóm  Bài tập lớn |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.4 |
| 1.3.3 | 2.5.2 | 3.4.1 | 4.4.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Học phần Bài tập lớn Quản trị doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc của ngành quản trị kinh doanh. Vận dụng những kiến thức cơ bản của quản trị doanh nghiệp để xây dựng được cơ cấu tổ chức phù hợp cho các loại hình doanh nghiệp; xây dựng bản kế hoạch kinh doanh cho một số loại hình doanh nghiệp.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về quản trị doanh nghiệp | 2 |  |
|  | Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp | 2 | CLO1.1 CLO2.1 |
| Chương 2 | Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp | 2 |  |
|  | Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp | 2 | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| Chương 3 | Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp | 11 |  |
|  | Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh | 11 | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt trong 80% các buổi giảng viên hướng dẫn.

Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.

Hoàn thiện các phần được giảng viên chỉnh sửa và được đánh giá kết quả thực hiện.

Nộp bài thu hoạch cuối kỳ.

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm đánh giá quá trình | Bài tập nhóm: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm bài thu hoạch cuối kỳ | Bài tập lớn: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1, CLO4.1 | 60% |

**9.2. Cách tính điểm**

Điểm đánh giá thành phần và điểm bài thu hoạch cuối kỳ được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Ngô Kim Thanh **–** Giáo trình quản trị doanh nghiệp - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2013.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Đồng Thị Thanh Phương*–* Giáo trình quản trị doanh nghiệp *-* NXB Thống kê – 2013. |

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp  1.1. Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp | 4 | 3 | 1 | + Tài liệu [1,2]: C1  + Tìm hiểu các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam |
| 3 | Chương 3: Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp  3.3. Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp | 4 | 3 | 1 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam. |
| 4 | Chương 4: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp  4.4. Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh | 22 | 14 | 8 | + Tài liệu [1]: C4  + Hình thành ý tưởng kinh doanh  + Lập bản kế hoạch kinh doanh của một DN |
|  | **Tổng** | **30** | **20** | **10** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị thương hiệu
* Tiếng Anh: Brand Management

Mã số học phần: 3KT143CD

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 22 tiết; Bài tập, thảo luận: 08 tiết; Tự học: 60 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrangnt88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu và vận dụng các lý luận cơ bản về thương hiệu, vai trò và tầm quan trọng của thương hiệu trong chiến lược kinh doanh. |
| G2 | Phân tích và đánh giá các chiến lược thương hiệu, các yếu tố cấu thành thương hiệu và chiến lược marketing hỗn hợp trong xây dựng thương hiệu. |
| G3 | Vận dụng kiến thức và kỹ năng để đề xuất, phát triển, bảo vệ và định giá thương hiệu trong thực tiễn; làm việc nhóm chuyên môn hiệu quả trong các tình huống quản trị thương hiệu. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Phân tích các lý luận cơ bản về thương hiệu và vai trò trong chiến lược kinh doanh | Thuyết trình, thảo luận | Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | Phân tích, đánh giá các chiến lược thương hiệu và yếu tố cấu thành thương hiệu | Thảo luận, bài tập nhóm | Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình huống quản trị thương hiệu | Bài tập nhóm | Quan sát |
| CLO3.2 | C4 | Đề xuất giải pháp phát triển và bảo vệ thương hiệu phù hợp với thực tiễn | Thảo luận, bài tập nhóm | Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.4 | PLO3.3 | PLO4.3 |
| 1.3.2 | 2.4.2 | 3.3.2 | 4.3.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

# Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu; Chiến lược thương hiệu; Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu; Bảo vệ thương hiệu; Chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm tạo dựng thương hiệu; Định giá và phát triển thương hiệu.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu | 4 |  |
| 1.1 | Những lý luận cơ bản về thương hiệu | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Mối quan hệ giữa sản phẩm và thương hiệu |
| 1.3 | Vai trò của thương hiệu | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 1.4 | Quản trị thương hiệu |
| Chương 2 | Chiến lược thương hiệu | 4 |  |
| 2.1 | Tổng quan về chiến lược thương hiệu | 2 | CLO2.1 |
| 2.2 | Các mô hình phát triển thương hiệu |
| 2.3 | Các dạng chiến lược thương hiệu | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| 2.4 | Thảo luận |
| Chương 3 | Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu | 6 |  |
| 3.1 | Định hướng, yêu cầu khi thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu | 2 | CLO2.1 |
| 3.2 | Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu | 2 | CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.1 |
| Chương 4 | Bảo vệ thương hiệu | 6 |  |
| 4.1 | Bảo vệ thương hiệu | 2 | CLO3.2 |
| 4.2 | Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu | 2 | CLO3.2 |
| 4.3 | Thảo luận | 2 | CLO3.2 |
| Chương 5 | Chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm tạo dựng thương hiệu | 6 |  |
| 5.1 | Khái quát về chiến lược Marketing hỗn hợp | 1 | CLO2.1 |
| 5.2 | Chiến lược sản phẩm | 5 | CLO2.1 |
| 5.3 | Chiến lược giá |
| 5.4 | Chiến lược phân phối |
| 5.5 | Chiến lược xúc tiến hỗn hợp |
| Chương 6 | Định giá và phát triển thương hiệu | 4 |  |
| 6.1 | Định giá thương hiệu | 2 | CLO3.2 |
| 6.2 | Các giải pháp phát triển thương hiệu | 2 | CLO3.2 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

Hoàn thành đủ các bài tập, thảo luận, thực hành.

Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ và đạt kết quả.

Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tiểu luận, bài tập nhóm: CLO3.1, CLO3.2 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. PGS.TS. Đào Thị Minh Thanh, Ths. Nguyễn Quang Tuấn (2016), Giáo trình Quản trị thương hiệu, NXB Tài chính, Hà Nội.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. GS.TS. Trần Minh Đạo (2012), Marketing căn bản, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu   * 1. Những lý luận cơ bản về thương hiệu   2. Mối quan hệ giữa sản phẩm và thương hiệu   3. Vai trò của thương hiệu   4. Quản trị thương hiệu | 8 | 8 | 0 | + Tài liệu [1]: C1  + Tài liệu [2]: C7  + Tìm hiểu các casestudy tranh chấp thương hiệu trong kinh doanh |
| 2 | Bài 2: Chiến lược thương hiệu  2.1. Tổng quan về chiến lược thương hiệu  2.2. Các mô hình phát triển thương hiệu  2.3. Các dạng chiến lược thương hiệu | 8 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu các mục tiêu chiến lược thương hiệu của các doanh nghiệp trên thị trường |
| 3 | Bài 3: Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu  3.1. Định hướng, yêu cầu khi thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu  3.2. Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tài liệu [2]: C7  + Tìm hiểu các yếu tố để hình thành nên hình ảnh thương hiệu |
| 4 | Bài 4: Bảo vệ thương hiệu  4.1. Bảo vệ thương hiệu  4.2. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C5  + Tìm hiểu các quy định về đăng ký bảo hộ thương hiệu ở các quốc gia |
| 5 | Bài 5: Chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm tạo dựng thương hiệu  5.1. Khái quát về chiến lược Marketing hỗn hợp  5.2. Chiến lược sản phẩm  5.3. Chiến lược giá  5.4. Chiến lược phân phối  5.5. Chiến lược xúc tiến hỗn hợp | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C6  + Tài liệu [2]: C7, C8, C9, C10  + Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược Marketing hỗn hợp |
| 6 | Bài 6: Định giá và phát triển thương hiệu  6.1. Định giá thương hiệu  6.2. Các giải pháp phát triển thương hiệu | 8 | 4 | 0 | + Tài liệu [1]: C7  + Tìm tài liệu về các thương hiệu có giá trị lớn ở Việt Nam và trên thế giới |
|  | **Tổng** | **60** | **44** | **16** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  **KHOA KINH TẾ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

# 1. Thông tin chung học phần:

* Tiếng Việt: Quản trị nhóm làm việc
* Tiếng Anh: Group Administration

Mã số học phần: 3KT159DH

Số tín chỉ: 02

Phân bổ thời gian:

Lý thuyết: 20 tiết; Thảo luận: 10 tiết.

# 2. Đơn vị quản lý học phần

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán – Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

# 3. Điều kiện tiên quyết: Không

# Mục tiêu của học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Hiểu và vận dụng kiến thức về nhóm làm việc, xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm làm việc. |
| G2 | Phân tích, hoạch định xây dựng nhóm. |
| G3 | Vận dụng kiến thức và kỹ năng để đề xuất, phát triển, giải quyết các vấn đề trong quản trị nhóm trong tổ chức. |

## 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | * Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến việc tạo dựng, duy trì, phát triển nhóm. * Vận dụng kiến thức để xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm làm việc. | * Thảo luận nhóm * Thuyết trình | - Tự luận |
| G2 | CLO2.1 | A3 | * Phân tích, hoạch định xử lý các vấn đề mâu thuẫn nhóm. | - Thuyết trình | - Tự luận |
| G3 | CLO3.1 | S3 | Thực hiện làm việc nhóm hiệu quả trong các tình hướng quản trị nhóm | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Tự luận |
| CLO3.2 | C4 | Đề xuất các giải pháp quản trị nhóm hiệu quả, phù hợp tình huống thực tiễn. | Bài tập nhóm | Bài thu hoạch |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.4 | PLO4.4 |
| 1.3.3 | 2.5.2 | 3.4.1 | 4.4.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.2 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

# 7. Cấu trúc nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| Chương 1 | Khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc | 6 |  |
| 1.1 | Khái quát về nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Khái luận về quản trị nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Nhà quản trị nhóm làm việc | 2 | CLO1.1 |
| 1.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 2 | Xây dựng nhóm làm việc | 6 |  |
| 2.1 | Lựa chọn thành viên tham gia nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 2.2 | Xác định mục tiêu và các nét đặc trưng nhóm | 1 | CLO1.1 |
| 2.3 | Phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm làm việc | 2 | CLO2.1 |
| 2.4 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 3 | Giao tiếp nhóm làm việc | 6 |  |
| 3.2 | Khái quát về giao tiếp nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 3.3 | Mô hình giao tiếp trong nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 3.4 | Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc | 2 | CLO2.1 |
| 3.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 4 | Lãnh đạo nhóm làm việc | 6 |  |
| 4.1 | Khái luận về lãnh đạo nhóm làm việc | 2 | CLO1.1 |
| 4.2 | Tạo động lực cho các thành viên nhóm làm việc | 2 | CLO1.1  CLO2.1 |
| 4.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |
| Chương 5 | Quản trị xung đột nhóm làm việc | 6 |  |
| 5.1 | Khái luận về xung đột nhóm làm việc | 1 | CLO1.1 |
| 5.2 | Các phương pháp giải quyết xung đột nhóm | 2 | CLO1.1 |
| 5.3 | Các bước giải quyết xung đột nhóm | 1 | CLO1.1 |
| 5.3 | Thảo luận | 2 | CLO2.1  CLO3.1 |

# 8. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có báo cáo kết quả.
* Hoàn thành đầy đủ các bài thảo luận nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

# 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

## 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tham dự trực tiếp trên lớp 80% thời lượng học phần.  - Thực hiện đủ các bài tập; thảo luận; thực hành..... | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Tự luận: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1 | 60% |

## 9.2. Cách tính điểm

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

# 10. Tài liệu học tập

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. Bộ môn quản trị tác nghiệp kinh doanh **–** Giáo trình quản trị nhóm làm việc - NXB ĐH Thương Mại - 2017.

**10.2 Tài liệu tham khảo**

|  |
| --- |
| [2]. Lawrence Holpp*–* Quản trị nhóm *-* NXB Lao động Xã hội – 2010. |

# 11. Hướng dẫn tự học của học phần

| **Chương** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **TL**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chương 1: Khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc  1.3. Nhà quản trị nhóm làm việc | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C1  + Tìm hiểu các nhà quản trị nhóm làm việc trong doanh nghiệp, họ là ai? |
| 2 | Chương 2: Xây dựng nhóm làm việc  2.3. Phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm làm việc | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C2  + Tìm hiểu bảng phân công nhiệm vụ và quy chế của một nhóm làm việc trong doanh nghiệp cụ thể. |
| 3 | Chương 3: Giao tiếp nhóm làm việc  3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C3  + Tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc |
| 4 | Chương 4: Lãnh đạo nhóm làm việc  4.2. Tạo động lực cho các thành viên nhóm làm việc | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C4  + Tìm hiểu các hình thức tạo động lực trong nhóm làm việc. |
| 5 | Chương 5: Quản trị xung đột nhóm làm việc  5.2. Các phương pháp giải quyết xung đột nhóm | 12 | 8 | 4 | + Tài liệu [1]: C5  Tìm hiểu các phương pháp giải quyết xung đột nhóm thường thấy ở các doanh nghiệp hiện nay là gì? |
|  | **Tổng** | **60** | **40** | **20** |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  KHOA KINH TẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Thông tin chung học phần**

- Tiếng Việt: Thực tập nghề nghiệp

- Tiếng Anh: Professional practice

Mã số học phần: 4KT201DH

Số tín chỉ: 7

Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 45tiết

+ Thực hành: 270 tiết

+ Tự học: 90 giờ

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị chất lượng

**Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh

**2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa:** Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết:** Không

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Áp dụng những kiến thức đã học (chuyên môn và kỹ năng mềm) vào môi trường làm việc thực tế. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về quy trình vận hành, tổ chức và quản lý tại doanh nghiệp hoặc tổ chức. |
| G2 | Phát hiện, tổng hợp và đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực quản trị chiến lược, tài chính, nhân lực, marketing, chất lượng. Vận dụng vào viết báo cáo tổng hợp về một vấn đề nghiên cứu. |
| G3 | Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi như: Giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian và kỹ năng tổ chức công việc. Làm quen với tác phong làm việc chuyên nghiệp, văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. |
| G4 | Đề xuất các giải pháp để tăng hiệu quả doanh nghiệp. Góp phần gắn kết đào tạo học thuật với thực tiễn doanh nghiệp. Tạo tiền đề cho cơ hội việc làm sau tốt nghiệp thông qua quá trình thực tập. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích môi trường hoạt động, mô hình tổ chức, quy trình vận hành và các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp thực tập. | Thuyết trình | - Báo cáo thực tập nghề nghiệp |
| G2 | CLO2.1 | A4 | Tham gia thực hiện các công việc phù hợp với chuyên ngành tại doanh nghiệp (lập kế hoạch kinh doanh, hỗ trợ marketing, khảo sát thị trường, hỗ trợ quản trị nhân sự…). Biết cách thu thập, xử lý và phân tích thông tin từ thực tế doanh nghiệp. | - Phân tích  - Báo cáo | - Báo cáo thực tập nghề nghiệp |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Giao tiếp hiệu quả trong môi trường doanh nghiệp (với cấp trên, đồng nghiệp, khách hàng). Làm việc nhóm, phối hợp và hỗ trợ đồng nghiệp trong quá trình thực tập. Giải quyết vấn đề và ra quyết định ở mức cơ bản trong bối cảnh thực tế. | - Thảo luận  - Báo cáo | - Báo cáo thực tập nghề nghiệp |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Đề xuất các giải pháp để tăng hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Phân tích bối cảnh xã hội và tác động đến nghề nghiệp và đưa ra các quyết định đúng đắn trong lựa chọn công việc. | - Thuyết trình  - Phân tích | - Báo cáo thực tập nghề nghiệp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PL3.1 | PLO4.6 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 3.1.1 | 4.6.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Những kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh, đi vào những vấn đề chuyên sâu của quản trị nhân lực hoặc quản trị doanh nghiệp, quản trị chất lượng; lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng ứng dụng trong thực tế liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

Nội dung thực tập nghề nghiệp thực hiện theo một trong các hướng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Hướng 1** | Tìm hiểu hoạt động quản lý, điều hành hoạt động sản xuất tại đơn vị thực tập và thực hiện.Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động quản trị có liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | **260** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Hướng 2** | Nghiên cứu, thiết kế một báo cáo thực tập nghề nghiệp lĩnh vực quản trị kinh doanh có tính ứng dụng thực tế. | **260** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Hướng 3** | Vận dụng các kiến thức về quản trị tổ chức để hệ thống hóa thành cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Vận dụng sáng tạo những kiến thức quản trị kinh doanh để đề ra những giải pháp mang tính thực tiễn, khắc phục được những tồn tại, hạn chế của đơn vị thực tập... | **260** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành đầy đủ chương và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ báo cáo và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***9.1. Cách đánh giá***

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Báo cáo đúng tiến độ | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Báo cáo thực tập nghề nghiêp: CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Báo cáo thực tập nghề nghiêp: CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1. Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Vân Điền - Giáo trình Quản trị Nhân lực – Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực- NXB ĐH KTQD– Hà Nội 2013.

[2]. Bộ môn quản lý công nghệ – Giáo trình quản trị công nghệ - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2010.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[1]. PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà – PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền - Giáo trình Quản trị học - NXB tài chính, 2009.

[2]. Đặng Minh Trang – Quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp - NXB Thống kê – 2010.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Hướng** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - SV chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên;  - Lựa chọn, đăng ký đơn vị thực tập. Thực tập tìm hiểu tổng quan về cơ sở, xác định tên đề tài. | 90 | 20 | 70 | - Tham gia nghiêm túc, đầy đủ tại đơn vị thực tập theo thời gian quy định.  - Thực hiện công việc tại cơ sở theo chỉ định của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập. |
| 2 | **-** Nghiên cứu: đọc tài liệu tham  khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan do giảng viên hướng dẫn. **-** Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài. **-** Liên hệ các đơn vị, các đối tượng có liên quan đến đề tài. **-** Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định. **-** Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo. **-** Hoàn thành bài báo cáo: Sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.  - Viết báo cáo trung thực, chỉnh sửa theo yêu cầu, bám sát kế hoạch thực tập của khoa. | 90 | 20 | 70 | + Tài liệu [1]  + Tài liệu [2]  + Tài liệu [1]  + Tài liệu [2] |
|  | **Tổng** | **90** | **20** | **70** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Thị Trâm** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  KHOA KINH TẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Thông tin chung học phần**

- Tiếng Việt: Thực tập tốt nghiệp

- Tiếng Anh: Graduation internship

Mã số học phần: 4KT202DH

Số tín chỉ: 7

Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành: 270 tiết

+ Tự học: 90 giờ

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh

**Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị doanh nghiệp,Quản trị chất lượng

**2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa:** Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết:** Quản trị doanh nghiệp (4KT301DH)

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Vận dụng những kiến thức đã học (quản trị marketing, quản trị nhân sự, quản trị tài chính, quản trị sản xuất/tác nghiệp, quản trị chất lượng, chiến lược kinh doanh,…) vào môi trường doanh nghiệp thực tế. Củng cố hiểu biết về cấu trúc tổ chức, quy trình quản trị, hoạt động thực tiễn trong doanh nghiệp. |
| G2 | Phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá các hoạt động kinh doanh thực tế tại doanh nghiệp. Học cách giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh trong doanh nghiệp – từ việc xác định vấn đề, đề xuất giải pháp đến thực hiện. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng giao tiếp doanh nghiệp, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ quy trình, chuẩn mực công việc. |
| G4 | Phân tích các nội dung kiến thức về các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp vào các nội dung thực tế tại một đơn vị thực tập các tình huống kinh doanh cụ thể. Nhận biết điểm mạnh và điểm yếu cá nhân, từ đó xây dựng định hướng nghề nghiệp phù hợp sau ra trường. Đề xuất các giải pháp để tăng hiệu quả quản trị doanh nghiệp. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng kiến thức chuyên ngành (quản trị, marketing, tài chính, nhân sự, sản xuất…) vào thực tế doanh nghiệp/đơn vị thực tập.  Hiểu rõ cấu trúc tổ chức, quy trình hoạt động, văn hóa doanh nghiệp. | Hướng dẫn | Báo cáo thực tập tốt nghiệp |
| G2 | CLO2.1 | A4 | Thái độ nghiêm túc, có trách nhiệm, trung thực, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.  Chủ động, ham học hỏi, thích ứng nhanh với môi trường thực tế. Tôn trọng văn hóa doanh nghiệp, đồng nghiệp, khách hàng; giữ thái độ lịch sự, hợp tác. | Hướng dẫn  . | Báo cáo thực tập tốt nghiệp |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Thực hiện công việc chuyên môn phù hợp với vị trí thực tập: lập kế hoạch, khảo sát, báo cáo, phân tích dữ liệu, tham gia vào các dự án nhỏ. Giao tiếp chuyên nghiệp: làm việc nhóm, trao đổi với cấp trên, đồng nghiệp.  6. Giải quyết vấn đề thực tế: phát hiện vấn đề, đề xuất và thực hiện giải pháp khả thi. | Trình bày, viết báo cáo thực tập rõ ràng, logic | Thuyết trình  Kết quả thực tập |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Phân tích,đánh giá điểm mạnh và điểm yếu cá nhân, từ đó xây dựng định hướng nghề nghiệp phù hợp sau ra trường. | Thuyết trình | Báo cáo thực tập tốt nghiệp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO2.5 | PLO3.1 | PLO4.6 |
| 1.3.2 | 2.2.1 | 2.5.3 | 3.1.2 | 4.6.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Những kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh, đi vào những vấn đề chuyên sâu của quản trị nhân lực hoặc quản trị chất lượng; lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng ứng dụng trong thực tế liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

Nội dung thực tập tốt nghiệp thực hiện theo một trong các hướng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Hướng 1** | Tìm hiểu hoạt động quản lý, điều hành hoạt động sản xuất tại đơn vị thực tập và thực hiện.Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động quản trị có liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | **260** | CLO1.1;  CLO2.1;  CLO3.1;  CLO4.1 |
| **Hướng 2** | Nghiên cứu, thiết kế một đề tài quản trị có tính ứng dụng thực tế. | **260** | CLO1.1; CLO2.1;  CLO3.1;  CLO4.1 |
| **Hướng 3** | Vận dụng các kiến thức về quản trị tổ chức để hệ thống hóa thành cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Vận dụng sáng tạo những kiến thức quản trị kinh doanh để đề ra những giải pháp mang tính thực tiễn, khắc phục được những tồn tại, hạn chế của đơn vị thực tập... | **260** | CLO1.1; CLO2.1;  CLO3.1;  CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành đầy đủ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***9.1. Cách đánh giá***

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Báo cáo đúng tiến độ | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Báo cáo thực tập tốt nghiệp: CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Báo cáo thực tập tốt nghiệp: CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1. Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà – PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền - Giáo trình Quản trị học - NXB tài chính, 2009.

[1]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Vân Điền - Giáo trình Quản trị Nhân lực – Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực- NXB ĐH KTQD– Hà Nội 2013.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[1]. Nguyễn Đăng Dậu – Quản lý công nghệ - NXB Thống kê – 2010.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Hướng** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - SV chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên;  - Lựa chọn, đăng ký đơn vị thực tập. Thực tập tìm hiểu tổng quan về cơ sở, xác định tên đề tài. | 90 | 20 | 70 | - Tham gia nghiêm túc, đầy đủ tại đơn vị thực tập theo thời gian quy định.  - Thực hiện công việc tại cơ sở theo chỉ định của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập. |
| 2 | **-** Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan do giảng viên hướng dẫn.  **-** Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài.  **-** Liên hệ các đơn vị, các đối tượng có liên quan đến đề tài.  **-** Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định.  **-** Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo. **-** Hoàn thành bài báo cáo: Sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.  - Viết báo cáo trung thực, chỉnh sửa theo yêu cầu, bám sát kế hoạch thực tập của khoa. | 90 | 20 | 70 | + Tài liệu [1]  + Tài liệu [2]...  Báo cáo thực tập tốt nghiệp |
|  | **Tổng** | **90** | **20** | **70** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Thị Trâm** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH  KHOA KINH TẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Thông tin chung học phần**

- Tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp

- Tiếng Anh: Graduation thesis

Mã số học phần: 4KT333DH

Số tín chỉ: 9

Phân bổ thời gian:

+ Lý thuyết: 45tiết

+ Thực hành: 360 tiết

+ Tự học: 90 giờ

**2. Đơn vị quản lý học phần**

**2.1. Giảng viên giảng dạy:**

**Giảng viên 1: Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913043964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực

**Giảng viên 2: Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị doanh nghiệp

**2.2. Bộ môn: Kế toán - Quản trị kinh doanh**

**2.3. Khoa:** Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết:** Quản trị doanh nghiệp (4KT301DH)

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học từ các học phần chuyên ngành (marketing, tài chính, nhân lực, chiến lược, quản trị vận hành, v.v...) vào việc giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. |
| G2 | Phân tích, đánh giá và đưa giải pháp trên cơ sở phương pháp luận khoa học có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu. Thực hành thu thập dữ liệu, phân tích và xử lý thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu. |
| G3 | Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian hiệu quả trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. |
| G4 | Vận dụng được kiến thức để lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng ứng dụng trong thực tế liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh. Đề xuất các giải pháp để tăng hiệu quả quản trị doanh nghiệp. |

**5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá**

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K4 | Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh (quản trị chiến lược, marketing, tài chính, nhân lực, vận hành,...) để phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn trong doanh nghiệp hoặc tổ chức. | Hướng dẫn | Khoá luận tốt nghiệp |
| G2 | CLO2.1 | A4 | Thể hiện tinh thần làm việc nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu và viết khóa luận. Có trách nhiệm cá nhân cao, chủ động trong công việc và tuân thủ quy định về tiến độ, quy trình thực hiện khóa luận. | Hướng dẫn | Khoá luận tốt nghiệp |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu từ thực tiễn doanh nghiệp hoặc thị trường một cách có hệ thống và logic; Đề xuất giải pháp thực tiễn có cơ sở khoa học và khả thi cho các vấn đề được nghiên cứu; Trình bày báo cáo nghiên cứu rõ ràng, logic, đúng chuẩn mực học thuật; bảo vệ được luận điểm trước hội đồng chuyên môn. | Hướng dẫn | Khoá luận tốt nghiệp |
| G4 | CLO4.1 | C4 | Đề xuất giải pháp thực tiễn có cơ sở khoa học và khả thi cho các vấn đề được nghiên cứu. | Hướng dẫn | Khoá luận tốt nghiệp |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO3.3 | PLO4.6 |
| 1.3.1 | 2.5.1 | 3.3.1 | 4.6.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần**

Những kiến thức cơ sở và chuyên ngành Quản trị kinh doanh, đi vào những vấn đề chuyên sâu của quản trị nhân lực hoặc quản trị chất lượng; lập kế hoạch, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như nhân sự, sản xuất, quản trị chất lượng ứng dụng trong thực tế liên quan đến lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

Nội dung khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo một trong các hướng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Nội dung** | **Số tiết** | **CĐR học phần** |
| **Hướng 1** | Tìm hiểu hoạt động quản lý, điều hành hoạt động sản xuất tại đơn vị thực tập và thực hiện.Vận dụng kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động quản trị có liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | **360** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Hướng 2** | Nghiên cứu, thiết kế một đề tài quản trị có tính ứng dụng thực tế. | **360** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |
| **Hướng 3** | Vận dụng các kiến thức về quản trị tổ chức để hệ thống hóa thành cơ sở lý luận liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Vận dụng sáng tạo những kiến thức quản trị kinh doanh để đề ra những giải pháp mang tính thực tiễn, khắc phục được những tồn tại, hạn chế của đơn vị thực tập... | **360** | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành đầy đủ bài tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

***9.1. Cách đánh giá***

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Báo cáo đề cương khóa luận đúng tiến độ | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Chương 1,2 của Khoá luận tốt nghiệp  CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Khoá luận tốt nghiệp  CLO1.1; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | 60% |

***9.2. Cách tính điểm***

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1. Tài liệu chính***

[1]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Vân Điền - Giáo trình Quản trị Nhân lực – Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực- NXB ĐH KTQD– Hà Nội 2013.

[2]. Nguyễn Đăng Dậu – Quản lý công nghệ - NXB Thống kê – 2010.

***10.2. Tài liệu tham khảo***

[1]. Trần Kim Dung - Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực - NXB Kinh tế TP. HCM, 2015.

[2]. PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà – PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền - Giáo trình Quản trị học - NXB tài chính, 2009.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Hướng** | **Nội dung tự học** | **Tổng (tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - SV chuẩn bị theo yêu cầu của giảng viên;  - Lựa chọn, đăng ký đơn vị thực tập. Thực tập tìm hiểu tổng quan về cơ sở, xác định tên đề tài. | 90 | 20 | 70 | - Tham gia nghiêm túc, đầy đủ tại đơn vị thực tập theo thời gian quy định.  - Thực hiện công việc tại cơ sở theo chỉ định của cán bộ quản lý tại cơ sở thực tập. |
| 2 | **-** Nghiên cứu: đọc tài liệu tham  khảo, nghiên cứu các đề tài có liên quan do giảng viên hướng dẫn. **-** Tự học, tự nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến đề tài. **-** Liên hệ các đơn vị, các đối tượng có liên quan đến đề tài. **-** Có tinh thần và thái độ nghiên cứu nghiêm túc, làm việc theo kế hoạch đã được quy định. **-** Chủ động gặp gỡ và trao đổi với giảng viên hướng dẫn về đề cương, bản nháp, bản chính thức của bài báo cáo. **-** Hoàn thành bài báo cáo: Sinh viên phải hoàn thành bài báo cáo theo kế hoạch.  - Viết báo cáo trung thực, chỉnh sửa theo yêu cầu, bám sát kế hoạch thực tập của khoa. | 90 | 20 | 70 | + Tài liệu [1]  + Tài liệu [2] |
|  | **Tổng** | **90** | **20** | **70** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Thị Trâm** | *Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*  **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Chuyên đề tốt nghiệp 1

Tiếng Anh: Graduation topic 1

Mã số học phần: 4KT131DH

Số tín chỉ học phần: 3

Số tiết học phần: 45

Lý thuyết: 16 tiết; Bài tập và Tiểu luận: 29 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: GV, ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh**

Email: oanh.nguyenkimts@gmail.com

Điện thoại: 0984950952

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị kinh doanh, Quản trị chiến lược

* **Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Trâm**

Email: tram.mln.dhspktvinh@gmail.com

Điện thoại: 0913.043.964

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Hành vi tổ chức

## 2.2. Bộ môn: Kế toán và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện tiên quyết:** Quản trị doanh nghiệp.

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Củng cố và hệ thống hóa các kiến thức lý thuyết về quản trị chiến lược, quản trị doanh nghiệp và các công cụ phân tích môi trường kinh doanh. |
| G2 | Phân tích được môi trường kinh doanh và nội lực của một doanh nghiệp cụ thể cụ thể, sử dụng các công cụ phân tích như PESTEL, SWOT, và 5 lực lượng cạnh tranh. |
| G3 | Xây dựng được một chiến lược kinh doanh khả thi, bao gồm các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với thực trạng doanh nghiệp. |
| G4 | Lập kế hoạch triển khai chiến lược chi tiết, hoàn thiện và trình bày được tiểu luận chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp thực tế. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Trình bày được các kiến thức lý thuyết về quản trị chiến lược và quản trị doanh nghiệp. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G2 | CLO2.1 | S4 | Phân tích được môi trường kinh doanh của một doanh nghiệp cụ thể bằng các công cụ như SWOT, PESTEL, mô hình kim cương. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Xây dựng được một chiến lược kinh doanh khả thi cho doanh nghiệp được chọn. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Hoàn thiện và trình bày được tiểu luận chiến lược kinh doanh rõ ràng, logic. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO4.3 | PLO4.4 |
| 1.3.1 | 2.5.1 | 4.3.4 | 4.4.3 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết về quản trị chiến lược, áp dụng các công cụ phân tích như SWOT, PESTEL, mô hình năm lực lượng cạnh tranh để đánh giá môi trường kinh doanh và nội lực doanh nghiệp. Sinh viên sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh khả thi, lập kế hoạch triển khai chi tiết và hoàn thiện tiểu luận chiến lược dựa trên dữ liệu thực tế từ một doanh nghiệp cụ thể.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề mục | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu |
| Chương 1 | **Cơ sở lý thuyết và công cụ phân tích chiến lược** | **9** |  |
| 1.1 | Tổng quan về quản trị chiến lược và quản trị doanh nghiệp | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Công cụ phân tích môi trường vĩ mô: PESTEL | 1 | CLO2.1 |
| 1.3 | Công cụ phân tích môi trường ngành: Mô hình 5 lực cạnh tranh | 1 | CLO2.1 |
| 1.4 | Đánh giá nội lực doanh nghiệp: SWOT và năng lực cốt lõi | 1 | CLO2.1 |
| 1.5 | Bài tập | 5 | CLO1.1  CLO2.1 |
| Chương 2 | **Phân tích thực tiễn doanh nghiệp** | **9** |  |
| 2.1 | Phân tích cơ hội và thách thức từ môi trường kinh doanh | 1 | CLO2.1 |
| 2.2 | Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp | 1 | CLO2.1 |
| 2.3 | Tóm tắt các yếu tố ảnh hưởng và xác định vấn đề chiến lược | 1 | CLO2.1 |
| 2.3 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO2.1 |
| Chương 3 | **Phát triển chiến lược kinh doanh** | **9** |  |
| 3.1 | Xây dựng mục tiêu chiến lược: Ngắn hạn và dài hạn | 1 | CLO3.1 |
| 3.2 | Lựa chọn chiến lược phù hợp: Tăng trưởng, đổi mới hoặc khác biệt hóa | 1 | CLO3.1 |
| 3.3 | Đề xuất giải pháp triển khai chiến lược | 1 | CLO3.1 |
| 3.4 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO3.1 |
| Chương 4 | **Lập kế hoạch và hoàn thiện chiến lược** | **9** |  |
| 4.1 | Lập kế hoạch hành động chi tiết và phân bổ nguồn lực | 1 | CLO4.1 |
| 4. | Xác định KPIs để đo lường hiệu quả và quản lý rủi ro | 2 | CLO4.1 |
| 3.5 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO4.1 |
| Chương 5 | **Hoàn thành tiểu luận và trình bày** | **9** |  |
| 5.1 | Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận chiến lược kinh doanh dựa trên các phiếu bài tập đã thực hiện. | 1 | CLO4.1 |
| 5.2 | Thực hành hoàn thiện tiểu luận chiến lược kinh doanh tại lớp | 2 | CLO4.1 |
| 5.3 | Trình bày, tiếp thu nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 6 | CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có tiểu luận kết quả.
* Hoàn thành Bài tiểu luận và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 60% |

(\*): Bài tiểu luận

Sinh viên hoàn thành một bài tiểu luận về chiến lược kinh doanh cho một doanh nghiệp thực tế. Nội dung bài tiểu luận được cấu trúc dựa trên kết quả các bài tập đã được thực hiện qua các buổi học trước đó. Doanh nghiệp được lựa chọn trong bài tiểu luận được khuyến khích nên là doanh nghiệp có thật trên thực tế mà sinh viên có khả năng thu thập dữ liệu từ các nguồn chính thức của doanh nghiệp, hoặc doanh nghiệp công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông hoặc các nguồn dữ liệu mở.

Cấu trúc tiểu luận bao gồm các nội dung sau::

1. *Phần mở đầu*
   * Giới thiệu báo cáo: Sinh viên trình bày mục tiêu của bài tiểu luận, lý do lựa chọn doanh nghiệp, và ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu.
   * Phạm vi và phương pháp nghiên cứu
2. *Cơ sở lý luận*
   * Các khái niệm và lý thuyết về quản trị chiến lược và quản trị doanh nghiệp.
   * Công cụ phân tích chiến lược: SWOT, PESTEL, mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter.
   * Vai trò của cơ sở lý luận trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh.
3. *Phân tích môi trường và nội lực doanh nghiệp*
   * Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp
   * Phân tích môi trường kinh doanh:
     + Phân tích các yếu tố vĩ mô bằng PESTEL (Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Công nghệ, Môi trường, Pháp luật).
     + Phân tích môi trường ngành bằng mô hình 5 lực lượng cạnh tranh của Porter.
   * Phân tích nội lực doanh nghiệp:
     + Đánh giá tài chính, nhân sự, và sản phẩm/dịch vụ.
     + Tóm tắt các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.
4. *Xây dựng chiến lược kinh doanh*
   * Xác định mục tiêu chiến lược: Ngắn hạn và dài hạn.
   * Đề xuất chiến lược: Tăng trưởng, đổi mới, hoặc khác biệt hóa.
   * *Lý do lựa chọn chiến lược: Dựa trên phân tích từ chương 3.*
5. *Kế hoạch triển khai chiến lược*
   * Lập kế hoạch chi tiết: Các bước thực hiện, phân bổ nguồn lực (nhân sự, tài chính, thời gian).
   * Đề xuất các chỉ số đo lường hiệu quả (KPIs) như tăng trưởng doanh thu, thị phần, hiệu suất hoạt động.
   * *Dự đoán rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro.*
6. *Kết luận và kiến nghị*
   * Tóm tắt các phát hiện chính.
   * Đề xuất giải pháp cải thiện chiến lược kinh doanh trong tương lai.
7. *Phụ lục*
   * Số liệu, biểu đồ minh họa.
   * Danh sách tài liệu và dữ liệu tham khảo.

Yêu cầu:

* Tiểu luận cần logic, rõ ràng, và dựa trên dữ liệu thực tế từ một doanh nghiệp cụ thể.
* Báo cáo phải phản ánh đầy đủ khả năng phân tích, đánh giá, và đề xuất chiến lược của sinh viên.
* Độ dài khuyến nghị: 10–20 trang (bao gồm phụ lục).

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

***10.1 Tài liệu chính***

[1]. Ngô Kim Thanh – Giáo trình quản trị chiến lược - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội – 2013.

***10.2 Tài liệu tham khảo***

[2]. Ngô Kim Thanh – Giáo trình quản trị doanh nghiệp - NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2013.

**[**3]. Đồng Thị Thanh Phương – Giáo trình quản trị doanh nghiệp - NXB Thống kê-

2013.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng**  **(tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cơ sở lý thuyết và công cụ phân tích chiến lược  - Tổng quan về quản trị chiến lược và quản trị doanh nghiệp  - Công cụ phân tích môi trường vĩ mô: PESTEL  - Công cụ phân tích môi trường ngành: Mô hình 5 lực cạnh tranh  - Đánh giá nội lực doanh nghiệp: SWOT và năng lực cốt lõi | 18 | 8 | 10 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3, C4.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 1  + Thực hiện nội dung Cơ sở lý luận cho bài tiểu luận. |
| 2 | Phân tích thực tiễn doanh nghiệp  - Phân tích cơ hội và thách thức từ môi trường kinh doanh  - Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp  - Tóm tắt các yếu tố ảnh hưởng và xác định vấn đề chiến lược | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C5, C6  + Tài liệu [2]: C2, C3, C4  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 2  + Thực hiện nội dung Phân tích môi trường kinh doanh và Phân tich nội lực của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 3 | Phát triển chiến lược kinh doanh  - Xây dựng mục tiêu chiến lược: Ngắn hạn và dài hạn  - Lựa chọn chiến lược phù hợp: Tăng trưởng, đổi mới hoặc khác biệt hóa  - Đề xuất giải pháp triển khai chiến lược | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C7, C8, C9, C10  + Tài liệu [2]: C2, C7, C8  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 3  + Thực hiện nội dung Đề xuất chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 4 | Lập kế hoạch và hoàn thiện chiến lược  - Lập kế hoạch hành động chi tiết và phân bổ nguồn lực  - Xác định KPIs để đo lường hiệu quả và quản lý rủi ro | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C11, C12, C13  + Tài liệu [2]: C2, C7, C8  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 4  + Thực hiện nội dung Kế hoạch triển khai chiến lược của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 5 | Hoàn thành tiểu luận và trình bày chiến lược kinh doanh  - Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận chiến lược kinh doanh  - Thực hành hoàn thiện tiểu luận chiến lược kinh doanh tại lớp  - Trình bày, nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C1-C13  + Hoàn thiện Phiếu bải tập số 5.  + Hoàn thiện tiểu luận, nộp. |
|  | **Tổng** | 90 | 32 | 58 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Chuyên đề tốt nghiệp 2

Tiếng Anh: Graduation topic 2

Mã số học phần: 4KT132DH

Số tín chỉ học phần: 3

Số tiết học phần: 45

Lý thuyết: 13 tiết; Bài tập và Tiểu luận: 32 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang**

Email: mytrangnt88@gmail.com

Điện thoại: 0984.075032

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Lịch sử các học thuyết kinh tế

## 2.2. Bộ môn: Kế toán và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

## 3. Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Củng cố và hệ thống hóa các kiến thức lý thuyết về quản trị tài chính, bao gồm cơ cấu vốn, dòng tiền và các chỉ số tài chính quan trọng. |
| G2 | Vận dụng các công cụ và phương pháp phân tích đã học để đánh giá hiệu quả tài chính và xác định các vấn đề trong quản trị tài chính của doanh nghiệp. |
| G3 | Rèn luyện kỹ năng xây dựng các giải pháp tài chính thực tiễn nhằm tối ưu hóa vốn, giảm thiểu chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động. |
| G4 | Hoàn thiện và trình bày được báo cáo tài chính chi tiết, với nội dung phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp khả thi cho một tổ chức kinh doanh thực tế. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Trình bày được các khái niệm, chỉ số tài chính quan trọng và cách đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G2 | CLO2.1 | S4 | Phân tích được cơ cấu vốn, dòng tiền, và hiệu quả tài chính của một tổ chức kinh doanh dựa trên dữ liệu thực tế. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G3 | CLO3.1 | S4 | Đề xuất được các giải pháp tài chính thực tiễn để tối ưu hóa vốn, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Hoàn thiện và trình bày được báo cáo phân tích tài chính chi tiết, với các đề xuất khả thi dựa trên dữ liệu thực tế. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO4.3 | PLO4.6 |
| 1.3.1 | 2.5.1 | 4.3.4 | 4.6.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |
| CLO4.1 |  |  | ✓ |  |

# 6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần giúp sinh viên củng cố và hệ thống hóa các kiến thức về quản trị tài chính, bao gồm cơ cấu vốn, dòng tiền và các chỉ số tài chính quan trọng. Sinh viên sẽ vận dụng các công cụ phân tích tài chính để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, đồng thời xây dựng và đề xuất các giải pháp tài chính tối ưu nhằm giảm thiểu chi phí và cải thiện hiệu quả hoạt động. Báo cáo cuối kỳ sẽ là sản phẩm tích hợp toàn bộ phân tích, đánh giá, và giải pháp tài chính thực tiễn cho một tổ chức kinh doanh thực tế.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề mục | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu (CLO) |
| Chương 1 | **Cơ sở lý luận và phương pháp phân tích tài chính** | 9 |  |
| 1.1 | Khái niệm và lý thuyết tài chính: cơ cấu vốn, dòng tiền, chỉ số tài chính | 1 | CLO1.1 |
| 1.2 | Các công cụ phân tích tài chính: phân tích dòng tiền, tỷ lệ tài chính, báo cáo tài chính | 1 | CLO1.1 |
| 1.3 | Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn: ứng dụng các công cụ phân tích | 1 | CLO1.1 |
| 1.4 | Bài tập | 6 | CLO1.1 |
| Chương 2 | **Phân tích thực tiễn tài chính doanh nghiệp** | 12 |  |
| 2.1 | Phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp: dòng tiền, nguồn vốn, tài sản | 1 | CLO2.1 |
| 2.2 | Đánh giá hiệu quả tài chính và phát hiện vấn đề cần cải thiện | 1 | CLO2.1 |
| 2.3 | Tóm tắt cơ hội và thách thức tài chính của doanh nghiệp | 1 | CLO2.1 |
| 2.4 | Bài tập vận dụng | 9 | CLO2.1 |
| Chương 3 | **Đề xuất giải pháp tài chính tối ưu** | 9 |  |
| 3.1 | Phát triển các giải pháp tối ưu cơ cấu vốn và dòng tiền | 1 | CLO3.1 |
| 3.2 | Đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả tài chính và giảm thiểu rủi ro | 1 | CLO3.1 |
| 3.3 | Thảo luận và hoàn thiện báo cáo tài chính | 1 | CLO3.1 |
| 3.4 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO3.1 |
| Chương 4 | **Trình bày báo cáo và kết luận** | 15 |  |
| 4.1 | Hướng dẫn thiện Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận Quản trị tài chính dựa trên các phiếu bài tập đã thực hiện. | 3 | CLO4.1 |
| 4.2 | Thực hành, hoàn thiện tiểu luận Quản trị tài chính | 6 | CLO4.1 |
| 4.3 | Trình bày, tiếp thu nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 6 | CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có tiểu luận kết quả.
* Hoàn thành Bài tiểu luận và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 60% |

(\*): Bài tiểu luận

*Sinh viên hoàn thành một bài tiểu luận về quẩn trị tài chính cho một doanh nghiệp thực tế. Nội dung bài tiểu luận được cấu trúc dựa trên kết quả các bài tập đã được thực hiện qua các buổi học trước đó. Doanh nghiệp được lựa chọn trong bài tiểu luận được khuyến khích nên là doanh nghiệp có thật trên thực tế mà sinh viên có khả năng thu thập dữ liệu từ các nguồn chính thức của doanh nghiệp, hoặc doanh nghiệp công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông hoặc các nguồn dữ liệu mở.*

*Cấu trúc tiểu luận bao gồm các nội dung sau::*

1. *Phần mở đầu:*
   * *Mục tiêu và ý nghĩa của bài tiểu luận.*
   * *Lý do lựa chọn doanh nghiệp.*
   * *Phạm vi và phương pháp nghiên cứu*
2. *Cơ sở lý luận và phương pháp phân tích tài chính*
   * *Khái niệm và lý thuyết tài chính: cơ cấu vốn, dòng tiền, chỉ số tài chính*
   * *Các công cụ phân tích tài chính: phân tích dòng tiền, tỷ lệ tài chính, báo cáo tài chính*
   * *Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn: ứng dụng các công cụ phân tích*
3. *Phân tích tài chính doanh nghiệp*
   * *Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp lựa chọn*
   * *Phân tích cơ cấu vốn và dòng tiền.*
   * *Đánh giá các chỉ số tài chính (ROA, ROE, thanh khoản, đòn bẩy).*
   * *Tóm tắt điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.*
4. *Đề xuất giải pháp tài chính*
   * *Đưa ra các giải pháp tối ưu hóa vốn, cải thiện dòng tiền và hiệu quả tài chính.*
   * *Đánh giá khả thi và lợi ích của giải pháp.*
5. *Kết luận và kiến nghị*
   * *Tóm tắt kết quả phân tích.*
   * *Đưa ra các đề xuất khả thi cho doanh nghiệp.*
6. *Phụ lục và tài liệu tham khảo*
   * *Số liệu, biểu đồ minh họa.*
   * *Danh sách tài liệu và dữ liệu tham khảo.*

*Yêu cầu*

* *Tiểu luận cần logic, rõ ràng, và dựa trên dữ liệu thực tế từ một doanh nghiệp cụ thể.*
* *Báo cáo phải phản ánh đầy đủ khả năng phân tích, đánh giá, và đề xuất chiến lược của sinh viên.*
* *Độ dài khuyến nghị: 10–20 trang (bao gồm phụ lục).*

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

**10.1 Tài liệu chính**

[1]. PGS.TS Phạm Quang Trung, Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2012

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[2]. PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm, Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2010

[3] PGS.TS Nguyễn Hữu Tài, Giáo trình Lý thuyết tài chính - tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, 2012

[4]. ThS. Đồng Thị Vân Hồng - Giáo trình lý thuyết Tiền tệ tín dụng, Nhà xuất bản Lao động, 2009.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng**  **(tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cơ sở lý luận và phương pháp phân tích tài chính  - Khái niệm và lý thuyết tài chính: cơ cấu vốn, dòng tiền, chỉ số tài chính  - Các công cụ phân tích tài chính: phân tích dòng tiền, tỷ lệ tài chính, báo cáo tài chính  - Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn: ứng dụng các công cụ phân tích | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3, C4.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 1  + Thực hiện nội dung Cơ sở lý luận cho bài tiểu luận. |
| 2 | Phân tích thực tiễn tài chính doanh nghiệp  - Phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp: dòng tiền, nguồn vốn, tài sản  - Đánh giá hiệu quả tài chính và phát hiện vấn đề cần cải thiện  - Tóm tắt cơ hội và thách thức tài chính của doanh nghiệp | 24 | 12 | 18 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3, C4.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 2  + Thực hiện nội dung Phân tích tài chính doanh nghiệp của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 3 | Đề xuất giải pháp tài chính tối ưu  - Phát triển các giải pháp tối ưu cơ cấu vốn và dòng tiền  - Đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả tài chính và giảm thiểu rủi ro  - Thảo luận và hoàn thiện báo cáo tài chính | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C4,C5,C6  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 3  + Thực hiện nội dung Đề xuất giải pháp tài chính của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 5 | Trình bày báo cáo và kết luận  - Hướng dẫn thiện Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận Quản trị tài chính dựa trên các phiếu bài tập đã thực hiện.  - Thực hành, hoàn thiện tiểu luận Quản trị tài chính  - Trình bày, nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 30 | 6 | 24 | + Tài liệu [1]: C1-C13  + Hoàn thiện Phiếu bải tập số 4.  + Hoàn thiện tiểu luận, nộp. |
| 6 | Ôn tập và kiểm tra | 6 | 2 | 4 | Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra |
|  | **Tổng** | 90 | 30 | 60 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH**  **KHOA KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung học phần:**

Tiếng Việt: Chuyên đề tốt nghiệp 3

Tiếng Anh: Graduation topic 3

Mã số học phần: 4KT133DH

Số tín chỉ học phần: 3

Số tiết học phần: 45

Lý thuyết: 18 tiết; Bài tập và Tiểu luận: 27 tiết

**2. Đơn vị quản lý học phần**

## 2.1. Giảng viên giảng dạy:

* **Giảng viên 1: ThS. Nguyễn Thị Mai Hương**

Email: ntmhuong0808@gmail.com

Điện thoại: 0947080889

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing, Hành vi người tiêu dùng

* **Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thơ**

Email: thonguyen.skv@gmail.com

Điện thoại: 0913482789

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh, 117, Nguyễn Viết Xuân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế môi trường, phát triển bền vững

## 2.2. Bộ môn: Kế toán và Quản trị kinh doanh

## 2.3. Khoa: Kinh tế

## 3. Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp

**4. Mục tiêu của học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả mục tiêu**  ***(Goal description)*** |
| G1 | Củng cố và hệ thống hóa các kiến thức căn bản về quản trị bán hàng, bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, và giám sát bán hàng. |
| G2 | Hiểu rõ và vận dụng các kỹ năng giao tiếp và công cụ phân tích trong quản trị bán hàng để đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. |
| G3 | Đánh giá được thực trạng và hiệu quả hoạt động bán hàng của một doanh nghiệp thực tế, xác định các điểm mạnh, yếu, và cơ hội cải thiện. |
| G4 | Xây dựng kế hoạch bán hàng khả thi, lập chiến lược cải thiện hiệu quả bán hàng và trình bày báo cáo một cách mạch lạc. |

# 5. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá

***5.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần**  **(G)** | **CĐR học phần (CLO)** | **Trình độ năng lực** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| G1 | CLO1.1 | K5 | Trình bày được các kiến thức căn bản về quản trị bán hàng, kỹ năng giao tiếp, và vai trò của quản trị bán hàng trong doanh nghiệp. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G2 | CLO2.1 | S4 | Vận dụng công cụ để đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả bán hàng của doanh nghiệp cụ thể trong thực tế. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G3 | CLO3.1 | C3 | Đánh giá thực trạng bán hàng của một doanh nghiệp, xác định điểm mạnh, điểm yếu, và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả bán hàng.cho doanh nghiệp cụ thể. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |
| G4 | CLO4.1 | C3 | Hoàn thiện và trình bày bài tiểu luận về quản trị bán hàng cho một doanh nghiệp cụ thể. | - Thuyết trình  - Bài tập | - Bài tiểu luận |

***5.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐR**  **Học phần** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.3 | PLO2.5 | PLO4.2 | PLO4.3 |
| 1.3.1 | 2.5.1 | 4.2.2 | 4.3.4 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO3.1 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

# 6. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần giúp sinh viên củng cố và hệ thống hóa kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng, các công cụ đánh giá hiệu quả như KPIs, CRM và các mô hình phân tích bán hàng như AIDA, SWOT. Sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức này để đánh giá thực trạng bán hàng tại doanh nghiệp thực tế, xây dựng chiến lược bán hàng hiệu quả, lập kế hoạch triển khai chi tiết và hoàn thiện báo cáo chiến lược bán hàng. Học phần kết hợp lý thuyết với thực hành, giúp sinh viên phát triển kỹ năng phân tích, tư duy chiến lược và trình bày báo cáo chuyên nghiệp.

**7. Cấu trúc nội dung học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đề mục | Nội dung | Số tiết | Mục tiêu |
| Chương 1 | **Cơ sở lý luận về quản trị bán hàng** | **15** |  |
| 1.1 | Các khái niệm cơ bản, vai trò, đặc điểm và quy trình của quản trị bán hàng | 2 | CLO1.1 |
| 1.2 | Công cụ đánh giá hiệu quả bán hàng: KPIs, CRM, phân tích dữ liệu bán hàng. | 2 | CLO1.1 |
| 1.3 | Các nhân tố ảnh hưởng đến bán hàng: Nội tại (sản phẩm, đội ngũ) và bên ngoài (thị trường, khách hàng). | 2 | CLO1.1 |
| 1.4 | Mô hình và phương pháp phân tích trong bán hàng: AIDA, SWOT, mô hình quản trị lực lượng bán hàng. | 3 | CLO1.1 |
| 1.5 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO1.1 |
| Chương 2 | **Đánh giá thực trạng bán hàng của doanh nghiệp** | **12** |  |
| 2.1 | Thu thập dữ liệu và phân tích các chỉ số bán hàng hiện tại. | 1 | CLO2.1 |
| 2.2 | Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội cải thiện trong hoạt động bán hàng. | 1 | CLO2.1 |
| 2.3 | Phân tích và đề xuất các giải pháp ban đầu để cải thiện hiệu quả bán hàng. | 1 | CLO2.1 |
| 2.4 | Bài tập vận dụng | 9 | CLO2.1 |
| Chương 3 | **Xây dựng kế hoạch bán hàng và chiến lược cải thiện** | **9** |  |
| 3.1 | Lập kế hoạch bán hàng: Xác định mục tiêu, thị trường và phương pháp tiếp cận. | 1 | CLO3.1 |
| 3.2 | Đề xuất chiến lược cải thiện bán hàng: Tăng trưởng, duy trì, hoặc đổi mới. | 1 | CLO3.1 |
| 3.3 | Đánh giá rủi ro và biện pháp quản lý trong bán hàng. | 1 | CLO3.1 |
| 3.4 | Bài tập vận dụng | 6 | CLO3.1 |
| Chương 4 | **Hoàn thiện và trình bày báo cáo quản trị bán hàng** | **9** |  |
| 4.1 | Hướng dẫn thiện Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận Quản trị bán hàng dựa trên các phiếu bài tập đã thực hiện. | 3 | CLO4.1 |
| 4.2 | Thực hành, hoàn thiện tiểu luận Quản trị bán hàng | 3 | CLO4.1 |
| 4.3 | Trình bày, tiếp thu nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 3 | CLO4.1 |

**8. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
* Hoàn thành đầy đủ 100% giờ bài tập và có tiểu luận kết quả.
* Hoàn thành Bài tiểu luận và được đánh giá kết quả thực hiện.
* Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
* Tham dự thi kết thúc học phần (bắt buộc).

**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**9.1. Cách đánh giá**

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Điểm thành phần** | **Quy định** | **Trọng số** |
| 1 | Điểm chuyên cần | - Tổng số tiết tham dự/tổng số tiết: 24/30 | 10% |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa kỳ | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 30% |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | - Bài tiểu luận\*: CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1.CLO4.1 | 60% |

(\*): Bài tiểu luận

*Sinh viên hoàn thành một bài tiểu luận về quản trị bán hàng cho một doanh nghiệp cụ thể. Nội dung bài tiểu luận được cấu trúc dựa trên kết quả các bài tập đã thực hiện qua các buổi học trước đó. Doanh nghiệp được lựa chọn trong bài tiểu luận được khuyến khích nên là doanh nghiệp có thật trên thực tế mà sinh viên có khả năng thu thập dữ liệu từ các nguồn chính thức của doanh nghiệp, hoặc doanh nghiệp công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông hoặc các nguồn dữ liệu mở**.*

*Cấu trúc tiểu luận bao gồm các nội dung sau::*

1. *Phần mở đầu:*
   * *Mục tiêu và ý nghĩa của bài tiểu luận.*
   * *Lý do lựa chọn doanh nghiệp.*
   * *Phạm vi và phương pháp nghiên cứu*
2. *Cơ sở lý luận*
   * *Các khái niệm cơ bản về quản trị bán hàng.*
   * *Công cụ và chỉ số đánh giá hiệu quả bán hàng: KPIs, CRM.*
   * *Các mô hình phân tích trong quản trị bán hàng: AIDA, SWOT, mô hình quản trị lực lượng bán hàng.*
   * *Vai trò và các bước trong quy trình quản trị bán hàng.*
3. *Phân tích thực trạng bán hàng của doanh nghiệp*
   * *Giới thiệu tổng quan về doanh nghiệp*
   * *Phân tích các chỉ số bán hàng hiện tại: Doanh thu, thị phần, hiệu suất đội ngũ bán hàng.*
   * *Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến bán hàng: Nội tại (sản phẩm, đội ngũ), bên ngoài (thị trường, khách hàng).*
   * *Tóm tắt thực trạng: Những vấn đề chính ảnh hưởng đến hiệu quả bán hàng.*
4. *Xây dựng chiến lược bán hàng*
   * *Xác định mục tiêu chiến lược bán hàng: Ngắn hạn và dài hạn.*
   * *Đề xuất các giải pháp phát triển, duy trì và cải thiện hoạt động bán hàng.*
   * *Lý do lựa chọn chiến lược: Dựa trên các phân tích từ phần thực trạng.*
5. *Kết luận và kiến nghị:*
   * *Tóm tắt các phát hiện chính.*
   * *Đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả bán hàng trong tương lai.*
6. *Phụ lục và tài liệu tham khảo:*
   * *Số liệu, biểu đồ minh họa.*
   * *Danh sách tài liệu và dữ liệu tham khảo.*

*Yêu cầu:*

* *Tiểu luận cần logic, rõ ràng và dựa trên dữ liệu thực tế từ một doanh nghiệp cụ thể.*
* *Báo cáo phải phân tích đầy đủ cơ sở lý luận, thực trạng, và đề xuất chiến lược bán hàng phù hợp.*
* *Độ dài khuyến nghị: 10–20 trang (bao gồm phụ lục).*

**9.2. Cách tính điểm**

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

**10. Tài liệu học tập**

* 1. **Tài liệu chính**

**[**1]. Bộ môn Quản trị DNTM (2018), Bài giảng Quản trị bán hàng, Trường Đại học Thương mại

**10.2 Tài liệu tham khảo**

[2]. TS. Trần Thị Thập (2012), Quản trị bán hàng, NXB Thông tin truyền thông.

**11. Hướng dẫn tự học của học phần**

| **Chương** | **Nội dung** | **Tổng**  **(tiết)** | **LT (tiết)** | **BT**  **(tiết)** | **Sinh viên cần chuẩn bị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cơ sở lý luận về quản trị bán hàng  - Các khái niệm cơ bản, vai trò, đặc điểm và quy trình của quản trị bán hàng  - Công cụ đánh giá hiệu quả bán hàng: KPIs, CRM, phân tích dữ liệu bán hàng.  - Các nhân tố ảnh hưởng đến bán hàng: Nội tại (sản phẩm, đội ngũ) và bên ngoài (thị trường, khách hàng).  - Mô hình và phương pháp phân tích trong bán hàng: AIDA, SWOT, mô hình quản trị lực lượng bán hàng. | 30 | 18 | 12 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 1  + Thực hiện nội dung Cơ sở lý luận cho bài tiểu luận. |
| 2 | Đánh giá thực trạng bán hàng của doanh nghiệp  - Thu thập dữ liệu và phân tích các chỉ số bán hàng hiện tại.  - Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội cải thiện trong hoạt động bán hàng.  - Phân tích và đề xuất các giải pháp ban đầu để cải thiện hiệu quả bán hàng. | 24 | 6 | 18 | + Tài liệu [1]: C1, C2, C3.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 2  + Thực hiện nội dung Phân tích thực trạng bán hàng của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 3 | Xây dựng kế hoạch bán hàng và chiến lược cải thiện  - Lập kế hoạch bán hàng: Xác định mục tiêu, thị trường và phương pháp tiếp cận.  - Đề xuất chiến lược cải thiện bán hàng: Tăng trưởng, duy trì, hoặc đổi mới.  - Đánh giá rủi ro và biện pháp quản lý trong bán hàng. | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C4,C5,C6, C7.  + Hoàn thiện phiếu bài tập số 3  + Thực hiện nội dung Xây dựng chiến lược bán hàng của doanh nghiệp lựa chọn cho bài tiểu luận. |
| 5 | Hoàn thiện và trình bày báo cáo quản trị bán hàng  - Hướng dẫn thiện Hướng dẫn hoàn thiện tiểu luận Quản trị bán hàng dựa trên các phiếu bài tập đã thực hiện.  - Thực hành, hoàn thiện tiểu luận Quản trị bán hàng  - Trình bày, tiếp thu nhận xét và đánh giá nội dung tiểu luận | 18 | 6 | 12 | + Tài liệu [1]: C1-C7.  + Hoàn thiện Phiếu bải tập số 4.  + Hoàn thiện tiểu luận, nộp. |
|  | **Tổng** | 90 | 36 | 54 |  |

*Nghệ An, ngày ....... tháng ...... năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |